

**CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
Ở VIỆT NAM VÀ CỦA DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

(SONG NGỮ VIỆT - ANH)

**REGULATIONS ON ESTABLISHMENT
OF FOREIGN ORGANIZATIONS IN
VIETNAM AND OF VIETNAMESE
ENTERPRISES IN FOREIGN COUNTRIES**

(VIETNAMESE - ENGLISH)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
Ở VIỆT NAM VÀ CỦA DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

(Song ngữ Việt - Anh)

**REGULATIONS ON ESTABLISHMENT OF
FOREIGN ORGANIZATIONS IN VIETNAM
AND OF VIETNAMESE ENTERPRISES IN
FOREIGN COUNTRIES**

(Vietnamese - English)

**CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
Ở VIỆT NAM VÀ CỦA DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**
(SONG NGỮ VIỆT - ANH)

**REGULATIONS ON ESTABLISHMENT
OF FOREIGN ORGANIZATIONS IN
VIETNAM AND OF VIETNAMESE
ENTERPRISES IN FOREIGN COUNTRIES**
(VIETNAMESE - ENGLISH)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
THE NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE
HÀ NỘI - 1998

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Mở rộng quan hệ kinh tế với các nước là một trong những hướng phát triển kinh tế chủ yếu của nước ta. Để giúp các nhà đầu tư, các nhà kinh doanh trong và ngoài nước có những văn bản hiện hành và mới nhất quy định việc đặt văn phòng đại diện, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn "Các quy định về đặt văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài ở Việt Nam và của doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài" bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 1 năm 1998

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PREFACE

Enlarging foreign economic relations is one of the main developmental directions of our country. In order to supply valid and latest documents about establishment of representative offices to investors and businessmen both inside and outside country, readers who want to get more knowledge about business, the National Political Publishing House publishes a book: *Regulations on establishment of foreign organizations in Vietnam and of Vietnamese enterprises in foreign country* in Vietnamese and English.

We would like to present the book to readers.

January, 1998

THE NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE

1. NGHỊ ĐỊNH SỐ 82-CP NGÀY 2-8-1994 CỦA CHÍNH PHỦ

**Ban hành Quy chế đặt và hoạt động của
Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế
nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để chấn chỉnh quản lý Nhà nước đối với Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ
ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP
ngày 2-8-1994)

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các tổ chức kinh tế nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này, được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện để tổ chức kinh tế nước ngoài được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

1. Tổ chức kinh tế nước ngoài được thành lập phù hợp với pháp luật nước mình;
2. Đã hoạt động không dưới 5 năm;
3. Có dự án đầu tư, thương mại được phía Việt Nam quan tâm và có khả năng thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam.

Đối với các tập đoàn kinh tế nước ngoài xin đặt Văn phòng đại diện để thực hiện các dự án đầu tư có số vốn từ 10 triệu USD trở lên hoặc thúc đẩy việc thực hiện các hợp đồng nhập khẩu hàng hóa sản xuất, chế biến

tại Việt Nam sẽ được giảm nhẹ điều kiện quy định tại điểm 2 Điều này và được ưu tiên xem xét cấp giấy phép.

Điều 3. Phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam:

- Xúc tiến xây dựng các dự án, chương trình hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật được phía Việt Nam quan tâm.

- Đôn đốc, giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại và khoa học kỹ thuật đã ký kết với các doanh nghiệp của Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam.

- Không được trực tiếp kinh doanh, làm dịch vụ và thu tiền tại Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào. Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc trong Văn phòng không được ký kết hợp đồng kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam nếu không có giấy ủy nhiệm hợp pháp của Chủ hãng hoặc Giám đốc điều hành của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 4. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 5. Tổ chức kinh tế nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải gửi đơn tới

Bộ Thương mại (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định) gồm 1 bản bằng tiếng Việt Nam, một bản bằng một trong các thứ tiếng nước ngoài thông dụng.

Kèm theo đơn xin phép đặt Văn phòng đại diện, tổ chức kinh tế nước ngoài cần xuất trình:

1. Điều lệ hoặc tài liệu cần thiết chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức kinh tế;

2. Giấy chứng nhận của Ngân hàng hoặc của cơ quan pháp lý có thẩm quyền phía nước ngoài xác định số vốn pháp định của tổ chức kinh tế.

Điều 6. Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại phải trả lời kết quả (cấp hay không cấp giấy phép) cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 7. Giấy phép đặt Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải ghi rõ mục đích, phạm vi hoạt động của Văn phòng theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Giấy phép có giá trị trong thời hạn 3 (ba) năm kể từ ngày cấp, và có thể được gia hạn từng 3 năm một theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 8. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện; và trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày gia hạn giấy phép, tổ chức kinh tế nước ngoài phải hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Sau khi cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi cho

Bộ Thương mại 1 bản sao giấy đăng ký để theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Điều 9. Tổ chức kinh tế nước ngoài có yêu cầu thay đổi tên gọi, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh Văn phòng đại diện của mình từ tỉnh này sang tỉnh khác; yêu cầu bổ sung phạm vi hoạt động hoặc gia hạn giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, đều phải báo cáo xin phép Bộ Thương mại, và chỉ được thay đổi, tiếp tục hoạt động khi có văn bản chấp thuận.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu, Bộ Thương mại phải có văn bản trả lời tổ chức kinh tế nước ngoài biết kết quả việc xin thay đổi, gia hạn hoặc bổ sung giấy phép hoạt động của Văn phòng đại diện.

Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, tổ chức kinh tế nước ngoài muốn thay đổi người Trưởng đại diện và/hoặc nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận. Thời hạn trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là 15 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 10. Hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế nước ngoài được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn ghi trong giấy phép;
2. Theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài;
3. Theo quyết định của Bộ Thương mại về việc thu hồi giấy phép nếu Văn phòng đại diện vi phạm những quy định của Quy chế này.

Trong các trường hợp nói trên, Bộ Thương mại phải có văn bản thông báo cho tổ chức kinh tế nước ngoài và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở biết 30 ngày trước khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

Điều 11. Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày Bộ Thương mại thông báo chấm dứt hoạt động, Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải trả trụ sở, nhà ở, phương tiện làm việc đã thuê và thanh toán xong các khoản nợ (nếu có) với các tổ chức và cá nhân Việt Nam có liên quan.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 12. Khi được cấp, gia hạn hoặc bổ sung giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, tổ chức kinh tế nước ngoài phải nộp một khoản lệ phí do Bộ Tài chính Việt Nam quy định.

Điều 13. Văn phòng đại diện kinh tế nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động theo mục đích, phạm vi và thời gian quy định trong giấy phép và giấy đăng ký.

Điều 14. Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được thuê trụ sở, nhà ở và các phương tiện phục vụ hoạt động và sinh hoạt của mình; được thuê công dân Việt Nam vào làm việc tại Văn phòng đại diện và phải tạo điều kiện thuận lợi cho các viên chức, nhân viên làm việc trong Văn phòng đại diện chấp hành đầy đủ các quy

định của pháp luật Việt Nam về nộp thuế thu nhập, mua các loại bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam.

Điều 15. Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được mở một tài khoản chuyên chi (bằng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để trang trải các khoản chi tiêu cần thiết cho hoạt động của Văn phòng.

Điều 16. Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được phép nhập khẩu vào Việt Nam các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện nhưng phải nộp thuế theo Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.

Điều 17. Văn phòng đại diện kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo định kỳ bằng văn bản với Bộ Thương mại và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở về các hoạt động của Văn phòng, khi cần thiết theo yêu cầu của các cơ quan nói trên Văn phòng đại diện có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình.

Điều 18. Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam không được hưởng Quy chế ưu đãi, miễn trừ dành cho các Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự nước ngoài và Cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam. Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật Việt Nam và được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền lợi chính đáng theo pháp luật.

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Các Tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam như một Văn phòng đại diện (có trụ sở giao dịch, có nhân viên làm việc...) nhưng chưa có giấy phép của Bộ Thương mại cho đặt Văn phòng đại diện thì bị buộc phải chấm dứt hoạt động và bị phạt 50.000 USD; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy tố theo pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam vi phạm các quy định dưới đây sẽ bị xử lý như sau:

1. Đã có giấy phép của Bộ Thương mại cho đặt hoặc gia hạn hoạt động nhưng không đăng ký theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời phải hoàn thành thủ tục đăng ký theo đúng quy định; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

2. Hoạt động khi giấy phép đặt Văn phòng và giấy đăng ký đã hết hạn thì bị buộc chấm dứt hoạt động và bị phạt 20.000 USD; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy tố theo pháp luật Việt Nam.

3. Thay đổi tên, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh khi chưa được Bộ Thương mại chấp thuận thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời không được dùng tên, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh mới đó cho đến trước khi Bộ Thương mại chấp thuận; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

4. Thay đổi Trưởng đại diện và nhân viên khi chưa được chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn

phòng đóng trụ sở thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời Trưởng đại diện, nhân viên mới đó không được tiến hành các hoạt động chính thức; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

5. Thuê nhà và, hoặc tuyển dụng nhân viên trái các quy định của pháp luật Việt Nam thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

6. Mở và sử dụng tài khoản trái với mức quy định tại Điều 15 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

7. Trưởng Văn phòng đại diện hoặc nhân viên ký kết hợp đồng không đúng thẩm quyền thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó. Những hợp đồng này không có giá trị pháp lý để thực hiện.

8. Hoạt động ngoài phạm vi ghi trong giấy phép thì bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, bị phạt 10.000 USD và phải truy nộp các loại thuế theo pháp luật Việt Nam; nếu tái phạm sẽ bị buộc chấm dứt hoạt động và bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

9. Không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21.

1. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thống nhất quản lý hành chính Nhà nước đối với mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam; làm đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) các mặt hoạt động của Văn phòng đại diện theo đề nghị của các Bộ, ngành hữu quan và, hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở; ra quyết định xử lý các vi phạm ở mức đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động và phạt tiền từ mức 10.000 USD trở lên theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Quy chế này.

2. Các Bộ, ngành có chức năng quản lý Nhà nước theo lĩnh vực hoặc chuyên ngành có trách nhiệm đề xuất và tham gia, phối hợp với Bộ Thương mại và/ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Văn phòng đại diện thuộc lĩnh vực, chuyên ngành do mình phụ trách; kiến nghị với Bộ Thương mại hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định xử lý các vi phạm theo thẩm quyền quy định tại điểm 1, điểm 3 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở chịu trách nhiệm quản lý hành chính và kiểm tra, giám sát hoạt động của Văn phòng đại diện trên địa bàn lãnh thổ, có quyền ra quyết định xử lý vi phạm dưới mức quyết định xử lý của Bộ Thương mại.

Điều 22. Quy chế này không áp dụng đối với các Văn phòng đại diện phi kinh tế của nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; và không áp dụng đối với các chi nhánh hoặc đại lý tổ chức kinh tế nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập và quản lý theo quy chế riêng.

Điều 23. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Những quy định trước đây của Chính phủ, của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân địa phương trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 24. Bộ trưởng Bộ Thương mại, Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

T.M. CHÍNH PHỦ
K.T. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**1. DECREE NO.82-CP DATED 2 AUGUST,
1994 OF THE GOVERNMENT**

**Promulgating regulations on the
establishment and operation of the foreign
economic organization representative offices
in Vietnam ¹**

GOVERNMENT

- Pursuant to Law on the Governmental dated 30 September 1992;
- To reorganize the State Management for the Foreign Economic Organization Representative Offices in Vietnam;
- On the proposal of the Minister of foreign Trade.

DECREE:

Article 1. To promulgate in conjunction with this Decree a Regulations on the establishment and operation of the Foreign Economic Organization Representative Offices in Vietnam.

1. All documents in this book are Unofficial translation.

Article 2. This Decree shall replace the Decree 382-HDBT dated 5 November 1990 of the Council of Ministers and shall come in to force from the signing date. The previous regulations are consistent with this Decree shall be repeated.

Article 3. Ministers, Heads of ranking - bodies Ministries, Heads of bodies under Government, Chairman of people's committees of provinces, cities under central authority shall be responsible for implementation this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

**REGULATION ON ESTABLISHMENT AND
OPERATION OF THE FOREIGN ECONOMIC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE OFFICES
IN VIETNAM**

*(Promulgating in conjunction with Decree
No.82-CP dated 2 August, 1994)*

Chapter I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Any foreign economic organization with the full conditions as stipulated in this Regulation shall be reviewed to grant a license for establishment its representative office in Vietnam in order to establish the economic and commercial relationship with Vietnamese enterprises.

Article 2. The conditions for a foreign economic organization to be reviewed to grant the license for the establishment of its representative office as the follows:

1. The foreign economic organization should be established in accordance with own law;

2. It has been operated for at least 5 years;

3. There is investment, commercial project concerned by the Vietnamese Authorities enforceable to encourage the economy and commerce of Vietnam.

The foreign economic groups applying for the establishment of the Representative Offices in order to carry out the investment projects of the total capital of over US\$ 10,000,000 or to promote the implementation of the import contract of foods, which are produced or processed in Vietnam, shall be reduced the condition as provided in point 2 of this Article and given priority for granting the license.

Article 3. The scope of activities of the foreign economic organization representative offices in Vietnam as:

- To promote the formation of the project, economic, scientific and technical cooperation programmes which are concerned by the Vietnamese side;

- To speed up and supervise the implementation of the economic, scientific and technical contracts which have been signed with the Vietnamese enterprises in accordance with the law of Vietnam;

- The foreign economic organization representative office shall no be allowed to trade, to make services or to collected money directly in Vietnam under any manner. The chief representative and employees working for the representative shall no be entitled to enter into any economic, commercial contract with the Vietnamese enterprises unless obtains the legal attorney letter of the owner of executive director of the foreign economic organization.

Article 4. The Ministry of Trade shall be responsible to

grant, to extend, to supplement, to withdraw or to obrogate the license for the establishment the foreign economic organization representative offices in Vietnam.

Chapter II

PROCEDURES FOR GRANT, EXTENSION, ADDITION AND WITHDRAW OF THE LICENSE OF THE FOREIGN ECONOMIC ORGANIZATION REPRESENTATIVE OFFICE IN VIETNAM

Article 5. The foreign economic organization applying for the license to establish its representative office in Vietnam should submit an application to the Ministry of Trade (under the available form stipulated by the Ministry of Trade) including a in Vietnamese language and a in one of the common foreign languages.

Attached to the application for establishment the representative office, the foreign economic organization shall submit further document as follows.

1. Charter or any document necessary for proving the legal incorporation and operation of the economic organization;

2. Certificate of the bank or juridical authority agencies of the foreign side for confirmation of the legal capital of the economic organization.

Article 6. Within a period of no less than 30 (thirty) days from the date receiving full documents, the Ministry of Trade shall give a response of the result (whether grant the license of not) to the foreign economic organization for the establishment of the representative office in Vietnam.

Article 7. On the license for establishment the foreign economic organization representative office in Vietnam it should be specified the purpose, scope of activities of the office as stipulated in Article 3 of this Regulation.

The license shall be in validity within 3 (three) years from the date of grant, and shall be extended for every 3 (three) years, according to the proposal of the foreign economic organization.

Article 8. Within the duration of 90 (ninety) days from the date of the grant of the license for establishment of the representative office; and within 15 (fifteen) days from the date of extension for the license the foreign economic organization should complete the procedures for activity registration to be submitted to the people's committee of province, city where the representative office is located.

After issuing the activity registration for the representative office (under the available form stipulated by Ministry of Trade) the people's committee of province, city shall send a copy of such activity registration to the Ministry of trade in order to supervise and control the implementation.

Article 9. If the foreign economic organization has any requirement to change its name, or to replace its head office or branch office of its representative office from this province to another; or to be added its scope of activities of extended the license for the representative office in Vietnam it should apply to Ministry of Trade and it should only be changed or continued where obtains the approval in writing.

Within 15 (fifteen) days from the date of receiving the application, the Ministry of Trade shall send response in

writing to the foreign economic organization in order to inform the result of the change, extension or addition to the license of the representative office.

During the time of operation in Vietnam, if the foreign economic organization wishes to replace its chief of representative office, should report to the people's committee of province, city where the representative office is located, and it should only be changed where obtains the writing approval. Duration for the response of the people's committee of province, city shall be 15 days from the date of receiving the application of the foreign economic organization.

Article 10. Operation of the foreign economic organization representative office shall be terminated in the following case:

1. Expiry of the duration of the license;
2. On the proposal of the foreign economic organization;
3. Under the decision of the Ministry of Trade on withdrawing the license if the representative office break any stipulation of this Regulation.

In such a case, the Ministry of Trade shall give thirty (30) days advance notice in writing of termination to the foreign economic organization and people's committee of province, city where representative office located.

Article 11. Within 60 (sixty) days of the Ministry of Trade giving notice of termination, the foreign economic organization in Vietnam shall vacate its office premises, residences and other rented premises, and pay all debts owning (if any) to Vietnamese individuals and organizations.

Chapter III

RIGHTS AND TASKS OF THE FOREIGN ECONOMIC ORGANIZATION REPRESENTATIVE OFFICE IN VIETNAM

Article 12. Upon granting, extension, of addition a license to establish a representative office in Vietnam, foreign economic organization shall pay a fee set out in the fee schedule published by the Ministry of Finance.

Article 13. A foreign economic organization representative office in Vietnam shall operate only within the scope of activities and for duration specified in the license and registration certificate.

Article 14. A foreign economic organization representative office in Vietnam may lease property for offices, residences and other proper operation and personal uses and employ Vietnamese citizens and give good conditions to officers, staffs who work in representative office to abide by all regulations of the legal of Vietnam on paying income tax, buying abided insurance in Vietnam.

Article 15. A foreign economic organization representative office may open account which serving for paying (in foreign currency and Vietnamese currency from oginal foreign currency) at bank which on establishment and operation according to Vietnamese legal for serving operation of office.

Article 16. A foreign economic organization representative office may import into Vietnam at the termination of its, necessary things for operation use and daily living

of representative office, but shall pay tax in accordance with Vietnamese present export - import Law.

Article 17. A foreign economic organization representative office in Vietnam shall send periodical written reports to Ministry of Trade, people's committee of province, city where it located on its operations; if necessary on requesting of above offices, representative office shall report, give documents or explain the problems concerning to its operations.

Article 18. The foreign economic organization representative office in Vietnam shall not be entitled to enjoy exempted, privileged regulation as applying for the diplomatic representative office, the foreign consult offices and representative offices of the foreign economic organization in Vietnam. In the course of activity in Vietnam, the Representative Office shall comply with the laws of Vietnam and protected by the Vietnamese State for regular interests under the laws.

Chapter IV

TREATMENT OF BREACH

Article 19. A foreign organization carrying out operation in Vietnam as a representative office (with transaction office, with employees working...) without the License issued by the Ministry of Trade for establishment OF the Representative Office shall be forced to terminate and fined by US\$ 50,000; in serious case, shall be prosecuted court by the Laws of Vietnam.

Article 20. If the foreign Economic Organization

Representative Office in Vietnam breaks any of the following stipulation shall be treated sad bellows:

1. Obtains the License of the Ministry of Trade for the establishment or for the extension of the term, but fails to register in accordance with the stipulation in Article 8 of this Regulation shall be warned fined US\$ 2,000, at the same time should complete the registration as stipulated; of relapses it shall be fined in double of the preceded time.

2. Continues its operation where the License for the establishment and the registration expired, in such cases it should be terminated and fined US\$ 20,000; in serious case, shall be prosecuted to a court under the Laws of Vietnam.

3. Changes its name, head office or branch office without approval of the Ministry of Trade, shall be warned and fined US\$ 2,000, and no longer to be used such new name, head office or Branch office unless obtains the approval of the Ministry of Trade; if relapses it shall be fined in double of the preceded time.

4. Changes the Chief Representative and staff without the approval of the Municipal/Province People's Committee at the place of the Representative Office, shall be warned and fined US\$ 2,000 and the such new Chief Representative or staff shall not be entitled to carry out any formal activity; if relapses, shall be fined in double of the preceded time.

5. Rent a house or employ staffs not in according to regulations of Vietnamese legal shall be warned and fined US\$ 5,000, if relapses it shall be fined in double of the preceded time.

6. Open and use account not in according to the

regulation of Article 15 of this Regulation shall be warned and fined US\$ 5,000, if relapses it shall be fined in double of the preceded time.

7. Chief and staffs of Representative office signed a contract not in their right shall be warned and fined US\$ 5,000, if relapses it shall be fined in double of the preceded time. This contract is illegal contract and shall not be implemented.

8. Operate outside of its scope of activities of license shall delayed in limited time, shall be fined US\$ 10,000 and repay tax in according to Vietnamese legal, if relapses; it should be terminated and fined in double of the preceded time.

9. Do not implement or prevent supervising of authorized offices in according to Article 21 of this regulation shall be warned and fined US\$ 5,000, if relapses, it should be fined in double of the preceded time.

Chapter V

IMPLEMENTATION PROVISIONS

u

Article 21.

1. Ministry of Trade shall be responsible for unified management of all kinds of operations of foreign economic organization representative office in Vietnam; it is in leading for doing with related Ministries, Branches, Provinces, cities to periodical supervise or inperiodical supervise (if necessary) all kinds of operations of representative office according to proposals of Ministries, related branches and or of people's committee of province,

city where representative office located; to give a decision for treatment of breach in obligation stipulated in point 1, point 3 of this Article.

2. Ministries in charge of State management in area or branch shall be responsible for giving opinions, doing with Ministry of Trade and or people's committee of province, city where representative office located to periodical or inpreodical supervise all kinds of operations of representative office; request Ministry of Trade or people's committee of province, city to decide for treatment of breach in their obligations according to point 1, point 3 of this Article.

3. People's committee of province, city where representative office located shall be responsible for administration management and checking, supervising all kinds of operations of representative office in its area, has rights to give a decision for treatment of breach under treatment levels of Ministry of Trade.

Article 22. This Regulation shall not be applied to either the Foreign Non-economic Representative Offices established in Vietnam be the International Treaties which has been signed with Vietnam or joined by Vietnam; non the foreign economic organization agencies or branches established by the permit of the Prime Minister of the government and control under their own regulations.

Article 23. This Regulation shall be enforceable from the date of the signature and shall replace for the regulation attached to the Decree No 382/HDBT on 5 November 1990 of the Council of Ministers. Any former regulation of the Government, of Ministries, branches and local People's

Committees in contrary to this Regulation shall be abrogated.

Article 24. The Minister of Trade, the Heads of Ministries, branches in concern and the Chairmen of the Municipal/Provincial People's Committees under the Central by their functions, duties and powers shall be responsible to guide, to control the implementation of this Regulation.

FOR THE GOVERNMENT
FOR PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

2. NGHỊ ĐỊNH SỐ 179-CP NGÀY 2-11-1994 CỦA CHÍNH PHỦ

**Sửa đổi, bổ sung Quy chế đặt và hoạt động
của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước
ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị
định số 82-CP ngày 2-8-1994**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước ngày 23 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Điều 4 Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho tổ chức kinh tế

nước ngoài (trừ tổ chức tín dụng và ngân hàng) đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam; chịu trách nhiệm quản lý hành chính Nhà nước đối với mọi hoạt động của các Văn phòng này.

Điều 2. Căn cứ Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế kèm theo Nghị định số 82-CP và những điểm sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này để áp dụng đối với các Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng và Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. CHÍNH PHỦ
K.T. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

**2. DECREE No.179-CP DATED 2
NOVEMBER, 1994 OF THE GOVERNMENT**

**On amendments and supplements to the
regulation on establishment and operation of
representative offices of foreign economic
organization in Vietnam issued in conjunction
with decree No. 82-CP dated 2 August, 1994**

THE GOVERNMENT

- Pursuant to the Law on Organization of the Government on the 30th of September, 1992.
- Pursuant to the Ordinance on the State Bank on the 23rd of May, 1990
- At the proposal of the Governor of the State Bank.

DECREES:

Article 1. Article 4 of the Regulation on Establishment and Operation of Representative Offices of Foreign Economic Organizations in Vietnam which was issued as appendix to Decree No 82-CP on the 2nd of August 1994

of the Government, is amended and supplemented as follows:

The Ministry of Trade is responsible for issuing, extending, supplementing, withdrawing or revoking licenses for foreign economic organization (except for credit and banking organization) to set up their representative offices in Vietnam.

The State Bank is responsible for issuing, extending, supplementing, withdrawing or revoking licenses for credit and banking organization to set up their representative offices in Vietnam; and shall exercise State administrative management over all activities of these representative offices.

Article 2. On the basis of the regulation on Establishment and Operation of Representative Offices of Foreign Economic Organization in Vietnam which was issued as appendix to Decree No 82-CP on the 2nd of August, 1994 of the Government, the State Bank, in coordination with the Ministry of Trade, shall guide the implementation of the Regulation attached to Decree 82-CP and the amendments and supplements in this Decree with regard to representative offices of foreign credit and banking organizations in Vietnam.

Article 3. This Decree takes effect as from the date of its signing. The previous provisions which are contrary to this Decree are now annulled.

Article 4. The Governor of the State Bank, the Minister of Trade and the other Ministers, the Heads of ministerial-level agencies, the Heads of the agencies attached to the Government and the Presidents of the

People's committees in the province and cities directly under the Central Government; have the responsibility to implement this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

**3. THÔNG TU SỐ 03-TM/PC NGÀY
10-2-1995 CỦA BỘ THƯƠNG MẠI**
**Hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt và
hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức
kinh tế nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định 82-CP ngày 2-08-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 179-CP ngày 2-11-1994 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế nói trên (sau đây gọi tắt là Quy chế).

Sau khi trao đổi ý kiến với một số ngành, địa phương liên quan và được Thủ tướng Chính phủ thông qua (Công văn số 372-QHQT ngày 23 tháng 01 năm 1995), Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế để thi hành thống nhất như sau:

- I. Đối tượng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:**
 1. Đối tượng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:
- Tổ chức kinh tế nước ngoài quy định tại Điều 1 của Quy

chế được hiểu là tổ chức được lập ra nhằm mục đích hoạt động kinh doanh sinh lợi (dưới đây gọi tắt là Công ty) nếu có yêu cầu đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam và nếu có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 của Quy chế và Thông tư này, đều được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Một Công ty có thể lựa chọn:

- Xin phép đặt nhiều Văn phòng đại diện độc lập trực thuộc Công ty, với tên gọi thống nhất là Văn phòng đại diện của Công ty tại tỉnh, thành phố của Việt Nam và mỗi Văn phòng đại diện phải có người phụ trách riêng;

- Xin phép đặt một văn phòng đại diện tại một tỉnh, thành phố và đặt nhiều chi nhánh của Văn phòng này tại các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam ;

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

- Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc huỷ bỏ giấy phép cho các Công ty nước ngoài (trừ các tổ chức tín dụng và ngân hàng) đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

- Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc bỏ giấy phép cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

II. Điều kiện để được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

1. Các điều kiện để Công ty được cấp giấy phép đặt Văn

phòng đại diện tại Việt Nam quy định tại Điều 2 của Quy chế được hiểu như sau:

- Công ty thành lập phù hợp với pháp luật của nước họ (nước thành lập Công ty);

- Đã hoạt động ở nước thành lập Công ty không dưới 5 năm;

- Có dự án đầu tư, thương mại được phía Việt Nam quan tâm và có khả năng thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam, cụ thể bao gồm:

- + Các dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép;

- + Các hợp đồng kinh tế, khoa học kỹ thuật và/hoặc quyền chuyển giao công nghệ mới phù hợp với pháp luật Việt Nam;

- + Các hợp đồng chuyên nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, nhất là nhập khẩu hàng hóa do Việt Nam khuyến khích xuất khẩu;

Riêng các Công ty xin đặt Văn phòng đại diện để xúc tiến lập các dự án đầu tư hoặc giải quyết thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư tại Việt Nam thì cũng được xét cho đặt Văn phòng đại diện với thời hạn phù hợp với thời gian cần thiết để hoàn thành các công việc nói trên nhưng không quá 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

2. Các Công ty được giảm nhẹ điều kiện và được ưu tiên xét cấp giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế là:

- + Công ty tuy mới thành lập và chưa đủ 05 năm hoạt động nhưng có dự án đầu tư được cấp giấy phép với số vốn từ 10 triệu USD trở lên; hoặc hợp đồng nhập khẩu

hàng hóa sản xuất chế biến tại Việt Nam thuộc các mặt hàng do Việt Nam khuyến khích xuất khẩu như hàng thủ công mỹ nghệ, thủy hải sản, nông sản...;

+ Các Tập đoàn hoặc Công ty đã thành lập và hoạt động ở nước ngoài không dưới 05 năm, nay thành lập Công ty mới để hợp tác kinh tế thương mại với Việt Nam thì cũng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

III. Thủ tục xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

1. Công ty có yêu cầu đặt Văn phòng đại diện hoặc Chi nhánh Văn phòng đại diện tại một tỉnh, thành phố của Việt Nam cần gửi Bộ Thương mại một bộ hồ sơ gồm có:

- Đơn xin đặt Văn phòng đại diện gồm 01 bản bằng tiếng Việt Nam, 01 bản bằng tiếng Anh (mẫu số 1 kèm theo Thông tư này);

- Giấy chứng nhận thành lập Công ty (01 bản gốc bằng tiếng Anh hoặc sao chụp có công chứng ở nước thành lập Công ty và 01 bản dịch ra tiếng Việt);

- 01 bản tự giới thiệu tóm tắt về Công ty (01 bản tiếng Anh và 01 bản tiếng Việt);

- Giấy chứng nhận về tình trạng tài chính của Công ty trong năm gần nhất do cơ quan kiểm toán của nước thành lập Công ty cấp (01 bản gốc tiếng Anh hoặc sao chụp có công chứng ở nước thành lập Công ty và 01 bản dịch ra tiếng Việt);

- Giấy phép đầu tư hoặc dự án đầu tư chưa được cấp giấy phép; hợp đồng thương mại hoặc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật cần chứng minh (bản sao chụp).

Hồ sơ nói trên, Công ty cần gửi trực tiếp tới Bộ Thương

mại (tại Hà Nội), Văn phòng Bộ Thương mại sẽ ký nhận vào phiếu gửi hồ sơ của Công ty. Nếu không có điều kiện gửi hồ sơ trực tiếp Công ty có thể uỷ quyền (bằng văn bản) cho một tổ chức kinh doanh dịch vụ được thành lập theo pháp luật Việt Nam thay mặt mình quan hệ với Bộ Thương mại trong việc này.

2. Khi nhận được hồ sơ do Công ty gửi đến:

- Bộ Thương mại gửi văn bản trao đổi ý kiến với Bộ quản lý Nhà nước có liên quan về lĩnh vực chuyên ngành và với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện sẽ đóng trụ sở.

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày gửi văn bản trao đổi ký kiến, nếu chưa nhận được văn bản trả lời của các cơ quan liên quan, Bộ Thương mại vẫn xem xét, quyết định cấp hay không cấp giấy phép cho Công ty lập Văn phòng đại diện để đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 6 của Quy chế.

3. Giấy phép đặt Văn phòng đại diện (mẫu số 2 kèm theo Thông tư này) được cấp một bản chính cho Công ty và một bản sao gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

IV. Về nghĩa vụ và quyền hạn của Văn phòng đại diện:

1. Khi nhận giấy phép (cấp lần đầu, cấp bổ sung nội dung hoạt động, gia hạn), Công ty phải nộp lệ phí do Bộ Tài chính Việt Nam quy định. Ngoài lệ phí chính thức, Nhà nước Việt Nam không thu thêm khoản phí nào khác.

2. Văn phòng đại diện không được kinh doanh (sản xuất, mua bán hàng hóa và dịch vụ) sinh lợi tại Việt Nam; không được cho thuê lại trụ sở, nhà ở và không được thực hiện chức năng đại diện cho các công ty khác tại Việt Nam.

3. Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện không có thẩm quyền ký Hợp đồng thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam, trừ trường hợp có giấy uỷ quyền hợp pháp của người đứng đầu công ty.

4. Văn phòng đại diện được thuê trụ sở (tại mỗi tỉnh, thành phố chỉ được thuê một địa điểm để đặt trụ sở), nhà ở và các phương tiện phục vụ hoạt động sinh hoạt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Văn phòng đại diện phải đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở về số người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện (bao gồm người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài) theo số lượng quy định tại giấy phép; và số người tuyển dụng tại Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện (bao gồm công dân Việt Nam và người nước ngoài định cư tại Việt Nam) theo Luật lao động của Việt Nam và có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho những người làm việc tại Văn phòng đại diện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo Luật định.

6. Văn phòng đại diện phải mua các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định tại Điều 14 của Quy chế và hướng dẫn của Bộ Tài chính Việt Nam.

7. Văn phòng đại diện được mở tài khoản chuyên chi (bằng ngoại tệ hoặc tiền Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại một Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để chi tiêu hành chính; không được sử dụng tài khoản này vào mục đích kinh doanh, dịch vụ thu lợi hoặc mang tính chất tài khoản trung chuyển (nhận tiền Việt Nam nhập vào tài khoản để chuyển đổi ngoại tệ chuyển ra nước ngoài hoặc thanh toán tiền hàng tại Việt Nam).

8. Văn phòng đại diện được nhập khẩu vào Việt Nam các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt, nhưng phải nộp thuế theo Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của Tổng cục Hải quan.

9. Văn phòng đại diện được khắc con dấu riêng ghi rõ đại diện cho công ty nào, đặt trụ sở tại tỉnh, thành phố...? theo kích thước, khuôn mẫu do Bộ Nội vụ Việt Nam quy định và chỉ được sử dụng con dấu trong giao dịch hành chính tại Việt Nam.

V. Về việc đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày (giấy phép cấp lần đầu) hoặc 15 ngày (trường hợp gia hạn, bổ sung giấy phép) kể từ ngày được cấp giấy phép, Công ty phải gửi tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở, hồ sơ đăng ký hoạt động gồm có:

- Giấy đăng ký hoạt động (mẫu số 3 kèm theo Thông tư này);
- Hợp đồng và các văn bản liên quan đến việc thuê nhà tại Việt Nam;
- Hợp đồng và các văn bản liên quan đến việc thuê (tuyển) lao động tại Việt Nam;
- Văn bản bổ nhiệm Trưởng Văn phòng đại diện của người đứng đầu Công ty;
- Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện, của những người tuyển dụng từ nước ngoài và người tuyển dụng tại Việt Nam và làm việc trong Văn phòng đại diện.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có trách nhiệm chuẩn y đăng ký hoạt

động trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký của Công ty.

3. Sau khi chuẩn y đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi 1 bản sao giấy đăng ký cho Bộ Thương mại để theo dõi, kiểm tra thực hiện.

VI. Về việc thay đổi tên gọi, gia hạn, bổ sung giấy phép và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Thay đổi tên gọi Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện chỉ được đổi tên trong trường hợp Công ty đã thay đổi tên gọi phù hợp với pháp luật của nước thành lập Công ty.

Các trường hợp sáp nhập, giải thể hoặc góp vốn để thành lập một pháp nhân với tên gọi và chức năng nhiệm vụ mới, nếu có yêu cầu đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam thì Công ty mới phải làm thủ tục từ đầu theo quy định hiện hành.

2. Gia hạn giấy phép đặt Văn phòng đại diện: Khi giấy phép sắp hết hạn, nếu có yêu cầu gia hạn, Công ty cần gửi đến Bộ Thương mại 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn một bộ hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của Công ty;
- Báo cáo tóm tắt hoạt động của Văn phòng đại diện trong thời gian giấy phép có hiệu lực;
- Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở về việc gia hạn này.

3. Bổ sung giấy phép hoạt động của Văn phòng đại diện:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động: Văn phòng đại diện chỉ được đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động

trong trường hợp các sửa đổi, bổ sung này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty hoặc chức năng, nhiệm vụ của Công ty có thay đổi theo pháp luật của nước thành lập Công ty và phù hợp với pháp luật Việt Nam;

b) Bổ sung thêm số người làm việc tại Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện chỉ được bổ sung thêm số người tuyển từ nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại. Về số người tuyển dụng tại Việt Nam, Văn phòng đại diện chỉ cần làm thủ tục đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và không bị hạn chế về số lượng.

4. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện:

a) Trong các trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm 2, điểm 3 Điều 10 của Quy chế, Bộ Thương mại có văn bản thông báo cho Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở biết 30 ngày trước khi chấm dứt hoạt động.

Riêng trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo điểm 2 Điều 10 của Quy chế, Công ty phải gửi văn bản đề nghị đến Bộ Thương mại trước 60 ngày dự định chấm dứt hoạt động và chỉ được chấm dứt hoạt động khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại.

b) Văn phòng đại diện có thể bị thu hồi giấy phép trong trường hợp vi phạm pháp luật Việt Nam tới mức bị phạt tiền từ 20.000 USD trở lên (không kể tái phạm).

c) Trong các trường hợp Văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở là cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ của Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế.

VII. Về trách nhiệm quản lý, kiểm tra và báo cáo định kỳ

1. Trách nhiệm quản lý, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam:

a) Bộ Thương mại có trách nhiệm:

- Thống nhất quản lý hành chính Nhà nước đối với mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

- Làm đầu mối phối hợp với cơ quan và địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra về mọi hoạt động của Văn phòng đại diện trong những trường hợp xét thấy cần thiết và/hoặc theo đề nghị của các Bộ, ngành và/hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan.

b) Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý Nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ, ngành mình và kịp thời trao đổi ý kiến với Bộ Thương mại và/hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở về các vấn đề phát sinh có liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện để phối hợp chỉ đạo;

- Tham gia với Bộ Thương mại và/ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở trong việc kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện và kiến nghị với Bộ Thương mại và/hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có trách nhiệm:

- Quản lý hành chính đối với các Văn phòng đại diện trên địa bàn lãnh thổ, bao gồm việc quản lý và các thủ tục hành chính như việc cho thuê nhà, tuyển dụng (thuê)

lao động, đăng ký theo quy định và mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tại địa phương;

- Định kỳ (hàng năm), hoặc đột xuất chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra tại địa phương về mọi hoạt động của Văn phòng đại diện theo quyết định bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

- Trong những trường hợp xét thấy cần thiết, đề nghị Bộ Thương mại chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện tại địa phương theo văn bản quyết định của Bộ Thương mại.

2. Về báo cáo định kỳ:

- 6 tháng một lần, Văn phòng đại diện gửi báo cáo bằng văn bản (tiếng Việt và tiếng Anh - nếu cần) đến Bộ Thương mại và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở về các hoạt động của mình (báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 15-7, báo cáo cả năm gửi trước ngày 20-01 năm tiếp theo).

- Trong các trường hợp cần thiết, Bộ Thương mại và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi văn phòng đóng trụ sở có thể yêu cầu Văn phòng đại diện báo cáo đột xuất ngoài báo cáo định kỳ nói trên.

VIII. Thời hạn hiệu lực:

Thông tư này thay thế Thông tư số 04 TN/PC ngày 06-5-1991 của Bộ Thương nghiệp và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố phản ánh kịp thời cho Bộ Thương mại biết để giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thứ trưởng

MAI VĂN DẦU

(Tên tỉnh, thành phố), ngày..... tháng..... năm 199.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Thương mại
Hà Nội - Việt Nam

Thưa Ngài,

Tôi là..... Người đứng đầu Công ty..... ký tên dưới đây xin kính chào Ngài Bộ trưởng và trân trọng xin Ngài cho phép Công ty chúng tôi được đặt Văn phòng đại diện (VPĐD) tại Việt Nam với những nội dung như sau:

- Tên của VPĐD tại Việt Nam;
- Địa phương, nơi dự kiến đặt trụ sở của VPĐD;
- Mục đích xin đặt VPĐD;
- Lĩnh vực hoạt động VPĐD;
- Số người làm việc tại VPĐD là... trong đó:
 - + Số người từ nước ngoài vào (tối đa):
 - + Số người tuyển dụng tại Việt Nam (tối thiểu):
- Họ và tên người trưởng VPĐD:
- Quốc tịch:
- Thời hạn hoạt động của VPĐD dự kiến là: năm

Chúng tôi xin cam kết trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, VPĐD và các nhân viên sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng giấy phép được cấp.

Xin gửi Ngài Bộ trưởng lời chào trân trọng.

Ký tên (đóng dấu, nếu có)

Người đứng đầu Công ty

Hồ sơ kèm theo:

1. Giấy chứng nhận thành lập Công ty (01 bản dịch bằng tiếng Việt Nam và 01 bản gốc sao chụp có công chứng ở nước thành lập Công ty).
2. Bản giới thiệu tóm tắt về Công ty (01 bản bằng tiếng Việt Nam và 01 bản bằng tiếng Anh);
3. Giấy chứng nhận về tình trạng tài chính của Công ty trong năm gần nhất do cơ quan kiểm toán có thẩm quyền ở nước đã thành lập ra Công ty cấp (01 bản bằng tiếng Việt Nam và 01 bản gốc tiếng Anh hoặc bản sao chụp có công chứng ở nước thành lập Công ty);
4. Bản sao giấy phép đầu tư, dự án đầu tư chưa được cấp giấy phép, các hợp đồng thương mại hoặc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật cần thiết để chứng minh.

BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /TM-GP

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 199.....

GIẤY PHÉP

**ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VPĐD TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM**

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

- Căn cứ Nghị định số 82-CP ngày 02-08-1994 của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Quy chế đặt và hoạt động Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

- Xét đơn xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam của:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ nơi đóng trụ sở:.....

được đặt VPĐD tại tỉnh, (thành phố):

Việt Nam với tên gọi là: VPĐD Công ty.....

tại tỉnh (thành phố)

Điều 2. Nội dung hoạt động của VPĐD:

Điều 3. Số người từ nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại VPĐD là:

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thực hiện đến ngày... tháng... năm 199...

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

(Tên tỉnh, thành phố nơi VPDD đóng trụ sở),
ngày..... tháng..... năm 199.....

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Ngài Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh (thành phố)...

Căn cứ vào Điều 8 của Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 02-08-1994 của Chính phủ CHXHCN Việt Nam.

Văn phòng đại diện (Công ty) tại Tỉnh (thành phố) được thành lập theo giấy phép số ngày ... tháng ... năm 199.. của Bộ Thương mại Việt Nam đăng ký hoạt động như sau:

- 1 - Tên Văn phòng đại diện:
- 2 - Trụ sở đặt tại số nhà..... đường (phố).....
quận (huyện)..... tỉnh (thành phố).....
Điện thoại:.....
Telex:..... fax.....
- 3 - Tên, địa chỉ của người chủ sở hữu nhà cho thuê:
- 4 - Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: đã
được quy định trong giấy phép.
- 5 - Số người làm việc tại Văn phòng đại diện là
..... trong đó:.....
+ Số người từ nước ngoài vào (tối đa):.....
+ Số người tuyển dụng tại Việt Nam (tối thiểu):.....
(Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, chức danh nhiệm vụ được
giao)

6 - Họ tên người trưởng Văn phòng đại diện:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu:

Ngày cấp:

7 - Thời gian giấy phép và giấy đăng ký hết hiệu lực.

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... Trưởng Văn phòng đại diện

chủ trì việc đăng ký hoạt động

Ký tên

số:..... ngày..... tháng..... năm 199..

(ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân

(hoặc người được ủy quyền)

Ký tên và đóng dấu

3. CIRCULAR No. 03-TM/PC DATED 10 FEBRUARY, 1995 OF THE MINISTRY OF TRADE

**Guiding the implementation of the
regulations on the setting up and
operation of representative offices of
foreign economic organizations in Vietnam**

- Pursuant to Decree 82-CP dated 02 August, 1994 of the Government promulgating Regulations on the setting up and operation of representative offices of foreign economic organization in Vietnam and Decree 179-CP dated 02 November, 1994 of the Government amending and supplementing the same (hereinafter referred to as the "Regulations").

- Having consulted with a number of branches and localities concerned and obtained approval from the Prime Minister (contained in the Official Document 371-QHQT dated 23 January 1995, The Ministry of Trade, with purposes to ensure the consistent implementation of the Regulations, hereby gives its detailed guidance in respect of a number of points in the Regulations as follows:

I. Categories of licensees and authority to issue representative office licence

1. Categories of licensees

Any foreign economic organization defined in Article 1 of the Regulations and understood as an organization which is established for carrying out profit-seeking business activities ("Company") who wishes to set up its representative office in Vietnam for the purpose of establishing economic and trade ties with Vietnamese business organization and who meets all requirements and satisfies all conditions stipulated in Article 2 of the Regulations, shall be considered to be issued with the licence for setting up its representative office in Vietnam.

A Company may at its option:

- Apply for setting up more than one representative office directly managed by it, which shall have a common name, being representative offices of the Company in particular provinces/cities of Vietnam, whereupon there must be a chief representative who is responsible for each such representative office.

- Apply for setting up only one representative office to be located in a particular province/city together with a number of affiliates of that representative office to be located in various provinces/cities of Vietnam.

2. Authority to issue the licence for setting up the representative office.

- The Ministry of Trade is responsible for considering the issuing, extending, adding, withdrawing or repealing of the licence in respect of foreign Companies (except credit

organization and banking institutions) setting up their representative office in Vietnam;

- the State Bank of Vietnam is responsible for considering the issuing, extending, adding, withdrawing or repealing of the licence in respect of foreign credit organization and banking institutions setting up their representative office in Vietnam.

II. Conditions for issuance of the representative office licence

1. Conditions for issuance to a Company of a representative office in Vietnam stipulated in Article 2 of the Regulations are interpreted as follows:

- The company has been established under the laws of the country of origin (the country where it was established);

- The Company has carried out its activities in such country of not less than 5 years;

- The Company has proposed such investment or trade project (s) of interest to Vietnam and is capable of realising such project (s) with a view to promote Vietnam's economic and trade development, in particular;

- + Investment projects which have been licensed by Vietnamese authorities;

- + Economics, techno-scientific co-operation and/or technology transfer contracts which are in accordance with the laws of Vietnam;

- + Any contracts for the importation regular basis of Vietnamese goods, especially export-oriented goods or goods encouraged by the State of Vietnam to be exported.

The issuance of representative office licences to those Companies who apply for establishing their representative

offices in Vietnam for the purpose of promoting the setting up of investment projects or otherwise for implementing the licensing application procedures for investment projects in Vietnam, shall also be considered and the duration of such licences (if any) shall be determined with taking into account the period of time required to them for completion of all above-mentioned things but shall in no events exceed 3 years of the date of issuance of such licences.

2. Companies who are entitled to certain exceptions in conditions or priority in procedures for licensing process as stipulated in Article 2 of the Regulations shall include;

- Such Companies which are newly-established and have less than 5 years of operation but implement at least one investment project having been licensed with capital of US\$ 10 million upwards or otherwise enter into any contracts for importation of goods which are processed or manufactured in Vietnam and are encouraged by the State of Vietnam to be exported, such as handicraft articles, sea food, agricultural products;

- Such Companies or Groups of Companies which are established and carry out their activities for not less than 5 year in foreign country but now establish a new Company for the purpose of economic or trade co-operation with Vietnam.

III. Procedure for representative office licensing

1. Company wishing to set up its representative office or any affiliate of the same in any province or city of Vietnam has to set up an application file comprising:

- Application for setting up the representative office (of affiliate thereof) executed in one Vietnamese language copy

and one English language copy (See Form 1 attached hereto);

- Original English language copy, or copy certified in the country of origin, of the Certificate of Incorporation together with the Vietnamese language translation thereof;

- A document providing a short introduction of the Company (made in one English language copy and one Vietnamese language copy);

- Original English language copy or copy certified in the country of origin, of the Certificate of the financial standing of the Company for the last year, which was issued by the relevant auditing agency of the country of origin;

- The investment licence issued to the Company's investment project or, if not issued, documentation thereof; copy of any commercial agreement or economic or techno-scientific contract (if required).

This file has to be submitted directly to the Ministry of Trade (in Hanoi), which shall be confirmed by the Office of the Ministry of Trade signing the delivery note produced by the Company. The Company may also authorise in writing a business or service organisation, duly established under the laws of Vietnam, which shall act on its behalf in this respect.

2. After receipt of the application file submitted by the Company:

- The Ministry of Trade, if necessary, shall serve a notice to the relevant branch authorities and the people's committees of provinces or cities where seats of such representative offices shall be located (the "relevant

provinces/cities), requiring their opinion and recommendation in relation thereto;

- Within 20 working days following the date of serving such a notice, to comply with the time limit stipulated in Article 6 of the Regulations, the Ministry of Trade, regardless of whether or not it has received any opinion or recommendation, shall consider the matter and decide to issue the licence or not to do so.

3. The original of the representative office licence (See Form 2 attached hereto) shall be given to the relevant Company and one copy thereof shall be filed with the people's committee of the relevant province or city.

IV. Obligation and rights of the representative office.

1. Upon receiving the licence (whether it is first issued, added with any new stipulations on its activities, or extended) the Company has to pay relevant fees determined by the Ministry of Finance of Vietnam. The State of Vietnam shall not impose any charges other than official fees stipulated by law.

2. The representative office is not allowed to carry out business (including production, good and service selling or purchasing) which are considered as profit-seeking activities in Vietnam; to sub-lease its premises and residential houses and not to perform any representative function for any other Companies in Vietnam.

3. The Chief representative and any other persons working at the representative office shall not have any authority to sign any commercial agreements with Vietnamese organization unless any of them is duly authorized in writing by the highest person of the Company.

4. The representative office may lease premises (only one place for its premises in each province or city is permitted), residential houses, and other means for its activities and daily needs in accordance with the laws of Vietnam.

5. The representative office must with the people's committee of the relevant province or city the number of its expatriate staff (including foreign citizens and overseas Vietnamese) working in the representative office in Vietnam as stipulated in the licence issued to it, and the number of Vietnamese employees (including Vietnamese citizens and foreigners residing in Vietnam) working therein in accordance with the Labour Code of Vietnam, whereupon it is responsible for creating favourable conditions for all the staff to fulfil their obligations in paying in full their income tax charged on high income earners in accordance with law.

6. The representative office must purchase any insurance fees as may be compulsory in accordance with Article 14 of the Regulations and relevant guidelines of the Ministry of Finance of Vietnam.

7. The representative office is allowed to open at a bank established and operating in accordance with the laws of Vietnam a payment-only account (in foreign currencies or in Vietnamese currency after any conversion made) for payments of administrative nature and is not allowed to use this account in profit-seeking business or service purposes or to use it as an intermediary (e.g. to accept Vietnamese currency then convert it to a foreign currency and remit it out of Vietnam or otherwise use it for making any payments within Vietnam).

8. The representative office is allowed to import into

Vietnam all kinds of things necessary for working and living needs but it has in connection with that to pay all relevant duties and taxes in accordance with the Law on Export and Import Duties applicable in Vietnam and to fulfil all import procedures as stipulated by the General Customs Office.

9. The representative office is allowed to have its own seal, on which it must clearly state the company it represents, the name of province/city it is located in, and with the size and dimension stipulated by the Ministry of Interior Affairs, and which is used only for its transactions of administrative nature in Vietnam.

V. Registration by the representative office of its activities in Vietnam.

1. No later than 90 days following receipt of the licence first issued or 15 days - if it is extended, added, - the Company shall submit to the people's committee of the relevant province/city an activity registration file comprising:

- Registration of activities (See Form 3 attached hereto);
- Any lease agreement and other documents relating to the lease of houses in Vietnam;
- Any contract and other documents relating to the employment in Vietnam;
- Letter of the highest person of the Company appointing the chief of the representative office;
- Curriculum vitae of the chief representative and all expatriate and local employees working in the representative office.

2. Within 15 days following receipt in full of the registration file of the Company, the People's committee of the relevant province/city is responsible for giving approval for such registration.

3. The people's committee of province/city shall, after giving its approval the representative office's registration of activities, send a copy of such registration certificate to the Ministry of Trade who will supervise and oversee the implementation thereof.

VI. Change of name, extension of term for and addition to the licence termination of activities of the representative office.

1. Change of name: The representative office shall be allowed to change its name only in the case such a change is in conformity with the laws of the country where the Company is established.

In the cases of Companies being dissolved, merged or otherwise contributing their capital with the purpose of establishing a juridical person with new name and functions, if such a new Company wishes to set up a new representative office, it has to fulfil all the procedures from the beginning as stipulated by the applicable laws.

2. Extension of the term for the licence: A company wishing to extend the term for the representative office licence shall 30 days before expiration of such term submit to the Ministry of Trade an application file comprising:

- Written application for extension of term for the licence:
- Summary of all activities carried out by the representative office during the term of validity of the licence;

- Any opinions, recommendations in relation thereof from the people's committee of the relevant province/city.

3. Addition to the representative office licence.

a) Amendments of and supplements of provisions on the office's activities: The representative office may propose any amendment of or supplements to provisions on its activities unless such amendments or supplements are aimed to conform with the Company's functions and duties or unless there is any change in the same in accordance with the law of the country where the Company is established and in accordance with the laws of Vietnam.

b) Increase in number of staff working in the representative office: The representative office may make any increase in number of expatriate staff to work in Vietnam only with approval from the Ministry of Trade. The representative office may employ without any restrictions and limitations in number any staff within Vietnam, whereafter it has to register the same with the people's committee of the relevant province/city.

4. Termination of operation of the representative office:

a) If the representative office terminates its operations in accordance with Points 2 and 3 of Article 10 of the Regulations, the Ministry of Trade shall 30 days prior to such termination serve a notice thereof to the relevant Company and the people's committee of the relevant province/city.

In the case where the representative office terminates its operations in accordance with Point 2 of Article 10 of the Regulations, the Company shall 60 days prior to the proposed date for termination have to send to the Ministry

of Trade a notice to that effect and shall be allowed to do so only after obtaining written approval from the Ministry of Trade.

b) The representative office licence may be withdrawn in the case of any breaches of the laws of Vietnam which are so serious that a penalty of US\$ 20,000 upwards may be applied (except repeat offenders).

c) Where the operations of the representative office are terminated, the people's committee of the relevant province/city shall have the authority to supervise, inspect and direct the implementation by it as a representative office in accordance with Article 11 of the Regulations.

VII. Managing and supervising responsibility and periodical reporting

1. Managing and supervising responsibility of State management agencies of Vietnam:

a) The Ministry of Trade shall responsible for:

- Carrying out the overall administrative supervision over all activities of representative offices in Vietnam:

- Being the key agency in co-ordinating all relevant State agencies and localities in supervising all activities carried out by representative offices as may be required or at the proposal made by relevant ministries, branches and/or municipal/provincial people's committees;

b) The relevant ministries and branches are responsible for:

- Conducting the State management in respect of matters relating to their respective scope of management in accordance with their functions and authority and regularly

exchanging their opinions and recommendations with the Ministry of Trade and/or relevant municipal/provincial people's committees relating to the activities of representative offices;

- Joining the Ministry of Trade and/or relevant municipal/provincial people's committees in supervising the activities of representative offices and proposing relevant measures for dealing with any breach of law.

c) The people's committees of the relevant provinces and cities are responsible for:

- Conducting the administrative management over representative offices located in their geographical area, including the management and implementation of administrative procedures relating to house leasing, labour recruitment and employment, registration of activities and other general activities;

- Organising, in co-ordination with relevant agencies and on a regular or contingent basis, on-the-spot inspection and supervision in respect of all activities of representative offices located in their area, subject to decision of chairmen of municipal/provincial people's committees;

- Proposing the Ministry of Trade, if necessary and by decision made by itself, to co-ordinate with other relevant agencies in inspections and supervisions of the activities of representative offices located in their area.

2. Regular reports:

- Each 6 months the representative office has to send to the Ministry of Trade and the relevant people's committee of the relevant province/city a report (in Vietnamese and, if necessary, in English) on its activities. (Each report for

first 6 months of a year shall be sent prior to 15th day of July and the other prior to 20th of January of the consequent year)

- In necessary cases, the Ministry of Trade and people's committees of the provinces/cities may request such representative offices to submit from time to time an ad-hod report.

VIII. Validity

This Circular shall replace Circular 04 TN/PC dated 06 May 1991 of the Ministry of Domestic Trade and shall come into force as from the date of signing.

It is kindly requested that all concerned ministries, ministry-level agencies, offices of the Government and municipal and provincial people's committees promptly refer any queries or misinterpretations arising in connection herewith to the Ministry of Trade who will resolve the matter in conformity with its authority or, in its turn, refer the same to the Prime Minister for resolving.

FOR THE MINISTER OF TRADE
DEPUTY MINISTER
MAI VAN DAU

[On the letterhead of the applicant]

[Name of province/city] [Date]

APPLICATION FOR SETTING UP A REPRESENTATIVE OFFICE IN VIETNAM

To: Minister of Trade,
Hanoi, Vietnam

His Excellency Minister of Trade.

I. The undersigned, the most senior representative of [name of Company] extend my respectful regards to Your Excellency and kindly request that Your Excellency license our Company to set up our representative office (the "Office") in Vietnam with the particulars set out below:

- Name of the Office in Vietnam: [...]
- Location proposed for the seat of the Office: [...]
- Purpose of setting up the Office: [...]
- Scope of activities of the Office: [...]
- Number of staff working in the Office: _ comprising:
 - + Expatriate staff : _ (at maximum);
 - + Staff employed in Vietnam : _ (at minimum)
- Full name of the chief of the Office: [...]
- Nationality : [...]
- Proposed term for the operation of the Office: _ years.

We undertake that the Office and all of its staff shall during the operation of the Office in Vietnam comply with

the laws of Vietnam and carry out the Office's activities in conformity with the license issues to it.

With kind regards.

Yours respectfully,

[Signature and Seal (if available)]

Enclosures:

1 - Copy, certified in the country of origin, of the original Certificate of Incorporation together with a Vietnamese Language translation thereof;

2 - Short introduction of the Company (in one English language copy and one Vietnamese language copy);

3 - Original English language copy or copy certified in the country of origin, of Certificate of the financial standing of the company in last year which was published by the relevant competent auditing agency of the country of origin;

4 - Copy of the investment licence issued to the Company's investment project and copies of commercial agreements and economic and techno-scientific contracts (if required).

MINISTRY OF TRADE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Ref:..... /TM-GP

Hanoi..... 199.....

LICENCE
FOR SETTING UP AND OPERATION OF
REPRESENTATIVE OFFICE OF FOREIGN ECONOMIC
ORGANIZATION IN VIETNAM

MINISTER OF TRADE

- Pursuant to Decree 82/CP dated 02 August 1994 of the Government of the Socialist republic of Vietnam promulgating Regulations on the setting up and operation of representative offices of foreign economic organization in Vietnam;

- Having considered the representative office licensing application submitted by [...],

DECIDES

Article 1. To license: [...]

Nationality: [...]

Head office address: [...]

To set up its representative office in [province/city name] of Vietnam, the name of which shall be

Representative office of [company name] in [province/city name]

Article 2. Particulars of activities to be carried out by the representative office:

Article 3. Number of expatriate staff working in the representative office is: [...]

Article 4. This License shall be valid until [date] [month] [year]

MINISTER OF TRADE

[On the letterhead of the applicant]

[Name of province/city] [Date]

REGISTRATION OF ACTIVITIES

To: Chairman of the People's Committee of
[province city name]

Pursuant to Article 8 of the regulations on the setting up and operation of representative offices of foreign economic organization in Vietnam issued in conjunction with Decree 82/CP dated 02 August 1994 of the Government of the Socialist Republic of Vietnam.

The Representative Office of [company name] in [province/city name], which was set up by Licence. No.[] dated [] of the Ministry of Trade, hereby registers its activities as follows:

1. Name of the Representative Office:

2. Address: [number] of [street], [district], [province/city]
Telephone:

Telex :

Fax

3. Full name and address of the owner/lessor of the premises:

4. Particulars of activities to be carried out by the Representative Office: [as stipulated in the Licence issued to it]

5. Number of staff working in the Representative Office:
— comprising:

+ Expatriate staff: — (at maximum);

+ Staff employed in Vietnam: ____ (at minimum) [Full name, nationality and post of each of them]

6. Full name of the chief of the Office:

Nationality:

Passport number:

Issued on:

7. Validity term for the Licence and this Registration:

The People's committee of
[province' city name] certifies this
registration of activities Numbered
dated [...]

(Pp) Chairman of the People's
Committee of [province/city name]
(Signature and Seal)

Chief representative
(Signature)

4. THÔNG TU SỐ 01-NH5/TT
NGÀY 28-4-1995 CỦA
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
Hướng dẫn thực hiện "Quy chế đặt và hoạt
động của Văn phòng đại diện các tổ chức
kinh tế nước ngoài tại Việt Nam" đối với các
ngân hàng và tổ chức tín dụng nước ngoài

Căn cứ Quyết định số 82-CP ngày 02-8-1991 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 179-CP ngày 2-11-1991 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế nói trên (sau đây gọi tắt là Quy chế);

Sau khi trao đổi ý kiến với một số Bộ, ngành và địa phương có liên quan, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế để thi hành thống nhất như sau:

- 1. Đối tượng được Ngân hàng Nhà nước xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:**

1.1. Tổ chức tín dụng và Ngân hàng nước ngoài quy định tại Quy chế được hiểu là các tổ chức hoạt động trên

linh vực tiền tệ ngân hàng theo giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền tại các nước cấp, gồm:

- Các Ngân hàng thương mại;
- Các Ngân hàng đầu tư;
- Các Công ty tài chính;
- Các tổ chức khác hoạt động trên lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

1.2. Các tổ chức tín dụng và ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là TCTD) nếu có yêu cầu đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ ngân hàng, thương mại và đầu tư với các tổ chức kinh tế Việt Nam và có đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Quy chế và Thông tư hướng dẫn này được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam

Một TCTD có thể được đặt Văn phòng đại diện (sau đây gọi tắt là VPDD) tại một số tỉnh, thành phố của Việt Nam, nhưng tại một tỉnh, thành phố mỗi TCTD chỉ được phép đặt một VPDD và mỗi VPDD phải có người phụ trách riêng.

2. Điều kiện để được Ngân hàng Nhà nước xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện (sau đây gọi tắt là giấy phép)

2.1. Điều kiện để TCTD được cấp Giấy phép quy định tại Điều 2 Quy chế được hiểu như sau:

- Tổ chức tín dụng được thành lập phù hợp với pháp luật nước nguyên xứ, theo giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp;
- TCTD phải hoạt động không dưới 5 năm tại nước nguyên xứ và là một tổ chức tín dụng có uy tín;
- Tổ chức tín dụng có nhu cầu tìm hiểu thị trường Việt Nam và thiết lập quan hệ hợp tác với Việt Nam và

các tổ chức kinh tế của Việt Nam trên lĩnh vực ngân hàng, thương mại và đầu tư.

2.2. Tổ chức tín dụng không được xét cấp Giấy phép trong các trường hợp sau:

- Tổ chức tín dụng không đủ điều kiện quy định tại điểm 2.1. trên;
- Tổ chức tín dụng đang có chi nhánh hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố nơi xin đặt Văn phòng đại diện;
- Tổ chức tín dụng mẹ hoặc một tổ chức tín dụng khác cùng tập đoàn đang hoạt động tại địa bàn nơi tổ chức tín dụng xin đặt Văn phòng đại diện.

3. Phạm vi hoạt động

Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng chỉ được thực hiện những công việc sau:

- Làm chức năng văn phòng liên lạc và nghiên cứu thị trường.
- Xúc tiến xây dựng các dự án của tổ chức tín dụng tại Việt Nam.
- Thúc đẩy và giám sát thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận đã ký giữa tổ chức tín dụng với các tổ chức tín dụng Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam, các dự án do tổ chức tín dụng tài trợ tại Việt Nam phù hợp với Pháp luật Việt Nam.
- Văn phòng đại diện không được kinh doanh, làm các dịch vụ sinh lợi tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Thủ tục xét cấp Giấy phép đặt Văn phòng đại diện

4.1. Tổ chức tín dụng có yêu cầu đặt Văn phòng đại diện

tại Việt Nam phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước một bộ hồ sơ gồm có:

4.1.1. Đơn xin đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký (Nội dung đơn theo Mẫu số 1 Ban hành kèm Thông tư này) và chữ ký phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ;

4.1.2. Bản sao giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp (có xác nhận của cơ quan công chứng có thẩm quyền ở nước nguyên xứ);

4.1.3. Bản tóm tắt quá trình hợp tác của tổ chức tín dụng với các tổ chức kinh tế Việt Nam trên các lĩnh vực đầu tư thương mại và ngân hàng;

4.1.4. Điều lệ của tổ chức tín dụng (01 bản tiếng Anh);

4.1.5. Báo cáo thường niên của tổ chức tín dụng nguyên xứ trong 3 năm gần nhất (01 bộ tiếng Anh);

4.1.6 Những văn bản nêu tại điểm 4.1.1 đến 4.1.3 trên đây được lập thành 2 bản: một bản bằng tiếng Anh, một bản bằng tiếng Việt Nam. Bản dịch tiếng Việt Nam phải được xác nhận của cơ quan công chứng Việt Nam.

4.2. Tổ chức tín dụng phải nộp 03 bộ hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước gồm 01 bộ như quy định tại điểm 4.1 và 02 bộ sao chụp của hồ sơ này.

4.3. Hồ sơ nói trên phải được tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho một tổ chức kinh doanh dịch vụ được thành lập theo Pháp luật Việt Nam chuyển tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tại thủ đô Hà Nội).

4.4. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như Quy định tại điểm

4.1 và 4.2 sẽ được Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản cho tổ chức tín dụng.

4.5. Khi nhận đủ hồ sơ theo Quy định tại điểm 4.1 và 4.2 do tổ chức tín dụng gửi đến:

4.5.1 Ngân hàng Nhà nước gửi văn bản xin ý kiến của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện sẽ đóng trụ sở.

4.5.2. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày gửi văn bản trao đổi ý kiến, nếu chưa nhận được văn bản trả lời của các cơ quan liên quan, Ngân hàng Nhà nước vẫn xem xét, quyết định cấp hay không cấp Giấy phép cho tổ chức tín dụng để đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 6 của Quy chế.

4.5.3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Ngân hàng Nhà nước có thông báo về quyết định của mình cho tổ chức tín dụng có đơn xin đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

4.6. Sau khi cấp Giấy phép cho tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước sẽ gửi một bản sao của Giấy phép này cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện được phép đóng trụ sở.

4.7. Giấy phép cấp cho tổ chức tín dụng (theo mẫu số 02 Ban hành kèm Thông tư này) có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp.

5. Về nghĩa vụ và quyền hạn của Văn phòng đại diện:

5.1. Trong vòng 10 ngày sau khi nhận Giấy phép (cấp lần đầu, gia hạn) tổ chức tín dụng phải nộp một khoản lệ

phí cho Ngân hàng Nhà nước theo mức do Bộ Tài chính Việt Nam quy định.

5.2. Văn phòng đại diện chỉ được thực hiện những hoạt động theo nội dung và thời gian hoạt động quy định trong Giấy phép và giấy đăng ký hoạt động: Văn phòng đại diện không được cho thuê lại trụ sở nhà ở và không được thực hiện chức năng đại diện cho tổ chức khác tại Việt Nam không được chuyển nhượng Giấy phép cho bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

5.3. Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện không có thẩm quyền ký kết các hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp Việt Nam. Trưởng Văn phòng đại diện chỉ được ký kết hợp đồng trong trường hợp có ủy quyền hợp pháp (bằng văn bản) của người có thẩm quyền của tổ chức tín dụng và phải báo cáo và giao cho Ngân hàng Nhà nước bán sao giấy ủy quyền đó (có xác nhận của cơ quan công chứng nước nguyên xứ) để theo dõi việc thực hiện.

5.4. Văn phòng đại diện được thuê trụ sở, nhà ở và các phương tiện phục vụ hoạt động và sinh hoạt của mình theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

5.5. Văn phòng đại diện phải đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở về số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện (bao gồm người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài) theo số lượng quy định tại Giấy phép; số người Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện và có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho những người làm việc tại Văn phòng đại diện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo luật định.

5.6. Văn phòng đại diện phải mua các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định tại Điều 14 của Quy chế và hướng dẫn của Bộ Tài chính Việt Nam.

5.7. Văn phòng đại diện chỉ được mở tài khoản chuyển chi (bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại một ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này để phục vụ cho các chi phí hoạt động của Văn phòng đại diện.

5.8. Văn phòng đại diện được nhập khẩu vào Việt Nam các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện, nhưng phải nộp thuế theo luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành tại Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của Tổng cục Hải quan.

5.9 Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng tại Việt Nam có con dấu riêng theo quy định của Bộ Nội vụ Việt Nam và chỉ được sử dụng con dấu này trong các văn bản giao dịch thuộc quyền hạn và chức năng của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

6. Về việc đăng ký và khai trương hoạt động của Văn phòng đại diện:

6.1. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép hoặc 15 ngày kể từ ngày gia hạn Giấy phép, tổ chức tín dụng phải gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở hồ sơ đăng ký hoạt động gồm:

6.1.1. Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu số 03 của Thông tư này);

6.1.2. Hợp đồng thuê nhà và các văn bản liên quan;

6.1.3. Hợp đồng tuyển dụng nhân viên tại Việt Nam và các văn bản liên quan;

6.1.4. Văn bản bổ nhiệm Trưởng Văn phòng đại diện của người có thẩm quyền của tổ chức tín dụng;

6.1.5. Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện.

6.2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được sự chuẩn y đăng ký hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở, Văn phòng đại diện phải gửi một bản sao giấy đăng ký này đến Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Vụ Các Định chế Tài chính).

6.3. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, Văn phòng đại diện phải khai trương hoạt động và phải thông báo ngày khai trương hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan biết. Trong trường hợp đặc biệt không kịp khai trương hoạt động, Văn phòng đại diện có thể đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn ngày khai trương hoạt động.

7. Thay đổi nội dung Giấy phép, gia hạn Giấy phép và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

7.1. Việc đổi tên gọi của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện được đổi tên gọi trong trường hợp tổ chức tín dụng đã thay đổi tên gọi phù hợp với Pháp luật của nước thành lập tổ chức tín dụng. Văn phòng đại diện phải báo cáo xin phép Ngân hàng Nhà nước và chỉ được đổi tên gọi khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Trường hợp tổ chức tín dụng sáp nhập hoặc góp vốn để

thành lập một tổ chức tín dụng mới với tên gọi và chức năng, nhiệm vụ mới, nếu tổ chức tín dụng muốn đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

7.2. Việc bổ sung số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện chỉ được bổ sung số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện khi có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Văn phòng đại diện cần làm thủ tục đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về số người Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện.

7.3. Việc gia hạn Giấy phép:

Khi có nhu cầu gia hạn Giấy phép, tổ chức tín dụng phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước 30 ngày trước ngày Giấy phép hết hạn, bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng ký (01 bản tiếng Anh, 01 bản tiếng Việt);

- Báo cáo tóm tắt hoạt động của Văn phòng đại diện trong thời gian Giấy phép có hiệu lực do Trưởng Văn phòng đại diện ký (01 bản tiếng Anh, 01 bản tiếng Việt);

- Báo cáo thường niên của tổ chức tín dụng nguyên xứ trong năm trước (01 bản tiếng Anh);

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở về việc gia hạn này.

7.4. Việc thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện:

Khi có nhu cầu thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện hoặc nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện, Văn phòng đại diện có văn bản yêu cầu gửi Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Trường hợp thay đổi Trường Văn phòng đại diện, Văn phòng đại diện phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (kèm theo sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện mới) trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

7.5. Về việc thay đổi trụ sở của Văn phòng đại diện

Khi có yêu cầu thay đổi trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố, Văn phòng đại diện phải có văn bản xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở và chỉ được thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Văn phòng đại diện phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc thay đổi trụ sở nói trên.

7.6. Về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện được chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn ghi trong Giấy phép;
2. Theo đề nghị của tổ chức tín dụng;
3. Khi chi nhánh của tổ chức tín dụng khai trương hoạt động trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố.
4. Khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản;
5. Khi Văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép.

Trong trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt

động theo quy định tại điểm 1, 3, 4 và 5 trên, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở biết.

Riêng trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo điểm 2 nói trên, tổ chức tín dụng phải gửi văn bản đề nghị đến Ngân hàng Nhà nước 60 ngày trước ngày tổ chức tín dụng dự định chấm dứt hoạt động tại Việt Nam và chỉ được chấm dứt hoạt động sau khi có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

7.7. Trong các trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở là cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các nghĩa vụ của Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế.

8. Xử lý vi phạm:

8.1. Văn phòng đại diện bị cảnh cáo trong những trường hợp sau:

8.1.1. Vi phạm ở mức bị cảnh cáo theo quy định tại Điều 20 của Quy chế.

8.1.2. Sau 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép hoặc hết thời hạn được Ngân hàng Nhà nước cho phép gia hạn mà không khai trương hoạt động.

8.1.3. Không nộp lệ phí cấp Giấy phép đúng thời hạn quy định tại điểm 5.1 của Thông tư này.

8.1.4. Vi phạm chế độ báo cáo theo quy định tại điểm 9.2 của Thông tư này.

8.2. Văn phòng đại diện bị phạt tiền theo các quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Quy chế.

8.3. Văn phòng đại diện không được xét gia hạn Giấy phép trong những trường hợp sau:

- Nộp hồ sơ xin gia hạn Giấy phép sau thời hạn quy định tại điểm 7.3 của Thông tư này;

- Bị cảnh cáo do vi phạm cùng một quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam từ 3 (ba) lần trở lên.

8.4. Văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép trong những trường hợp sau:

8.4.1. Tổng số tiền bị phạt theo quy định tại Điều 20 của Quy chế từ 20.000 (hai mươi nghìn) đô la Mỹ trở lên (không kể số tiền bị phạt do tái phạm).

8.4.2. Vi phạm lần thứ hai các quy định về phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện đã ghi trong Giấy phép.

9. Trách nhiệm quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm về việc báo cáo định kỳ:

9.1. Trách nhiệm quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm:

9.1.1. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

- Thống nhất quản lý hành chính Nhà nước, định kỳ kiểm tra các mặt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

- Làm đầu mối phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện trong những trường hợp xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của các Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan.

Ra quyết định xử lý các vi phạm ở mức: đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động và phạt tiền từ mức 10.000 đô la Mỹ trở lên.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết

định xử lý vi phạm dưới mức quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước.

9.1.2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có trách nhiệm:

- Quản lý hành chính đối với các Văn phòng đại diện trên địa bàn lãnh thổ như việc cho thuê nhà, tuyển dụng (thuê) lao động, đăng ký theo quy định và mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tại địa phương;

- Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tại địa phương;

- Trong những trường hợp xét thấy cần thiết, đề nghị Ngân hàng Nhà nước chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện tại địa phương theo quyết định bằng văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Ra quyết định xử lý vi phạm ở mức dưới mức quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước.

9.2. Việc báo cáo định kỳ:

- Văn phòng đại diện phải báo cáo bằng văn bản các hoạt động của mình trong 6 tháng đầu năm và cả năm (theo mẫu số 4 của Thông tư này) cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Định chế Tài chính) và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở. Báo cáo 6 tháng đầu năm phải gửi trước ngày 15-7 và báo cáo cả năm phải gửi trước ngày 20-1 năm tiếp theo.

Trong các trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có thể yêu cầu Văn phòng đại diện báo cáo đột xuất ngoài các báo cáo định kỳ nói trên, cung cấp

tài liệu hoặc giải trình những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình.

10. Quy định về thực hiện:

10.1. Văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng đã được Bộ Thương mại cấp Giấy phép trước đây phải gửi đơn xin cấp lại Giấy phép tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10.2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định số 188-QĐ/NH8 ngày 2-10-1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về Văn phòng đại diện Ngân hàng và Công ty tài chính nước ngoài tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
PHÓ THỐNG ĐỐC
ĐỖ QUẾ LƯỢNG

TÊN NGÂN HÀNG/CÔNG TY

Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

**Kính gửi: NGÀI THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Thưa Ngài Thống đốc,

Ngân hàng/Công ty..... trân trọng gửi ngài Thống đốc một (01) thư bày tỏ nguyện vọng được đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam cùng với các chi tiết sau đây:

a) Ngân hàng/ Công ty nguyên xứ:

- Tên Ngân hàng/ Công ty (tên đầy đủ và tên viết tắt):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ nơi đóng trụ sở chính: số nhà, phố, quận, thành phố, nước, số điện thoại, telex, fax.

- Ngày thành lập:

- Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngày cấp và số của giấy chứng nhận.

- Cơ quan cấp giấy phép hoạt động, ngày cấp và số của giấy phép.

- Nội dung và hoạt động chủ yếu:

- Vốn pháp định:

- Vốn thực góp:

- Cổ đông chính:

b) Văn phòng đại diện xin mở tại Việt Nam:

- Tên của Văn phòng đại diện tại Việt Nam: Thành phố xin đặt Văn phòng đại diện:

- Mục đích chủ yếu để đặt Văn phòng đại diện để:

- Số người làm việc tại Văn phòng đại diện là: người, trong đó:

+ Số người nước ngoài (tối đa):

+ Số người Việt Nam (tối thiểu):

- Họ tên, năm sinh, quốc tịch của người Trưởng Văn phòng đại diện (đính kèm sơ yếu lý lịch).

- Thời hạn của Văn phòng đại diện dự kiến là: năm.

Chúng tôi xin cam kết trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Văn phòng đại diện và các nhân viên Văn phòng đại diện sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung cho phép.

c) Người làm đơn: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng/người đứng đầu công ty nguyên xứ - Họ và tên - ký tên.

Hồ sơ kèm theo:

1 - Giấy phép hoạt động của Tổ chức Tín dụng/Công ty

2 - Điều lệ của Tổ chức Tín dụng/Công ty

3 - Báo cáo thường niên của Tổ chức Tín dụng/Công ty trong 3 năm gần nhất.

4 - Bản tóm tắt quá trình hợp tác của Tổ chức Tín dụng/Công ty với các tổ chức kinh tế Việt Nam.

5 - Sơ yếu lý lịch của người Trưởng Văn phòng đại diện.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../NH-GP

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG (CÔNG TY) NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Nghị định số 82-CP ngày 02 tháng 08 năm 1994 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 179-CP ngày 02 tháng 11 năm 1994 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

Xét đơn xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện của...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cho phép.....

Địa chỉ.....

Quốc tịch.....

Được đặt Văn phòng đại diện tại.....

Điều 2: Tên gọi của Văn phòng đại diện

Điều 3: Số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện là

Điều 4: Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Điều 5: Giấy phép này có giá trị 03 (ba) năm kể từ ngày cấp.

Mọi hoạt động của Văn phòng đại diện và tất cả các nhân viên của Văn phòng phải tuân thủ Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 02 tháng 08 năm 1994 của Chính phủ, Nghị định sửa đổi bổ sung số 179-CP ngày 02 tháng 11 năm 1994 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

KT. THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
PHÓ THỐNG ĐỐC

6. Họ tên người trưởng Văn phòng đại diện: ...

Quốc tịch: ...

Số hộ chiếu: ...

Ngày cấp: ...

7. Thời gian Giấy phép và Giấy đăng ký hết hiệu lực.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...
chủn y việc đăng ký hoạt động

Số ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân

(hoặc người được ủy quyền)

Ký tên và đóng dấu

Trưởng Văn phòng đại diện

Ký tên

(ghi rõ họ và tên)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG (CÔNG TY)...**

I - Cơ cấu tổ chức:

1. Văn phòng;
2. Nhân sự;

II - Những hoạt động chính:

1. Tiếp cận thị trường;
2. Thúc đẩy đầu tư, quan hệ tín dụng giữa Ngân hàng (Công ty) mẹ với các tổ chức kinh tế Việt Nam;
3. Quan hệ đại lý, thanh toán giữa Ngân hàng mẹ với các ngân hàng thương mại Việt Nam;
4. Công tác tư vấn;
5. Đào tạo;
6. Các hoạt động khác.

III - Tự đánh giá:

IV - Phương hướng hoạt động trong thời gian tới:

Trưởng Văn phòng đại diện
(Ký tên và đóng dấu)

4. CIRCULAR No. 01-NH5/TT DATED 28 APRIL, 1995 OF THE STATE BANK OF VIETNAM

**Guiding the implementation of "Regulation
on the establishment and operation of the
representative offices of foreign economic
organization in Vietnam " with regard to
representative offices of foreign credit
institutions and foreign banks**

Pursuant to the Decree No.82/CP date 02 August, 1994 of the Government promulgating the Regulation on the establishment and operation of Representative offices of Foreign economic organization in Vietnam and Decree No. 179 dated 02 November, 1994 of the government making amendment of and addition to the aforesaid Regulation (hereinafter referred to as Regulation).

After consulting the Ministries, branches, and localities concerned, the State Bank hereby provides specific guidelines on some articles of the Regulation as follows:

1. Organization to be considered by the State Bank for the issue of licences to set up Representative Offices:
 - 1.1. Foreign credit institutions and foreign banks

stipulated in the Regulation are construed and interpreted as the following organizations operating in the monetary-banking fields under the licences granted by the competent authorities of their countries:

- Commercial banks;
- Investment banks;
- Finance companies;
- Other financial institutions engaged in monetary - banking fields.

1.2. Foreign credit institutions and banks (hereinafter referred to as Credit Institutions) which wish to set up representative offices in Vietnam with a view to establish banking, commercial and investment relations with Vietnamese economic organizations and satisfy all the condition set forth in Article 2 of the Regulation and Article 2 of this Circular shall be considered for a licence to set up Representative office in Vietnam.

A Credit Institution may set up its Representative Office (hereinafter referred to as Rep. Office) in a number of provinces or cities in Vietnam but in each city or province, each Credit Institution shall only be permitted to establish one Rep. Office and there shall be a separate person in charge of each such Rep. Office.

2. Conditions for being considered by the State Bank of Vietnam for the issue of the Licence to set up a Rep. Office. (hereinafter referred to as the Licence).

2.1. The conditions for a Credit Institution to be granted its Licence as set forth in Article 2 of the Regulation shall be construed and interpreted as follows:

- It must be established under the laws of the country of its origin in accordance with the operating licence issued by the competent authorities of that countries:

- It must have been operating for not less than five (5) years in the country of its origin and must have renowned creditability;

- It must have an intention to study the Vietnamese market and to establish co-operative relations with Vietnam and Vietnamese economic organizations in the fields of banking, trade and investment.

2.2. A Credit Institution shall not be granted a Licence in the following cases:

- Where it is unable to satisfy all the conditions set forth in Item 2.1 mentioned above;

- Where one of its branches is operating in the province of city where it applies for setting up a Rep. Office.

- Where its parent Credit institution or another Credit institution belonging to the same group is operating in the province or city where it applies for setting up a Rep. Office.

3. Scope of activities.

The Rep. Office of a Credit Institution shall only be permitted to carry out the following activities:

- Acting as the liaison office and conducting market research;

- Preparing and promoting the projects of the Credit Institution in Vietnam;

- Promoting and supervising the implementation of agreements and contracts concluded between the Credit Institution and Vietnamese Credit Institution and

businesses and projects financed by the Credit Institution in accordance with the laws of Vietnam;

- The Rep. Office shall not conduct any business or provide any profit-making service in any form in Vietnam.

4. Procedures for granting a Licence to set up the Rep. Office:

4.1.1 The applicant shall submit to the State Bank a set of the following documents:

4.1.1. The application for setting up a Rep. Office in Vietnam which is signed by the Chairman of the Board of Director (appendix 1 attached hereto) and such signature is certified by an competent authority in the country of origin;

4.1.2. A copy of the operating licence of the Credit Institution issued by the competent authorities in the country of origin (such copy must be certified by the Public Notary in the country of origin);

4.1.3. A summary of the cooperation of the Credit Institution with Vietnamese economic organization in the areas of banking, trade and investment;

4.1.4. The existing Charter of the Credit Institution (one copy in English);

4.1.5. Annual reports of the Credit institution incorporated in the country of origin for the last three (3) years (one set in English);

4.1.6. The document stated in 4.1.1, 4.1.2, 4.1.3 above shall be made in two (2) copies: one in Vietnamese and one in English. The Vietnamese translation must be notarized by the Vietnamese Public Notary.

4.2. The Credit Institution shall submit three (3) sets of the application documents to the State Bank which contain

one (1) set as set forth in item 4.1 and two (2) copies of such original set.

4.3. The above-mentioned documents shall be submitted directly to the State Bank (in Hanoi) by the Credit Institution or by an authorized service business organization (authorization in writing) established under the laws of Vietnam.

4.4. The State Bank shall certify in writing the date on which all required documents in compliance with Item 4.1 and 4.2 are received.

4.5. Upon receipt of all required documents in compliance with item 4.1 and 4.2 submitted by the Credit Institution.

4.5.1. The State Bank shall forward its written consultations to the State management bodies concerned and to the People's Committee in the province or city where the Credit Institution applies for setting up its Rep. Office.

4.5.2. Within twenty (20) days from the date of dispatch of such written consultations, should no responses be received from the bodies concerned, the State Bank shall consider and decide whether to grant or refuse to grant the Licence to the Credit Institution in order to comply with the time limit stated Article 6 of the Regulation.

4.5.3. Within thirty (30) days after receipt of all required documents, the State Bank shall inform the applicant of its decision.

4.6. After granting the Licence to the Credit Institution, the State Bank shall send a copy of the Licence to the People's Committee in the city or province where the Credit Institution is permitted to set up its Rep. Office.

4.7. The Licence granted to the Credit Institution

(appendix 2 attached hereto) shall be valid for three years from the date of issuance.

5. The rights and obligations of the Representative Office.

5.1. Within ten (10) days after receipt of the Licence (Licence of extended Licence), the Credit Institution shall pay a fee to the state Bank with the amount prescribed by the Ministry of Finance.

5.2. The Rep. Office shall carry out activities within the scope and term of operation as set forth in the Licence and its business registration; the Rep. Office shall not permitted to sub-lease its offices or residential accommodation and shall not represent any other organization in Vietnam; and shall not assign its Licence to any other individuals or organization.

5.3. The Chief and the staff of the Rep. Office shall not be entitled to sign any economic contract with any Vietnamese business. The Chief Representative shall not be entitled to sign a contract unless he or she is given the legal authorization in writing by the competent person of the Credit Institution; and a copy of such authorization (certified by the Public Notary in the country of origin) shall be reported and presented to the State Bank for the purpose of supervision over the implementation thereof.

5.4. The Rep. Office shall be able to rent to offices, accommodation and other facilities for its daily business use and living in accordance with the prevailing laws of Vietnam.

5.5. The Rep. Office shall register with the provincial and municipal People's Committee where its head office is located the number of expatriate staff working for the Rep. Office (including foreign nationals and Vietnamese nationals

residing abroad) as stipulated in the Licence, the number of its Vietnamese staff; and shall provide favourable conditions for its staff to fulfill their individual income tax obligation in accordance with the relevant laws.

5.6. The Rep. Office shall obtain compulsory insurance as stipulated in Article 14 of the Regulation and under the guidelines of the Ministry of Finance of Vietnam.

5.7. The Rep. Office shall only be able to open a specific bank account (in foreign currency or Vietnamese Dong originated from foreign currency) at a bank which is established and operating in Vietnam and such account is designed solely to cover its operating expenses.

5.8. The Rep. Office shall be able to import all necessities for its business use and daily living provided that it shall pay all taxes in accordance with the prevailing Law on Import and Export duties in Vietnam and shall fulfill the import procedures as stipulated by the General Department of Customs of Vietnam.

5.9. The Rep. Office of Credit Institution in Vietnam shall have its own stamp as stipulated by the Ministry of Interior of Vietnam and shall only use such stamp for the documents in relation to the transactions carried out within the authority and functions of the Rep. Office in Vietnam.

6. Registration of activities and commencement of operation of the Representative Office.

6.1. Within the time limit of ninety (90) days after the date of issuance of the Licence or fifteen (15) days after the date extension of the Licence, the Credit institution shall submit to the provincial or municipal People's Committee where its Rep. Office is located the application for registration of its activities which shall include:

6.1.1. Registration of activities (appendix 3 attached hereto);

6.1.2. Housing rental agreement and other related documents;

6.1.3. Employal contracts in Vietnam and other related documents;

6.1.4. Written appointment of the Chief Representative by the competent person of the Credit Institution;

6.1.5. The Curriculum vitage (C.V) of the Chief Representative and those of personnel working for the Rep. Office.

6.2. Within the time limit of ten (10) days after receipt of the approval of the registration of activities from the provincial or municipal People's Committee where the Rep. Office is located, the Rep. Office shall send a copy of this registration of activities to the State Bank of Vietnam (the Financial Institutions Department).

6.3. Within the time limit of six (6) months from the date of grant of the Licence by the State Bank, the Rep. Office shall start its operation and shall inform the State Bank and the relevant provincial or municipal People's Committee of the date of commencement of its operation. In particular cases where the Rep. Office fails to start its operation in accordance with the above time limit, the Rep. Office may request the State Bank to extend its time limit in respect of the commencement of its operation.

7. Changes relating to the content of the Licence, extension of the Licence and termination of the operation of the Representative Office.

7.1. Changes in the name of the Rep. Office:

The Rep. Office shall only change its name if the Credit Institution has changed its name in accordance with the law of the country where it is incorporated. The Rep. Office shall ask for approval of the State Bank and such change shall only be conducted once it gets the approval of the State Bank.

In case the Credit Institution has merged with another organization or it has contributed capital to establish a new Credit Institution with new names, functions, and duties accordingly, and if the new Credit institution wishes to set up a Rep. Office in Vietnam, then it shall abide by the provisions set forth in this Circular.

7.2. Changes in the number of staff working in the Rep. Office The Rep. Office shall only recruit more foreign staff for its office with a written approval of the State Bank. The Rep. Office shall carry out necessary procedures to register the number its Vietnamese staff with the relevant provincial or municipal People's Committee.

7.3. Extension of the Licence.

Where the Rep. Office wishes to have its Licence extended, it shall submit to the State Bank not later than thirty(30) days before the expiration of the granted Licence a dossier for licence extension which shall consist of:

- An application for Licence extension signed by the Chairman of the Board of Directors of the Credit institution (one (1) copy in English and one (1) copy in Vietnamese).

- A summary of activities carried out by the Rep. Office during the effective duration of the Licence and signed by the Chief Representative (one (1) copy in English and one (1) copy in Vietnamese).

- Annual report of the Credit Institution in the country of origin for most recent year (one (1) copy in English).

- Opinions of the People's Committee in the province or city where the Rep. Office is located with respect to the extension.

7.4. Changes of Chief Representative and/or staff of the Representative Office.

Where the Rep. Office wishes to change its Chief Representative or any staff of it, it shall file an application with the relevant provincial or municipal People's Committee and shall not make such changes unless it gets the written approval of the said People's Committee.

Change of the Chief Representative shall be reported in writing by Rep. Office to the State Bank (attached with C.V. of the new Chief Representative) within ten (10) days from the date of receipt of the written approval of the said People's Committee.

7.5. Change of location of the Representative Office.

Where wishing to change its office to a new location within the city or province the Rep. Office shall submit a written application to the People's Committee in the province or city where the Rep. Office is located and shall only change the office with a written approval of the said People's Committee.

Within ten (10) days from the date of the receipt of the written approval of the said People's Committee, the Rep. Office shall notify the State Bank in Writing of the change of its office.

7.6. Termination of operation of the Representative Office:

The Rep. Office shall terminate its operation in the following cases:

1. Where the term stated in the Licence is expired;
2. Where the Credit Institution requestes:
3. Where the Branch of the Credit Institution starts its operation in the same province or city;
4. Where the Credit Institution is declared bankrupt;
5. Where the Licence of the Rep. Office is revoked.

Where the operation of the Rep. Office is terminated in accordance with Item 1, 3, 4, 5 mentioned above, the State Bank shall give a written notice to the Credit Institution and the People's Committee in the province or city where the Rep. Office is located with regard to the said termination.

Where the operation of the Rep. Office is terminated as stipulated in Item 2 mentioned above, the Credit Institution shall forward its request to the State Bank not later than sixty (60) days before the proposed date on which the Credit Institution plans to terminate its operation in Vietnam and it shall only carry out the said termination with a written approval of the State Bank.

7.7. In case of termination of operation of the Rep. Office, the People's Committee in the province or city where the Rep. Office is located shall be the authority body in charge of supervision, inspection over the execution of the obligation of the Rep. Office as stipulated in Article 11 of the Regulation.

8. Settlement of violations

8.1 The Rep. Office shall be given a warning in the following cases:

8.1.1. Where is commits a breach which is subject to a warning as stipulated in Article 2 of the Regulation.

8.1.2. Where it fails to commence its operation within six (6) months or extended period as permitted by the State Bank From the date of the issuance of the Licence.

8.1.3. Where it fails to pay the fee for issuance of the Licence in accordance with the time limit set forth in Article 5.1 of this Circular;

8.1.4. Where it violates the stipulation on reporting as stipulated in Article 9.2 of this Circular.

8.2. The Rep. Office shall be liable to money penalties in accordance with Article 19 and 20 of the Regulation.

8.3. The Rep. Office shall not be granted any extension to its Licence in the following cases:

- Where its application for extension of the Licence is submitted later than stated in Item 7.3 this Circular;
- Where it is given Warning for violating one stipulation of Vietnamese laws for three (3) times or more.

8.4. The Rep. Office shall be revoked in the following cases:

8.4.1. Where the total amount of money fined under the stipulations of Article 20 of the Regulation amounts to USD 20,000 (twenty thousand) or more (excluding the fines for repetition of violation).

8.4.2. Where it violates for the second time the stipulations stated in the Licence on the scope of activities of the Rep. Office.

9. Responsibility for management, inspection, settlement of violations and presentation of periodical reports.

9.1. The responsibility for management, inspection and settlement of violations:

9.1.1. The State Bank shall be responsible to:

- Take State administrative management and periodical inspection of all activities of the Rep. Office in Vietnam;

- Co-ordinate with provincial or municipal People's Committee in organizing inspection of the operation of the Rep. Office if necessary or at the proposal of the relevant Ministries, branches, or provincial or municipal People's Committee.

- Give decision to settle violations which are subject to suspension or termination of operation or subject to fines of USD 10,000 or more.

- Recommend the relevant provincial or municipal People's Committee of the settlement of violation whose level is lower than those subject to the decision of the State Bank.

9.1.2. The People's Committee in the province or city where the Rep. Office is located shall be responsible to:

- Take administrative management of the Rep. Office located in the locality with regard to housing and accommodation rental, labour recruitment, business registration and all activities conducted by the Rep. Office in the locality.

- Inspect, supervise the operation of the Rep. Office in the locality.

- Request the State Bank, in necessary cases, to conduct a co-ordination with the bodies concerned to inspect the operation of the Rep. Office in the locality pursuant to a written decision of the Governor of the State Bank of Vietnam.

- Give decision on the settlement of violations whose level is lower than those subject to the decision of the State Bank.

9.2. Periodical reports

- The Rep. Office shall report in writing to the State Bank (Financial Institutions Department) and the relevant provincial or municipal People's Committee with respect to its activities during the first six (6) months and for the whole year. The former must be submitted prior to 15 July of the year and the latter must be submitted prior to 20 January of the next year.

- If necessary, the State Bank and the relevant People's Committee may require the Rep. Office to give special and immediate reports apart from the afore-said reports. to provide related documents or present explanations on matters concerning their activities.

10. Implementation Provisions

10.1. The Rep. Office of foreign Credit Credit Institutions which have been granted Licences by the Ministry of Trade shall send an application to the State Bank of Vietnam to re-apply for their Licences.

10.2. This Circular shall come in force from the date of signing. The Decision No.188/QD-NH8 of the Governor of the State Bank of Vietnam dated 2 October 1993 promulgating the Regulation the Rep. Office of foreign banks and finance companies is hereby repealed.

FOR THE GOVERNOR OF THE
STATE BANK OF VIETNAM
DEPUTY GOVERNOR
DO QUE LUONG

FULL DESIGNATION OF THE BANK/COMPANY

Date:

**APPLICATION FOR SETTING UP THE
RESIDENT REPRESENTATIVE OFFICE IN THE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

*To: HIS EXCELLENCY THE GOVERNOR
OF THE STATE BANK OF VIETNAM*

Your Excellency,

We (Bank/Company) are honoured to apply to Your Excellency the Governor for permission to set up our Resident Representative Office in the Socialist Republic of Vietnam under the following descriptions:

a) Original Bank/Company:

- Full name and abbreviation of the Bank/Company

- Nationality:

- Address of the Bank/Company' Head quarters (location, telephone, telex, fax):

- Date of Incorporation:

- Banking/Business Licence No: issued
by Date of issue

- Business Registration No: issued
by Date of issue:

- Main fields of operation

- Authorized capital

Contributed capital

- Major shareholders (if any).....
- b. Resident Representative Office in Vietnam
 - Full name of the Representative Office.....
 - Proposed location of the Representative office (province/city).....
 - Scope of operation of the Representative Office
 - Number of staff..... of which:.....
 - + Staff members from foreign countries (maximum):
 - + Staff member recruited in Vietnam (minimum):
 - Full name, date of birth and nationality of the Chief Representative..... (resume enclosed)

Proposed duration of operation of the Representative Office:..... year(s)

We undertake that in the course of its activities in Vietnam, the Resident Representative Office and its staff members shall strictly abide by the laws in force in Vietnam and shall run its activities as permitted by the State Bank of Vietnam.

YOURS RESPECTFULLY

PRESIDENT

(or Chair man of the Board of Directors)

(signed)

Enclosure:

1. Banking/Business Licence (in the country of origin)
2. Articles of Incorporation or Charter of the Bank/Company
3. Annual reports of the applicant for the last three years
4. Summary of cooperation ties with Vietnamese economic organization.
5. Curriculum vitae of the Chief Representative.

STATE BANK OF VIETNAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

No:..... /NH-GP

Hanoi, date.....

**PERMIT FOR SETTING UP AND OPERATION OF THE
REPRESENTATIVE OFFICE OF FOREIGN BANK
(COMPANY) IN VIETNAM**

THE GOVERNOR OF THE STATE BANK OF VIETNAM

- In accordance with Decree No.82/CP dated August 02, 1994 promulgated by the Government governing the Regulation on the setting up and operations of the Regulation on the setting up and operations of the Representative of foreign economic organization in Vietnam:

- Pursuant to the Decree No.179/CP date November 02, 1994 issued by the Government on the amendment of and addition to the Regulation on the setting-up and operations of the Representative office of foreign economic organization in Vietnam;

- Having considered the application submitted by the Bank [Company] for permission to establish its Representative office in

DECIDES

Article 1: To permit
 Address.....
 Nationality.....
 To set up its Representative office in.....

Article 2. Full name of the Representative Office.

Article 3. Number of foreign nationals working for the Representative Office.

Article 4. The Scope of activities permissible to the Representative Office:

Article 5. This permit shall be valid for three (3) years from the date of issuance

All activities conducted by the Representative office and its staff members shall abide by the Regulation in connection with Decree No.82/CP dated August 02, 1994 of the Government, the Decree No.179/CP dated November 02, 1994 of the Government on the amendment of and addition to the above-said Regulation and other prevailing regulations and rulers under the laws of the socialist Republic of Vietnam.

FOR THE GOVERNOR OF STATE BANK OF VIETNAM
DEPUTY GOVERNOR
DO QUE LUONG

FULL DESIGNATION OF THE BANK/COMPANY

Date:

REGISTRATION OF ACTIVITIES

*To: His Excellency**Chairman of the People's Committee of
[Province, City]*

Pursuant to Article 8 of the Regulation on the establishment and operation of Representative offices of foreign economic organization in Vietnam promulgated in connection with Decree 82/CP of the Government of Vietnam dated August 1994;

The Representative office of the Bank [Company] in City [Province] which is established under the Licence No... dated... issued by the State Bank of Vietnam hereby registers its operations as follows:

1. Name of the Representative Office:

2. Head office: No.

Street

Precint (district)

City (province)

Telephone No,

Telex:

Fax:

3. Name and address of the lessor of the premises.

4. Scope of activities of the Representative office (as stated in the Licence)

5. Number of staff of the Representative office: person(s), of which:

Foreign national(s) [maximum]:

Vietnamese national(s) [minimum]:

(clearly state the name, nationality, position, duties)

6. Full name of the Chief Representative:

Nationality:

Passport No.:

Date of issue:

7. Date of expiration of the Licence and the Registration:

The People's Committee of City
approves the Registration

No — Date —

Chairman of the People's Committee
(or an authorized person)

(Sign and Seal)

Chief Representative {Province
(sign)

**REPORT ON THE OPERATION OF THE
REPRESENTATIVE OFFICE OF THE BANK/COMPANY**

I. The organizational structure:

1. Office:
2. Personnel:

II. Main activities:

1. Marketing;
2. Promotion of investment, credit relation between the parent Bank [Company] and Vietnamese economic organizations;
3. Correspondent and payment relationship between the parent Bank with Vietnamese commercial banks;
4. Consultancy services;
5. Other activities:

III. Self-evaluation:

IV. Course of actions for the next period:

CHIEF REPRESENTATIVE
(Sign and Seal)

**5. QUY ĐỊNH TẠM THỜI SỐ 913-CAAV
NGÀY 10-5-1994 CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC
HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
Về quản lý hoạt động bán chứng từ
vận chuyển hàng không tại Việt Nam**

**CỤC TRƯỞNG
CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo Lệnh số 63-LCT/HĐNN8 ngày 04-01-1992 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 242-HĐBT ngày 30-06-1993 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ Quyết định số 36-TTg ngày 06-02-1994 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thi hành Thông báo số 1273-KTN ngày 15-03-1994 của Văn phòng Chính phủ thông báo báo ý kiến của Chính phủ về việc bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam.
- Nhằm hoàn thiện việc quản lý Nhà nước đối với hoạt động vận chuyển hàng không tại Việt Nam.

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không của các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam thông qua các Văn phòng bán vé, các Tổng đại lý bán vé, Đại lý bán vé và các hình thức bán khác.

Điều 2. Giải thích khái niệm

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Hiệp định hàng không" là Hiệp định được ký kết giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài về hàng không dân dụng.

- "Thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không" là thỏa thuận được ký kết giữa Cục hàng không dân dụng Việt Nam và Nhà chức trách hàng không nước ngoài.

- "Chứng từ vận chuyển hàng không" là các chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu kiện bằng tàu bay được quy định tại các Điều 60 và 66 của Luật hàng không dân dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "vé").

- "Hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không" là các hoạt động liên quan đến việc bán hoặc xuất chứng từ vận chuyển hàng không, sau đây gọi là hoạt động bán vé.

- "Hãng hàng không" là doanh nghiệp vận chuyển hàng không của Việt Nam hoặc nước ngoài.

- "Tổng đại lý bán vé", "Đại lý bán vé" là pháp nhân Việt Nam thực hiện việc bán vé cho hãng hàng không trên cơ sở hợp đồng chỉ định tổng đại lý bán vé hoặc hợp đồng chỉ định đại lý bán vé.

- "Văn phòng bán vé" là trụ sở nơi thực hiện việc bán vé của các hãng hàng không tại Việt Nam.

CHƯƠNG II

VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA CÁC HÃNG HÀNG KHÔNG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Mục I

VĂN PHÒNG BÁN VÉ CÁC HÃNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 3. Đăng ký hoạt động của Văn phòng bán vé

1. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam đăng ký Văn phòng bán vé của mình tại Việt Nam với Cục hàng không dân dụng Việt Nam chậm nhất là 15 ngày trước khi tiến hành hoạt động bán vé.

2. Hồ sơ đăng ký Văn phòng bán vé bao gồm:

a) Đơn đăng ký được làm theo mẫu trong phụ lục 1 kèm theo quy định này.

b) Báo cáo về đội ngũ nhân viên bán vé kèm theo các chứng chỉ đã tốt nghiệp các lớp nghiệp vụ bán vé của các cơ sở đào tạo ngành hàng không dân dụng Việt Nam hoặc quốc tế.

c) Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt trụ sở Văn phòng bán vé.

3. Cục hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và

quyết định việc cấp Giấy đăng ký Văn phòng bán vé cho hãng hàng không Việt Nam nộp đơn trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 của Điều này. Giấy đăng ký được làm theo mẫu trong phụ lục 2 kèm theo Quy định này. Hãng Hàng không Việt Nam nộp đơn phải nộp các khoản lệ phí theo quy định trong phụ lục 9 kèm theo Quy định này.

4. Mọi thay đổi của Văn phòng bán vé về các nội dung của hồ sơ đăng ký quy định tại khoản 2 Điều này phải được đăng ký lại với Cục hàng không dân dụng Việt Nam.

Mục II

VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Điều kiện đặt Văn phòng bán vé

Hãng Hàng không nước ngoài muốn tiến hành hoạt động bán vé tại Việt Nam thông qua Văn phòng bán vé phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được quyền bán vé tại Việt Nam theo hiệp định Hãng không hoặc thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không được Chính phủ Việt Nam phê duyệt;

2. Có Văn phòng đại diện của hãng tại Việt Nam được đặt và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Có đội ngũ nhân viên bán vé đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực bán vé.

Điều 5. Thủ tục cấp Giấy phép mở Văn phòng bán vé

1. Hãng hàng không nước ngoài muốn mở Văn phòng bán vé phải gửi đơn xin cấp Giấy phép mở Văn phòng bán vé tại Việt Nam đến Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Đơn xin cấp Giấy phép bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin cấp được làm theo mẫu trong phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

b) Tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của hãng Hàng không;

c) Giấy phép đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện của hãng Hàng không tại Việt Nam;

d) Báo cáo về vốn đầu tư và trang thiết bị của Văn phòng bán vé; Báo cáo về hệ thống đặt chỗ, giữ chỗ được sử dụng;

e) Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé;

g) Báo cáo về đội ngũ nhân viên bán vé kèm theo các Chứng chỉ đã tốt nghiệp các lớp nghiệp vụ bán vé của các cơ sở đào tạo ngành Hàng không dân dụng của Việt Nam hoặc quốc tế;

h) Giấy phép cư trú và làm việc tại Việt Nam của các nhân viên nước ngoài của Văn phòng bán vé do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

i) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và quyết định việc cấp Giấy phép mở Văn phòng bán vé cho hãng Hàng không nước ngoài nộp đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này. Giấy đăng ký được làm theo mẫu trong phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ sao gửi cho Bộ Thương mại Giấy phép mở Văn phòng bán vé được cấp cho

hãng hàng không nước ngoài trong vòng 7 ngày kể từ ngày cấp.

Hãng Hàng không nước ngoài nộp đơn phải nộp các khoản lệ phí theo quy định trong phụ lục 9 kèm theo Quy định này.

3. Sau khi nhận được Giấy phép, Văn phòng bán vé của hãng Hàng không nước ngoài phải đăng ký hoạt động với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam xem xét và quyết định việc hủy bỏ, đình chỉ hiệu lực của Giấy phép mở Văn phòng bán vé của hãng Hàng không nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

a) Hiệp định Hàng không chấm dứt hiệu lực, hoặc Hãng hàng không nước ngoài không còn là hãng hàng không được chỉ định theo quy định của Hiệp định hàng không, hoặc

b) Thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không chấm dứt hiệu lực, hoặc

c) Hết thời hạn ghi trong Giấy phép, hoặc

d) Theo đề nghị của hãng Hàng không nước ngoài, hoặc

e) Hoạt động của Hãng hàng không nước ngoài hoặc của Văn phòng bán vé vi phạm Hiệp định hàng không, thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không, hoặc các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng bán vé

1. Hoạt động bán vé, đặt chỗ của Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài phải tuân thủ các quy định của Hiệp định Hàng không, thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Việc thuê trụ sở làm việc, nhà ở, nhân viên và các

phương tiện phục vụ hoạt động bán vé và sinh hoạt, việc mở tài khoản bằng ngoại tệ và tài khoản bằng tiền Việt Nam tại các Ngân hàng ở Việt Nam, việc thanh toán, chuyển đổi và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, việc nhập khẩu vào Việt Nam và tái xuất khẩu các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động bán vé của Văn phòng bán vé được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3. Trong trường hợp Giấy phép mở Văn phòng bán vé tại Việt Nam của hãng hàng không nước ngoài bị thu hồi, đình chỉ hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này, việc thanh toán công nợ của Văn phòng bán vé với tổ chức, cá nhân có liên quan tại Việt Nam và được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương III

TỔNG ĐẠI LÝ VÀ ĐẠI LÝ BÁN VÉ CỦA CÁC HÃNG HÀNG KHÔNG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Điều 7. Tiêu chuẩn của pháp nhân Việt Nam được quyền hoạt động bán vé

1. Chỉ có pháp nhân Việt Nam được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam mới có quyền bán vé của các hãng hàng không tại Việt Nam, cụ thể là các doanh nghiệp sau đây:

a) Doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam được thành lập theo quy định của Điều 55 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, hoặc

b) Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam và thỏa mãn các điều kiện dưới đây:

a) Đơn xin cấp được làm theo mẫu trong phụ lục 5 kèm theo Quy định này;

b) Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó quy định cho phép thực hiện hoạt động bán vé;

c) Báo cáo về cơ cấu tổ chức, quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động bán vé và Đề án hoạt động bán vé của doanh nghiệp;

d) Báo cáo về nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bán vé;

e) Báo cáo về đội ngũ nhân viên bán vé kèm theo các Chứng chỉ tốt nghiệp lớp nghiệp vụ bán vé hàng không của các Trung tâm đào tạo hàng không của Việt Nam hoặc Quốc tế;

g) Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt Văn phòng bán vé;

h) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và quyết định cấp hoặc không cấp Chứng chỉ cho doanh nghiệp nộp đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này. Chứng chỉ được làm theo mẫu trong phụ lục 6 kèm theo Quy định này.

Chứng chỉ có giá trị trong thời hạn 2 năm. Doanh nghiệp muốn sửa đổi hoặc gia hạn Chứng chỉ phải gửi đơn đến Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Doanh nghiệp nộp đơn phải nộp các khoản lệ phí theo quy định trong phụ lục 9 kèm theo Quy định này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé, doanh nghiệp có nghĩa

vụ thông báo cho cơ quan Nhà nước cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và đăng ký hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và quyết định việc huỷ bỏ, đình chỉ hiệu lực hoặc hạn chế thời hạn hiệu lực của Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn ghi trong Chứng chỉ, hoặc

b) Doanh nghiệp được cấp Chứng chỉ không còn thỏa mãn một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy định này, hoặc

c) Hoạt động của doanh nghiệp vi phạm Luật hàng không, Hiệp định hàng không, thỏa thuận giữa hai Nhà chức trách hàng không, hoặc các quy định của pháp luật Việt Nam .

Điều 9. Hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé

1. Pháp nhân Việt Nam được quyền hoạt động bán vé tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này chỉ được phép thực hiện hoạt động bán vé cho các hãng hàng không trên cơ sở hợp đồng chỉ định tổng đại lý bán vé hoặc hợp đồng chỉ định đại lý bán vé giữa pháp nhân và các hãng hàng không đó.

2. Hợp đồng chỉ định tổng đại lý hoặc đại lý bán vé nêu tại khoản 1 của Điều này là một hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và quyết định việc chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh của pháp nhân Việt Nam hết giá trị hiệu lực;

b) Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé của pháp nhân Việt Nam bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy định này;

c) Việc thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho ngành vận chuyển hàng không của Việt Nam.

3. Tổng đại lý, đại lý bán vé có nghĩa vụ đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé với Cục Hàng không dân dụng Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết. Đơn xin đăng ký được làm theo mẫu trong phụ lục 7 kèm theo Quy định này.

4. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho tổng đại lý, đại lý bán vé, nộp đơn trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đơn. Giấy chứng nhận được làm theo mẫu trong phụ lục 8 kèm theo Quy định này.

Tổng đại lý, đại lý bán vé nộp đơn phải nộp các khoản lệ phí theo quy định trong phụ lục 9 kèm theo Quy định này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Tổng đại lý và Đại lý bán vé

1. Hoạt động bán vé của tổng đại lý và đại lý bán vé phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tổng đại lý, đại lý bán vé chỉ được quyền bán vé của hãng hàng không nước ngoài trên cơ sở hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé với hãng hàng không đó đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại các khoản

3 và 4 Điều 9 của Quy định này. Việc bán vé cho hãng hàng không nước ngoài có thể được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi hoặc bằng tiền Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Việc mở tài khoản bằng ngoại tệ tại ngân hàng, việc thanh toán, chuyển đổi ngoại tệ và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của tổng đại lý, đại lý bán vé được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Tổng đại lý, đại lý bán vé được hưởng tiền hoa hồng bán vé theo thỏa thuận với hãng hàng không.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 11. Đăng ký mẫu vé

1. Hãng hàng không Việt Nam phải trình mẫu vé lên Cục Hàng không dân dụng Việt Nam để phê duyệt.

2. Hãng hàng không nước ngoài phải đăng ký mẫu vé được bán và xuất tại Việt Nam với Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 12. Quy định về viết vé

Khi bán hoặc xuất vé, các chi tiết của vé phải được điền đầy đủ và chính xác.

Các chi tiết về người chuyên chở, số liệu chuyến bay và giá vé đối với các chuyến bay đến và đi từ Việt Nam phải được ghi theo đúng các phê duyệt của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và các cơ quan chức năng khác của Nhà nước.

Điều 13. Áp dụng giá cước và hoa hồng bán vé

1. Việc áp dụng giá cước vận chuyển hàng không đối với việc bán vé tại Việt Nam phải tuân thủ theo đúng các quy định của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về việc phê duyệt và quản lý áp dụng giá cước.

2. Hoa hồng bán vé được áp dụng theo thỏa thuận giữa hãng hàng không và tổng đại lý, đại lý bán vé. Trong trường hợp các hãng hàng không áp dụng mức hoa hồng bán vé và các hình thức thưởng khuyến khích khác đối với việc bán vé một cách bất hợp lý, tạo nên sự cạnh tranh không lành mạnh làm thiệt hại đến lợi ích của các hãng hàng không đối tác khác, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ xem xét việc kiểm soát việc áp dụng đó.

Điều 14. Chế độ báo cáo

Doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam, hãng hàng không nước ngoài có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 3 tháng một lần bằng văn bản với Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về hoạt động bán vé của mình tại Việt Nam, không kể các trường hợp phải báo cáo ngay theo yêu cầu. Báo cáo được làm theo mẫu trong phụ lục 10 kèm theo Quy định này.

Điều 15. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm

1. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước tiến hành việc kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm về hoạt động bán vé tại Việt Nam.

Việc kiểm tra định kỳ sẽ được tiến hành 06 tháng một lần. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy định này, tùy mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Văn phòng bán vé của hãng hàng không, pháp nhân Việt Nam đã có hoạt động bán vé cho các hãng hàng không tại Việt Nam phải đăng ký hoạt động với Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, các cơ quan Nhà nước có liên quan trước ngày ... tháng ... năm ... và phải tuân thủ mọi quy định của Quy định này.

2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

KT. CỤC TRƯỞNG

Phó cục trưởng

ĐÀO MẠNH NHƯNG

Phụ lục 1

*(Kèm theo Quy định về hoạt động bán
chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)
(Mẫu đơn dùng cho doanh nghiệp vận chuyển
hàng không Việt Nam)*

TÌEƯ ĐỀ
CỦA DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA DOANH
NGHIỆP VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Kính gửi: CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Đề nghị cấp Giấy đăng ký Văn phòng bán vé tại.....
(tên tỉnh, thành phố) cho:..... (Tên doanh nghiệp)

Tên giao dịch quốc tế là:

Được thành lập theo quyết định thành lập số.....
ngày...../...../.....

Do:..... cấp

Trụ sở chính tại:.....

- Điện thoại:..... Telex:..... Fax:.....

Địa chỉ Văn phòng bán vé:.....

- Điện thoại:..... Telex:..... Fax:.....

Người chịu trách nhiệm cao nhất của Văn phòng bán
vé:.....

Số lượng nhân viên làm việc tại văn phòng:.....

Nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đặt chỗ, bán
vé:.....

Các tài liệu kèm theo đơn:

- Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé;
- Chứng chỉ tốt nghiệp các lớp nghiệp vụ bán vé của các cơ sở đào tạo ngành hàng không của Việt Nam hoặc quốc tế của nhân viên bán vé;
- Biên lai nộp lệ phí nộp đơn.

Người có thẩm quyền
của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

*(Kèm theo Quy định về hoạt động bán
chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....CAAV

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 1994

GIẤY ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA DOANH NGHIỆP VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo Lệnh số 63-LCT/HDNN8 ngày 04-01-1992 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số: 242-HDBT ngày 30-06-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ Quyết định số 36-TTg ngày 06-02-1993 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xét đơn xin cấp giấy đăng ký của Văn phòng bán vé của doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép.....(Tên doanh nghiệp nộp đơn) (Sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) Địa chỉ trụ sở chính:.....
đăng ký Văn phòng bán vé tại:.....
(địa chỉ của Văn phòng bán vé).

Điều 2. Phạm vi hoạt động của Văn phòng bán vé:

- Bán hoặc xuất chứng từ vận chuyển hàng không của Doanh nghiệp cho các chuyến bay của doanh nghiệp;

- Bán hoặc xuất chứng từ vận chuyển hàng không của doanh nghiệp hoặc của các hãng hàng không khác cho các chuyến bay của các hãng hàng không khác trên cơ sở hợp đồng hoặc theo thông lệ quốc tế;

- Tiến hành các hoạt động tiếp thị, xúc tiến Thương mại, quảng cáo cho việc bán dịch vụ vận chuyển hàng không.

Điều 3. Mọi hoạt động của Văn phòng bán vé phải tuân thủ theo Quy định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Văn phòng bán vé chỉ được phép hoạt động sau khi Ủy ban nhân dân (tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé) chuẩn y đơn đăng ký hoạt động.

CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 3

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)
(Mẫu đơn dùng cho hãng hàng không nước ngoài)

**TIÊU ĐỀ CỦA
HÃNG HÀNG KHÔNG**

..... ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN PHÉP MỞ VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Đề nghị cho phép:.....

..... (tên hãng hàng không)

Quốc tịch:.....

Trụ sở chính tại:.....

- Điện thoại:..... Telex: Fax:..... Số tài khoản:.....

Vốn pháp định:.....

được mở Văn phòng bán vé tại:.....

(địa chỉ Văn phòng bán vé)

- Điện thoại:..... Telex:..... Fax:..... Số tài khoản:.....

Người chịu trách nhiệm cao nhất của Văn phòng bán vé:.....

Họ tên:..... Quốc tịch:..... Địa chỉ thường trú:.....

Số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng:..... người, trong đó:

- Người mang quốc tịch nước ngoài:

1. Họ và tên:

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

2. Họ và tên:

.....

- Người mang quốc tịch Việt Nam:

1. Họ và tên:

Sinh ngày... tháng... năm...

Địa chỉ thường trú:

2. Họ và tên:

.....

Số lượng nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đặt chỗ, bán vé: người, trong đó:

- Người mang quốc tịch nước ngoài:..... người

- Người mang quốc tịch Việt Nam:..... người

- Trang thiết bị đặt chỗ, bán vé của Văn phòng bán vé bao gồm:

- số lượng.....

Các tài liệu kèm theo đơn:

- Tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của hãng hàng không;

- Giấy phép đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện của hãng hàng không tại Việt Nam;

- Báo cáo về vốn đầu tư và trang thiết bị của Văn phòng bán vé; Báo cáo về hệ thống đặt chỗ, giữ chỗ được sử dụng;

- Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé;

- Báo cáo về đội ngũ nhân viên bán vé kèm theo các Chứng chỉ đã tốt nghiệp các lớp nghiệp vụ bán vé của các cơ sở đào tạo ngành Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc Quốc tế;

- Giấy phép cư trú và làm việc tại Việt Nam của các nhân viên nước ngoài của Văn phòng bán vé do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

- Biên lai nộp lệ phí nộp đơn.

Chúng tôi xin cam kết trong thời gian hoạt động tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng bán vé và tất cả các nhân viên của Văn phòng sẽ tuân thủ pháp luật của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hoạt động theo đúng phạm vi được Cục Hàng không dân dụng Việt Nam cho phép.

Người có thẩm quyền
của hãng hàng không nước ngoài
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 4

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:..... CAAV

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP MỞ VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo lệnh số 63-LCT/HĐNN8 ngày 4 tháng 1 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 242-HĐBT ngày 30 tháng 6 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ Quyết định số 36-TTg ngày 6 tháng 2 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xét đơn xin cấp giấy phép mở văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép..... (tên hãng hàng không nộp đơn) (sau đây gọi tắt là Hãng)

Quốc tịch.....

Địa chỉ trụ sở chính.....

Mở Văn phòng bán vé tại.....
(địa chỉ của Văn phòng bán vé)

Điều 2. Phạm vi hoạt động của Văn phòng bán vé:

- Bán chứng từ vận chuyển hàng không của Hãng cho các chuyến bay của Hãng;
- Bán chứng từ vận chuyển hàng không của Hãng cho các chuyến bay của hãng hàng không khác trên cơ sở hợp đồng hoặc theo thông lệ quốc tế;
- Tiến hành các hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo cho việc bán dịch vụ vận chuyển hàng không.

Điều 3. Số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng:..... người, trong đó:

- Người mang quốc tịch nước ngoài:

1. Họ và tên:

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

2. Họ và tên:

.....

- Người mang quốc tịch Việt Nam:

1. Họ và tên:

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ thường trú:

2. Họ và tên:

.....

Điều 4. Mọi hoạt động của Văn phòng bán vé phải tuân thủ theo quy định số/..... ngày tháng năm của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về hoạt động bán chứng

từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam về các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Văn phòng bán vé chỉ được phép hoạt động sau khi được đăng ký kinh doanh với cơ quan Trọng tài kinh tế Nhà nước của Việt Nam và sau khi Ủy ban nhân dân... (tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé) chuẩn y đơn đăng ký hoạt động.

CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 5

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

TÊU ĐỀ
CỦA DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN CẤP CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BÁN VÉ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Kính gửi: CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Đề nghị cấp chứng chỉ đủ điều kiện bán vé cho.....
..... (tên doanh nghiệp)

Tên giao dịch quốc tế là:

Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu:

Được thành lập theo quyết định thành lập số/.....
ngày...../...../.....

Do:..... cấp

Trụ sở chính tại:.....

- Điện thoại:..... - Telex:..... - Fax:.....

Tổng số vốn đăng ký cho hoạt động bán vé là..... đồng
Việt Nam (tương đương USD), trong đó:

- Vốn cố định:..... đồng Việt Nam (tương đương..... USD)

- Vốn lưu động:..... đồng Việt Nam (tương đương..... USD)

Địa chỉ Văn phòng bán vé của doanh nghiệp:.....

- Điện thoại:..... - Telex:..... - Fax:.....

Số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng bán vé:.....

Số lượng nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đặt chỗ, bán vé:.....

Các tài liệu kèm theo đơn:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó quy định cho phép thực hiện hoạt động bán vé.
- Báo cáo về cơ cấu tổ chức, quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động bán vé và Đề án hoạt động bán vé của doanh nghiệp.
- Báo cáo về nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bán vé;
- Báo cáo về đội ngũ nhân viên bán vé kèm theo các Chứng chỉ đã tốt nghiệp các lớp nghiệp vụ bán vé hàng không của các cơ sở đào tạo ngành hàng không dân dụng của Việt Nam hoặc quốc tế;
- Giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt Văn phòng bán vé;
- Biên lai nộp lệ phí nộp đơn.

Người có thẩm quyền của doanh nghiệp
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 6

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.... CAAV

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN VÉ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo lệnh số 63-LCT/HĐNN8 ngày 4 tháng 1 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 242 - HDBT ngày 30 tháng 6 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ Quyết định số 36-TTg ngày 6 tháng 2 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ;
- Xét đơn xin cấp Chứng chỉ bán vé doanh nghiệp

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận..... (tên hãng hàng không nộp đơn) (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp)

Địa chỉ trụ sở chính:..... có đủ điều kiện thực hiện hoạt động bán vé cho các hãng hàng không.

Điều 2. Phạm vi hoạt động bán vé của doanh nghiệp:

- Bán chứng từ vận chuyển hàng không của các hãng

hàng không cho các chuyến bay của các hãng hàng không trên cơ sở hợp đồng chỉ định đại lý hoặc tổng đại lý;

- Tiến hành các hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo cho việc bán vé dịch vụ vận chuyển hàng không của các hãng hàng không.

Điều 3. Doanh nghiệp được phép mở Văn phòng bán vé tại:..... (địa chỉ của Văn phòng bán vé).

Tổng số vốn đăng ký cho hoạt động bán vé của Văn phòng bán vé là:..... đồng Việt Nam (tương đương..... USD), trong đó:

- Vốn cố định:..... đồng Việt Nam (tương đương..... USD)

- Vốn lưu động:..... đồng Việt Nam (tương đương..... USD)

Điều 4. Mọi hoạt động bán vé của doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định số/..... ngày tháng năm của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam về các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Doanh nghiệp chỉ được phép thực hiện hoạt động bán vé sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp được thông báo về việc cấp chứng chỉ này và sau khi Ủy ban nhân dân..... (tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Văn phòng bán vé) chuẩn y đơn đăng ký hoạt động của Văn phòng bán vé của doanh nghiệp.

Điều 6. Chứng chỉ này có giá trị 2 năm kể từ ngày ký.

CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 7

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

**TIÊU ĐỀ
CỦA DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH
TỔNG ĐẠI LÝ, ĐẠI LÝ BÁN VÉ**

Kính gửi: CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Xin đăng ký hợp đồng chỉ định..... (tổng đại lý hoặc đại lý bán vé) ký ngày...../...../..... và hết hạn ngày...../...../.....

Giữa:

..... (tên doanh nghiệp)

Tên giao dịch quốc tế là:

Trụ sở chính tại:

Được thành lập theo quyết định thành lập số/..... ngày...../...../.....

Do:..... cấp.

Được cấp chứng chỉ đủ điều kiện bán vé số:...../..... ngày...../...../..... và (tên hãng hàng không)

Quốc tịch:

Địa chỉ trụ sở chính:

Các tài liệu kèm theo đơn:

- a) Bản sao hợp đồng;
- b) Biên lai nộp lệ phí nộp đơn.

Người có thẩm quyền của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 8

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... CAAV

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH TỔNG ĐẠI LÝ/ ĐẠI LÝ BÁN VÉ

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo lệnh số 63-LCT/HĐNN8 ngày 4 tháng 1 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 242-HĐBT ngày 30 tháng 6 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ Quyết định số 36-TTg ngày 6 tháng 2 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ;
- Xét đơn xin cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý/ đại lý bán vé của doanh nghiệp Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Chứng nhận..... (tên doanh nghiệp
nộp đơn) (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp)

Địa chỉ trụ sở chính:.....
Đăng ký hợp đồng chỉ định..... (tổng đại lý hoặc
đại lý bán vé) ký ngày...../...../..... giữa..... (tên
doanh nghiệp) và..... (tên hãng hàng không),
quốc tịch.....

CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM
CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 9

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

**LỆ PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG BÁN VÉ
TẠI VIỆT NAM****Bảng lệ phí**

TT	Các khoản lệ phí	Mức lệ phí	Thời hạn nộp
1	Lệ phí nộp đơn đăng ký Văn phòng bán vé của hãng hàng không Việt Nam	500.000 đ	Nộp cùng với đơn đăng ký
2	Lệ phí nộp đơn xin gia hạn Giấy đăng ký Văn phòng bán vé của hãng hàng không Việt Nam	500.000 đ	Nộp cùng với đơn gia hạn
3	Lệ phí nộp đơn xin sửa đổi Giấy đăng ký văn phòng bán vé của hãng hàng không Việt Nam	300.000 đ	Nộp cùng với đơn xin sửa đổi
4	Lệ phí nộp đơn xin mở Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài	50 USD	Nộp cùng với đơn xin mở Văn phòng
5	Lệ phí cấp giấy phép mở văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài	300 USD	Nộp khi nhận Giấy phép
6	Lệ phí nộp đơn xin gia hạn Giấy phép mở Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài	300 USD	Nộp cùng với đơn gia hạn
7	Lệ phí nộp đơn xin sửa đổi Giấy phép mở văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài	100 USD	Nộp cùng với đơn xin sửa đổi

8	Lệ phí nộp xin cấp Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé cho pháp nhân Việt Nam	500.000 đ	Nộp cùng với đơn xin cấp
9	Lệ phí cấp Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé cho pháp nhân Việt Nam	2.000.000 đ	Nộp khi nhận Chứng chỉ
10	Lệ phí nộp đơn xin gia hạn Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé	2.000.000 đ	Nộp khi nộp đơn xin gia hạn
11	Lệ phí nộp đơn xin sửa đổi Chứng chỉ đủ điều kiện hoạt động bán vé	1.000.000 đ	Nộp khi nộp đơn xin sửa đổi
12	Lệ phí nộp đơn xin đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý đại lý bán vé	1.000.000đ	Nộp khi nộp đơn xin đăng ký

Ghi chú:

- đ: là tiền đồng Việt Nam
- USD: là đồng tiền dollar Mỹ

(Kèm theo Quy định về hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam)

Số:...../.....

Thời gian bán: Từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

[illegible]

Người báo cáo
(Ký tên, đóng dấu)

**5. PROVISIONAL REGULATIONS
NO.913-CAAV DATED 10 MAY, 1994 OF THE
HEAD OF THE CIVIL AVIATION
ADMINISTRATION OF VIETNAM
On management of sale activities of air
transport documents in Vietnam**

**HEAD OF THE CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF
VIETNAM**

- Pursuant to the Law on Vietnam Civil Aviation promulgated in conjunction with Order No.63-LCT/HDNN 8 dated 04 January 1992 of the President of the Council of State;

- Pursuant to Decree No 242/HDBT dated 30, June, 1992 of the Council of Ministers;

- Pursuant to Decree No.36/TTG dated 6 February 1993 of the Prime Minister of Government;

- To implement the Notice No.1273/KTN dated 15 March 1994 of the Government Office notifying the Government's opinions about the sales of air transport documents in Vietnam.

- To enhance the State management on the air transport activities in Vietnam.

REGULATES:

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Application scope

These Regulations shall apply to the activities of civil aviation documents sales of Vietnamese and foreign airlines companies in Vietnam through their booking offices, booking general agents, booking agents and other form of sales.

Article 2. Interpretation of concept

In these Regulations, the following terms shall be understood as follows:

- "Aviation Convention" shall be the convention signed between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of foreign countries relating to civil aviation.

- "Agreements between two aviation authorities" shall be the agreements signed between the Civil Aviation Administration of Vietnam and foreign aviation authorities.

- "Air transport documents" shall be documents for transporting passengers, luggage, goods, post parcels by aircrafts stipulated in Articles 60 and 66 of the Law on Civil Aviation of Vietnam (hereinafter referred to as "ticket")

- "Air transport documents shall activities" shall be the activities relating to the sales and issuance of air transport documents, hereinafter referred to as "ticket sale activities".

- "Airlines company" shall be Vietnamese or foreign air transport enterprises.

- "Booking general agents". "Booking agents" shall be Vietnamese legal entities dealing with the sale of tickets for airlines company on the basis of "Booking General Agents Appointment Contract" or "Booking Agents Appointment Contracts".

- "Booking offices" shall be the place where the sale of tickets of airline companies in Vietnam shall be made.

CHAPTER II

BOOKING OFFICES OF AIRLINE COMPANIES OPERATING IN VIETNAM

Section I

BOOKING OFFICES OF VIETNAM AIRLINE COMPANIES

Article 3. Registration for operation of booking offices

1. Vietnamese air transport businesses shall register their "Booking offices" in Vietnam with the Civil Aviation Administration of Vietnam 15 days at the latest before carrying out their tickets selling activities.

2. Files for registration of Booking offices shall include:

a) Application for registration shall be made as in the form in Appendix I attached to these regulations;

b) Report on Booking Staff, to be accompanied with Graduation Certificates from Booking Courses provided by Training Centers of Vietnamese or international Civil Aviation Sector;

c) Certificates of ownership or right to use on the area of the house where Booking offices is located.

3. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide the issuance of Registration Certificate of Booking offices on the application submitted by Vietnam airlines company within 7 days, starting from the date of receiving all the documents as stipulated in Subclause 2 of this Article. The Registration Certificate shall follow the forms as in Appendix 2 attached to these Regulations. Vietnam airline companies shall, once submitting their application, pay relevant fees in pursuance with stipulations in Appendix 9 attached to these Regulations.

4. Any changes by the Booking offices in the contents of the Registration files stipulated in Subclause 2 of this Article shall re-registered with the Civil Aviation Administration of Vietnam.

Section II

BOOKING OFFICES OF FOREIGN AIRLINE COMPANIES

Article 4. Conditions for establishment of Booking offices

Any foreign airline companies shall, in case of intending to conduct booking activities in Vietnam through their booking offices, meet the following conditions.

1. To be entitled to sell tickets in Vietnam pursuant to an Aviation Convention or Agreement between two aviation authorities and with the approval from the Vietnamese Government.

2. To have their Representative offices in Vietnam duly opened operating in pursuance with the stipulations of Vietnamese laws.

3. To have booking staff qualified in booking activities.

Article 5. Procedures for issuance of Permits for opening Booking Offices

1. Any foreign airline companies which intend to open their ticket offices in Vietnam shall submit their application for issuance of Booking Offices Licence to the Civil Aviation Administration of Vietnam.

Application for Licence issuance shall include the following documents:

a) Application for Licence issuance, to be made as in the form in Appendix 3 attached to these Regulations:

b) Documents evidencing legal status and business activities of the relevant airline company;

c) Licence for opening and operation of Representative offices in Vietnam of the relevant airline companies.

d) Report on investment capital and equipment for Booking Offices, Report on the systems for seat ordering and seat reservation to be used;

e) Ownership or right to use certificate on the area of the house where the Booking Offices is located;

g) Report on the booking staff, accompanied with graduation certificates in Booking Granted by training centers of Vietnamese or international civil aviation sector.

h) Residence and working Permits in Vietnam granted to foreign employees of Booking Offices by Vietnamese authorities;

i) Other documents as required by the Civil Aviation Administration of Vietnam.

2. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide the issuance of the Licence for opening Booking Offices for which foreign airline companies have

submitted their application within a period of 30 days, starting from the date of receiving full documents stipulated in subclause 1 of this Article. The Registration Certificate shall follow the forms in Appendix 4 attached to these Regulations.

The Civil Aviation Administration of Vietnam shall send the Ministry of Trade a copy of the Licence for opening Booking Offices for foreign airline companies within 7 days starting from the issuance date.

Foreign airline companies shall, upon submitting application, pay of fees as stipulated in Appendix 9 attached to these Regulations.

3. After receiving Licence, the Booking Offices of foreign airline companies shall have to register their operations with the competent state authorities.

4. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide abrogation, suspension of the validity of Booking Offices Licence of foreign airline companies in the following cases:

a) Termination of Aviation Convention validity or foreign airline companies are no longer the nominated airline companies in pursuance with the provisions of Aviation Convention, or.

b) Termination of the agreement validity between two airline authorities, or

c) Expiration of the duration of the Licence; or

d) Upon proposals of foreign airline companies, or

e) Breaches found in the operations of foreign airline companies or Booking Offices to Aviation Conventions, Agreements between two airline authorities, or the regulations of Vietnamese laws.

Article 6. Rights and obligations of Booking Offices

1. Activities relating to ticket sales, seat reservation conducted by Booking Offices of foreign airline companies shall abide by Aviation Convention, agreements between two aviation authorities and the regulations of Vietnamese laws.

2. The lease of working offices, residential houses, hiring of employees, or other facilities for booking or living activities, the opening of accounts in Dong or in foreign currencies at the banks in Vietnam, the payment, conversion or remittance of foreign currencies abroad, the import into Vietnam and re-export of equipments necessary for booking activities of Booking Offices shall be made in pursuance with the regulations of Vietnamese laws and the international conventions to which Vietnam is a signatory.

3. In case of withdrawal or suspension of Booking Offices' licence of foreign airline companies in Vietnam in pursuance with the provisions in subclause 4, Article 5 of these Regulations, the settlement of debts in relation to the relevant organizations or individuals in Vietnam shall be made in pursuance with Vietnamese laws.

Chapter III

BOOKING AGENTS OR BOOKING GENERAL AGENTS

Article 7. Eligibility for booking activities for Vietnamese legal entities

1. Only Vietnamese legal entities which are legally established and operating in pursuance with Vietnamese

laws shall be entitled to sell tickets for airline companies in Vietnam, detailed as follows;

a) Vietnam air transport enterprises which are established in pursuance with the provisions of Article 55 of Vietnam Civil Aviation Law, or

b) Vietnamese enterprises which are established in pursuance with Vietnamese laws and meet the following conditions:

- Being permitted to carry out booking activities if stipulated in the Business Registration Licence of the enterprise.

- Being granted Certificate on Eligibility for Booking Activities by the Civil Aviation Administration of Vietnam

2. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider the issuance of Certificate on Eligibility for Booking for Vietnamese enterprise stipulated in Section b sub-clause 1, of this Article, on the following basis:

a) The enterprise shall have staff and management mechanism satisfactorily meeting the conditions for booking activities.

b) The enterprise shall have stable financing source for booking activity, be able to hire or buy equipment or machinery for ensurance of booking and seat reservation activities.

c) The enterprise wich has the booking office shall be entitled to register it with the relevant local authority to be put under the ownership or use right or the Booking Agent.

d) The enterprise has booking staff who, are professionally qualified in the field of booking, have

graduation certificates in booking granted by training centers of Vietnamese or international aviation sector:

Article 8. Procedures for issuance of Certificate on Eligibility for booking activities

1. Vietnamese enterprise stated in Point b, sub - clause 1, Article 7 of these Regulations shall, in case of wanting to be granted Certificate on Eligibility for Booking activities, shall submit their application to the Civil Aviation Administration of Vietnam.

Application for Certificate issuance shall include the following documents.

a) Application for issuance, to be made as in the form in Appendix 5 attached to these Regulations.

b) Business Registration Licenses of the relevant enterprise, in which the permission of booking activities is stipulated.

c) Report on the structure of organization, management, material facilities, equipment for the purpose of booking activity and booking activity scheme of the enterprise

d) Report on financial sources used for booking activities.

e) Report on booking staff, attached with certificate in air booking granted by training centers of Vietnamese or international aviation industry

g) Certificate on ownership or right to use of the area of the house where the booking offices is located.

h) Other documents at the request of the Civil Aviation Administration of Vietnam.

2. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide whether or not to issue the Certificate for the enterprise which has submitted its application within

30 days beginning from the date of receiving sufficient documents as required in sub-clause 1 of this Article. The Certificate shall have to follow the forms as described in Appendix 6 attached to these Regulations.

The Certificate shall remain valid for 2 years. The enterprise shall, in case of amendment or extension of its certificate, submit its application to the Civil Aviation Administration of Vietnam. Upon submission application, the enterprise shall pay fees as stipulated in Appendix 9 attached to these Regulations.

3. Within 30 days starting from the date of receiving the Certificate on Eligibility for booking activities, the enterprise shall be responsible for notifying the State Organ in charge of business registration licence issuance and shall register its operation with the competent state organ.

4. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide the cancellation, suspension of the validity or restriction of effective duration of the Certificate on Eligibility for booking activities in the following cases.

- a) Expiration of the duration stated in the certificate; or
- b) The enterprise which has been granted certificate no longer meets one of the conditions stipulated in sub-clause 2, Article 7 of these Regulations, or.
- c) The activities of the enterprise are in breach of Aviation Law, Aviation Conventions, Agreements between two aviation authorities, or the regulations of Vietnamese Laws.

Article 9. Booking agent or booking general agent appointment contracts.

1. Vietnam legal entities permitted to conduct their

booking business in Vietnam in pursuance with the regulations at sub-clause 1, Article 7 of these Regulations shall only be able to conduct their booking activities for aviation companies on the basis of Booking General Agent appointment contracts or Booking Agent appointment contracts between the legal entities and those airline companies.

2. The booking general agent or agent appointment contract mentioned in subclause 1 of this Article shall be an economic contract in pursuance with the regulations of Vietnam laws. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and decide the termination of validity before the contract expiration in the following cases:

a) Termination of validity in Incorporation licence and Business Registration Licence of Vietnamese legal entities.

b) Withdrawal of Certificate on Eligibility for Booking Activities of Vietnamese legal entities in pursuance with the provisions stipulated in sub-clause 3, Article 9 of these Regulations;

c) Damages caused to air transport industry of Vietnam as a result of the implementation of contracts.

3. The booking general agent, or agent shall be responsible for registering Booking general Agent or Agent Appointment Contracts with the Civil Aviation Administration of Vietnam within 15 days from their signing date. The application for registration shall be made as in the from detailed in Appendix 7 attached to these Regulations.

4. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall consider and issue the Booking General Agent (or Agent)

Appointment contracts for the general agents or agents which have submitted application within 7 days, starting from the date of receiving the application. The Certificate shall follow the forms detailed in Appendix 8 attached to these Regulations.

The Booking general agents or agents shall, upon their submission of application, pay fees as stipulated in Appendix 9 attached to these Regulations.

Article 10. Rights and obligations of Booking Agent or General Agents

1. Booking activities conducted by booking agents or general agents shall comply with the regulations of Vietnam laws.

2. Booking General Agents or Agents shall be only entitled to sell tickets for foreign airlines companies on the basis of Booking agent or general agent appointment contracts and those airline companies have been granted Registration certificates in pursuance with stipulations as in sub-clauses 3 and 4 of Article 9 of these Regulations. The ticket sale for foreign airline companies may be transacted in freely convertible currencies or in Vietnam Dong in pursuance with the regulations of Vietnamese laws.

3. The opening of accounts at banks, the payment and conversion of foreign currencies and remittance of foreign currencies abroad by booking general agents or agents shall be made in pursuance with the stipulations of Vietnamese laws.

4. The Booking Agents or General Agents shall be entitled to a commission on the tickets sold as agreed with airlines companies.

OTHER PROVISIONS

Article 11. Registration of ticket forms

1. Vietnam airlines companies shall have to submit the ticket forms to the Civil Aviation Administration of Vietnam for approval.

2. The foreign airline company shall register ticket forms to be sold and to be delivered in Vietnam with the Civil Aviation Administration of Vietnam.

Article 12. Provisions on tiket writing

Upon being sold or issued, all the details or the tickets shall be filled in a full and correct manner.

Details relating to carriers, flight number, and ticket price for the flights to and from Vietnam shall be recorded strictly in compliance with the approval of the Civil Aviation Administration of Vietnam and other competent state authorities.

Article 13. Application of freight or booking commission

1. The application of air freight to the ticket sales in Vietnam shall comply with the regulations of Civil Aviation Department concerning the approval and management of freight application.

2. Booking commission shall apply in accordance with the agreement between the airline companies and booking agents or general agents. In case the airlines companies apply other unreasonable booking commission or incentive forms, creating an unhealthy competitiveness and causing

damages to the benefits of other counterpart airline companies. Vietnam Civil Aviation company shall consider the control on that application.

Article 14. Reporting Duty

Vietnam air transport enterprises, foreign airline companies shall be responsible for making the periodical report policy every three months in writing to the Civil Aviation Administration of Vietnam about their booking activities in Vietnam, not including the cases in which immediate reports shall have to be made as required. The reports shall follow the forms in Appendix 10 attached to these Regulations.

Article 15. Control, Inspection and settlement of breaches

1. The Civil Aviation Administration of Vietnam shall cooperate with other competent state authorities to conduct the control, inspection, and settlement of breaches in booking activities in Vietnam.

The periodical inspection shall be conducted every 6 months. The Civil Aviation Department shall be entitled to conduct the on-the-spot inspections, where necessary.

2. Organizations, individuals in breach of these provisions of these Regulations shall be dealt with, depending on the seriousness of breaches, in pursuance with the laws in force at the time.

Article 16. Implementation Provisions

1. Booking Offices of Vietnamese airline companies or legal entities which have already conducted the booking activities for airline companies in Vietnam shall register

their operation with the Civil Aviation Administration of Vietnam and other relevant state bodies before 10 October 1994 and shall abide by all the provisions of these Regulations.

2. These Regulations shall come into force as of the signing date.

CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM
FOR DEPARTMENT CHIEF
VICE CHIEF
DAO MANH NHUONG

Appendix 1

*(Attached to the Regulations on the selling
activities of air transport documents in Vietnam)
(Form to be used for Vietnamese air transport
enterprises)*

Letterhead
of the enterprise

Socialist Republic of Vietnam
Independence - Liberty - Happiness

on.....

**APPLICATION FOR REGISTRATION OF BOOKING
OFFICES OF VIETNAM AIR TRANSPORT
ENTERPRISES**

To: The Civil Aviation Administration of Vietnam

It is proposed to grant the Registration Certificate for
booking offices in:.....
(Name of province, city) for:..... (Name of enterprise)

International transaction name:

Being established under Incorporation Decision No:
dated:.....

Issued by:.....

Head office:.....

Tel:..... Telex:..... Fax.....

Booking Offices address:

Tel:..... Telex:..... Fax.....

Official in highest responsibility of Booking offices.....

Number of employees working at the office.....

Employees directly in charge of seat reservation and booking activities.....

Documents attached to the application:

- Ownership Certificate or Right to use Certificate on the area of the house where the booking office is located;
- Graduation Certificate from Booking Courses held by Training Centers of Vietnamese or international airline sectors for booking clerks;
- Receipts for application submission fees.

Authorized Representative of the enterprise
(signature and seal)

Appendix 2

*(Attached to the Regulations on sale
activities of air transport documents in Vietnam)*

Ministry of communication and transports SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Civil aviation administration of Vietnam Independence-Liberty-Happiness

No..... /the CAAV

Hanoi, on.....

CERTIFICATE FOR REGISTRATION OF BOOKING OFFICE FOR VIETNAMESE AIR TRANSPORT ENTERPRISES

HEAD OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM

- Pursuant to the Vietnam Civil Aviation Law promulgated in conjunction with the order No 63 - LCT/HDNN 8 dated 4 January 1992 of the President of the Council of State.

- Pursuant to Decree No 242-HDBT dated 30 June 1992 of the Chairman of the Council of Ministers

- Pursuant to Decree No.36/TTG dated 06 February 1993 of the Prime Minister of the Government.

- Considering the application for issuance of the Certificate of Booking Offices registration for Vietnam Air transport enterprise.

DECIDES

Article 1. Shall be hereby permitted: [name of the enterprise submitting application] (hereinafter referred to as enterprise)

Head office address:.....

to register Booking Offices at [address of booking office].

.....

Article 2. Activity scope of Booking offices:

- To sell and issue air transport documents of the enterprise for the flights of the enterprise
- To sell and issue air transport documents of the enterprise or other airline companies for the flights of other airline companies on the contractual basis or in pursuance with international practice.
- To conduct the activities in marketing, trading, advertisement for the sale of air transport services.

Article 3. Any activities of Booking Office shall abide by Regulations Bo. .. dated... of the Civil Aviation Administration of Vietnam in terms of sale activities of air transport documents in Vietnam and other regulations of Vietnam laws.

Article 4. Booking Office shall be only entitled to operate after the People's Committee of... [name of the province or city there the booking office is located] has approved the application for operation registration

CIVIL AVITION ADMINISTRATION OF VIETNAM
DEPARTMENT CHIEF.

Appendix 3

*(Attached to the Regulations on sale activities of
air transport documents in Vietnam)
(Application form to be used by foreign airline
companies)*

Letterhead
of the enterprise

Socialist Republic of Vietnam
Independence - Liberty - Happiness

on.....

APPLICATION FOR OPENING BOOKING OFFICE FOR FOREIGN AIRLINE COMPANIES

To: The Civil Aviation Administration of Vietnam

It is proposed to grant permission to:.....
(name of airline company)

Nationality.....

Head office at.....

- Tel..... - Telex..... - Fax..... - Account No.....

Legal Capital:.....
to open Booking Offices at:.....
.....(address of booking offices)

- Tel..... - Telex..... - Fax..... - Account No.....

Official in highest responsibility for the Booking
Offices:

Full name: Nationality: Permanent resident:

Number of employees working in the office:..... People,
of which:

- Employees of foreign nationalities:

1. Full name:

Birth date:

Nationality:

Permanent residence:

2. Full name:

.....

- Employees of Vietnamese nationality

1. Full name:

Birth of date:

Nationality:

Permanent residence:

2. Full name:

.....

Number of employees directly in charge of booking and seat reservation activities..... people of which:

- Employees of foreign nationalities:..... people

- Employees of Vietnamese nationality:..... people

Equipment for booking or seat reservation of the office including:

-..... quantity.....

-.....

Documents attaches to the application:

- Documents confirming legal status and business activities of airline companies:

- Licence for establishment and operation of

Representative Office of foreign airline companies in Vietnam.

- Report on investment capital and equipment of Booking office Report on the Booking and Seat Reservation systems to be used.

- Certificate on the ownership and right to use of the area of the house where the booking office is located.

- Report on booking staff, accompanied with graduation certificates for Booking Courses held by Training Centers of Vietnamese or International airline companies.

- Residence and Working Permits in Vietnam of foreign employees of the Booking Office granted by Vietnamese competent authorities.

- Receipts for application submission fees.

We do undertake that during the operation in the Socialist Republic of Vietnam, our Booking Office and all its employees shall comply with the laws of the Socialist Republic of Vietnam and shall conduct the activities within the scope permitted by the Civil Aviation Administration of Vietnam.

**Authorized Representative of foreign
airline companies
(Signature and seal)**

Appendix 4

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

Ministry of communication and transports SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Civil aviation administration of Vietnam Independence - Liberty - Happiness

No:...../ the CAAV

Hanoi, on.....

LICENCE FOR OPENING BOOKING OFFICE OF FOREIGN AIRLINE COMPANIES

HEAD OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM

- Pursuant to Vietnam Civil Aviation Law promulgated in conjunction with the order no. 63-LCT/HDNN 8 dated 04 January 1992 of the President of the council of State*
- Pursuant to Decree No. 242-HDBT dated 20 June 1992 of the Chairman of the Council of Ministers.*
- Pursuant to Decision No. 36/TTg dated 16 February 1993 of the Prime Minister of Government.*
- Considering the application for issuance of licence for opening booking office of foreign airline companies.*

DECIDES

Article 1. To permit..... (name of the airline company submitting application (hereinafter referred to as enterprise)

Nationality.....

Address of head office.....
to open booking office at:..... (address of booking office)

Article 2. Operation scope of Booking Office

- Selling air transport documents of the company for its flights.

- Selling air transport documents of the company for the flights of other airline companies on the basis of contract or international practices.

- To conduct activities in marketing, trading and advertisement for the sale of air transport services.

Article 3. Number of employees working at the office:
..... people, of which:

- Employees of foreign nationalities:

1. Full name:

Birth of date:

Nationality:

Permanent residence:

2. Full name:

.....

- Employees of Vietnamese nationality

1. Full name

Birth of date:

Nationality:

Permanent residence:

2. Full name:

.....

Article 4. All the activities of booking Office shall observe Regulation No... dated ... of the Civil Aviation Administration of Vietnam in terms of sale activities of air

transport documents in Vietnam and other regulations of Vietnamese laws.

Article 5. Booking Office shall be only entitled to operate after having made business registration with the State Economic Arbitration of Vietnam and after the People's Committee of... [name of Province, City where the booking Office is located] has approved the application for business registration.

CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM
DEPARTMENT CHIEF

Appendix 5

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

(The form it used for Vietnamese enterprises)

Letterhead
of the enterprise

Socialist Republic of Vietnam
Independence - Liberty - Happiness

on.....

**APPLICATION FOR ISSUANCE OF THE
CERTIFICATE ON ELIGIBILITY FOR BOOKING FOR
VIETNAMESE ENTERPRISES**

To: The Civil Aviation Administration of Vietnam

It is proposed to grant the certificate on eligibility for
booking to:.....
(name of enterprise)

International transaction name

Major business activities or sectors:

Established in pursuance with Incorporation Decision
No..... dated.....

Issued by:

Head office at:

Tel:..... Telex..... Fax.....

Total registered capital for booking activities is.....
VN Dong (equalling..... USD) of which:

- Fixed capital:..... VN Dong (equalling:..... USD)
- Working capital:..... VN Dong (equalling:..... USD)

Address of Booking Office of the enterprise:

Tel:..... Telex..... Fax.....

Number of employees working at Booking Offices:

Number of employees directly in charge of booking and seat reservation activities..... people

Documents attached to the application:

- business registration licence of the enterprise, in which the permission for booking activity has been provided.
- Report on the method of organization, management, material facilities, equipment for purpose of booking activities and the booking activity plan of the enterprise
- Report on financial sources for booking activities.
- Report on booking staff, accompanied with graduation certificates in Air Booking granted by Training Centers of Vietnamese or international Civil Aviation sector.
- Certificate on ownership and or right to use on the area of the house where the booking office is located.
- Receipts for applications submission fees.

**Authorized Representative of the
enterprise**

(Signature and seal)

Appendix 6

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

Ministry of communication and transports
Civil aviation administration of Vietnam

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness

No...../the CAAV

Hanoi, on.....

CERTIFICATE ON ELIGIBILITY FOR BOOKING FOR VIETNAMESE ENTERPRISES

HEAD OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM

- Pursuant to Vietnam civil Aviation Law promulgated in conjunction with the Order No. 63-LCT/HDNN8 date 04 January 1992 of the President of the Council of State.
- Pursuant to Decree No 242/HDBT dated 30, June, 1992 of the chairman of Council of Ministers
- Pursuant to Decision No 36/TTg dated 06 February 1993 of the Prime Minister of the Government.
- Considering the application for issuance of Booking Certificate of the enterprise

DECIDES

Article 1. To recognize:..... (name of the enterprise submitting application) (Hereinafter referred to enterprise)
Address of the head office.....
to meet necessary requirements for implementing booking activities for airline companies.

Article 2. Booking scope of activity of the enterprise:

- To sell air transport documents of airline companies

for their flights on the basis of General Agent or agent appointment contract.

- To proceed with activities in marketing, trading, advertisement for the sale of tickets in air transport service for airlines companies.

Article 3. The enterprise shall be permitted to open its Booking Office at..... (address of Booking Office).

Total registered capital for booking activities of Booking Office..... VN Dong (equalling..... USD) of which:

- Fixed capital:..... VN Dong (equalling..... USD)

- Working capital:..... VN Dong (equalling..... USD)

Article 4. All the booking activities conducted by the enterprise shall comply with the Regulations No... dated... of the civil Aviation Administration of Vietnam and other regulation of Vietnamese laws.

Article 5. The enterprise shall be only entitled to carry out its booking activities after the competent state authority in charge of issuance of business Registration Licence for the enterprise has been informed about the issuance of this Certificates and after the People's committee of (name of Province, City where the Booking Office is located) has approved the application for operation registration of the Booking Office of the enterprise.

Article 6. This Certificate shall remain its validity for two years, starting from its signing date.

CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM
DEPARTMENT CHIEF

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

Letterhead
of the enterprise

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness

on.....

**APPLICATION FOR REGISTRATION OF BOOKING
AGENT OR GENERAL AGENT APPOINTMENT
CONTRACTS**

To: The Civil Aviation Administration of Vietnam

It is requested for registration of... (booking general agent
or agent appointment contract) signed on ... and expiring
on ...

Between

..... (name of enterprise)

International transaction name:

head office at:

Established in pursuance with Incorporation Decision No.
date

Issued by:

Being granted Certificate on eligibility for booking No...
date...

And

..... (name of airline companies)

Nationality:

Address of the head office:

Documents attached to the application

- a) Copy of the contract
- b) Receipt for application fees

**Authorized Representative of the
enterprise
(Signature and seal)**

Appendix 8

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

Ministry of communication and transports SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Civil aviation administration of Vietnam Independence - Liberty - Happiness

No...../the CAAV

Hanoi, on.....

CERTIFICATE ON REGISTRATION OF BOOKING AGENT GENERAL AGENT APPOINTMENT CONTRACTS

HEAD OF CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM

*- Pursuant to Vietnam Civil Aviation Law promulgated
in conjunction with the order no. 63-LCT/HDNN 8 dated
04 January 1992 of the President of the council of State*

*- Pursuant to Decree No: 242-HDBT dated 30 June 1992
of the Chairman of the Council of Ministers*

*- Pursuant to Decision No. 36/TTg dated 16 February
1993 of the Prime Minister of Government.*

*- Considering the application for issuance of licence for
opening booking agent/general agent appointment contract
of Vietnamese enterprise.*

DECIDES

To certify that.....
(name of the enterprise submitting application) (hereinafter
referred to, in short, as enterprise).

Address of head office:.....
has registered..... (booking general agent / agent

appointment contracts signed on..... between..... (name of the enterprise) and..... (name of airline company), nationality:....

CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM
DEPARTMENT CHIEF

Appendix 9

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

**FEEs RELATING TO BOOKING ACTIVITIES IN
VIETNAM****Fees table**

Order No	Items of fees	Fee rate	Payment time
1	Fees for submission of application for registration of booking office of Vietnam airline companies	500,000 d	Fees to be paid together with the registration application
2	Fees for submission of application for extension of booking office registration certificate of Vietnamese airline companies	500,000 d	Fees to be paid together with the application for extension
3	Fees for submitting of application for amendment of booking office's registration certificate of Vietnamese airline companies	300,000 d	Fees to be paid together with the application for amendment
4	Fees for submitting of application for registration of booking office of foreign airline companies	USD 50	Fees to be paid together with the application for opening office
5	Fees for issuance of Booking Office Licence for foreign airline companies	USD 300	Fees to be paid upon receipt of licence

Order No	Items of fees	Fee rate	Payment time
6	Fees for submitting application for extension of licence for opening booking office for foreign airline companies	USD 300	Fees to be paid together with the application for extension
7	Fees for submitting application for amendment of the Licence for opening booking offices of foreign airline companies	USD 100	Fees to be paid together with the application for amendments
8	Fees for submitting application for issuance of certificate on eligibility for booking activities for Vietnamese legal entities	500,000 d	Fees to be paid together with the application for issuance
9	Fees for issuance of certificate on eligibility for booking activities for Vietnam legal entities	2,000,000 d	Fees to be paid together with the application for extension
10	Fees for submitting application for extension of certificate on Eligibility for booking activities	2,000,000 d	Fees to be paid together with the application for extension
11	Fees for submitting application for amendment of the certificate on Eligibility for booking activities	1,000,000 d	Fees to be paid upon submission of application for amendment
12	Fees for submitting application for registration of booking agent general agent appointment contracts	1,000,000 d	Fees to be paid upon submission of application for registration.

Notes:

- d: that is, Vietnamese dong
- USD: that is, US Dollars

Appendix 10

*(Attached to the Regulations on Sale activities of
air transport documents in Vietnam)*

(The form is used for Vietnamese enterprises)

**REPORT ON SALE ACTIVITIES OF AIR TICKET
IN VIETNAM**

No:...../.....

Air company:

Date:.....

Reported duration: From date..... to date.....

Amount of ticket	Route	Name of Person who and place where ticket is sold	Airfreight		Booking commission	
			Airfreight of route	Total	% Booking commission	Total
Total						

Reporter

(Signature and seal)

6. THÔNG TU SỐ 100-TC-TCT
NGÀY 3-12-1993 CỦA BỘ TÀI CHÍNH
Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng lệ phí đặt
và hoạt động của Văn phòng thường trú
các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam

Thi hành Điều 9, Bản Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ban hành theo Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-1-1990 của HĐBT) Liên Bộ Tài chính, Thương mại và Du lịch đã có Thông tư số 62 TT/LB ngày 8-11-1991 về việc thu lệ phí đặt và hoạt động của văn phòng thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam (dưới đây gọi là lệ phí đặt văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam).

Qua thời gian thực hiện và căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí, Bộ Tài chính hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng lệ phí đặt văn phòng đại diện như sau:

1. Đối tượng thu và mức thu

1. Đối tượng thu

Mọi tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài khi được Bộ

Thương mại cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh đại diện của văn phòng gốc tại Việt Nam đều phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Mức thu

Lệ phí đặt văn phòng đại diện thu bằng đôla Mỹ, mức thu một lần cấp giấy phép cụ thể như sau:

- Lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện 5.000 USD.
- Lệ phí cấp giấy phép đặt chi nhánh của văn phòng đại diện gốc tại Việt Nam 4.000 USD.

Các trường hợp cấp giấy phép gia hạn thêm thời gian hoạt động cũng phải nộp lệ phí theo mức trên.

II. Thủ tục nộp và phân phối sử dụng nguồn thu

1. Thủ tục nộp

Lệ phí đặt văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam là khoản thu của ngân sách Nhà nước do Bộ Thương mại đảm nhiệm thu và thu trước khi cấp giấy phép cho các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp cấp giấy phép mà không thu đủ lệ phí theo quy định thì sẽ bị truy thu số lệ phí nộp thiếu và bị phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế quy định tại Nghị định số 01-CP ngày 18 tháng 10 năm 1992 của Chính phủ.

Trường hợp đối tượng tổ chức kinh tế, cá nhân người nước ngoài nộp tiền mặt thì cơ quan thu phải sử dụng biên lai thu tiền do Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) phát hành và nhận tại cục thuế địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở. Đơn vị thu phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng biên lai theo đúng chế độ do Bộ Tài chính quy định.

Trường hợp tổ chức kinh tế, cá nhân người nước ngoài nộp tiền qua ngân hàng thì Bộ Thương mại căn cứ vào

chứng từ báo có của Ngân hàng để làm căn cứ cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện và chi nhánh.

2. Sử dụng nguồn thu

a) Bộ Thương mại được tạm trích để lại 10% (mười phần trăm) số lệ phí thu được để chi cho các nội dung sau:

- Bù đắp chi phí phục vụ công tác thu lệ phí và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép (nếu những khoản chi này chưa được tính trong kinh phí thường xuyên ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho Bộ Thương mại).

- Chi phí đối ngoại cho công việc cấp giấy phép.

- In tờ khai và giấy phép.

- Chi thường cho những người trực tiếp liên quan đến công tác thu và cấp giấy phép. Nhưng mức thường tối đa mỗi năm không quá 3 tháng lương cơ bản.

Ngoài số ngoại tệ được để lại cho Bộ Thương mại cân đối sử dụng về chi ngoại tệ theo kế hoạch tài chính được duyệt, số còn lại Bộ Thương mại không cần sử dụng phải bán cho ngân hàng Ngoại thương, cuối năm quyết toán riêng khoản kinh phí này nếu không sử dụng hết phải nộp ngân sách Nhà nước.

b) Số tiền còn lại sau khi tạm trích để lại theo tỷ lệ trên định kỳ hàng tháng Bộ Thương mại phải nộp vào tài khoản ngoại tệ tập trung của ngân sách Nhà nước tại Ngân hàng Ngoại thương Trung ương số tài khoản là 212.210.371.000 chậm nhất ngày 5 tháng sau phải nộp hết số phải nộp của tháng trước.

Cục thuế các tỉnh và thành phố có trách nhiệm kiểm tra tình hình thu nộp và đơn đốc đơn vị thu lệ phí nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước số phải nộp theo chế độ quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 - 1 - 1994 thay thế Thông tư số 62 TT/LB ngày 8-11-1991 của Liên Bộ Tài chính - Thương mại và Du lịch (nay là Bộ Thương mại).

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

PHAN VĂN DĨNH

**6. CIRCULAR NO .100 -TC/ TCT DATED 3
DECEMBER, 1993 OF THE MINISTRY OF
FINANCE (MoF)**

**Guiding the collection, management,
utilization of fee of establishment and
operation of the foreign economic
organization representative offices in Vietnam
(F.E.O.R.O)**

Implementing Article 9 of regulations on the establishment and operation of F.E.O.R.O in Socialist Republic of Vietnam (promulgated in conjunction with Decree No.382/HDBT dated 5 January, 1990 of the council of Ministers), Ministrial of Finance, Trade and Tourism has issued the circular No.62 TT/LB dated 8 November, 1991 on collection fee of establishment and operation of F.E.O.R.O in Vietnam. (here in af ter called fee E.O.F.E.R.O in Vietnam).

Through the period of implementing and according to the Decision No. 276-CT dated 28 July, 1992 of the Chairman of the Council of Minister (now Prime Minister) on allocating the MOF guides the collection, management, utilization of fees of establishment F.E.O.R.O as follows:

I. Payer and collection level

1. Payers: All economic organizations, foreign individuals after having a licence from Ministry of Trade (MoT) for establishment R.O or branch of R. O's head shall pay fee stipulated in this circular.

2. Collection level: fee to be paid in US dollar, the fees receipt amount for each time to granting a licence is as follows:

- Fee for granting licence for establishment
Representative office 5,000 USD
- Fee for granting licence for establishment branch of
R.O's head in Vietnam 4,000USD

In case of extension to operation time, they shall pay fees according to above levels.

II. Procedure of receipt and distribution for utilization the sources of receipt.

1. Procedure of receipt:

Fee of establishment R.E.O.R.O in Vietnam is a receipt for the state budget that MoT is responsible to collect and before the time to grant the licence to R.E.O.R.O in case that after granting a licence but still not pay enough fee, it will be collected back payment liabilities and will be fined according to Decree No.01/CP dated 18 October, 1992 of the Government on sanctions against administrative violations in tax domain.

In case that economic organizations, individuals of foreign pay the cash, the collecting office must use the receipts distributed by the MoF (General Department of Tax) and collecting office receives the receipts from the

local tax department where it is located, collecting office is responsible to manage, to use receipts according to the regulations of the MoF.

In case that economic organizations, individuals of foreign make payment of fee in money transfer at the bank, based on a written notice of the bank, MoT shall grant a licence for establishment R.O and branch.

2. Utilization sources of receipt:

a) MoT can temporary draw 10% (ten percent) of the amount of fee for using in following matters:

- It is remained for supplementing the activity of collecting fee and evaluating application (if these expenditures are not calculated from annual expenditures of MoT which issued by State budget)

- It is remained for supplementing the international relation activities.

- It is remained for printing the declare and licence.

- To reward to the person who directly relates to the collecting and granting a licence, but the amount of reward do not exceed 3 months of basic salary in every year.

Besides the foreign exchange amount to used by MoT for foreign exchange revenue according to financial plan; the remain sum of the amount unused, MoT must sale to foreign bank and at the end of year, MoT must draw the balance sheet of this expenditure, if after aring it is still remain, MoT shall pay it to State budget.

b) The remained sum after drawing conform with the proportion, every month MoT pay at concentration foreign currency account of State budget at foreign trade bank with

No account: 212.210.371.000 the time not later than the day at five first days of the following month.

The tax department of the provinces and cities have the responsibility to supervise and speed up the collecting office to carry out the intime payment to the State budget according to this regulation.

This Circular shall come into full force from 1 January, 1994 and repalaced intercircular No 62 TT/ LB dated 8 November 1991 of the MoF, Ministry of Trade and Tourism (now MoT)

FOR THE MINISTER OF FINANCE
VICE MINISTER
PHAN VAN DINH

**7. NGHỊ ĐỊNH SỐ 115-CP NGÀY 5-9-1994 CỦA
CHÍNH PHỦ**

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của
Trường dạy nghề của nước ngoài tại Cộng
hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm
1992;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế hoạt động của Trường dạy nghề của nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

QUY CHẾ

Hoạt động của Trường dạy nghề của nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 115-CP,
ngày 5-9-1994 của Chính phủ)*

Điều 1. Trường dạy nghề của nước ngoài là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghề, do các tổ chức, cá nhân người nước ngoài đầu tư, xây dựng và tổ chức hoạt động theo Quy chế này.

Điều 2. Trường dạy nghề của nước ngoài thành lập theo Quy chế này có tư cách pháp nhân, hoạt động theo đúng luật pháp Việt Nam, không hại đến an ninh quốc gia, không trái với truyền thống đạo đức, văn hoá của dân tộc Việt Nam và phải thực hiện các nghĩa vụ ghi trong giấy phép cho mở trường.

Điều 3. Việc thành lập và giải thể trường dạy nghề của nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và quyết định thủ tục, hồ sơ xin phép mở trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 4. Trường dạy nghề của nước ngoài được phép hoạt động trên các lĩnh vực sau đây:

- Đào tạo nghề theo mục tiêu, chương trình đã đăng ký

với Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và có thể giảng dạy bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ (tiếng nước ngoài và tiếng Việt Nam).

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp cho công nhân, nhân viên nghiệp vụ.

- Tổ chức đào tạo kết hợp với thực tập sản xuất để áp dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới trong đào tạo cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Điều 5. Trường dạy nghề của nước ngoài chỉ được đào tạo nghề và tổ chức thực tập sản xuất cho học sinh học nghề theo đúng ngành nghề đào tạo, được ưu đãi về thuế theo quy định cụ thể trong giấy phép cho mở trường.

Điều 6. Công dân Việt Nam được ưu tiên tuyển dụng vào làm giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật tại trường.

Đối với những giáo viên và nhân viên đòi hỏi trình độ cao mà phía Việt Nam chưa đáp ứng được thì nhà trường được tuyển dụng người nước ngoài, những người này phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét và cho phép.

Quyền lợi và nghĩa vụ của người làm công ăn lương tại trường được đảm bảo bằng hợp đồng lao động.

Điều 7. Tất cả công dân Việt Nam không phân biệt thành phần, tôn giáo và dân tộc, có đủ độ tuổi và trình độ học vấn theo yêu cầu của nghề đào tạo, đều có quyền đăng ký dự tuyển vào học tại các trường dạy nghề của nước ngoài.

Người nước ngoài đã được đăng ký thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại Việt Nam cũng có quyền đăng ký dự tuyển vào học tại trường.

Điều 8. Học sinh học nghề phải nộp học phí theo mức thoả thuận giữa học sinh và nhà trường bằng tiền Việt Nam.

Căn cứ vào ngành nghề đào tạo, cơ sở vật chất và hạch toán kinh tế của từng trường, các trường dạy nghề của nước ngoài trên từng vùng lãnh thổ của Việt Nam quy định từng mức học phí cho phù hợp với từng loại đối tượng học sinh và tình hình kinh tế của vùng lãnh thổ đó.

Quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh học nghề được đảm bảo bằng hợp đồng giữa học sinh và nhà trường trên nguyên tắc hai bên đều có lợi.

Điều 9. Căn cứ vào trình độ và cấp bậc đào tạo, trường dạy nghề của nước ngoài có trách nhiệm đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của trường mình.

Điều 10. Học sinh được cấp chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp khoá học.

Chứng chỉ và bằng tốt nghiệp của các trường dạy nghề của nước ngoài sau khi đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận có giá trị pháp lý trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Điều 11. Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền tuyển số học sinh đã tốt nghiệp ở các trường loại này vào làm việc.

Điều 12. Trong quá trình đầu tư mở trường dạy nghề tại Việt Nam, vốn và tài sản của các tổ chức, cá nhân nước ngoài không bị trưng dụng hoặc tịch thu bằng biện pháp hành chính, các trường này không bị quốc hữu hoá.

Điều 13. Các máy móc, thiết bị, đồ dùng dạy học và nguyên vật liệu phục vụ cho đào tạo nghề do nước ngoài nhập vào Việt Nam phải đăng ký và được phép của cơ

quan quản lý nhà nước Việt Nam; nếu đúng là để phục vụ cho đào tạo nghề thì được xét miễn thuế theo từng chuyến hàng nhập.

Điều 14. Những công dân nước ngoài đến công tác và giảng dạy tại trường dạy nghề quốc tế được hưởng các quyền ưu đãi hiện hành của Chính phủ Việt Nam về nhập cảnh, thuế quan và đi lại... như những chuyên gia quốc tế đang thực thi các đề án đào tạo tại Việt Nam.

T.M CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

**7. DECREE NO 115- CP DATED 5,
SEPTEMBER, 1994 OF GOVERNMENT**
On the Promulgation of the regulation on
activities of foreign vocational training
schools in the socialist republic of Vietnam

THE GOVERNMENT

*- Pursuant to the Law on Government Organization dated
September 30th, 1992.*

*- On the proposal of the Ministry of Education and
Training*

DECREES

Article 1. To issued hereby in connection with this Decree the Regulation on Activities of Foreign Vocational training Schools.

Article 2. This Decree shall come into effect from the signing date. The Minister of Education and Training shall be responsible to provide guidance for the implementation of this Decision.

Article 3. Ministers, Heads of Agencies of Ministerial Rank, Heads of Agencies under the Government, Chairmen

of provincial and City People' s Committees under the Central Government shall be liable to implement this Decision.

FOR THE GOVERNMENT
THE PRIME MINISTER
VO VAN KIET

REGULATION

On activities of foreign vocational training schools in the socialist republic of Vietnam

(Promulgated together with the Decree No. 115- CP dated September 5th, 1994 of the Government).

Article 1. Foreign vocational training schools are vocational training and improving institutions invested, build and managed by foreign organization or individuals in accordance with Regulation.

Article 2. Foreign vocational training schools established in accordance with this Decision enjoy legal status and function in conformity with Vietnam' s Law, not harmful to national security, not contrary to the moral, cultural traditions of Vietnamese people and ought to implement all responsibilities defined in licences permitting the establishment of schools.

Article 3. The Ministry of Education and Training considers and determines the establishing and disbanding of Foreign vocational training schools. Procedures and application dossier for licence to set up such a school are defined by the Ministry of Education and Training.

Article 4. Foreign vocational training schools are allowed to operate in the following fields areas:

- Training vocation in conformity with the purpose and programs which have been registered with the Ministry of Education and Training and the programs may be taught in Vietnamese or in both languages (foreign language and Vietnamese language).

- Improving professional knowledge for workers and employees.

- Organizing the career training in connection with production practising so as to apply technological advances and to transfer new technology in training, thus making it suitable to conditions in Vietnam.

Article 5. Foreign vocational training schools are only allowed to train a profession and organize production practising of exact training professions for career learning students, and are granted preferential tax treatment as specifically defined in licence for establishing schools.

Article 6. Vietnamese Citizens are given priority in recruiting to works as teachers, managing officials and technical worker of the schools.

For the demand of very high qualified teachers and employees that the Vietnamese side can not meet, the schools may hire foreigners, but these people have to be considered and approved by Vietnam's authoritative offices.

The interests and responsibilities of the employees of the schools are guaranteed by employment contracts.

Article 7. All Vietnamese citizens, regardless of their social class, religion and nationalities, if they are old enough and have efficient education as the training profession

requires, are eligible for recruitment to the foreign schools of vocational training.

Foreigners who have been approved to reside permanently or temporarily but for a long period in Vietnam are eligible to register to learn at the school.

Article 8. The career-learning students have to pay tuition in Vietnamese currency, the amount will be agreed upon between students and the school.

Depending upon the training profession, material basis and cost-accounting of each school, foreign vocational training schools located in certain territorial regions of Vietnam will define a certain amount for tuition that would be suitable for specific category of students and economic situation of that region.

The interests and responsibilities of career-learning students shall be guaranteed by contracts between students and the school on the principle of mutual interest.

Article 9. Depending upon the standard of training, Foreign vocational training schools are liable to register with Vietnam's Ministry of Education and Training on the graduating certificate or diploma of their own.

Article 10. Students will be granted graduating certificates or diplomas after successfully finishing the courses of education.

Graduating certificates and diplomas of Foreign vocational training schools, once accepted by the Ministry of Education and Training are legally valid on the whole territory of Vietnam.

Article 11. Vietnamese enterprises of all economic

sectors have a right to recruit students graduating from schools of this type for the work force.

Article 12. During their courses of investment for establishing and running vocational training schools in Vietnam, capital and properties of foreign organizations and individuals will not be expropriated or confiscated by bureaucratic measures, these schools will not be nationalized.

Article 13. Educational devices, equipment and all professional related training materials imported into Vietnam by those schools have to be registered with and approved by the state administrative offices of Vietnam; If the equipment are imported for the purpose of professional training, they are subjected to consideration for duty reduction on the basis of cargo by cargo.

Article 14. Foreigners coming to Vietnam to work and teach at international vocational training schools, while in Vietnam, are given preferential treatment by the Vietnamese government on entry, customs and movement... as international experts who are conducting educational projects in Vietnam.

FOR THE GOVERNMENT
THE PRIME MINISTER
VO VAN KIET

**8. NGHỊ ĐỊNH SỐ 42-CP NGÀY 8-7-1995
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp
luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại
Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm
1992;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ

Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 8-7-1995)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này có thể được phép hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam.

Điều 2. Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối đãi thoả đáng đối với những tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

Điều 3. Tài sản hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Điều 4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam nếu không được phép

của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Quy chế này.

Điều 5. Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ, HÌNH THỨC, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP

Điều 6. Tổ chức luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam;
2. Có uy tín trong hành nghề tư vấn pháp luật;
3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam;
4. Có phương án hoạt động và cam kết thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;
5. Có cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động của mình.

Điều 7. Luật sư của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hành nghề tư vấn pháp luật từ 5 năm trở lên tại một tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang chấp hành hình phạt, người chưa được xoá án;

3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam.

Điều 8. Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này thì được xét cho phép đặt chi nhánh tại Việt Nam.

Mỗi tổ chức luật sư nước ngoài được đặt tối đa hai chi nhánh tại Việt Nam.

Tổ chức luật sư nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh.

Điều 9. Thời hạn hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam là 5 năm, kể từ ngày ký giấy phép và có thể được gia hạn mỗi lần không quá 3 năm.

Điều 10. Tổ chức luật sư nước ngoài muốn đặt chi nhánh tại Việt Nam phải làm đơn xin phép. Đơn xin phép đặt chi nhánh phải có nội dung chính sau đây:

1. Tên đầy đủ, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Tên gọi của chi nhánh;

3. Nội dung hoạt động và lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật;

4. Thời gian hoạt động;

5. Nơi dự định đặt trụ sở của chi nhánh;

6. Họ, tên của luật sư nước ngoài được tổ chức luật sư nước ngoài uỷ nhiệm quản lý, điều hành chi nhánh;

7. Số lượng luật sư nước ngoài và nhân viên Việt Nam dự kiến sẽ làm việc tại chi nhánh.

Điều 11. Kèm theo đơn xin phép đặt chi nhánh phải có các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ cần thiết chứng minh

việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài;

3. Báo cáo về tình hình tài chính của tổ chức luật sư nước ngoài trong hai năm gần nhất;

4. Danh sách và các bản tóm tắt lý lịch nghề nghiệp, lý lịch tư pháp, bản sao giấy phép hành nghề của các luật sư nước ngoài hành nghề trong chi nhánh;

5. Giấy uỷ nhiệm luật sư nước ngoài quản lý và điều hành chi nhánh;

6. Phương án hoạt động của chi nhánh;

7. Danh sách khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 12. Đơn xin phép phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn xin phép được lập và chứng nhận ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự; nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được cơ quan công chứng Việt Nam chứng nhận.

Các giấy tờ sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền của nước, nơi tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở chính chứng nhận:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Bản sao giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài;

3. Giấy uỷ nhiệm luật sư nước ngoài quản lý, điều hành chi nhánh.

Điều 13. Đơn xin phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài và các giấy tờ kèm theo được gửi đến Bộ

Tư pháp. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét hồ sơ, tham khảo ý kiến các cơ quan hữu quan và quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy phép.

Giấy phép được làm thành ba bản, một bản cấp cho đương sự, một bản gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở và một bản lưu.

Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Tư pháp thông báo cho đương sự và nói rõ lý do.

Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 14. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cấp giấy phép, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt trụ sở. Quá thời hạn này mà chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài không đăng ký hành nghề thì giấy phép không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Bộ Tư pháp chấp thuận.

Khi đăng ký hành nghề, phải xuất trình giấy phép đặt chi nhánh và giấy tờ xác nhận về trụ sở của chi nhánh.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp phải cấp giấy đăng ký hành nghề cho chi nhánh.

Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được hoạt động kể từ ngày đăng ký hành nghề.

Điều 15. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đăng ký hành nghề, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng báo tại Việt Nam trong 5 số liên tiếp về việc đặt chi nhánh.

Điều 16. Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài

muốn thay đổi tên gọi, trụ sở, người đại diện, danh sách luật sư, lĩnh vực hành nghề tư vấn phải làm đơn xin phép Bộ Tư pháp và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.

Điều 17. Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài muốn gia hạn hoạt động phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp chậm nhất là 60 ngày trước khi hết hạn hoạt động.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn, Bộ Tư pháp quyết định việc gia hạn; nếu không gia hạn phải nói rõ lý do.

Việc gia hạn hoạt động cũng phải được đăng ký theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 18. Khi nộp đơn xin phép đặt chi nhánh, xin gia hạn hoạt động, thay đổi nội dung giấy phép, đương sự phải nộp lệ phí do Bộ Tài chính cùng Bộ Tư pháp quy định.

CHƯƠNG III

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHI NHÁNH TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, CỦA LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được hành nghề theo các nội dung, lĩnh vực đã được ghi trong giấy phép.

Điều 20. Luật sư nước ngoài của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được tư vấn về pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh, đầu tư, thương mại; không được tư vấn về pháp luật Việt Nam, không được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người đại diện cho khách hàng trước Tòa án Việt Nam.

Điều 21. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức tư vấn pháp luật Việt Nam theo vụ việc để thực hiện việc tư vấn về pháp luật Việt Nam.

Điều 22. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được nhận tiền thù lao trên cơ sở thoả thuận với khách hàng tùy thuộc vào mức độ phức tạp của vụ việc, thời gian và các chi phí hợp lý cho việc thực hiện tư vấn.

Việc nhận thù lao từ hoạt động tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải được thực hiện tại Việt Nam.

Điều 23. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán, thống kê; phải mở tài khoản bằng tiền nước ngoài và bằng tiền Việt Nam tại một ngân hàng Việt Nam và thực hiện mọi khoản thu, chi thông qua các tài khoản đó.

Điều 24. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được giao kết hợp đồng thuê nhân viên phục vụ là công dân Việt Nam.

Quyền và nghĩa vụ của nhân viên phục vụ làm việc theo hợp đồng trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ghi cụ thể trong hợp đồng phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam.

Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài không được thuê luật sư Việt Nam làm việc tại chi nhánh.

Điều 25. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được phép nhập khẩu các phương tiện cần thiết cho hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam và cho nhu cầu làm việc và sinh hoạt của các luật sư nước ngoài làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 26. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài thu nhập từ việc hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 27. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

Điều 28. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài phải có ít nhất một luật sư nước ngoài làm việc thường xuyên tại Việt Nam, ngoài luật sư được uỷ nhiệm quản lý, điều hành chi nhánh.

Điều 29. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được nhận công dân Việt Nam có bằng cử nhân luật tập sự hành nghề tư vấn pháp luật tại chi nhánh.

Người tập sự hành nghề trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài không được tư vấn cho khách hàng.

Quyền và nghĩa vụ của người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật trong chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được ghi cụ thể trong hợp đồng phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam và Quy chế này.

Việc nhận người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật phải được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh chấp nhận.

Điều 30. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất do lỗi của luật sư của chi nhánh gây ra cho khách hàng.

Điều 31. Luật sư của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài có nghĩa vụ tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tại Việt Nam.

Điều 32. Luật sư của chi nhánh tổ chức luật sư nước

ngoài phải thực hiện tư vấn pháp luật một cách trung thực, khách quan.

Điều 33. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 34. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải báo cáo Bộ Tư pháp bằng văn bản định kỳ 6 tháng và hàng năm về tổ chức và hoạt động của mình; trong trường hợp cần thiết phải báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp và cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Hết hạn hoạt động ghi trong giấy phép mà không được gia hạn;
2. Tự chấm dứt hoạt động;
3. Bị thu hồi giấy phép;

Trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải báo cáo Bộ Tư pháp bằng văn bản trước 60 ngày về thời điểm chấm dứt hoạt động.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài phải thanh toán xong mọi khoản nợ, giải quyết xong mọi vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, báo cáo Bộ Tư pháp và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền bằng văn bản.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 36. Bộ Tư pháp thực hiện quản lý Nhà nước đối với hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước

ngoài tại Việt Nam, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Hướng dẫn tổ chức luật sư nước ngoài làm các thủ tục xin phép đặt chi nhánh tại Việt Nam;

2. Cấp giấy phép đặt chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, gia hạn hoạt động của chi nhánh;

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài và của luật sư nước ngoài;

4. Chủ trì giải quyết những vấn đề liên quan đến hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

5. Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 42 của Quy chế này.

Điều 37. Trong phạm vi địa phương mình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra hoạt động tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài;

2. Xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 43 của Quy chế này;

3. Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét và giải quyết những vấn đề về tổ chức và hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài.

Điều 38. Sở Tư pháp có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện đăng ký hành nghề của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, đăng ký gia hạn hoạt động của chi nhánh;

2. Chấp thuận việc nhận người tập sự hành nghề tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài;

3. Thực hiện các hoạt động quản lý khác đối với hành nghề tư vấn pháp luật của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được phép mà hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tiền đến 20.000 USD và buộc phải chấm dứt hành nghề; nếu tái phạm thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước, bị tịch thu các khoản lợi do thực hiện tư vấn pháp luật bất hợp pháp và buộc phải chấm dứt hành nghề.

Điều 40. Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài vi phạm các quy định của Quy chế này, thì tùy theo mức độ bị xử lý theo các hình thức sau đây:

1. Hành nghề tư vấn pháp luật khi chưa đăng ký hành nghề thì bị phạt 10.000 USD;

2. Hành nghề tư vấn pháp luật ngoài các lĩnh vực ghi trong giấy phép thì bị phạt 7.000 USD; nếu tái phạm thì bị đình chỉ hành nghề có thời hạn hoặc bị thu hồi giấy phép;

3. Không chấp hành các quy định khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra thì bị phạt 5.000 USD; vi phạm lần thứ hai thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước và bị đình chỉ hành nghề có thời hạn; vi phạm lần thứ ba thì bị thu hồi giấy phép.

4. Vi phạm các quy định khác của Quy chế này thì bị phạt từ 2.000 USD đến 5.000 USD; nếu tái phạm thì bị phạt tiền gấp đôi lần phạt trước.

Điều 41. Luật sư nước ngoài vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm bị phạt tiền đến 5.000 USD, bị đình chỉ hành nghề có thời hạn hoặc bị cấm hành nghề tư vấn pháp luật lại Việt Nam.

Điều 42. Bộ Tư pháp có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử lý vi phạm sau đây:

1. Đình chỉ hành nghề có thời hạn đối với chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài;
2. Thu hồi giấy phép đối với chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, cấm hành nghề đối với luật sư nước ngoài.
3. Phạt tiền từ 5.000 USD trở lên.

Điều 43. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền phạt tiền dưới 5.000 USD đối với các vi phạm Quy chế này.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Các tổ chức luật sư nước ngoài đã được phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam thì trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành Quy chế này phải làm thủ tục xin phép đặt chi nhánh và đăng ký hành nghề theo quy định của Quy chế này, nếu quá thời hạn đó mà không làm thủ tục xin phép thì phải chấm dứt hoạt động.

T.M CHÍNH PHỦ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

**8. DECREE NO 42-CP DATED 8 JULY,
1995 OF THE GOVERNMENT**

**On enactment of the Regulation on legal
consulting practice of foreign law
organizations in Vietnam**

GOVERNMENT

*- Based on the Law Organizing the Government of
September 30, 1992.*

*- Pursuant to the recommendation of the Minister for
Justice,*

DECREES:

Article 1. To promulgate in attachment hereto the Regulation on legal consulting practice of foreign law organization in Vietnam.

Article 2. The Decree shall come into effect from the date of signature. All previous provisions contrary to this Decree are hereby repealed. The Minister for Justice shall be responsible for supervising the implementation of the Regulation.

Article 3. The Ministers, Heads of Ministry- ranking agencies, Heads of the Governmental agencies, Chairmen of the Provincial and City People's Committees under central authority shall be responsible for implementing this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
PRIME MINISTER
VO VAN KIET

REGULATION

On legal consultancy practice of foreign law organization in Vietnam

*(Enacted in attachment to Decree No.42/CP
dated 8 of July, 1995*

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Foreign law firms or organizations that satisfy all requirements set out by this Regulation may practice legal consultancy in Vietnam.

Article 2. The Government of Vietnam guarantees fair treatment towards Foreign law firms or organizations practicing in Vietnam pursuant to the applicable Law of the State of Vietnam.

Article 3. Legitimate property of the Foreign law firms or organizations practicing in Vietnam should not be nationalized or confiscated through administrative measures.

Article 4. Foreign organizations or individuals shall not carry on any legal advice in Vietnam without being

permitted to do so by the Vietnamese competent levels in accordance herewith.

Article 5. Foreign law firms or foreign lawyers practicing legal consultancy in Vietnam shall respect independence and sovereignty of Vietnam as well as shall observe the Law in Vietnam.

CHAPTER II

REQUIREMENTS OF LEGAL ADVISORY PRACTICE, FORMS OF PRACTICAL ORGANIZATION AND PROCEDURES OF LICENSING.

Article 6. Foreign Law firms or organizations shall, should they wish to practice legal consultancy in Vietnam, meet all requirements as follows:

1. They shall have foreign clients engaged in investment or certain business in Vietnam.
2. They must have an established reputation with regards to legal consultancy.
3. They shall have goodwill with the State of Vietnam.
4. They shall have their own activity strategy and a strong commitment to their obligations pursuant to this Regulation and other provisions of the Law of Vietnam.
5. They shall have sufficient material facilities for their practice.

Article 7. Lawyers practicing in Vietnam who are employed by Foreign law firms or organizations shall fulfil following requirements:

1. They must have at least 5 year experience in a foreign law firm.

2. They shall not be the person who are being accused of criminal responsibility, are under certain sentence or who have not been canceled their sentences.

3. They shall be the people who have a goodwill with the State of Vietnam.

Article 8. Foreign law firm or organizations that are qualified enough as stipulated in Article 6, 7 hereof may be approved to set up their branch(es) in Vietnam.

Each Foreign law firms or organizations can be permitted to set up two branches at the maximum in Vietnam.

Foreign law firms or organizations shall be responsible for any operation carried out by their branches.

Article 9. Duration of the branch of the Foreign Law firms or organizations shall be 5 years commencing from the date of the License. The duration may be extended for an extra period which shall not exceed 3 years each time of extension.

Article 10. Foreign law firms or organizations shall, should they wish to establish a branch in Vietnam, apply for establishment. Application shall cover main contents as follows:

1. Full name, Nationality, address of the Head office of the Foreign Law firms or organizations.

2. Name of the Branch.

3. Operation content and legal advisory specialties.

4. Duration of practice.

5. Proposed place of office of the branch.

6. Full name of any Foreign lawyers authorized by the Foreign Law firms or organizations to manage and direct the branch.

7. Number of Foreign lawyers and Vietnamese staff expected working the Branch.

Article 11. Following documents shall be attached to the Application:

1. A copy of the Status or all necessary documents as evidence of lawful establishment and operations of the Foreign law firms or organizations.

2. A brochure on operations of the Foreign Law firms or organizations.

3. Report on financial standing of the Foreign Law firms or organizations in 2 recent years.

4. List of names, professional and juridical resumes, and copies of practice licenses of any foreign lawyers practicing in the Branch.

5. Power of Attorney authorizing a Foreign lawyer to manage and direct the branch.

6. Activity statregy of branch operations.

7. List of foreign clients carrying out the investment and business operation in Vietnam.

Article 12. Application shall be written in Vietnamese. All documents attached to the Application should they be set up and confirmed abroad shall be legalized by consulate if the document is in any foreign language, it shall be translated into Vietnamese and shall be notarized by the Notary Office of Vietnam.

Notarization made by competent level of the host country

where the head office of the Foreign law firms or organizations is located shall be required for the following documents:

1. Copy of Status or certificate of lawful establishment and operation of foreign law firm or organization.
2. Copy of advisory practice license of foreign law firm.
3. Power of Attorney authorizing a foreign lawyers to manage and direct the Branch.

Article 13. Application for establishment of a branch of foreign law firms and all attached documents shall be furnished to the Ministry of Justice. Within 60 days from the date of receipt of completed documents and the fee, the Ministry of Justice shall consider these documents, consult with concerned agencies and shall decide to license or reject the Application.

The License shall be issued in 3 original copies, one is granted to the Applicant, one is sent to the local Provincial or City People's Committee under central authority where the branch of Foreign law firms or organizations is located and one is kept by the licensing body.

In case where the Application is rejected, the Ministry of Justice shall inform the applicant and state clearly the reason of rejection.

The License shall come into force from the date of signature.

Article 14. Within 60 days from the date of licensing, the Branch of Foreign Law firms or organizations shall register for its operations in the local Department of Justice in the province or city under the Central where the Branch is located. The License shall terminate its validity should

registration has not been made within the aforesaid period, except the case where a reasonable excuse is accepted by the Ministry of Justice.

Upon registration for practices, the License for establishment of Branch and required certificates of office location thereof shall be presented.

Within 15 days from the date of full legislative file reception, the Ministry of Justice shall issue the practice license for the branch. The branch of foreign law firm shall only operate from the date of registration.

Article 15. Within 15 days from the date of registration, the Branch shall publish in 5 successive issues of a Vietnamese newspaper on the establishment thereof.

Article 16. Any branch of Foreign Law firms or organizations should they wish to replace name of branch, office, Chief Representative, list of lawyers, fields of law practice shall apply to the Ministry of Justice and can do so only upon obtaining approval in writing of the Ministry of Justice.

Article 17. Any Branch which wishes to extend their duration shall apply to the Ministry of Justice not later than 60 days before the expiry of its duration.

Within 30 days from the date of receipt of the application, the Ministry of Justice decides to give the extension, if the extension is refused, it shall inform the reasons.

Registration for extension of duration shall be made as well pursuant to provision of Article 14 hereof.

Article 18. Upon any submission of application for establishment, for extension of duration or for any amendment of the License content of the Branch, the

Applicant shall pay a fee specified by the Ministry of Finance in collaboration with the Ministry of Justice.

CHAPTER III

SCOPE OF OPERATIONS, RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF BRANCHES OF FOREIGN LAW FIRMS OR ORGANIZATIONS AND FOREIGN LAWYERS

Article 19. Branches of Foreign law firms or organizations shall carry out only those legal specialties which have been permitted by the License.

Article 20. Foreign lawyers of the Branch are permitted to advise only on foreign and international laws in respects of trade and investment; any advice of Foreign lawyers on the laws of Vietnam or any proceedings in which the foreign lawyers serve as counsels for defense or representatives of clients before the Vietnamese court are strictly prohibited.

Article 21. The Branches are permitted to enter into Cooperation Contract with a Vietnamese legal consulting Office to practice legal advice on the laws of Vietnam.

Article 22. The Branches receive charges based on negotiations with clients depending on complexity of the cases, time and certain reasonable fees for completion of the advice given by them.

Receipt of charges for legal advice of the Branches shall be done in Vietnam.

Article 23. The Branches shall complete accounting and statistical modes in accordance with laws and regulations of Vietnam applied to accounting and statistics; they shall

open bank accounts in Foreign and Vietnamese currencies in a Vietnamese bank and any of their financial transactions (any receipt or expenditure) shall be done through these accounts.

Article 24. The Branches are entitled to employ service people being Vietnamese nationals.

Rights and responsibilities of service employees hired by the Branches shall be specified clearly in labor contracts pursuant to laws and regulations applied to labor matters in Vietnam.

The Branches shall not hire Vietnamese lawyers working in branch.

Article 25. The Branches shall, pursuant to laws and regulations of the State of Vietnam, be entitled to import all facilities required for their working and domestic demands.

Article 26. The Branches and foreign lawyers have the right to repatriate abroad the income derived from their legal advice practice as permitted by the laws of Vietnam.

Article 27. The Branches of Foreign law firms or organizations and Foreign lawyers shall observe strictly all regulations on Exchange Control of Vietnam.

Article 28. The Branches shall have at least one Foreign lawyer practicing permanent in Vietnam except the authorized lawyer direct the branch.

Article 29. The Branches are entitled to enter into labor contracts accepting Vietnamese law practitioners to work as cadet lawyers in the Branches.

Cadet practitioners in any Branches of the Foreign Law

firms or organizations shall not give any legal advice to any clients.

Rights and obligations of the cadet practitioners in the Branches of Foreign Law firms or organizations shall be stipulated specifically in the contract in accordance with the laws and regulations on labor in Vietnam and pursuant to this Regulation.

Any recruitment of cadet practitioners must be approved by the local Department of Justice where the Branch is located.

Article 30. The Branches shall be responsible for compensation for any material damage caused to their clients by their own lawyers.

Article 31. Lawyers of the Branch of foreign law firm shall have obligations to participate in professional insurance in Vietnam.

Article 32. Lawyers of Branches of Foreign law firms or organizations are obliged to carry out legal advisory honestly and objectively.

Article 33. Branch of the Foreign law firms or organizations, lawyers of the branches are responsible for paying all taxes pursuant to laws and regulations of Vietnam.

Article 34. Branches of the Foreign law firms or organizations shall report in writing once 6 months and annually on their organization and operations to the Ministry of Justice; and in certain special cases they shall report according to requirements of the Ministry of Justice and of other concerned agencies as required by the laws.

Article 35. Branches of the Foreign law firms or

organizations shall terminate their practice in the following cases:

1. The duration covered by the License is expired and without extension.
2. They terminate their activities voluntarily.
3. The License is revoked.

In case their practices are terminated in their own willingness, the Branches shall, not later than 60 days, report to the Ministry of Justice on the point of time the practices are terminated.

Within 90 days from the date of termination, the Branches have to clear all debts, address all problems related to the termination, and report that to the Ministry of Justice and other competent agencies of the State in writing.

CHAPTER IV

STATE REGULATORY

Article 36. Ministry of Justice who exercises the function of State Regulatory towards the legal advisory practice of Foreign law firms or organizations in Vietnam shall have the following rights and obligations to:

1. Provide guidance for Foreign law firms or organizations to set up their branches in Vietnam.
2. License the establishment of the Foreign law firms or organizations and approve the extension of duration of the branches.

3. Guide, examine and inspect the organization and operations of the Branches and foreign lawyers.

4. Be contact points for dealing with the problems raised relating to legal advisory business of Foreign law firms or organizations in Vietnam.

5. Deal with breaches pursuant to the provisions in Article 41 and 42 hereof.

Article 37. Each Provincial or City People's Committee under central authority shall, within their own localities, have the following rights and responsibilities:

1. To examine and inspect on organization and legal practices of the branches of foreign law firms or organizations.

2. To deal with breaches in accordance with article 40 and 43 hereof.

3. To request the State competent agencies to review and settle problem of operation and organization of the branch of foreign law firm.

Article 38. Local Departments of Justice shall have the following rights and obligations:

1. Complete the registration of practices of the Branches of foreign law firm, register for duration extension of the Branches.

2. Approve the employment of cadet legal consultants of the Branches of Foreign Law firm.

3. Exercise other regulatory works for legal consultancy of the Branches in accordance with the instructions given by the Ministry of Justice and Provincial or City People's Committees under central authority.

CHAPTER V

DEALING WITH BREACHES

Article 39. Any foreign organizations or individuals who is not permitted to practice legal consultancy in Vietnam shall, should they do so in any form, be fined up to 20,000 USD and shall be forced to terminate their practices. Should they re-commit a breach, they shall be fined twice as much as the first amount and shall be confiscated their profits derived from legal consultancy work carried out illegally and shall be forced to terminate their practices.

Article 40. Any Branches of Foreign Law firms or organizations violating the provisions hereof shall, depending on the extent of violation, be dealt with according to the following forms:

1. A fine amount of 10,000 USD shall be paid should any legal practice be done without registration.

2. A fine amount of 7,000 USD shall be paid should any legal advice be done which is not belonging to the legal specialties covered by the Licence; should the second violation be re-committed, term suspension or withdrawal of the License shall be taken.

3. They shall be fined 5,000 USD should they do not observe provisions on inspection conducted by the competent levels of the State; should they repeat the violation the second time, the fine will be double, and the term suspension shall be made; withdrawal of the License shall be taken due to the third violation.

4. Any violation of other provisions hereof shall lead to a fine amount of from 2,000 USD to 5,000 USD; the

re-commit violation shall lead to next fine amount the later is twice as much as the previous committed.

Article 41. Any foreign Lawyer who violates any provisions hereof then depending on the rate of violation, shall be fined up to 5,000 USD suspended their practice with duration or shall be banned their legal consultancy practice in Vietnam.

Article 42. The Ministry of Justice shall be entitled to apply the following breach dealing forms:

1. Term suspension for the Branches of foreign Law firms or organizations of for Foreign lawyers;
2. Withdraw the Licenses of the Branches, forbid legal practice of Foreign lawyers;
3. Fine from 5,000 USD upward.

Article 43. The Provincial or City People's Committees under central authority are entitled to fine up to 5,000 for violations of the provisions hereof.

CHAPTER VI

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 44. All Representative Offices of foreign Law Firms of Organizations operating in Vietnam shall, within 6 months from the issuance of the Regulation, complete the procedures to establish the branch in conformity with the Provision herreeof. Should the above duration be expired without completion of replacing procedures, their operations shall automatically terminated.

FOR THE GOVERNMENT
PRIME MINISTER
VO VAN KIET

**9. THÔNG TƯ SỐ 791B TT/LS - TVPL
NGÀY 8-9-1995 CỦA BỘ TƯ PHÁP
Hướng dẫn thi hành quy chế hành nghề
tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư
nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Điều 2 của Nghị định số 42-CP ngày 8 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quy chế):

Sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành hữu quan.

Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Quy chế như sau:

1. Về đối tượng được xét cấp Giấy phép đặt Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài (sau đây gọi tắt là Chi nhánh)

1.1. Đối tượng được xét cấp Giấy phép đặt chi nhánh tại Việt Nam là các tổ chức luật sư nước ngoài có đơn xin phép đặt Chi nhánh gửi Bộ Tư pháp theo quy định của Quy chế.

1.2. Tổ chức luật sư nước ngoài quy định tại Quy chế là tổ chức hành nghề tư vấn pháp luật của nước ngoài

được thành lập và đang hoạt động phù hợp với pháp luật của nước nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đó.

2. Về điều kiện cấp Giấy phép đặt Chi nhánh

2.1. Tổ chức luật sư nước ngoài muốn được cấp Giấy phép đặt Chi nhánh tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế.

2.2. Khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam quy định tại điểm 1 Điều 6 của Quy chế bao gồm:

a) Cá nhân, tổ chức nước ngoài đang hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam;

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài đang xúc tiến dự án đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

3. Về thủ tục cấp Giấy phép đặt Chi nhánh

3.1. Tổ chức luật sư nước ngoài muốn đặt Chi nhánh tại Việt Nam phải gửi Bộ Tư pháp hai bộ hồ sơ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Đơn xin phép đặt Chi nhánh do người đứng đầu của tổ chức luật sư nước ngoài ký tên (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các giấy tờ kèm theo quy định tại Điều 11 của Quy chế.

3.2. Trong trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài muốn đặt hai Chi nhánh, thì phải làm thủ tục xin phép riêng đối với mỗi Chi nhánh.

3.3. Tên của Chi nhánh phải bao gồm tên của tổ chức luật sư nước ngoài và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép đặt Chi nhánh. Trong trường hợp hai

Chi nhánh được đặt tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì tên gọi của Chi nhánh phải kèm theo số I hoặc II.

3.4. Vụ Quản lý luật sư, tư vấn pháp luật, Bộ Tư pháp ký nhận hồ sơ xin đặt Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài.

3.5. Khi nộp hồ sơ xin phép đặt Chi nhánh, tổ chức luật sư nước ngoài phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

4. Về đăng ký hành nghề

4.1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Chi nhánh phải đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép đặt trụ sở.

Mỗi Chi nhánh chỉ được có một trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép đặt Chi nhánh.

4.2. Hồ sơ đăng ký hành nghề bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy xin đăng ký hành nghề theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao Giấy phép đặt Chi nhánh;

c) Bản sao hợp đồng và các giấy tờ khác có liên quan đến việc thuê nhà để đặt trụ sở của Chi nhánh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

d) Bản sao hợp đồng và các giấy tờ khác liên quan đến việc thuê nhân viên phục vụ là công dân Việt Nam theo qui định của pháp luật Việt Nam.

Các bản sao nói tại điểm này phải có chứng nhận của Công chứng Nhà nước Việt Nam.

4.3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp phải hoàn thành thủ tục đăng ký và cấp giấy Đăng ký hành nghề cho Chi nhánh.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hành nghề cho Chi nhánh, Sở Tư pháp gửi một bản sao Giấy đăng ký hành nghề cho Bộ Tư pháp.

4.4. Việc đăng ký hành nghề quá thời hạn quy định tại Điều 14 của Quy chế chỉ được thực hiện, nếu có lý do chính đáng được Bộ Tư pháp chấp thuận. Chi nhánh phải làm đơn trình bày rõ lý do chậm đăng ký hành nghề gửi Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp chỉ xét đơn xin đăng ký hành nghề quá hạn, nếu đơn được gửi chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày hết hạn đăng ký.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đơn, Bộ Tư pháp xem xét và thông báo bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho đăng ký quá hạn.

5. Về thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép, gia hạn hoạt động cho Chi nhánh

5.1. Việc thay đổi nội dung Giấy phép đặt Chi nhánh bao gồm những điểm sau đây:

- a) Thay đổi tên gọi;
- b) Thay đổi trụ sở;
- c) Thay đổi người đại diện;
- d) Thay đổi danh sách luật sư;
- e) Thay đổi nội dung và lĩnh vực hành nghề.

Chi nhánh muốn thay đổi nội dung giấy phép đặt Chi nhánh phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp; trong đơn phải ghi rõ nội dung thay đổi, lý do xin thay đổi.

5.1.1. Chi nhánh chỉ được thay đổi tên gọi trong trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài đã thay đổi tên gọi phù hợp với pháp luật của nước nơi thành lập tổ chức luật sư đó.

5.1.2. Trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép đặt Chi nhánh, thì Chi nhánh phải đăng ký trụ sở mới tại Sở Tư pháp. Khi đăng ký phải nộp bản sao hợp đồng và các giấy tờ khác liên quan đến việc thuê trụ sở mới.

Việc thay đổi trụ sở chỉ được thực hiện sau khi đăng ký trụ sở mới.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đăng ký trụ sở mới, Chi nhánh phải thông báo địa chỉ đặt trụ sở mới cho Bộ Tư pháp.

Trong trường hợp thay đổi trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép đặt Chi nhánh sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, thì Chi nhánh phải làm đơn xin phép Bộ Tư pháp trong đó nêu rõ lý do xin thay đổi trụ sở.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Bộ Tư pháp quyết định cho phép thay đổi trụ sở, Chi nhánh phải làm thủ tục đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở mới theo quy định tại Điều 14 của Quy chế và hướng dẫn tại điểm 4 của Thông tư này.

5.1.3. Chi nhánh muốn thay đổi người đại diện thì kèm theo đơn xin phép phải có văn bản của tổ chức luật sư nước ngoài uỷ nhiệm luật sư thay thế người làm đại diện.

5.1.4. Chi nhánh muốn thay đổi, bổ sung luật sư vào

danh sách luật sư hành nghề trong Chi nhánh, thì kèm theo đơn xin phép phải có lý lịch tư pháp, lý lịch nghề nghiệp, bản sao Giấy phép hành nghề của luật sư dự kiến bổ sung.

5.1.5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn và các giấy tờ kèm theo, Bộ Tư pháp quyết định cho phép hoặc từ chối việc xin thay đổi nội dung Giấy phép. Quyết định cho phép thay đổi nội dung Giấy phép được cấp cho Chi nhánh một bản và gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở một bản.

5.2. Chậm nhất 60 ngày, trước khi hết hoạt động ghi trong Giấy phép, nếu Chi nhánh muốn gia hạn hoạt động phải gửi Bộ Tư pháp một bộ hồ sơ, gồm có:

a) Đơn xin gia hạn hoạt động của Chi nhánh do người đứng đầu tổ chức luật sư nước ngoài ký tên;

b) Báo cáo tóm tắt hoạt động của Chi nhánh trong thời hạn hoạt động tại Việt Nam.

Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở cho biết ý kiến về việc gia hạn hoạt động cho Chi nhánh.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản nói trên của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản gửi Bộ Tư pháp nêu rõ ý kiến của mình về việc gia hạn hoạt động cho Chi nhánh.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ về việc xin gia hạn hoạt động của Chi nhánh, Bộ Tư pháp quyết định cho phép hoặc từ chối gia hạn hoạt động của Chi nhánh.

Quyết định gia hạn hoạt động được làm thành 03 bản,

một bản cấp cho đương sự, một bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở và một bản lưu.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định gia hạn hoạt động, Chi nhánh phải đăng ký gia hạn hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở.

Khi đăng ký gia hạn hoạt động, Chi nhánh phải nộp bản sao Quyết định gia hạn hoạt động có chứng nhận của Công chứng Nhà nước Việt Nam.

6. Về quyền, nghĩa vụ của Chi nhánh, của luật sư nước ngoài

6.1. Chi nhánh được tư vấn về pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh, đầu tư, thương mại cho khách hàng nước ngoài, khách hàng Việt Nam.

6.2. Luật sư nước ngoài của Chi nhánh không được tư vấn về pháp luật Việt Nam, bao gồm:

a) Giải thích, diễn giải các quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Đưa ra ý kiến về việc áp dụng pháp luật Việt Nam;

c) Soạn thảo hợp đồng và các văn bản khác có nội dung áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Các hình thức tư vấn khác về pháp luật Việt Nam.

Khi khách hàng yêu cầu thực hiện công việc tư vấn quy định tại điểm này, Chi nhánh phải ký kết hợp đồng với tổ chức tư vấn pháp luật Việt Nam để luật sư tư vấn Việt Nam thực hiện việc tư vấn đó. Ý kiến tư vấn về pháp luật Việt Nam của luật sư tư vấn Việt Nam phải được thực hiện bằng văn bản có chữ ký của luật sư và xác nhận của tổ chức tư vấn pháp luật Việt Nam.

6.3. Công dân Việt Nam muốn tập sự hành nghề tư vấn pháp luật tại Chi nhánh phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có bằng cử nhân luật;
- b) Có tư cách đạo đức tốt;
- c) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang chấp hành hình phạt hoặc người chưa được xoá án.

Chi nhánh muốn nhận công dân Việt Nam tập sự hành nghề tư vấn pháp luật tại Chi nhánh phải gửi Sở Tư pháp 2 bộ hồ sơ cá nhân của người được dự kiến nhận tập sự, gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Bản sao bằng cử nhân luật có chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;
- b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú;
- c) Lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét, đối chiếu với các điều kiện đã quy định và trả lời bằng văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc nhận người tập sự của Chi nhánh.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo không chấp thuận, người xin tập sự tại Chi nhánh có thể gửi đơn khiếu nại đến Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn 30 ngày, Bộ Tư pháp xem xét khiếu nại và thông báo cho người khiếu nại về quyết định giải quyết khiếu nại.

Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được ký hợp

đồng nhận công dân Việt Nam tập sự sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tư pháp.

Hình thức, nội dung và thủ tục ký kết hợp đồng tập sự phải phù hợp với pháp luật về lao động.

Thời hạn tập sự của công dân Việt Nam tại Chi nhánh là 2 năm và có thể gia hạn, nhưng thời hạn tập sự không quá 3 năm.

6.4. Luật sư của Chi nhánh phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho việc hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam tại Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam.

6.5. Chi nhánh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính phải đăng ký nộp thuế tại Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.

6.6. Chi nhánh được có con dấu riêng, ghi rõ tên của Chi nhánh, tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở theo quy định của Bộ Nội vụ.

7. Về chế độ báo cáo, kiểm tra

7.1. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Chi nhánh phải báo cáo về tổ chức và hoạt động của mình (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) cho Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở.

7.2. Khi cần thiết, Bộ Tư pháp tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với Bộ, ngành hữu quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra.

Việc kiểm tra được thông báo cho Chi nhánh 15 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.

Khi có dấu hiệu Chi nhánh hoặc luật sư của Chi nhánh

vi phạm pháp luật Việt Nam, Bộ Tư pháp có thể quyết định kiểm tra đột xuất.

7.3. Chi nhánh phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành kiểm tra.

8. Về điều khoản thi hành

Tổ chức luật sư nước ngoài đã được phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, nếu có nguyện vọng hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam, thì phải làm đầy đủ thủ tục xin phép đặt Chi nhánh theo quy định của Quy chế và hướng dẫn tại Thông tư này; nếu trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày ban hành Quy chế mà tổ chức luật sư nước ngoài không nộp hồ sơ xin phép đặt Chi nhánh cho Bộ Tư pháp, thì Văn phòng đại diện của tổ chức luật sư nước ngoài đó phải chấm dứt hoạt động.

Trong trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài có hồ sơ xin phép đặt Chi nhánh gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn quy định, thì Văn phòng đại diện của tổ chức luật sư nước ngoài đó phải chấm dứt hoạt động ngay sau khi có quyết định của Bộ Tư pháp về việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép đặt Chi nhánh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
NGUYỄN ĐÌNH LỘC

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP
ĐẶT CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM**

**Kính gửi: NGÀI BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Tôi là... người đứng đầu... (tên tổ chức luật sư nước ngoài) bày tỏ nguyện vọng xin Ngài cho phép chúng tôi là:

Tên đầy đủ của tổ chức luật sư nước ngoài:

Quốc tịch:

Thành lập ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Tel:..... Telex:..... Fax:.....

được đặt Chi nhánh tại Việt Nam với nội dung như sau:

Tên đầy đủ của Chi nhánh tại Việt Nam:

Trụ sở của Chi nhánh xin đặt tại tỉnh (thành phố):

Nội dung hoạt động và lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

Thời hạn hoạt động:

Họ và tên luật sư quản lý, điều hành Chi nhánh:.....

Số lượng luật sư nước ngoài và nhân viên Việt Nam dự kiến sẽ làm việc tại Chi nhánh:

Số lượng luật sư nước ngoài:.....

Số lượng nhân viên Việt Nam:..... bao gồm:.....

Nhân viên Văn phòng:

Phiên dịch:

Lái xe:

Nhân viên khác:

Chúng tôi xin cam kết rằng Chi nhánh, các luật sư và nhân viên của Chi nhánh sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với Giấy phép được cấp.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU
Tổ chức luật sư nước ngoài
Ký tên (đóng dấu, nếu có)

Kính gửi: NGÀI BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

BÁO CÁO
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH
Quý..... năm.....

I - CƠ CẤU TỔ CHỨC

- Số người làm việc cho Chi nhánh là: trong đó:
- + Số luật sư nước ngoài:
- + Số nhân viên Việt Nam:

(Ghi rõ họ tên, quốc tịch, chức danh và nhiệm vụ chính được giao)

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH

1. Hoạt động tư vấn pháp luật:

1.1. Số khách hàng nước ngoài có hoạt động đầu tư, kinh doanh thương mại tại Việt Nam:

1.2. Số khách hàng Việt Nam:

1.3. Tổng số vụ việc tư vấn pháp luật đã nhận: trong đó:

+ Số vụ việc đã hoàn thành:

Luật sư thực hiện

+ Số vụ việc đang thực hiện:

Luật sư thực hiện

+ Số vụ việc chưa thực hiện:

+ Một số vụ việc tư vấn pháp luật chính mà Chi nhánh

đã thực hiện. (Ghi rõ họ, tên khách hàng, lĩnh vực, nội dung, kết quả việc tư vấn)

1.4. Những vụ việc phải bồi thường thiệt hại vật chất do lỗi của luật sư Chi nhánh gây ra cho khách hàng: (Ghi rõ họ, tên khách hàng, lĩnh vực, nội dung vụ việc tư vấn và số tiền phải bồi thường).

1.5. Doanh thu:

1.6. Tổng số tiền đã nộp thuế:

(Ghi rõ số tiền phải nộp đối với từng loại thuế):

2. Tổ chức hội thảo và thông tin tại Việt Nam:

3. Hỗ trợ đào tạo cán bộ pháp lý Việt Nam:

4. Hợp tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức hành nghề tư vấn pháp luật, tổ chức luật sư của Việt Nam (Ghi rõ chương trình, lĩnh vực, nội dung)

5. Các hoạt động khác:

III - TỰ ĐÁNH GIÁ

IV- PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

LUẬT SƯ QUẢN LÝ,
ĐIỀU HÀNH CHI NHÁNH

Ký tên

(Ghi rõ họ tên)

**9. CIRCULAR NO. 791 BTT/LS-TVPL
DATED 8 SEPTEMBER, 1995 OF THE
MINISTRY OF JUSTICE INTERPRETING
The implementation of the regulations on
consulting practice of foreign law firms in
Vietnam**

Pursuant to a Article 2 of Decree 42/CP dated July 8, 1995 of the Government providing the Regulations on consulting practice of foreign law firms in Vietnam (herein after referred to as the "Regulations")

After exchanging opinions with relevant Ministries and branches,

The Ministry of Justice interprets the implementation of certain provisions of the Regulations as follows:

1. Objects to be granted licenses to set up Branches of foreign law firms (herein after referred to as the "Branch")

1.1. Objects to be granted license to set up Branches in Vietnam are foreign law firms applying to the Ministry of Justice for setting up their Branches in accordance with the Regulations.

1.2. Foreign law firms referred to in the Regulations are foreign organizations practicing legal consulting properly

established and existing under law of the countries where their head offices are located.

2. Conditions for being Licensed to set up a Branch:

2.1. A foreign law firm wishing to obtain a License to set up Business in Vietnam must satisfy the conditions provided in Article 6 of the Regulations.

2.2. Foreign clients investing and doing business in Vietnam provided point 1 Article 6 of the Regulations will include:

a) Foreign organizations or individuals who are investing or doing business in Vietnam

b) Foreign organizations or individuals who are proceeding with their investment or business projects in Vietnam

3. Procedures to issue the License to set up the Branch

3.1. A foreign law firm wishing to established a Branch in Vietnam must submit two sets of a file to the Ministry of Justice, each including:

a) An application for setting up the Branch signed by the Head of the foreign law firm (Form 01 attached hereto); and

b) Other attached documents according to the provisions of Article 11 of the Regulations.

3.2. In case that the foreign law firm wishes to established too Branches, it shall carry out separate application procedures with respect to each Branch.

3.3. The name of the Branch shall consist of the name of the foreign law firm and name of the province or city under central authority where the foreign law firm is

permitted to set up its Branch. Where the foreign law firm has two Branches located in one province or city under central authority, the name of each Branch shall have appended numbers I or II.

3.4. The Department of Lawyer Administration and Legal Consultation under the Ministry of Justice shall certify the receipt of the foreign law firm's files applying for the setting up of a Branch.

3.5. When submitting files to set up the Branch[s], the foreign law firm must pay fees in accordance with the provisions of the Ministry of Justice and the Ministry of Finance.

4. Practice registration

4.1. Within 60 days from the date of insurance of the License, the Branch shall register its practice with the Department of Justice of the province or city under central authority where the Branch is located.

Each Branch shall have only one office in the province or city under central authority where the Branch is located.

4.2. The practice registration file shall include the following document:

a) Practice registration application according to the form supplied by the Ministry of Justice

b) Copy of the License or setting up the Branch;

c) Copies of the agreement and other relevant documents relating to the house rent for the office of the Branch according to Vietnamese regulations;

d) Copies of the agreement and other relevant documents relating to the employment of staff being Vietnamese citizens according to Vietnamese regulations.

Copies referred to in this paragraph must be certified by the State Notary Public.

4.3. Within 15 days from the date of receipt of a proper file, the Department of Justice shall complete registration procedures and issue a Practice Registration Certificate to the Branch.

Within 10 days from the date of issuance of the Practice Registration Certificate, the Department of Justice shall furnish a copy of the Practice Registration Certificate to the Ministry of Justice.

4.4. Registration after the period of time provided in Article 14 of the Regulations shall only be implemented if there is a reasonable cause acceptable to the Ministry of Justice. The Branch must prepare an application specifying the cause of the delay in registration and submit it to the Ministry of Justice.

The Ministry of Justice shall only give its consideration to the delayed application for practice registration, provided that the application is submitted no later than 30 days from the deadline for registration.

Within 15 days from the date of receipt of the delayed application, the Ministry of Justice shall consider it and give notice in writing with respect to whether or not it accepts the delayed application.

5. Procedures to change the content of the license, or extend the duration of operation of the Branch.

5.1. Changes of the content of a License to set up a Branch may include:

- a) Change of the Branch name;
- b) Change of the Branch office;

- c) Change of the representative;
- d) Change of the list of lawyer;
- e) Change of content and areas of practice

Where the Branch wishes to change the content of the License to set up the Branch, it must submit an application to the Ministry of Justice in which the proposed changes and the reason to make such changes must be clearly indicated.

5.1.1. The Branch may change name only in case that the foreign law firm has changed its name in accordance with the law of the country where the foreign law firm was established.

5.1.2 In case that the Branch changes office location in the region if one province or city under central authority where it is permitted to set up, it shall register the new office with the Department of Justice. Upon the registration, the Branch must submit a copy of the agreement and other relevant documents in connection with the renting of the new office.

The change of office location shall only be carried out after registration of new office.

Within 15 days from the date of registration of the new office, the Branch must notify the Ministry of Justice of the address of the new office.

In the case that the Branch changes office from the province or city under central authority where it was permitted to set up another province or city under central authority, the Branch must submit an application indicating the reason to move the office to the Ministry of Justice.

Within 30 days from the date the Ministry of Justice approved the change of office location, the Branch shall fulfill practice registration procedures in the Department of Justice of the province or city under central authority where the new office is located in accordance with the provisions of Article 14 of the Regulations.

5.1.3. Where the Branch wishes to change its representative, it must submit, in addition to an application, a power of attorney made by the foreign law firm authorizing the alternative lawyer to be representative.

5.1.4. Where the Branch wishes to make changes of or additions to the list of lawyers practicing in the Branch, it must submit, in addition to an application juridical resume[s], professional resume[s], copy[ies] of practice certificate[s] of the lawyer[s] proposed to be added.

5.1.5. Within 30 days from the date of the receipt of the application and other attached document, the Ministry of Justice shall decide to permit or refuse the changes of the content of the License. One copy of the decision on permission of changes in the content of the License shall be given to the Branch, and one to the Department of Justice of the province or city under central authority where the Branch is located.

5.2. At least 60 days prior to the expiry of the duration of operation provided in the License, if the Branch wishes to extend the duration of operation, it must submit a file including:

a) An application for extension of the duration of operation of the Branch signed by the Head of the foreign law firm; and

b) A report summarizing the operations of the Branch during its operation in Vietnam

The Ministry of Justice shall give the People's Committee of the province or city under central authority a document requesting its opinion with respect to the extension of operation of the Branch.

Within 15 days from the date of the receipt of the above mentioned document by the Ministry of Justice, the People's Committee of the province or city under central authority shall issue a document to the Ministry of Justice expressing its opinion with respect to the extension of operation of the Branch.

Within 30 days from the date of receipt of the full file applying for the extension of operation of the Branch, the Ministry of Justice shall decide to permit or refuse of the extension of operation of the Branch.

The decision on permission for extension of operation shall be made in three copies, one copy for the applicant, one copy is forwarded to the People's Committee of province or city under central authority where the Branch is located and one copy is used for the file.

Within 15 days from the date of receipt of the decision on the extension of the operation, the Branch shall register the extension of operation with the Department of Justice of the province or city under central authority where the Branch is located.

When registering, the Branch shall submit a copy of the decision on the extension of operation certified by the State Notary Public of Vietnam

6. Rights and Obligations of the Branch and foreign lawyer

6.1. The Branch shall be entitled to advise foreign and Vietnamese customers about foreign and international laws in business, investment and commercial fields.

6.2. Foreign lawyers of the Branch may not give advice on Vietnamese laws including:

- a) Construction and interpretation of provisions of Vietnamese laws;
- b) Advice on application of Vietnamese laws;
- c) Preparation of contracts and other documents with content applying provisions of Vietnamese laws;
- d) Other forms of advice in respect of Vietnamese laws

Where the customers require the Branch to give advice specified in this paragraph, the Branch must execute an agreement with a Vietnamese legal consulting organization providing that such advice will be given by Vietnamese lawyers. Advice in respect of Vietnamese laws given by Vietnamese lawyer[s] shall be made in writing with the signature[s] of the lawyer[s] and be certified by the Vietnamese consulting organization.

6.3 Vietnamese citizens wishing to be trained in legal consulting practice at the Branch must have the following conditions:

- a) Have a law diploma;
- b) Have good moral;
- c) Not be a person who is being prosecuted for criminal responsibility or serving a sentence or not yet restored civil rights.

If the Branch wishes to have Vietnamese citizens train

in legal consulting practice at the Branch, it must submit to the Department of Justice two sets of the personal files of the proposed trainees, which include the following documents:

a) Copies of the law diplomas certified by the State competent authority of Vietnam.

b) Resumes certified by the People's Committee of the commune or ward or town where the proposed trainees permanently reside:

c) Juridical resumes issued by the State competent authority.

Within 30 days from the date of receipt of full files, the Department of Justice shall consider and compare with specified conditions and answer in writing whether or not it approves the employment of the trainees in the Branch.

Within 15 days from the date of receiving the notice that his file is not approved, the person applying to be trained at the Branch may appeal to the Ministry of Justice.

Within 30 days, the Ministry of Justice shall consider and notify to the claimant with respect to its decision on resolution of the appeal.

The Branch of the foreign law firm may enter into contracts with Vietnamese citizens to accept them as trainees only after obtaining an approval in writing from the Department of Justice.

The form and substance of and formalities for execution of training contracts shall comply with labor law and regulations.

The training course of Vietnamese citizens at the Branch

shall be 2 years and may be extended, but it may not exceed 3 years.

6.4 Lawyers of the Branch shall buy professional responsibility insurance for legal consulting practice in Vietnam from the Vietnamese Insurance Corporation.

6.5 The Branch shall be responsible for tax registration at the Department of Taxation in the province or city under central authority in accordance with the guidelines of the Ministry of Finance.

6.6 The Branch shall have its own stamp on which name of the Branch, and the name of the province or city under central authority where the Branch is located according to stipulations of the Ministry of Interior.

7. Report and Inspection

7.1 The Branch shall report on a semi-annual and annual basis about its organization and operation to the Ministry of Justice and the People's Committee of the province or city under central authority where the Branch is located.

7.2 If necessary, the Ministry of Justice may inspect or coordinate with other relevant ministries, Branches and the People's Committee of the province or city under central authority to inspect the Branch.

The Branch shall be informed about the inspection 15 days in advance.

The Ministry of Justice may decide to conduct special inspections when it consider the Branch or lawyers of the Branch as being in violation of Vietnamese laws.

7.3 The Branch shall strictly observe the inspection decision and facilitate such inspection.

8. Implementation provisions.

If a foreign law firm permitted to set up a Representative office in Vietnam wishes to conduct legal consulting practice in Vietnam, it must fulfill all required procedures to apply for establishment of its Branch[es] according to the provisions of the Regulations and guidelines in this Circular; if within 6 months from the date of issuance of the Regulations the foreign law firm fails to submit the file applying for the setting up of its Branch[es] to the Ministry of Justice, then its Representative office shall terminate operations.

In case that a foreign law firm has submitted the file applying for the setting up of its Branch[es] within the required time, its representative office shall terminate the operation upon the decision of the Ministry of Justice on whether or not it is permitted to set up its Branch[es].

This Circular shall be effective from the date of its signing.

THE MINISTER OF JUSTICE
NGUYEN DINH LOC

**APPLICATION FOR THE ESTABLISHMENT OF A
BRANCH OFFICE IN VIETNAM**

To: His Excellency, the Minister of Justice
The Socialist Republic of Vietnam

I,, the Head of [name of the foreign lawyer organization], who signs hereunder have the pleasure to present my compliments and to request Your Excellency to license our organization:

Full name of the foreign lawyer organization:.....

Nationality:.....

Date of establishment:.....

Main address:.....

Tel:.....Telex:.....Fax:.....

to establish a branch in Vietnam with the following description:

Full name of branch in Vietnam:.....

Location of proposed branch:.....

Scope of operations and legal advisory activities of the branch:.....
.....
.....

Proposed duration of the branch:.....years

Full name of a foreign lawyer authorized to manage and
operate the branch:.....
.....

Number of proposed foreign lawyers and Vietnamese staff
working for the branch:.....

Number of foreign lawyers:.....

Number of Vietnamese staff:.....including:

Administrative staff:.....

Translators/Interpreters:

Drivers:

Other staff:.....

We hereby undertake that the branch and its lawyers
and employees will comply with the Laws of Vietnam and
will operate strictly in accordance with the License issued
for our operations in Vietnam.

Your faithfully,

HEAD OF FOREIGN LAWYERS ORGANIZATION
SIGNATURE AND SEAL (IF ANY)

To: His Excellency, the Minister of Justice

**QUARTERLY REPORT ON
THE ORGANIZATION AND OPERATION OF A BRANCH**
Quarter No.....,Year.....

I. Organization structure

Number of employees working for the branch:.....
including:

- + Foreign lawyer:
- + Vietnamese staff; (provide in detail the full names, nationalities, positions and main assigned functions thereof)

II. Operations of the branch

1. Legal advisory activities:

1.1 Number of foreign clients which have investment, trading and commercial activities in Vietnam:

1.2 Number of Vietnamese clients:

1.3 Total of legal advisory matters have received:
....., including:

+ Completed matters:

Lawyer(s) in-charge:

+ Ongoing matters:

Lawyer(s) in-charge:

+ Pending matters:

+ List main legal advisory matters conducted by the Branch: (Provide in detail the names of clients, fields, contents of and results from legal advisory activities)

1.4 List of matters that the Branch has to pay material losses and damages because of defaults of lawyers of the branch (provide in detail the names, fields, contents of legal advice and amount of indemnity incurred by the branch)

1.5 Revenue:

1.6 Tax payment: (provide in detail the amount with respect to each kind of taxes)

2. Seminars/workshops and Information in Vietnam:

3. Support in training Vietnamese legal officers:

4. Cooperation with State offices, legal advisory organizations and bar association of Vietnam (provide in detail program, fields and contents)

5. Other activities:

III. Self assessment

IV. Proposed operations for the next periods and requests

MANAGING AND OPERATING LAWYER

SIGNATURE

(List clearly the full name)

**10. THÔNG TƯ LIÊN BỘ SỐ 842 - LB/TT
NGÀY 21-9-1995 CỦA BỘ TƯ PHÁP-
TÀI CHÍNH**

**Quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng lệ phí
cấp giấy phép đặt chi nhánh của tổ chức
luật sư nước ngoài tại Việt Nam, gia hạn
hoạt động của chi nhánh, thay đổi
nội dung giấy phép**

- Căn cứ Điều 18 Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 8 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28 tháng 7 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí; -

Liên Bộ Tư pháp - Tài chính quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, gia hạn hoạt động của chi nhánh, thay đổi nội dung Giấy phép như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC THU:

1. Đối tượng thu:

Mọi tổ chức luật sư nước ngoài khi nộp đơn xin phép

đặt chi nhánh tại Việt Nam, xin gia hạn hoạt động của chi nhánh, xin thay đổi nội dung Giấy phép đặt chi nhánh phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Mức thu:

Lệ phí được thu bằng tiền Việt Nam, mức thu một lần cụ thể như sau:

- Lệ phí một lần cấp Giấy phép đặt một chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tương đương với 5.000 USD.

- Lệ phí một lần gia hạn hoạt động của chi nhánh tương đương với 3.000 USD.

- Lệ phí mỗi lần thay đổi nội dung Giấy phép như:

- + Thay đổi tên gọi, nơi đặt trụ sở, người đại diện, bổ sung danh sách luật sư của chi nhánh mức thu tương đương với 500 USD cho một lần xin thay đổi một hoặc tất cả các nội dung của giấy phép ghi ở điểm này.

- + Mỗi lần thay đổi nội dung hoạt động, lĩnh vực hành nghề của chi nhánh mức thu tương đương với 1.000 USD.

Mức thu lệ phí quy định tại điểm 2 này được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm nộp tiền.

3. Thời hạn nộp:

Lệ phí được nộp làm hai lần: lần đầu là 50% khi nộp đơn xin cấp Giấy phép đặt chi nhánh, xin gia hạn hoạt động của chi nhánh, xin thay đổi nội dung Giấy phép đặt chi nhánh; lần thứ 2 là 50% khi nhận được Giấy phép. Trường hợp không được cấp Giấy phép, không được chấp thuận thay đổi hoặc tổ chức luật sư nước ngoài xin rút đơn thì số tiền đã nộp lần đầu không được hoàn lại.

Khi thu lệ phí, cơ quan thu phải cấp biên lai thu cho người nộp tiền.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ:

1. Lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, gia hạn hoạt động của chi nhánh, thay đổi nội dung Giấy phép đặt chi nhánh là khoản thu của Ngân sách Nhà nước. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thu khi nhận đơn xin phép đặt chi nhánh, xin gia hạn hoạt động của chi nhánh, xin thay đổi nội dung Giấy phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Khi thu lệ phí cơ quan thu phải sử dụng biên lai thu do Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) phát hành và nhận tại Cục thuế tỉnh, thành phố nơi cơ quan đóng trụ sở. Cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên lai thu theo đúng chế độ do Bộ Tài chính quy định.

3. Lệ phí được nộp vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Bộ Tư pháp đăng ký mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước để theo dõi việc thu tiền lệ phí của các tổ chức luật sư nước ngoài và thực hiện việc nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài nộp bằng tiền mặt, cơ quan thu có trách nhiệm nộp tiền thu vào Tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Việc thu, quản lý tiền mặt phải tuân thủ theo đúng chế độ quản lý tiền mặt do Ngân hàng Nhà nước qui định.

4. Toàn bộ số tiền thu lệ phí được phân phối như sau:

- Trong 2 năm đầu kể từ khi ban hành Thông tư này:

+ 80% nộp vào Ngân sách Nhà nước (Ngân sách Trung ương);

+ 20% được để lại để bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ này.

- Từ năm thứ ba trở đi:

+ 90% được nộp vào Ngân sách Nhà nước (Ngân sách Trung ương);

+ 10% được để lại để bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ này.

5. Định kỳ hàng tháng căn cứ vào chứng từ thu tiền, số thu trên tài khoản thu lệ phí, Bộ Tư pháp có trách nhiệm lập chứng từ và nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước (Ngân sách Trung ương) thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Khi nộp tiền ghi chương 33, loại 15, khoản 00, hạng 1, mục 35 của mục lục Ngân sách Nhà nước hiện hành; chậm nhất là ngày 5 tháng sau phải nộp hết số phải nộp của tháng trước.

Hàng quý, năm, cơ quan thu có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán toàn bộ số thu và nộp tiền lệ phí vào Ngân sách Nhà nước với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước.

6. Số tiền để lại từ nguồn lệ phí thu được cho cơ quan thu được coi là một khoản kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp cho đơn vị, sử dụng để bổ sung kinh phí phục vụ công tác thẩm tra, xác minh hồ sơ; in ấn giấy phép và các biểu mẫu, giấy tờ; mua sắm thiết bị cần thiết và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc cấp Giấy phép đặt chi nhánh, gia hạn hoạt động của chi nhánh, thay đổi nội dung Giấy phép của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ quan quản lý phần lệ phí để lại có trách nhiệm theo

dối, quản lý, sử dụng và quyết toán theo chế độ quản lý Ngân sách Nhà nước hiện hành.

7. Bộ Tư pháp có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi riêng việc thu, nộp, sử dụng lệ phí và quyết toán theo chế độ hiện hành.

Việc quyết toán sử dụng lệ phí này được thực hiện cùng với quyết toán kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp. Số tiền còn lại trong năm tài chính phải được nộp vào Ngân sách Nhà nước.

8. Cục thuế tỉnh, thành phố quản lý đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm kiểm tra việc thu nộp, việc sử dụng biên lai, chứng từ, việc sử dụng tiền được trích lại và đôn đốc đơn vị thu lệ phí nộp kịp thời vào Ngân sách Nhà nước số phải nộp theo chế độ quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

NGUYỄN SINH HÙNG

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN SÂN

**10. INTERMINISTRIAL CIRCULAR
NO.842/LB-TT DATED 21 SEPTEMBER,
1995 OF THE MINISTRY OF JUSTICE
AND MINISTRY OF FINANCE**

**Providing the regulations on the fee
collection, administration and utilization
concerning the granting licence to set up
branch of foreign law firm in vietnam, the
extending the operation time of branch, the
changing the licence's content**

- Pursuant to the Article 18 of Regulations on consulting practice of Foreign law firm (F.L.F) in Vietnam promulgated in connection with Decree No.42/CP dated 8 July, 1995 of the Government.

- Pursuant to the Decision No.276/CT dated 28 July 1992 of the Chairman of the Council of Ministers (now Government) on the united administration of fees.

Interministries of Justice and Finance stipulate the fee collection, administration and utilization concerning the granting licence to set up branch of F.L.F in Vietnam, the

extending the operation-time of branch, the changing the licence's content:

1. Collecting subject and level:

1. Subject:

Any F.L.F applying for setting up branch in Vietnam extending the operation-time of branch, changing the licence's content shall pay fee as stipulated in this circular.

2. Collecting levels:

Fee is collected by Vietnamese dong, one-time collecting levels are as follows:

- One time fee for granting the licence to set up a branch equivalent 5,000 USD.

- One time fee for extending the operation-time of branch equivalent 3,000 USD.

- Once time for changing licence's content are as follows:

- + When changing the branch's name, the branch address, the representative person, addition to the list of lawyers, collecting level equivalent 500USD for one-time applying for changing one or all the licence's content which are written in this point.

- + Collecting level equivalent 1,000 USD for one time for changing content and areas of practice.

Collecting levels stipulated in this point 2 shall be changed into Vietnamese dong in accordance with official exchange rates which are announced by State Bank in the payment time.

3. Schedule of payment:

Fee is paid 2 times: the 50% of amount is paid firstly

when applying for setting up a branch, extending the operation time of branch, changing the licence's content; the other 50% is paid secondly when getting the licence, application is not acceptable to change of F.L.F withdraws the application, the first amount is not refunded.

Upon collecting fee, the collecting office shall give the invoice to the payer.

II. Fee administration and utilization:

1. Fees concerning the granting licence to set up a branch, extend the operation-time of branch, change the licence content, shall be the revenue item of the State Budget. The Ministry of Justice is responsible for collecting when receiving the application for setting up a branch, extending the operation time of branch, changing the licence's content of F.L.F in Vietnam.

2. Upon collecting fees, the collecting office shall use vouchers issued by Ministry of Finance (the General Department of Tax) and receive them from the Department of Tax of province, city where its office is located. The collecting office is responsible for administrating, utilizing the invoices in accordance with the regulations of Ministry of Finance.

3. Fee is contributed to account opened at the state treasury. The Ministry of Justice shall open its account at State treasury to monitor the fee collection from F.L.F and implement to contribute fees to state budget.

In case that F.L.F pay by cash, the collecting office shall be responsible for contributing the fee to account opened at State treasury. The collection, utilization of cash shall carry out the State Bank's regulations on cash management.

4. All fees are used as follows:

- For the first of 2 years from promulgating this Circular:
 - + 80% of amount contributing to the State budget (centre budget)

- + The remaining part 20% for addition to expenditures for implementation of this work.

- After the third year:

- + 90% of amount contributing to the state budget (centre budget)

- + The remaining part 10% for addition to expenditures for implementation of this work.

5. Every month, based on the vouchers, the amount existing at collecting fee amount. The Ministry of Justice is responsible for making the vouchers and contributing them to State budget (centre budget) through the State treasury system. Fee is contributed to the chapter 33, categories 15, clause 00, kind 1, item 35 of the current State budget content. The fifth of next month is latest for completing the contribution of last month's fee.

Every quarter, year, the collecting office is responsible for making report on collecting amount and contributing the fee-amount to state budget and send report to tax office, State treasury.

6. The fees are remained to collecting fee are considered as expenditures which are issued by state budget to use for examination, checking the applications, printing the licences, forms, papers, buying the necessary equipments and for other expenditures, directly relate for granting licence to set up a branch, extending the operation time of branch of F.L.F.

The office manages the remaining fee shall be responsible for monitoring, administrating, utilizing them in accordance with existing order of state budget.

7. The Ministry of Justice shall be responsible for opening books to monitor the collection, contribution and utilization of fees and making the payment balance pursuant to existing order.

The time for making payment balance of this fee is in the same with expenditures issued by state budget. The remaining money of financial year shall be contributed to state budget.

8. The Department of Tax of province, city, the collecting office shall be responsible for supervising the collection, contribution and utilization of invoices, vouchers, and utilization or remaining fee and to request the collecting office to contribute fees in time in accordance with regulation of this Circular.

This Circular shall come into full force from the date of signing.

FOR THE MINISTER OF FINANCE	FOR THE MINISTER OF JUSTICE
VICE MINISTER	VICE MINISTER
NGUYEN SINH HUNG	NGUYEN VAN SAN

11. THÔNG TƯ SỐ 4-TC/TCT
NGÀY 23-1-1997 CỦA BỘ TÀI CHÍNH
Hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối
với các Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài
hoạt động tại Việt Nam

Căn cứ vào các luật thuế, pháp lệnh về thuế hiện hành;

Căn cứ vào các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật thuế, pháp lệnh thuế hiện hành;

Căn cứ vào Nghị định số 42-CP ngày 8-7-1995 của Chính phủ ban hành Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của Tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

Căn cứ vào Công văn số 3755-KTTH ngày 7-8-1996 của Chính phủ về việc thuế đối với các Chi nhánh Luật sư nước ngoài;

Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với các Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Các nghĩa vụ thuế hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Luật) được phép thành lập

theo quy định tại Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 8-7-1995 của Chính phủ.

2. Trường hợp Nhà nước, Chính phủ Việt Nam tham gia hoặc ký kết một Điều ước quốc tế, Hiệp định hoặc Cam kết pháp lý với các Tổ chức quốc tế hay Nhà nước, Chính phủ nước khác mà trong văn bản ký kết có quy định về thuế đối với hoạt động của các Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì áp dụng theo Điều ước quốc tế, Hiệp định hay Cam kết đó.

II. CÁC LOẠI THUẾ ÁP DỤNG

1. Thuế doanh thu

Theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện; Luật Thuế doanh thu ngày 30-6-1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu ngày 5-7-1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu được Quốc hội thông qua ngày 28-10-1995 thì Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nếu có doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh ở Việt Nam là đối tượng phải nộp thuế doanh thu.

a) Doanh thu chịu thuế:

Toàn bộ số tiền thu từ hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài, phát sinh trong kỳ nộp thuế không phân biệt số tiền đó đã thu được hay chưa thu được, là doanh thu chịu thuế doanh thu.

Doanh thu chịu thuế không bao gồm khoản tiền Chi nhánh Luật được khách hàng uỷ thác giữ hộ.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc

nước ngoài ký hợp đồng với Chi nhánh Luật thực hiện một phần công việc của Hợp đồng mà Chi nhánh Luật đã ký với khách hàng, thì doanh thu chịu thuế của Chi nhánh Luật không bao gồm khoản tiền thanh toán cho các tổ chức, cá nhân thực hiện phần công việc nói trên.

b) Thuế suất thuế doanh thu:

Thuế suất thuế doanh thu đối với hoạt động tư vấn pháp luật của Chi nhánh Luật áp dụng mức thuế suất 4% trên doanh thu chịu thuế (theo quy định tại Điểm 3, Mục VI, Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 28-10-1995).

c) Thủ tục đăng ký, kê khai nộp thuế doanh thu:

Chi nhánh Luật thực hiện đăng ký, kê khai nộp thuế doanh thu theo quy định tại Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 96-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu.

Trường hợp Chi nhánh Luật ký hợp đồng với các tổ chức và cá nhân nước ngoài để thực hiện một phần công việc như đã nêu tại Điểm 1.a thì trước khi thanh toán cho các tổ chức, cá nhân đó, Chi nhánh Luật phải có trách nhiệm khấu trừ thuế nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 37-TC/TCT ngày 10-5-1995 của Bộ Tài chính.

2. Thuế lợi tức

Theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện, thì lợi tức do các Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài thu được từ hoạt động kinh doanh ở Việt Nam, các khoản lợi tức khác

kể cả lợi tức phân bổ của Tổ chức Luật sư nước ngoài cho Chi nhánh Luật tại Việt Nam (nếu có) là đối tượng chịu thuế lợi tức.

Trường hợp Chi nhánh Luật có các cơ sở kinh doanh phụ thuộc đặt ở trong và ngoài Việt Nam, thì lợi tức thu được từ các cơ sở này được tính gộp vào lợi tức của Chi nhánh Luật khi xác định lợi tức chịu thuế.

a) Lợi tức chịu thuế:

Lợi tức chịu thuế của Chi nhánh Luật là số chênh lệch giữa tổng số doanh thu và các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ có liên quan đến việc hình thành lợi tức chịu thuế cộng với các khoản lợi tức khác (bao gồm các khoản lợi tức phụ thu được như lợi tức do nhượng bán hoặc thanh lý tài sản, chênh lệch giữa lãi tiền gửi và lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá... và lợi tức phân bổ của Tổ chức Luật sư nước ngoài cho Chi nhánh Luật tại Việt Nam) trong năm tính thuế. Trong đó:

a.1) Doanh thu để tính lợi tức chịu thuế là toàn bộ số tiền Chi nhánh Luật thu được từ hoạt động kinh doanh phù hợp với doanh thu tính thuế doanh thu được xác định theo hướng dẫn tại Điểm 1.a, Mục II, Thông tư này.

a.2) Các khoản chi phí kinh doanh hợp lý, hợp lệ được xác định bao gồm các khoản sau:

- Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp trả cho người lao động Việt Nam và nước ngoài trên cơ sở hợp đồng lao động phù hợp với Quy chế Lao động và pháp luật hiện hành.

- Chi phí về vật tư, nguyên liệu, năng lượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

- Khấu hao tài sản cố định dùng trong hoạt động cung

cấp dịch vụ. Mức khấu hao tài sản cố định thực hiện theo tỷ lệ qui định tại Thông tư số 31-TC/TCĐN ngày 18-7-1992 và Quyết định số 1062-TC/QĐ/CSTC ngày 14-11-1996 về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính.

- Các khoản chi mua sắm hoặc trả tiền sử dụng các tài liệu, các dịch vụ được cung cấp.

- Chi phí quản lý, điều hành Chi nhánh Luật.

Trường hợp trong Điều lệ của Tổ chức Luật sư nước ngoài có điều khoản quy định việc phân bổ chi phí quản lý, điều hành của trụ sở chính cho các Chi nhánh Luật đặt ở các nước thì chi phí quản lý, điều hành thực tế phân bổ cho Chi nhánh Luật tại Việt Nam được tính vào chi phí khi xác định lợi tức chịu thuế nếu có đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ. Trong trường hợp này, tỷ lệ các khoản chi phí thực tế phân bổ cho Chi nhánh tại Việt Nam trong tổng chi phí của Tổ chức Luật sư nước ngoài không được vượt quá tỷ lệ doanh thu chịu thuế phát sinh tại Việt Nam so với tổng số doanh thu của Tổ chức Luật sư nước ngoài. Chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Chi nhánh Luật phải nộp báo cáo kế toán của trụ sở chính đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập để cơ quan thuế xác định chi phí quản lý và điều hành được phân bổ.

- Các khoản tiền nộp quỹ bảo hiểm xã hội cho người lao động thuộc nghĩa vụ của Chi nhánh Luật theo quy định của chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành.

- Các khoản tiền mua bảo hiểm tài sản của Chi nhánh Luật.

- Các khoản thuế, lệ phí, phí mang tính chất thuế đã nộp (trừ thuế lợi tức).

- Các khoản chi khác chưa được kể đến ở trên nhưng không vượt quá 5% của tổng chi phí nêu trên.

Tất cả các khoản chi phí kể trên đều phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ. Bất kể khoản chi phí nào không có chứng từ hợp lý, hợp lệ đều không được tính vào chi phí khi xác định lợi tức chịu thuế.

Khi xác định doanh thu và các chi phí được trừ để xác định lợi tức chịu thuế, cơ quan thuế có quyền xem xét tính hợp lý của các khoản thu, chi đối với các hợp đồng dịch vụ tư vấn và các quan hệ thanh toán, giao dịch giữa Chi nhánh Luật với các tổ chức, cá nhân hoặc giữa Chi nhánh Luật với Tổ chức Luật sư nước ngoài mà Chi nhánh Luật chịu sự quản lý của tổ chức đó. Trường hợp sổ kế toán và các quan hệ thanh toán, giao dịch, hợp đồng dịch vụ... không rõ ràng, không theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng, cơ quan thuế có quyền ấn định doanh thu chịu thuế doanh thu và lợi tức chịu thuế lợi tức.

a.3) Các khoản lợi tức khác để tính lợi tức chịu thuế bao gồm nhưng không hạn chế các khoản sau:

- Lợi tức thu được từ quyền sở hữu, sử dụng tài sản của Chi nhánh Luật.

- Các khoản lợi tức tài chính như: chênh lệch giữa lãi tiền gửi thu được và lãi tiền vay; lợi tức mua bán chứng khoán...

- Lợi tức phân bổ từ trụ sở chính cho Chi nhánh Luật.

b) Thuế suất thuế lợi tức:

Thuế suất thuế lợi tức đối với hoạt động tư vấn pháp luật của Chi nhánh Luật áp dụng mức thuế suất 25% trên lợi tức chịu thuế (theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện).

c) Thủ tục đăng ký, kê khai nộp và quyết toán thuế lợi tức:

Chi nhánh Luật thực hiện đăng ký, kê khai nộp và quyết toán thuế lợi tức theo qui định tại các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao

Người nước ngoài và người Việt Nam làm việc tại các Chi nhánh Luật có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo qui định tại Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ban hành ngày 19-5-1994 và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

4. Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, các Chi nhánh Luật phải nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài với thuế suất 10%. Thủ tục kê khai nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

5. Các loại thuế khác

Ngoài các loại thuế nêu trên, các Chi nhánh Luật có nghĩa vụ nộp thuế môn bài, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế, thu khác theo quy định của các luật thuế, pháp lệnh thuế hiện hành và các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện.

Trong quá trình hoạt động, các Chi nhánh Luật có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp cho Nhà nước Việt Nam các loại thuế (nếu có phát sinh) sau đây:

- Thuế thu nhập từ tiền bản quyền theo quy định tại

Thông tư số 8-TC/TCT ngày 5-2-1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế đối với thu nhập từ tiền bản quyền.

- Thuế thuộc nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 37-TC/TCT ngày 10-5-1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (kể cả các hoạt động cung cấp dịch vụ do Tổ chức Luật sư nước ngoài cung cấp cho Chi nhánh Luật tại Việt Nam).

Năm tính thuế của Chi nhánh Luật bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tính thuế đầu tiên bắt đầu từ ngày đăng ký hành nghề và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHI NHÁNH TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

1. Chậm nhất là 5 ngày trước khi bắt đầu hoạt động hoặc giải thể, hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở điều hành, các Chi nhánh Luật phải làm thủ tục đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở điều hành theo quy định tại các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về kê khai đăng ký nộp thuế theo hướng dẫn tại các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư này.

3. Xuất trình đầy đủ các sổ, chứng từ kế toán và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc tính thuế, quyết toán thuế khi cơ quan thuế yêu cầu.

4. Nộp thuế đầy đủ, đúng hạn theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm các quy định luật pháp về thuế đều bị xử lý theo các quy định của luật pháp hiện hành tại Việt Nam.

Các Chi nhánh Luật không làm đúng các quy định về thủ tục đăng ký, kê khai thuế, lập sổ kế toán, sử dụng và lưu giữ chứng từ thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị cảnh cáo hay phạt tiền theo quy định của luật pháp Việt Nam.

Các Chi nhánh Luật có hành vi khai man, trốn lậu thuế, chậm nộp tiền thuế hoặc tiền phạt ghi tại thông báo thu, lệnh thu thuế hoặc các quyết định xử lý của cơ quan thuế thì sẽ bị xử lý theo quy định của luật thuế và các quy định tại Nghị định số 22-CP ngày 17-4-1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2. Giải quyết khiếu nại

Các khiếu nại về thuế sẽ do cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế các Chi nhánh Luật giải quyết. Đơn khiếu nại phải được gửi tới cơ quan thuế địa phương, nơi phát hành các quyết định xử lý về thuế, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chi nhánh Luật nhận được các quyết định xử lý về thuế. Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với xử lý của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế thì có thể gửi đơn khiếu nại tới Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính. Quyết định xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính là quyết định cuối cùng. Trong khi chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, người khiếu nại vẫn phải thực hiện nghiêm chỉnh

kết luận của cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế đã đưa ra.

Các khiếu nại về thuế liên quan đến các quy định của một Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ một nước khác sẽ được giải quyết theo các thủ tục giải quyết khiếu nại và tranh chấp đã qui định trong Hiệp định đó.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý thu thuế và phổ biến, hướng dẫn các Chi nhánh Tổ chức Luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định tại Thông tư này là căn cứ để kiểm tra quyết toán nghĩa vụ nộp thuế của các Chi nhánh Luật năm 1996. Những thay đổi (nếu có) của các luật thuế và các văn bản dưới luật sau ngày ban hành Thông tư này sẽ có hiệu lực áp dụng đối với các loại thuế tương ứng hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn vướng mắc gì, đề nghị các Chi nhánh Luật, các Cục Thuế phản ánh về Bộ Tài chính để có hướng dẫn bổ sung.

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

**Thứ trưởng
VŨ MỘNG GIAO**

**11. CIRCULAR No.04-TC/TCT
DATED 23 JANUARY, 1997 OF THE
MINISTRY OF FINANCE**

**Guiding a number of points in the taxation
policy towards the branches of foreign
lawyers' organizations operating
in Vietnam**

- Pursuant to the Tax Laws and Tax Ordinances currently in force;

- Pursuant to the Government's Decrees detailing the application of the Tax Laws and Tax Ordinances currently in force;

- Pursuant to Decree No.42-CP of July 8, 1995 of the Government issuing the Regulations on the practice of legal consultancy of foreign lawyers' organizations operating in Vietnam;

- Pursuant to official dispatch No.3755/KTTH of August 7, 1996 of the Government on taxes for the foreign Lawyers' Branches;

The Ministry of Finance gives the following guidance concerning a number of points in the taxation policy towards

the Branches of foreign lawyers' organizations operating in Vietnam:

I. SCOPE OF REGULATION

1. The tax obligations mentioned in this Circular shall apply to the Branches of foreign lawyers' organizations (hereunder referred to as Lawyers' Branches) established under the Regulations on the practice of legal consultancy issued together with Decree No.42-CP of July 8, 1995 of the Government.

2. In case the State or the Government of Vietnam has acceded to or signed an International Treaty, an Agreement or a Legal Commitment with International Organizations or with the State or the Government of another country, which has other stipulations on taxes on the operation of the Branches of foreign lawyers' organizations than those mentioned in this Circular the stipulations of that International Treaty, Agreement or Commitment shall apply.

II. THE TAXES APPLIED

1. Turnover Tax

According to the Law on Foreign Investment in Vietnam and the legal documents guiding its implementation, the Turnover Tax Law of June 30, 1990, the Law on the Amendment and Supplement to a Number of Articles of the Turnover Tax Law of July 5, 1993, and the Law on the Amendment and Supplement to a Number of Articles of the Turnover Tax Law passed by the National Assembly on October 28, 1995, the Branch of a foreign lawyers'

organization operating in Vietnam with a turnover from its business activities in Vietnam must pay turnover Tax.

a) Taxable turnover:

All the money obtained by the Branches of foreign lawyers' organizations from their business activities during the taxation period, whether already or not yet collected, is liable to turnover tax.

The taxable turnover does not include the money entrusted by customers to the care of a Law Branch.

It local and/or foreign organizations and individuals sign a contract with a Law Branch to carry out part of the work defined in the contract which it has already signed with customers the taxable turnover of the Law Branch does not include the payment made to those organizations and individuals that carry out that part of work.

b) Turnover Tax rate:

The turnover tax rate set for the legal consultancy of the Law Branches is 4% of the taxable turnover (as stipulated in Point 3, Section VI of the Turnover Tax Table issued together with the Law on the Amendment and Supplement to of a Number of Articles in the Turnover Tax Law passed by the IX th National Assembly at its 8th Session on October 28, 1995).

c) Procedure of registering and making a declaration for paying turnover tax:

The Law Branch shall register and make a declaration for paying turnover tax as stipulated in Circular No. 97-TC/TCT of December 30, 1995 of the Ministry of Finance guiding the implementation of Decree No. 96-CP of December 27, 1995 of the Government stipulating in detail

the implementation of the Turnover Tax Law and the Law on the Amendment and Supplement to a Number of Articles in the Turnover Tax Law.

In case a Law Branch signs a contract with foreign organizations and individuals to carry out part of the work as mentioned in Point 1.a. then before making payment to those organizations and individuals, the Law Branch must deduct the amount of tax for remittance to the State Budget as stipulated in Circular No. 37-CT/TCT of May 10, 1995 of the Ministry of Finance.

2. Profit tax:

According to the Law on Foreign Investment in Vietnam and the legal documents guiding its implementation, the profit earned by the branches of foreign lawyers' organizations from their business activities in Vietnam and other profits including the profit distributed by a foreign lawyers' organization to its Law Branch in Vietnam (if any) are liable to profit tax.

If a Law Branch has subsidiaries inside and outside Vietnam, the profits made by these establishments shall be added to its profit for calculating the taxable profit.

a) Taxable profit:

The taxable profit of a Law Branch is the difference between its total turnover and the reasonable and legitimate expenses related to the formation of the taxable profit plus other profits (including auxiliary profits collected from the sale or liquidation of property, the difference between the deposit interest and the loan interest, the difference in exchange rates... and the profit distributed by a Foreign

Lawyers' Association to its Law Branch in Vietnam) during the taxation year. Of these:

a1. The turnover for calculating the taxable profit is all the money collected by a Law Branch from its business activities which fits in with the turnover for calculating turnover tax defined according to the guidance in Point 1.a. Section II of this Circular.

a2. The reasonable and legitimate business expenses include the following:

- + The salary, payment and allowances paid to Vietnamese and foreign personnel according to a labor contract which conforms to the Labor Regulations and laws currently in force.

- + Expenses in materials, raw materials and energy for the supply of services.

- + The depreciation of immovable property used in the supply of services. The rate of property depreciation shall be fixed according to the rate stipulated in Circular No.31-TC/TCDN of July 18, 1992 and Decision No. 1062-TC/QD/CSTC of November 14, 1996 on the issue of the system of management, use and depreciation of immovable property by the Ministry of Finance.

- + Purchase or rental of documents used and services supplied.

- + Management and operating cost of the Law Branch.

In case the Regulations of a foreign lawyers' organization provide for the distribution of managerial and operational expenses by the Head-office to its Law Branches in other countries, the managerial and operationg cost actually distributed to the Law Branch in Vietnam shall be added

to the expenses for calculating the taxable profit if these expenses are enclosed with reasonable and valid vouchers. In this case, the ratio of expenses actually assigned to the Law Branch in Vietnam to the total expenditure of the foreign lawyers' organization shall not exceed the ratio of the taxed turnover registered in Vietnam to the total turnover of the foreign lawyers' organization. After three months at the latest from the last day of the fiscal year, the Law Branch must file the accounting report of the Head-office already audited by an independent auditing organization to the taxation office to determine the managerial cost and regulate the distribution of the operational expenses.

- + The premiums which the Law Branch is obliged to pay to the social insurance fund for the laborers as stipulated by the current social insurance regime.

- + The property insurance bought by the Law Branch.

- + Taxes, fees and tax-related fees paid (except profit tax).

- + Other expenses not yet mentioned above, but these should not exceed 5% of the above-mentioned total expenditure.

All the above-mentioned expenses must be accompanied with reasonable and valid vouchers. Any expense which has no reasonable and valid voucher cannot be accepted when calculating the taxable profit.

When determining the turnover and the expenses to be deducted in order to determine the taxable profit, the taxation office can consider the reasonableness of revenues and expenses in consultancy service contracts and in the

payment and transaction relations between the Law Branch and organizations and individuals, or between the Law Branch and the Foreign Lawyers' Organization which manages it. If the book of account and the payment and transaction relations or service contracts are not clear, or are not registered on the principle of fair transaction, the taxation office can decide the taxable turnover and the taxable profit.

a3. The other profits for calculating taxable profits include but are not limited to the following:

- + The profit gained from the ownership and use of property of the Law Branch.

- + Other financial profits such as the difference between the interest collected from deposits and the interest of loans: the profit from the buying or selling of stocks...

- + The profit distributed by the Head-office to the Law Branch.

b) The rate of profit tax:

The rate of profit tax for the legal consultancy activities of a Law Branch is 25% of the taxable profit (as stipulated by the Law on Foreign Investment in Vietnam and the legal documents guiding its implementation).

c) The procedure of registering, making a declaration to pay and settle the accounts of profit tax:

The Law Branch shall register its operation, make a declaration to pay and settle the accounts of profit tax as stipulated by the legal documents guiding the implementation of the Law on Foreign Investment in Vietnam.

3. Income tax for high-income earners:

These are foreigners and Vietnamese working at the Law Branches obliged to pay income tax as provided for by the Ordinance on Income Tax for High-Income Earners issued on May 19, 1994 and the legal documents guiding its implementation.

4. Tax for the transfer of profit abroad:

When transferring their profit abroad, the Law Branches must pay a tax representing 10% of the profit transferred. The procedure of making a declaration to pay tax for the transfer of profit abroad shall comply with the guidance of the legal documents on the implementation of the Law on Foreign Investment in Vietnam.

5. Other taxes:

In addition to the above-mentioned taxes, the Law Branches are obliged to pay registration tax export duty, import tariff and other taxes and fees as provided for by the current Tax Laws and Tax Ordinances and the legal documents guiding their implementation.

In the process of operation, the Law Branches are obliged to declare, deduct and pay to the Vietnamese State the following taxes (if any):

- Income tax for the sale of copyrights as stipulated in Circular No. 08-TC/TCT of February 5, 1994 of the Ministry of Finance guiding the payment of taxes for copyright income.

- Tax which foreign organizations and individuals operating in Vietnam are obliged to pay as stipulated in Circular No.37-TC/TCT of May 10, 1995 of the Ministry of Finance guiding the application of fax system to those

economic organizations and individuals doing business in Vietnam outside the forms of investment defined by the Law on Foreign Investment in Vietnam (Including the supply of services by Foreign Lawyers' Organizations to their Law Branches in Vietnam).

The tax year for the Law Branches begins on January 1 and ends on December 31 of the solar calendar. The first tax year begins on the date when they register their operation and ends on December 31 of the same year.

III. RESPONSIBILITY OF THE BRANCHES OF FOREIGN LAWYERS' ORGANIZATIONS OPERATING IN VIETNAM

1. Within 5 days at the latest before they begin to operate, dissolve, or move their operational head-office to a new location, the Law Branches must go through the procedure of registering and paying tax to the taxation office of the province or city directly under the Central Government where they install their operational head-office as provided for by the legal documents guiding the implementation of the Law on Foreign Investment in Vietnam.

2. Strictly observing the stipulations on making a declaration form registering and paying tax as defined by the legal documents guiding the implementation of the Law on Foreign Investment in Vietnam and this Circular.

3. Producing all the books accounting reports and other necessary documents concerning the calculation of taxes and tax payment upon request by the taxation office.

4. Making full tax payment when it is due as stipulated by the tax laws currently in force in Vietnam.

IV. HANDLING OF VIOLATIONS AND SETTLEMENT OF COMPLAINTS

1. Handling of violations:

All acts of violation of the stipulations of Tax Laws shall be handled according to the laws currently in force in Vietnam.

Those Law Branches which fail to comply with the stipulations on the procedure of registering making a tax declaration, keeping a book of accounts using and keeping vouchers shall be warned or fined depending on the seriousness of their violation according to the laws currently in force in Vietnam.

The Law Branches which falsify their declarations evade tax payment or delay paying the taxes or fines written in the notice of order for tax collection or in the decisions of the taxation office on the handling of tax violations shall be handled according to the stipulations of the Tax Law and the stipulations of Decree No.22-CP of April 17, 1996 of the Government on the handling of administrative violations in tax payment.

2. Settlement of complaints:

Any complaints about taxes shall be settled by the local taxation office which directly manages the collection of taxes from the Law Branches. The complaint paper must be sent to the local taxation office which issues decisions on the handling of tax violations within 30 days after a Law Branch receives a decision on the handling of tax violations. If the complainant is not yet satisfied with the handling of violation by the taxation office directly in charge of tax collection he/she can send his/her complaint to the General Taxation Department and the Ministry of Finance. The

decision on the handling of violation issued by the Minister of Finance is final. Pending a decision on the handling of violation from the authorized level, the complainant must comply with the conclusion made by the local taxation office directly in charge of tax collection.

Any complaints about taxes concerning the stipulations of an Agreement signed between the Vietnamese Government and the Government of another country shall be settled according to the procedures of settling complaints and disputes stipulated in that Agreement.

V. ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION

The Taxation Departments of the provinces and cities directly under the Central Government shall have to manage the collection of taxes popularize the stipulations of the Circular to the Branches of the Foreign Lawyers' Organizations operating in Vietnam and guide them to strictly comply with it.

This Circular takes effect on the date of its signing. The stipulations in this Circular are the basis for checking the payment of taxes by the Law Branches in 1996. Any alteration (if any) in the Tax Laws and the sub-law documents after the date of issuing this Circular shall be applicable to the corresponding taxes defined in this Circular.

If any problem arises in the process of implementing this Circular, the Law Branches and the Taxation Departments are requested to inform the Ministry of Finance for further guidance.

FOR THE MINISTER OF FINANCE
VICE-MINISTER
VU MONG GIAO

**12. QUYẾT ĐỊNH SỐ 340 - TTg NGÀY
24-5-1996 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc ban hành Quy chế về hoạt động của
các tổ chức phi chính phủ nước ngoài
tại Việt Nam**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường công tác quản lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Trưởng ban Ban Đối ngoại Trung ương Đảng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và lãnh đạo cơ quan Trung ương các tổ chức nhân dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/TTg
ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ)**

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, dưới đây viết tắt là TCPCP, để được tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác phải được phép của Chính phủ Việt Nam dưới các hình thức: Giấy phép hoạt động, Giấy phép lập Văn phòng dự án hoặc Giấy phép lập Văn phòng đại diện.

Điều 2. TCPCP được cấp giấy phép hoạt động khi có đủ các điều kiện:

1. Có tư cách pháp nhân theo pháp luật nước mình hoặc pháp luật của nước cho đặt trụ sở chính.
2. Có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động rõ ràng.
3. Đã có hoặc dự kiến có các chương trình, dự án phát

triển, nhân đạo tại Việt Nam phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước Việt Nam ; cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và tôn trọng phong tục, tập quán truyền thống của Việt Nam.

Điều 3. TCPCP được xét cấp Giấy phép lập Văn phòng dự án khi có đủ các điều kiện:

1. Đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 1, điểm 2, Điều 2 của Quy chế này.

2. Có chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt và quy mô, tính chất của chương trình, dự án đó đòi hỏi sự điều hành, giám sát thường xuyên, tại chỗ.

Điều 4. TCPCP được xét cấp Giấy phép lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội khi có đủ các điều kiện:

1. Đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 1, điểm 2, Điều 2 của Quy chế này.

2. Đã có chương trình, dự án viện trợ có hiệu quả tại Việt Nam trong ít nhất 2 năm trước đó.

3. Trong quá trình hoạt động ở Việt Nam luôn tôn trọng pháp luật Việt Nam và phong tục, tập quán truyền thống của Việt Nam.

4. Hiện có các chương trình, dự án viện trợ dài hạn (từ 2 năm trở lên) tại Việt Nam và đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

Điều 5. Cơ quan có thẩm quyền xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi các loại Giấy phép là Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ (dưới đây gọi tắt là Ủy ban). Cơ quan thường trực về công tác phi chính phủ nước ngoài của Ủy ban là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Liên hiệp).

CHƯƠNG II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 6.

a) Hồ sơ xin Giấy phép hoạt động tại Việt Nam gồm:

1. Đơn đề nghị của người đứng đầu TCCP viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh (hoặc tiếng Pháp) gửi Ủy ban nêu những nội dung chính sau đây:

- Tên đầy đủ của tổ chức, nơi đặt trụ sở chính.
- Tôn chỉ, mục đích hoạt động.
- Sơ lược về lịch sử phát triển của tổ chức.
- Nguồn và khả năng tài chính.
- Chương trình, dự án và kế hoạch hoạt động tại Việt Nam.

2. Điều lệ của TCPCP

3. Văn bản chứng nhận tư cách pháp nhân do cơ quan có thẩm quyền của nơi thành lập hoặc nơi đặt trụ sở chính cấp, hoặc bản sao có công chứng.

b) Hồ sơ xin lập Văn phòng dự án, ngoài những tài liệu nêu tại khoản a của Điều này, cần có thêm:

1. Nêu rõ trong đơn lý do lập Văn phòng dự án; nơi dự kiến đặt Văn phòng dự án; số người nước ngoài và người Việt Nam cần thiết cho hoạt động của Văn phòng.

2. Văn bản chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

3. Tiểu sử của người dự kiến làm Trưởng văn phòng dự án.

Điều 7. Hồ sơ xin lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội,

ngoài những tài liệu nêu tại khoản a, Điều 6 của Quy chế này, cần có thêm:

1. Nêu rõ trong đơn lý do lập Văn phòng đại diện; dự kiến số người nước ngoài và người Việt Nam cần thiết làm việc tại Văn phòng đại diện.

2. Bản báo cáo hoạt động tại Việt Nam ít nhất hai năm trước đó.

3. Văn bản chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

4. Tiểu sử của người dự kiến được cử làm Trưởng Văn phòng đại diện và giấy giới thiệu làm đại diện tại Việt Nam của người đứng đầu TCCP.

Điều 8. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày đối với Giấy phép hoạt động; không quá 60 (sáu mươi) ngày đối với Giấy phép lập Văn phòng dự án; không quá 90 (chín mươi) ngày đối với Giấy phép lập Văn phòng đại diện, Ủy ban thông báo kết quả đến TCCP liên quan.

Điều 9. Thời hạn Giấy phép cấp lần đầu:

- Không quá sáu tháng đối với Giấy phép hoạt động cấp cho TCCP vào khảo sát, xây dựng dự án, chương trình.

- Không quá một năm đối với Giấy phép hoạt động cấp cho TCCP đang thực hiện chương trình, dự án viện trợ tại Việt Nam.

- Không quá hai năm đối với Giấy phép lập Văn phòng dự án.

- Không quá ba năm đối với Giấy phép lập Văn phòng đại diện.

Nếu có nhu cầu gia hạn, TCCP làm đơn gửi Ủy ban

ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn. Thời gian gia hạn cho mỗi lần không quá thời hạn Giấy phép cấp lần đầu.

Điều 10. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cấp hoặc gia hạn Giấy phép, TCPCP phải hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan.

Điều 11. Khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép đã cấp, như đổi tên gọi, chuyển trụ sở Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện, thay thế Trưởng Văn phòng, Trưởng đại diện, bổ sung nhân viên làm việc tại Văn phòng, điều chỉnh phạm vi, nội dung hoạt động, TCPCP phải có đơn đề nghị Ủy ban, đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi mình hoạt động hoặc nơi đặt Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban có văn bản trả lời TCPCP liên quan.

Điều 12. Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện và các TCPCP được cấp Giấy phép hoạt động tại Việt Nam phải chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Khi Giấy phép hết thời hạn.
2. Khi có quyết định thu hồi giấy phép của Ủy ban theo quy định tại khoản b, Điều 17 của Quy chế này.

Giấy phép lập Văn phòng dự án đương nhiên hết hiệu lực khi chương trình, dự án viện trợ kết thúc. Giấy phép lập Văn phòng đại diện cũng đương nhiên hết hiệu lực khi TCPCP không còn có hoạt động nào như đã nêu trong đơn xin lập Văn phòng đại diện.

Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy phép hết hạn, hoặc nhận được thông báo buộc chấm

dứt hoạt động, TCCP phải giải quyết xong các vấn đề liên quan đến trụ sở, nhà ở, người làm thuê, phương tiện làm việc, thanh toán xong các khoản nợ (nếu có) và những vấn đề liên quan khác với các tổ chức và cá nhân tại Việt Nam.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TCCP TẠI VIỆT NAM

Điều 13. Hoạt động của TCCP tại Việt Nam phải theo đúng nội dung, phạm vi đã quy định trong Giấy phép được cấp.

Điều 14. Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng dự án hoặc người được TCCP uỷ nhiệm đại diện cho các hoạt động tại Việt Nam (trong trường hợp chỉ có Giấy phép hoạt động) là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của TCCP đó tại Việt Nam.

Người được TCCP uỷ nhiệm làm đại diện và Trưởng Văn phòng dự án có trách nhiệm định kỳ ba tháng một lần; Trưởng Văn phòng đại diện có trách nhiệm định kỳ sáu tháng một lần báo cáo bằng văn bản cho Uỷ ban về hoạt động của tổ chức mình tại Việt Nam, đồng thời có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan tới hoạt động của tổ chức mình cho Uỷ ban khi được yêu cầu.

Khi kết thúc dự án hoặc hết năm tài chính, TCCP phải có báo cáo quyết toán gửi đến Uỷ ban, cơ quan chủ quản dự án (Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương của tổ chức nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 15.

a) Sau khi được cấp Giấy phép lập Văn phòng dự án hoặc Văn phòng đại diện, TCPCP được phép thuê trụ sở, nhà ở và được thuê nhân công là người Việt Nam làm việc cho Văn phòng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Đại diện và nhân viên là người nước ngoài của TCPCP (khi đã có chương trình, dự án viện trợ cho Việt Nam) được mở tài khoản chuyên chi (bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại các ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

c) Việc nhập khẩu vào Việt Nam các thiết bị văn phòng, phương tiện giao thông và phụ tùng thay thế, đồ dùng cá nhân cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện và nhân viên là người nước ngoài của Văn phòng được áp dụng theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Các Văn phòng đại diện đã được Chính phủ Việt Nam cho phép lập trước khi có Quy chế này không phải xét duyệt lại, nhưng phải bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực và phải thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.

Các TCPCP đã hoạt động tại Việt Nam trước khi ban hành Quy chế này, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực phải làm thủ tục xin Giấy phép hoạt động, hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động.

Các bộ phận công tác của TCPCP hiện đang hoạt động tại Việt Nam, có trụ sở và nhân viên, nhưng chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, phải làm thủ tục xin lập Văn phòng dự án hoặc Văn phòng đại diện theo các quy định của Quy chế này, hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động.

Điều 17.

a) Các tổ chức, cá nhân đóng góp tích cực, có hiệu quả cho các chương trình phát triển và nhân đạo tại Việt Nam được nhân dân và Nhà nước Việt Nam hoan nghênh và ghi công.

b) Những TCPCP có hoạt động không phù hợp với Giấy phép được cấp, hoặc vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị cơ quan cấp Giấy phép đình chỉ một phần hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của TCPCP và nhân viên của TCPCP sẽ bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Điều 18. Ủy ban Công tác về tổ chức phi chính phủ có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, địa phương liên quan thực hiện Quy chế này.

Điều 19. Các Bộ, Ban, ngành, các tổ chức nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát việc thực hiện Quy chế này theo chức trách của mình. Nếu phát hiện có trường hợp vi phạm, phải xử lý kịp thời theo thẩm quyền và báo cáo lên Ủy ban.

Điều 20. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký; các quy định khác trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VÕ VĂN KIẾT

**12. DECISION NO 340 - TTG DATED 24
MAY, 1996 OF THE PRIME MINISTER
Promulgating regulation on the operation
of foreign non government organization
in Vietnam**

PRIME MINISTER

*Pursuant to the Law on Government organization dated
30 September 1992;*

*To strengthen the management activities and create
favourable conditions for foreign non - government
organizations operating in Vietnam;*

*On the proposals of the Minister-Chairman of the
Government office an Head of the Party Central Committee
for foreign Affairs;*

DECIDES:

Article 1. To promulgate in connection with this decision,
regulation on the operations of foreign non-government
organizations in Vietnam

Article 2. This Decision comes into effect from the signing date.

Article 3. The Minister-Chairman of the Government Office, Ministers Head of Ministerial-ranking bodies, Heads of Governmental bodies, Chair-persons of provincial People's committees, chair-persons of Vietnam's friendship organizations and the leaders of Central bodies and of People's organizations concerned are responsible for the implementation of this Decision.

PRIME MINISTER
VO VAN KIET

REGULATION

On the operation of foreign non-government organizations in Vietnam (attached to Decision No. 340/TTg dated 24 May, 1996 of the Prime Minister)

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Foreign non-government organizations (NGOs) wishing to carry out development assistant activities and humanitarian donation operation in Vietnam, not for profit or other business purposes, must ask for the permission of the Vietnamese Government for an operation license, a license for the establishment of a project Office or a licence for a representative office establishment.

Article 2. NGOs will be granted an operation license if:

1. They are of legal status under their countries' laws or the laws of the country where they set up their head quarters.
2. They have clear regulations and principles for operation.

3. They have available or planned programmes and projects for development and humanitarian activities in Vietnam which are suitable to the socio-economic development policies of Vietnam; they pledge to observe Vietnam's laws and respect traditional customs and habits of Vietnam.

Article 3. NGOs will be granted a license to set up a project office if they satisfy the following conditions:

1. Requirements stated in points 1 and 2 Article 2 of this regulation.

2. If they have programmes or projects that have been approved by Vietnam's authoritative bodies; the scale and characteristics of the programmes or projects must require management and regular, on the-spot supervision.

Article 4. An NGO will be granted a licence to establish a representative office in Hanoi if they satisfy the following conditions:

1. Regulation stated in points 1 and 2 Article 2 of this regulation.

2. If they have assistance programmes and projects carried out effectively in Vietnam at least two years earlier.

3. During their operations in Vietnam, they respect Vietnam's Laws, the traditional habits and customs of Vietnam.

4. If they have, at the moment, a long-term assistance programme, projects (at least two years) in Vietnam, that has been approved by Vietnam's authoritative bodies.

Article 5. The body authorised to grant, extend adjust, add to or revoke licenses is the Committee for NGO's (hereinafter referred to as the Committee). The committee's

permanent body for foreign NGO's is the Union of Friendship organizations of Vietnam (hereinafter referred to as the Union)

CHAPTER II

PROCEDURES TO GRANT, EXTEND, AMEND, ADD TO AND REVOKE LICENSES

Article 6.

a) Dossiers for an operational in Vietnam include:

1. An application form signed by the head of the NGO in Vietnamese and English (or French), submitted to the Committee, stating the following content:

- Full name of the organization, location of the head office.
- Principles and purposes of the operation.
- Summary of the NGO's development history.
- Financial sources and status.
- Programmes, projects and plans for operation in Vietnam

2. Regulation of the NGO

3. Documentation to certify the NGO's legal status granted by an authoritative body of the country where the NGO was established or has set up its head office, or a copy certified by the Notary office.

b) Dossiers to apply for Projects office establishment apart from the documents stated in point a of this Article must:

1. State clearly in the application form, the reason for the Projects office establishment; location planned for projects office establishment, the number of foreigners and Vietnamese necessary for the Office's operations.

2. Documents of the programmes, projects approved by an authoritative body in Vietnam.

3. Biography of the person who is scheduled to be the project offices Head

Article 7. Dossiers to apply for opening a representative office in Hanoi, apart from the documents stated in point a Article 6 of this regulation, include:

1. To state clearly in the application form the reason for the representative office establishment; the number of foreigners and Vietnamese scheduled to work for the representative office. ,

2. The report on the NGO's operation in Vietnam for the last, at least, two years.

3. Documents of the programmes, projects, approved by an authoritative body of Vietnam.

4. Biography of the person who is scheduled to be the representative offices head, and the introduction signed by the NGO's leader to set up a representative offices in Vietnam.

Article 8. Within 30 (thirty) days of applying for an operation license, 60 (sixty) days of applying for license to establish a projects office and 90 (ninety) day of applying for a license to establish a representative office from the date when it receives fully the legal dossiers, the Committee will announce its decision to the concerned NGO.

Article 9. Duration of a license granted for the first time:

- The duration does not exceed six months if a license is granted to an NGO for inspection and construction of projects, programmes.

- The duration does not exceed one year if a license is granted to an NGO that is carrying out its assistance projects, programmes in Vietnam.

- The duration does not exceed two years if a license is granted to the establishment of the projects office.

- The duration does not exceed three years if a license is granted to the establishment of the representative office.

If wishing for and extension, the NGO must submit an application form the committee at least 30 (thirty) days before the existing license expires. The extension must not exceed the duration applied to the first license.

Article 10. Within 30 (thirty) days of an applying for a license granting or extension, the NGO must complete the procedures for operation registration at the provincial people's committee concerned.

Article 11. If wishing for an amendment or addition to the content of the granted license such as to change the name, move the projects office or the representative office location, replace the head or the chief representative, employ futher staff for the office, ament the area and content of the operation, the NGO must submit an application form to the committee and to the local people's committee where the project office, representative organization is located.

Within 30 (thirty) days of receiving an application form, the committee must reply to the NGO concerned.

Article 12. A projects office, representative office or NGOs granted a licence to operate in Vietnam must stop their operation if:

1. Their license expires.

2. It receives a decision to have its license revoked from the committee according to regulations in point b Article 17 of the Regulation.

The license for the projects office establishment comes to an end when the assistance programme, projects is completed. The license for the representative office establishment comes to an end when the NGO has no activities as stated in the application form for the representative office establishment.

Within 30 (thirty) days from the when the license comes to an end or when it receives an announcement to stop its operation the NGO must complete the regulations concerning its head office, accommodation employees, working facilities and pay all debts (of any) and fulfill other related issues, with organizations and individuals in Vietnam.

CHAPTER III

POWER AND OBLIGATION OF NGOs IN VIETNAM

Article 13. NGOs operating in Vietnam follow the content, area stated in the granted license.

Article 14. The Head of the representative office, projects office or the person who is entrusted by the NGO to represent its operation in Vietnam (if the NGO has only

an operation license) is responsible for all activities of the NGO in Vietnam.

The person who is entrusted by the NGO as a representative and the head of the projects office is responsible every three months; the head of the representative office is responsible every six months to report in writing to the committee on their operation in Vietnam and report, provide or explain concerning their organization's operational activities to the committee if required.

When a projects is finished or a fiscal year ends, NGOs must colate a report of accounting and submit in to the committee and the body managing the projects (Ministries, branches, Central bodies of people's organizations, provincial people's committee).

Article 15.

a) When licensed to establish a projects office or a representative office, an NGO can rent a head office, accommodation and hire Vietnamese employees to work for the office under Vietnam's by law regulation.

b) Foreign representatives and employees of NGOs (if the organizations has set up an assistance programmes, projects for Vietnam can open an account of payment (in foreign currencies or Vietnamese dong of foreign currency origin) at the banks established and operating under Vietnam's laws.

c) The import of office equipment, transport means and spare parts, personal possessions, to Vietnam, necessary for the operation of the representative and for the lives of the

office's foreign employees shall be carried out under the existing laws of Vietnam.

CHAPTER IV

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 16. Representative office established under the Vietnamese Government permission, before this Regulation comes into being shall not be reconsidered but they must add to and complete the dossiers within 60 (sixty) days from the date when this Regulation comes into effect and must carry out all stipulations stated in this Regulation.

NGOs starting their operation in Vietnam before this Regulation is promulgated, within 60 (sixty) days from the date when this Regulation comes into effect must carry out procedures to apply for an operation licenced or must stop their operations. Parts of NGOs operating in Vietnam having a head office and employees but not yet licenced by the Vietnamese Government must, within 60 (sixty) days from the date when this Regulation comes into effect, carry out the procedures to apply establishment of a projects office or a representative office under stipulation of this Regulation, or alternatively must stop their operations.

Article 17.

a) Organizations and individuals effectively contributing to assistance programmes and projects in Vietnam will be welcomed by the State of Vietnam

b) NGOs, carrying out operation not suitable to their granted license, or violating the stipulations of this Regulation, depending on the violations(s), shall have

cancelled a selected their part of operation or shall have their licence revoked by the licence granting body. Violations of Vietnam's laws of NGOs and employees of NGOs shall be dealt with under Vietnam's laws.

Article 18. The Committee for the operation of NGOs are responsible to implement and provide the concerning bodies and localities with the guidance for the implementation of this Regulation.

Article 19. Minister, Branches, People's organizations and provincial people's committee are responsible to provide guidance help and supervise the implementation of this Regulation within their power. If there is violation discovered, they must deal with in timely according to their power and report it to the committee.

Article 20. This Regulation comes into effect from the signing date. Other regulations contrary to this Regulation are all abrogated.

PRIME MINISTER
VO VAN KIET

13. NGHỊ ĐỊNH SỐ 56-CP NGÀY 18-9-1995 CỦA CHÍNH PHỦ

**Ban hành Quy chế cho người nước ngoài,
người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê
nhà tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường công tác quản lý của Nhà nước đối với việc cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ,

Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

**QUY CHẾ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI,
NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC
NGOÀI THUÊ NHÀ TẠI VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP
ngày 18 tháng 9 năm 1995)

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, xã hội và cá nhân nêu dưới đây (sau đây gọi tắt là bên cho thuê) nếu có nhà đủ điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này, được phép cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là người nước ngoài) thuê nhà để ở, đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật:

1. Các doanh nghiệp chuyên kinh doanh nhà được thành lập và hoạt động theo pháp luật, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Các doanh nghiệp khác và các tổ chức được thành lập

và hoạt động theo pháp luật, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp.

3. Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Điều 2. Các đối tượng dưới đây không được phép cho người nước ngoài thuê nhà:

a) Các cơ quan Nhà nước, các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội và công dân Việt Nam, không được phép cho thuê trụ sở và nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước mà mình đang được phép quản lý hoặc sử dụng.

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời gian chấp hành án, hoặc chưa được xóa án.

Điều 3. Nhà cho người nước ngoài thuê phải có đủ các điều kiện:

1. Có địa chỉ cụ thể (số nhà, phố, phường...) nằm ngoài khu vực quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 04-CP ngày 18 tháng 01 năm 1993 của Chính phủ.

2. Riêng biệt (không cùng chung căn hộ hoặc cùng cửa đi chung với căn hộ khác).

3. An toàn về cấu trúc, xây dựng.

4. Bảo đảm điều kiện an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

5. Không có tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng.

Điều 4. Bên cho thuê có thể trực tiếp hoặc ủy thác doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà thay mặt mình làm các thủ tục xin cấp giấy phép, ký hợp đồng thuê nhà và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định

của Quy chế này. Phí ủy thác không được thu cao hơn 2% giá trị hợp đồng quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Trường hợp chủ sở hữu nhà không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố nơi có nhà cho thuê, chủ nhà phải ủy quyền cho người có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có nhà cho thuê thay mặt mình thực hiện các thủ tục cần thiết nêu trên, nhưng không được ủy quyền cho những người thuộc đối tượng quy định tại điểm b Điều 2 của Quy chế này.

Điều 5. Người nước ngoài thuê nhà để ở phải có giấy phép tạm trú hợp pháp ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên, nếu thuê nhà để đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh thì phải có giấy phép đặt văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc giấy phép và hợp tác đầu tư tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Điều 6. Hợp đồng thuê nhà ký kết giữa bên cho thuê và bên thuê phải làm theo mẫu quy định (phụ lục số 4) và được cơ quan cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà xác nhận. Giá thuê nhà và giá trị tiền thuê nhà ghi trong hợp đồng được tính bằng tiền đồng Việt Nam và được quy đổi ra đôla Mỹ hoặc loại tiền nước ngoài có thể chuyển đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm ký hợp đồng.

Điều 7. Giá thuê nhà do hai bên thỏa thuận. Các khoản trích nộp vào ngân sách nhà nước theo nghĩa vụ của bên cho thuê nhà phải căn cứ vào giá ghi trong hợp đồng thuê nhà nhưng không được thấp hơn mức giá tính thuế áp dụng tại địa phương do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định sau khi đã trao đổi thống nhất ý kiến với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sở tại.

Điều 8.

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà; chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về các hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

a) Quản lý hành chính và chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà trên địa bàn lãnh thổ.

b) Chỉ định một cơ quan trực thuộc tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép cho thuê nhà, theo dõi và kiểm tra các hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà trên địa bàn lãnh thổ (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp giấy phép).

c) Quy định cụ thể khu vực và địa điểm được cho người nước ngoài thuê nhà trên phạm vi địa bàn lãnh thổ.

d) Lập kế hoạch và dự án xây dựng nhà đáp ứng nhu cầu thuê nhà của người nước ngoài.

e) Cho phép thành lập doanh nghiệp hoặc cho phép đăng ký hành nghề hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê tại địa phương.

g) Quyết định xử lý vi phạm theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

3. Cơ quan cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý hoạt động cho người nước

ngoài thuê nhà tại địa phương, có trách nhiệm thu lệ phí cấp giấy phép, theo dõi, kiểm tra việc cho người nước ngoài thuê nhà và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

CHƯƠNG II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, HỦY BỎ GIẤY PHÉP VÀ XUẤT TRÌNH GIẤY PHÉP, HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ

Điều 9. Bên cho thuê nhà (chủ sở hữu nhà hoặc người được ủy quyền) gửi hồ sơ xin cấp giấy phép tới Cơ quan cấp giấy phép của tỉnh, thành phố nơi có nhà cho thuê. Hồ sơ xin cấp giấy phép cho thuê nhà gồm:

1. Đơn xin phép cho người nước ngoài thuê nhà (phụ lục số 1).

2. Sơ yếu lý lịch của người đứng tên cho thuê nhà, có xác nhận của chính quyền phường, xã nơi cư trú (phụ lục số 2).

3. Bản sao có công chứng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hợp pháp.

4. Văn bản ủy quyền hoặc ủy thác (nếu có) theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

Điều 10. Trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tại địa phương xem xét các điều kiện về nhà cho thuê theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này để trả lời người gửi đơn về việc cấp hay không cấp giấy phép cho thuê nhà.

Điều 11. Bên thuê nhà có thể trực tiếp hoặc thông qua

doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà giao dịch và làm các thủ tục thuê nhà theo quy định của Quy chế này. Hồ sơ xin thuê nhà gồm:

1. Đơn xin thuê nhà (phụ lục số 3).

2. Bản sao có công chứng giấy phép theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Điều 12. Khi giao nhà cho bên thuê nhà, Bên cho thuê phải xuất trình giấy phép và hợp đồng thuê nhà với cơ quan công an, cơ quan thuế (cấp quận, huyện) tại địa phương.

Điều 13. Khi hợp đồng thuê nhà hết hạn, nếu hai bên ký kết gia hạn hoặc ký lại hợp đồng mới đều phải tuân theo các quy định của Quy chế này.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ, BÊN THUÊ, CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP VÀ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà.

1. Nộp các loại thuế (thuế môn bài, thuế doanh thu, thuế lợi tức, thuế nhà đất,...) theo quy định của pháp luật.

Đối với các doanh nghiệp nêu tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế này thì ngoài các loại thuế phải nộp nói trên, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước các khoản điều tiết bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

2. Nộp lệ phí xin cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo mức phí do Bộ Tài chính quy định.

3. Thực hiện đúng hợp đồng thuê nhà đã ký.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

5. Được quyền hủy hợp đồng thuê nhà theo điều kiện mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định, nhưng phải thông báo lý do cho bên thuê biết trước ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng bị hủy bỏ. Việc giải quyết tranh chấp hoặc bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Khi hủy bỏ hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan cấp giấy phép, cơ quan công an và cơ quan thuế sở tại biết.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà:

1. Thực hiện đúng hợp đồng thuê nhà đã ký.

2. Đăng ký tạm trú cho bản thân khi đến ở hoặc làm việc và đăng ký tạm trú cho khách lưu trú qua đêm tại nhà mình thuê với cơ quan công an phường, xã sở tại.

3. Không được chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà hoặc cho thuê lại.

4. Được quyền hủy hợp đồng theo điều kiện mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định. Việc giải quyết tranh chấp hoặc bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp dịch vụ:

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi giới, dịch vụ của cả bên cho thuê và bên thuê nhà theo hợp đồng.

2. Được thu phí dịch vụ (chỉ được thu 1 lần) theo mức phí do Bộ Tài chính quy định và phí ủy thác theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

3. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân hoạt động kinh doanh cho người nước ngoài thuê nhà mà không có giấy phép thì bị phạt 50 triệu đồng và buộc phải chấm dứt hoạt động. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 18. Các doanh nghiệp tổ chức và cá nhân có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà nhưng không có hợp đồng thuê nhà hợp lệ, không thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại các Điều 6 và Điều 12; hoặc giấy phép và hợp đồng thuê nhà đã hết hạn nhưng không thực hiện đúng quy định tại Điều 13 của Quy chế này thì bị phạt 20 triệu đồng và buộc phải bổ sung cho đúng quy định. Trường hợp tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần số tiền phạt trước đó và bị thu hồi giấy phép cho thuê nhà.

Điều 19. Bên thuê nhà vi phạm các quy định tại Điều 15 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và phạt 2000 USD (nếu thuê nhà để ở) hoặc 5000 USD (nếu thuê nhà để đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh). Nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần số tiền phạt trước đó. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị buộc phải chấm dứt hợp đồng thuê nhà và xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Những đối tượng không được thuê nhà theo quy định của Quy chế này mà vẫn thuê nhà tại Việt Nam thì bị

cảnh cáo và phạt tiền bằng 3.000 USD (nếu thuê nhà để ở) hoặc 8.000 USD (nếu thuê nhà để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh), đồng thời buộc phải chấm dứt việc thuê nhà. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì còn bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Doanh nghiệp dịch vụ vi phạm các quy định của Quy chế này thì bị phạt 20 triệu đồng. Nếu gây thiệt hại cho các bên đương sự thì phải hoàn trả phí dịch vụ và bồi thường thiệt hại. Trường hợp tái phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị thu hồi giấy phép kinh doanh.

Điều 21. Công chức, viên chức của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 8 và cán bộ, nhân viên doanh nghiệp dịch vụ cố ý làm sai các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế không có chức năng chuyên kinh doanh nhà và công dân Việt Nam, công dân nước ngoài định cư tại Việt Nam hiện đang cho thuê lại nhà thuộc sở hữu của nhà nước Việt Nam thì phải nộp toàn bộ số tiền thu được về cho thuê nhà vào ngân sách Nhà nước kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản tiền

thu về hoạt động cho thuê nhà của các đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 23. Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng, nếu hợp đồng cho thuê nhà chưa hết hạn thì được tiếp tục cho thuê cho đến hết ngày 31 tháng 3 năm 1996. Từ ngày 01 tháng 4 năm 1996 trở đi, chủ nhà muốn tiếp tục cho người nước ngoài thuê nhà thì phải làm lại thủ tục cho thuê nhà theo quy định của Quy chế này.

Điều 24. Quy chế này thay thế Quy chế cho thuê nhà ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về cho người nước ngoài thuê nhà trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà quy định tại điểm e khoản 2 Điều 8 của Quy chế này.

Điều 25. Hoạt động cho thuê nhà đối với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam (gọi tắt là Đoàn ngoại giao) thực hiện theo quy định riêng.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quy hoạch xây dựng các khu nhà tập trung dành cho các cơ quan Đoàn ngoại giao đóng trên

địa bản thuê và quản lý việc cho thuê nhà đối với các cơ quan này tại địa phương.

Điều 26. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

T.M CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

ĐƠN XIN PHÉP CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THUÊ NHÀ

KÍNH GỬI: (cơ quan cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà tỉnh, thành phố)

Họ tên:.....

Ngày sinh:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy chứng minh nhân dân số... do... cấp ngày.../.../...

Chỗ ở hiện nay: (nơi đăng ký thường trú).....

Là chủ sở hữu nhà: (ghi rõ số nhà, phố, phường, quận...)...

hoặc là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp:.....

được thành lập theo Quyết định số.... ngày... của....

trụ sở đóng tại số nhà.... phường.... quận.....

Hiện là chủ sở hữu hoặc được giao quyền quản lý nhà số phố..... (phường)..... quận.....

Nhà gồm..... tầng, diện tích xây dựng..... m², và diện tích sân.... m², diện tích vườn.... m²;

Xin phép cho người nước ngoài thuê và sử dụng: (ghi rõ diện tích nhà, sân, vườn cho thuê để sử dụng làm nhà ở, đặt trụ sở...).....

Thời gian có thể cho thuê:.....

Nhà cho thuê nêu trên bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy chế kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995 của Chính phủ.

Khi được cấp giấy phép cho thuê nhà, tôi xin cam đoan hoạt động theo đúng giấy phép và chấp hành nghiêm chỉnh

Quy chế của Chính phủ về cho người nước ngoài thuê nhà
tại Việt Nam.

Ngày... tháng... năm...

Ký tên

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(của công dân Việt Nam có nhà cho thuê - kèm theo đơn xin
phép cho thuê nhà)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên..... Bí danh.....

Tên thường gọi..... nam, nữ.....

Ngày sinh..... Nơi sinh.....

Nguyên quán.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Dân tộc..... Tôn giáo.....

Đảng phái

Thành phần: - Gia đình:.....

- Bản thân:.....

Trình độ: - Văn hóa:..... - Ngoại ngữ

- Chuyên môn kỹ thuật:

Nghề nghiệp (trước đây và hiện nay):.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH

(Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp, nơi cư trú của những người trong gia đình gồm: bố, mẹ, anh chị em ruột, vợ, chồng, con; nếu ai trong những người này có tiền án, tiền sự thì phải ghi rõ).

III. LỊCH SỬ BẢN THÂN

(Tóm tắt quá trình hoạt động của bản thân làm gì, ở đâu, thời gian nào? nếu có sai phạm gì thì ghi rõ mức độ)

xử lý; nếu có đi nước ngoài cần ghi rõ số lần đi, nước nào, thời gian, mục đích chuyến đi).

IV. CAM KẾT VỀ LỜI KHAI

(Ghi rõ trách nhiệm và nghĩa vụ thi hành pháp luật của công dân).

Xác nhận của UBND phường,
xã hoặc Cơ quan quản lý nhân sự.

Ngày..... tháng.... năm

Người khai ký tên

ĐƠN XIN THUÊ NHÀ

Kính gửi: (*)

Họ và tên:.....

Ngày sinh:.....

Nghề nghiệp:.....

Quốc tịch:

Nơi làm việc ở Việt Nam:

Hộ chiếu số: cấp ngày:.....

Giấy chứng nhận tạm trú tại Việt Nam số:
do (Bộ Nội vụ hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam) cấp ngàyGiấy phép (đặt văn phòng đại diện, chi nhánh công
ty hoặc đầu tư tại Việt Nam) số: do (ghi rõ
tên Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) cấp ngày:

Xin thuê nhà để sử dụng:

- Nhà ở cho: người, diện tích cần thuê:..... m²
- Đặt trụ sở..... diện tích cần thuê:..... m²

Trong thời gian:

Tôi đã đọc bản Quy chế cho người nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người thuê nhà quy định trong Quy chế đó.

Ngày tháng.... năm

Ký tên

(*)

- Cơ quan quản lý nhà tỉnh, thành phố....
- Chủ sở hữu nhà hoặc công ty dịch vụ

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Bên cho thuê nhà:

Họ, tên:

Là chủ sở hữu (hoặc đại diện hợp pháp của chủ sở hữu hay doanh nghiệp chuyên kinh doanh cho thuê nhà) của nhà cho thuê số:..... Phố (Phường) Quận.....

Có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà, số: do.....cấp ngày.... tháng..... năm 199....

Bên thuê nhà:

Họ, tên:Quốc tịch:

Nơi cư trú trước khi tới Việt Nam:.....

Nghề nghiệp: Hộ chiếu số:..... cấp ngày.....

Đã thỏa thuận hợp đồng thuê nhà để sử dụng (ghi rõ làm gì) tại nhà số:..... Phố (Phường):..... Quận..... gồm.... tầng, diện tích xây dựng:.....m², diện tích sân vườn.....m².

Mục đích sử dụng cụ thể:

- Nhà ở, diện tích chính:.....m², diện tích phụ:.....m², diện tích sân vườn:.....m², cho..... người đăng ký tạm trú thường xuyên tại nhà này.

- Đặt trụ sở, diện tích chính: m², diện tích phụ: m², diện tích sân vườn: m², cho:..... người đăng ký làm việc thường xuyên tại trụ sở này.

Trang bị, tiện nghi bên thuê nhà được sử dụng gồm:.....

Giá thuê nhà: - Phần diện tích chính:..... USD/tháng

- Phần diện tích phụ:..... USD/tháng

- Phần diện tích sân vườn:..... USD/tháng

Tổng cộng giá cho thuê:..... USD/tháng (viết bằng chữ.....)

Các chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật... tại nhà này do bên thuê thanh toán riêng theo khối lượng tiêu thụ.

Thời hạn thuê nhà:.... tháng, bắt đầu từ ngày....

Thể thức thanh toán:

- Bằng tiền mặt hoặc séc:....

- Trả trước... tháng

- Trả tiếp thường kỳ vào ngày... hằng tháng

Hai bên cùng xác định trách nhiệm như sau:

A - Trách nhiệm bên cho thuê:

1. Giao nhà và trang bị tiện nghi cho bên thuê đúng ngày hợp đồng có giá trị;

2. Bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ của bên thuê;

3. Sửa chữa kịp thời những hư hỏng khi bên thuê có yêu cầu;

4. Hướng dẫn bên thuê thực hiện đúng các quy định về đăng ký tạm trú.

B - Trách nhiệm của bên thuê:

1. Trả tiền thuê nhà đúng hạn;

2. Sử dụng nhà đúng mục đích. Khi cần sửa chữa, cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý của chủ nhà và phải tuân thủ các quy định về xây dựng cơ bản của Việt Nam;

3. Chịu trách nhiệm về những hư hỏng, mất mát các trang thiết bị nội thất do mình gây ra; về tác hại gây ra cho bên thứ ba trong khi sử dụng nhà; tự bảo quản các tư trang và đồ đạc cá nhân;

4. Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và trật tự an ninh chung trong khu vực cư trú;

5. Không được chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác thuê lại. Trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn đã ký, phải báo cho chủ nhà biết trước 30 ngày.

Hai bên cam kết:

1. Thực hiện đúng hợp đồng đã ký. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm hợp đồng, thì cả hai bên phải trình cơ quan cấp giấy phép cho thuê nhà xem xét, xử lý. Nếu một trong hai bên không thỏa mãn với kết quả xử lý của cơ quan cấp giấy phép thì đề nghị Tòa án xét xử.

2. Việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà được thực hiện trong các trường hợp:

- Hợp đồng hết thời hạn giá trị;
- Nhà bị phá dỡ theo quyết định của Cơ quan có thẩm quyền;
- Bên thuê nhà bị trục xuất hoặc rút giấy phép hoạt động tại Việt Nam;
- Theo đề nghị của một trong hai bên và được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận.

Hợp đồng lập thành 3 bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng nước ngoài thông dụng. Mỗi bên giữ một bản và lưu một bản tại cơ quan cấp giấy phép cho thuê nhà. Hợp đồng có giá trị thực hiện kể từ ngày được cơ quan cấp giấy phép xác nhận.

..... ngày tháng năm 199....

BÊN CHO THUÊ NHÀ

BÊN THUÊ NHÀ

XÁC NHẬN CỦA

Cơ quan cấp giấy phép, ngày.../.../19...

(Ký tên, đóng dấu)

GIẤY PHÉP

CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THUÊ VÀ SỬ DỤNG NHÀ

Cấp cho Ông (Bà)..... là chủ có nhà cho thuê

Hoặc là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

có sở hữu ngôi nhà số:..... Phố:.....

Quận:.....

Đạo điểm nhà: Biệt thự (nhà làm việc, nhà căn hộ độc lập, chung cư)

Ngôi nhà gồm:..... tầng

Diện tích xây dựng:..... m²Diện tích sân vườn:..... m²

Được phép cho người nước ngoài thuê và sử dụng làm.....

Nhà ở: Diện tích chính:..... m²; Diện tích phụ:..... m²Diện tích sân vườn:..... m²; Diện tích khác:..... m²- Văn phòng: Diện tích chính:.. m²; Diện tích phụ:..... m²Diện tích sân vườn:..... m²; Diện tích khác:..... m²Giấy phép này có giá trị kể từ ngày..... tháng..... năm...
đến ngày... tháng.... năm...

Ngày... tháng... năm....

Giám đốc Sở

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Người được cấp giấy phép này phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về hoạt động kinh doanh cho thuê nhà trong Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số .../CP ngày... tháng.... năm... của Chính phủ.

**13. DECREE NO.56/CP DATED 18
SEPTEMBER, 1995 OF THE GOVERNMENT
Promulgating regulations on lease of house in
Vietnam by foreigners and overseas
Vietnamese**

THE GOVERNMENT

- Pursuant to the Law on the Organization of the Government dated 30 September 1992;
- To reinforce State management on the lease of houses in Vietnam by foreigners and overseas Vietnamese;
- Following the proposal of the Minister of Construction;

DECREES

Article 1. To promulgate concurrently with this Decree the Regulations on lease of house in Vietnam by foreigners and overseas Vietnamese.

Article 2. The present Decree is of full force and effect from its signing date. Previous regulations inconsistent with this Decree are hereby repealed.

Article 3. Ministers, Ministerial bodies, Heads of

Government Offices, Chairmen of People Committee of Province and City under central authority shall take responsibility to implement the present Decree.

FOR THE GOVERNMENT
THE PRIME MINISTER
VO VAN KIET

REGULATIONS
ON LEASE OF HOUSE IN VIETNAM
BY FOREIGNERS AND OVERSEAS VIETNAMESE
(issued with Decree No.56-CP dated 18
September, 1995)

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Economic, political and social organizations and individuals (hereafter abbreviated the Lessor) having house which satisfy the conditions set-forth in the provisions of Article 3 of these regulations are allowed to lease to foreigners and overseas Vietnamese (hereafter abbreviated the foreign party) to inhabit, to set up representative office, branch or to set up business establishments according to the Law:

1. Enterprises specialized in housing business can be established and operate in accordance with the Law, including enterprises with foreign owned investment capital.

2. Other enterprises and organizations established and

operating according to Law which owned houses and having the right to use land.

3. Vietnamese citizen endowed with full civil capacity who own house and having the legal right to use land.

Article 2. The following objects shall not be allowed to lease to foreigners:

a) State organs, Party organs, political organizations, social organizations and Vietnamese citizen are not allowed to lease state owned offices and house which are currently put under their management or which they are using.

b) People who are under investigation for criminal prosecution, who are discharging their sentence or whose conviction has not been withdrawn.

Article 3. Houses which are to be leased to foreigners must satisfy the following conditions:

1. Having a real address (house number, name of street, ward number...), situated outside the area regulated in provision 1 of Article 12 of Decree No. 04/CP dated 18 January of the Government.

2. To be separate (not being part of an apartment or using a same passage with another apartment).

3. Structurally safe.

4. Guaranteeing the conditions of security and order, environmental hygiene, fire prevention.

5. To be free of any dispute on ownership or the right to use.

Article 4. The lessor can himself or assign a house leasing service enterprise to proceed with the formalities to lease the house to the foreigner on his behalf, such as

permit, lease contract signing and to implement the rights and obligations stipulated in these Regulations. The processing fee shall not be higher than 2% of the value of the lease contract regulated in Article 7 of these Regulations.

Where the owner has not been registered for permanent residence in a province or city where he has a house to be leased, he must give a proxy to a person who has a family census book with permanent residence in the locality to act on his behalf to proceed with the above mentioned formalities. But he shall not give his proxy to people who are objects regulated in provisions B of Article 2 of these regulations.

Article 5. The foreigner who leases a house to live must have a permit allowing him to stay in Vietnam temporarily for 6 months or longer. If the house is leased to be a representative office, a branch of a company or business establishment a permit for representative office, branch or an investment and cooperation license must be issued by Vietnam competent authority.

Article 6. The lease signed by the Lessor and the Lessee must be prepared according to a regulated form (Appendix 6) and to be certified by the office which issues license to lease house to foreigners. Rents and the value of rents are accounted in VN Dong and can be converted into US Dollar or any other convertible foreign currency at the rate published by State Bank of Vietnam at the time of payment.

Article 7. Rent is subject to agreement from both parties. Sums payable to State budget as obligations of the Lessor shall be calculated on the basis of the rents recorded in the lease but shall not be lower than tax level prevailing

at the locality which has been regulated by the Finance Minister after consultation with the Chairmen of the Province and City under central authority.

Article 8.

1. The Ministry of Construction shall be responsible for the overall State management of the operation of house leasing to foreigner. Shall preside and cooperate with other Ministries, ministerial bodies, Government offices and People committee of Province and city under central authority to exercise state control over the operations of premise leasing to foreigners in Vietnam.

2. People Committees of province and city under central authority shall:

a) Exercise administrative control over and instruct the local competent authority to properly supervise, monitor and control all the operations of premises leasing to foreigners in their respective areas.

b) To designate an office under the authority of the province or city to assume the responsibility for the issue, extension or withdrawal of license for leasing house, to monitor and supervise the activities of leasing premises to foreigners in the locality (hereafter called licensing office)

c) Clearly define locations where premises can be leased to foreigners in the locality,

d) Set up plans for the construction of premises to satisfy the demand of foreigners.

e) Give authorization for the establishment of enterprises or the registration for practice of service companies which arrange leasing to foreigners in the area.

g) Deal with breaches of the provisions in Chapter IV of these regulations.

3. The licensing office for premises leasing to foreigners is responsible to assist the province or city under central authority to exercise control over the operations of premises leasing to foreigners in the locality, to collect fee for the issue of license, to control the operations of premises leasing to foreigners, to propose to competent authority to deal with breaches of provisions of Chapter IV of these regulations.

CHAPTER II

PROCEDURES FOR THE ISSUE, EXTENSION AND WITHDRAWAL OF LICENSE, PRESENTATION OF LICENSE, PREMISES LEASE

Article 9. The lessor (the owner or the agent with proxy) shall file an application for a permit to the licensing office of the province or city where the house to be leased is located. File for application for a permit to lease premises includes:

1. Application for a permit to lease premises to foreigner (Appendix No.1)
2. A resume of the lessor to be certified by local authority where he lives (Appendix No.2)
3. A notarized copy of certificate of ownership of premise and the right to use land.
4. A power of attorney assigning a service company (if any), according to provisions in Article 4 of these regulations.

Article 10. Within 30 days at the maximum, after receipt of the complete file, the licensing office shall be responsible to cooperate with other related bodies to examine the conditions of leasing premise regulated in Article 3 of these regulations in order to let the applicant know whether the license shall be issued or refused.

Article 11. The lessee can himself or through the premise leasing service enterprise negotiate and proceed with the formalities for the lease according to the provisions of these regulations The file for the lease shall include:

1. Application to lease the house (Appendix No.3)
2. A notarized copy of the permit, regulated in Article 5 of these regulation.

Article 12. Upon the hand-over of the premise to the lessee, the lessor is required to present the lease permit and contract to the police and the tax office (district level) in the locality.

Article 13. Upon expiry of the lease if both parties agree to an extension to the lease or enter into a new agreement they must still comply to these regulations.

CHAPTER III

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE LESSOR, THE LESSEE, THE LICENSING OFFICE AND THE SERVICE COMPANY

Article 14. Rights and obligations of the Lessor.

1. To pay taxes (license tax, turnover tax, profit tax, land and housing tax,...) regulated by Law.

In respect of enterprises stated in provision I, Article 1 of these regulations besides the above mentioned taxes they are required to contribute additional charges to State budget regulated by Law.

2. To pay fee for the issue of license to lease house to foreigner according the amount fixed by the Finance Ministry

3. To properly perform the lease which has been signed

4. To create favorable conditions for the relevant authorities to implement their duties as stipulated in Article 8 of these regulations.

5. The lessor is entitled to terminate the lease according to the terms which have been agreed upon by the parties or regulated by Law provided a notice of 30 days in advance must be sent to the lessee starting from the date the lease is to be terminated.

Resolution of dispute or compensation shall comply with Vietnam Law. The Lessor must timely notify the licensing office, the police and the tax office of the termination of the lease.

Article 15. Rights and obligations of the Lessee:

1. To perform the lease which has been signed.

2. To register himself for temporary stay when he moves into live or to work and register with the police for overnight stay of his visitors.

3. Not entitled to transfer the lease or to sub-lease the premise.

4. The lessee is entitled to terminate the lease according to the terms agreed upon by the parties or regulated by

Law. Resolution of dispute or compensation shall comply with Vietnamese Law.

Article 16. Rights and Obligations of Service Companies:

1. To fulfill the requirements of a broker and service both the Lessor and the Lessee in accordance with the contract.

2. Is entitled to receive a fee (once only) according to the amount regulated by the Finance Ministry and a service fee according to Article 4 of these regulations.

3. To fulfill tax duties and other obligations regulated by Law.

CHAPTER IV

DEALINGS WITH BREACHES

Article 17. Enterprises and organizations which, and individuals who conduct the business of premise leasing to foreigner without a license shall be fined 50 million VND and are forced to close operations. Serious breaches shall be dealt by the Law.

Article 18. Enterprises and organizations with permit to lease premise to foreigner but have leased the premise without a legitimate contract, or failed to make registration as regulated in Article 6 and Article 12, or where the permit and the lease have expired but failed to comply with the provisions in Article 13 of these regulations shall be fined 20 million VND and forced to implement the required procedures. Where the breach is repeated the fine shall be doubled and business permit shall be withdrawn.

Article 19. Where the Lessee is in breach of the provisions in Article 15 of these Regulations he shall be first served with a notice and be fined 2,000 USD (for dwelling premise) and 5,000 USD (for premise which serves as representative office, company branch or business establishment).

Repetition of breach shall result in the fine being doubled. Where serious consequences took place he shall be forced to terminate the contract and dealt with according to Vietnam Law. Objects who are not eligible, according to these Regulations, to lease premise but persist in so doing in Vietnam shall be served with a notice and fined 3,000 USD (for dwelling premise) and or 8,000 USD (for representative office, company Branch or business establishment) and are forced to terminate the lease. Where serious consequences took place they shall be dealt with according to Vietnam Law.

Article 20. Service enterprises which are in breach of these regulations shall be fined Dong 20 million. Where damages are caused to the concerned parties they are liable to reimburse the service fee and indemnity for damages caused. Where there is reiterated breach and serious consequences took place the business license shall be rescinded.

Article 21. Civil servants, officials of State management organs stipulated in Article 8 and cadres, employees of service enterprises who deliberately breach these Regulations shall, depending on the extent of breach, be dealt with according to the Law.

CHAPTER V

IMPLEMENTING PROVISION

Article 22. State departments, mass and social organizations, economic bodies without the function for doing business in premise leasing, Vietnamese citizens and foreigners settled in Vietnam, who are subleasing state owned premises must pay all the collected rents to the State budget starting from the day these Regulations take effect.

The Ministry of Finance shall take responsibility to manage, control, supervise the payments made to State budget from premise leasing activities by the objects stipulated in this article.

Article 23. Enterprises, organizations which and individuals who already have a permit for leasing premise to foreigner according to regulations which were issued with Decree No. 389/HDBT, dated 10 November 1990 of the Council of Ministers, if the leases are not yet expired, may continue to lease until 31 March 1996. From 1st April 1996 onwards if the owner wishes to continue leasing to foreigners he shall be required to proceed with the new formalities stipulated in these Regulations.

Article 24. These Regulations shall supersede the Regulations for premise leasing issued with Decree No. 389/HDBT dated 1, November 1990 of the Council of Ministers and shall be of full force and effect from the signing date. Previous regulations of the Ministries, ministerial bodies, government bodies and people committee of province and city under central authority on premise

leasing to foreigner which are inconsistent with the present regulations are hereby repealed.

The Ministry of Construction shall take responsibility to guide the operations of service companies which are doing business in premise leasing to foreigner in accordance with point e, provision 2 of Article 8 of these Regulations.

Article 25. Premise leasing activities for diplomatic corps, foreign consulate, intentional organizations, NGOs in Vietnam (hereafter called Diplomatic Corps) shall comply with separate Regulations.

People's Committee of Hanoi and Ho Chi Minh shall take responsibility to plan the construction of quarters to lease to diplomatic corps working in their areas and to control the premise leasing by these agencies in their respective locality.

Article 26. Ministers, Ministerial bodies, Chairmen of province and city under central authority shall take responsibility to implement these Regulations.

FOR THE GOVERNMENT
THE PRIME MINISTER
VO VAN KIET

APPLICATION FORM FOR HOUSE LEASING TO FOREIGNERS

To: (The licence granting body of the province or city)

Name:.....

Date of birth:

Accupation:.....

Identified Card No:..... By..... Date

Current address: (Personal registration).....

Who is owner of house (No.....
street, ward, district...).

or legally represent to enterprise:.....

Established by Decision No:..... By.....

Date

Located at house No..... street..... district.....

Now he/she is owner or authority to manage the
house No..... street..... district.....

Consiting of... storeys, and having building area of.....
m², and land area. .. m²; garden area... m²

Hereby applies for a licence to lease premises to
foreigner (area of house, court yard and garden, to lease
for living house, for establishing office)

For a duration of.....

The above mentioned house's conditions are under the
conditions stipulated in Article 3 of Regulation promulgated
in conection with Decree No 56/CP date 18, September,
1995 of the government.

Upon obtaining a licence for leasing, I here by undertake to comply with it and the Regulation of the Government on the leasing of houses in Vietnam to foreigners.

Date

Signature

CURRICULUM VITEA

(Of the Vietnamese nominated to lease the house attached with application for leasing house)

I. Curriculum vitea:

Full name..... Alias

Given name..... male/female

Date of birth..... place of birth

Home land

Permanent household registration at.....

Ethnic group..... Religion

Political party.....

Class: Family.....

Self.....

Standard: Education.....

Foreign language

Occupation or trade.....

Profession (Former and current)

II. Family relationships

(Stating name, professions, places of residency of members of Family including: Father, mother, brothers, sisters, spouse, children and state any convictions).

III. In respect of the applicant

(A summary of previous activities, did what, where,

when? If there are offences, state the penalties imposed; if you have travelled overseas, state the numbers of trips, the countries, the dates and the objects of these trips).

IV. Undertakings given:

(Clearly stating the responsibility and obligations to observe the laws applicable to citizens)

**Certification of the local
people's committee of the
ward/village or certification
of an office**

**Date
Signature of declarant**

APPLICATION TO LEASE PREMISES

To: (*)

Full Name:.....

Date of birth:

Occupation:

Nationality:

Place of work in Vietnam:.....

Passport number..... issued on

Temporary permit for residence in Vietnam No:.... by
(Ministry of Interior or Ministry of Foreign Affair)... on...

Licence (establishing representative office, company
branch or investing in Vietnam) No... by (writing name of
Vietnamese authority)... on... applies for the lease of
premises.

- Residential house for..... persons

Total area of premises..... m²

- Representative office for...

Total area of premises..... m²

For a period...

I have persued the Rugulation on the leassing of house
in Vietnam to foreigners ussued by Socialist Republic of
Vietnam. Government and undertake to comply fully with
the responsibilities of the lessee stipulated in that
regulation

Date...

Signature

(*) Note

- Office manage houses of province/city

- Ownership or service company

LEASING CONTRACT

Lessor

Full name

Who is owner (or represent to owner or enterprise specializing in business house) of leasing house No... street (award)..... district.....

Having licence for leasing house to foreigners. No... by... date..... 199.....

Lessee

Full name..... Nationality.....

Place of residence before arriving Vietnam.....

Occupation..... passport No..... issued on:.....

Have discuss to make a leasing house contract (for purpose).....

At house No..... street (award)..... district..... consisting of..... storeys, the constructed area..... m^2 the court yard, garden area..... m^2 For detailed use...

- Living house, main area..... m^2 ; subarea..... m^2 court yard/garden area..... m^2 ; to..... who regularly register in this house.

- Office: main area..... m^2 ; sub area..... m^2 court yard/garden area... m^2 ; to who register regulaly working in this Office.

The lesse shall be entiled to use the following pacilities and chattels:

Rental: main area..... USD/month
sub area..... USD/month
court yard/garden area..... USD/month
Total..... USD/month

(Writing in words)

Cost of utilities..... which shall be paid for separately according to the volume consumed in this house

Duration for lease..... months, from.....

Mode of payment:.....

- Cash (or cheque).....
- Advance payment by..... month
- Rent to be regularly paid on the..... day of every month

Both parties here by confirm their responsibilities as follows:

A - Responsibilities of the lessor:

1. To give vacant possession of the premises, fixtures and fittings to the lessee on the date of commencement of the contract.
2. Warranty that the lessee shall be able to enjoy the premises fully and privately.
3. To repair damage as soon as practicable.
4. To assist the lessee to comply with provisions during temporary residency.

B. Responsibilities of the lessee

1. To pay rental on the due date
 2. To use the premises in accordance with their purpose.
- To obtain the consent of the owner for all repairs and

renovations for the purposes of the tenant and to comply with the Vietnamese provisions relating to capital construction.

3. To be responsible for damage, missing, fittings decoration, furniture caused by themselves, for all the possession to third parties caused while using the premises; your self to keep furnitures.

4. To observe the rules on protection of the environment and provisions for common order and security in their living.

5. No to assign the leasing contract or sublet the premises. When the lessee wishes to terminate the contract before its expiry, is shall give at least 30 days advance notice to the lessor.

Both parties hereby undertake:

1. To perform all terms and conditions of this contract. When there is a dispute or one party breaches this contract, both parties shall refer the written to be dealt with by the granting body. If either party is dissatisfied with the decision of granting body, they may bring the dispute before a court.

2. The contract shall terminate in:

- The term of the contract has expired.
- The leased premises are demolished pursuant to a decision of the authorities.
- The lessee is deported or withdrawn a operation licence in Vietnam.
- At the proposal of both parties and accepted by granting body.

This contract shall be made 3 copies in Vietnamese and English. Each party will have one copy and one copy will be kept at the granting body. The contract shall be valid from its date of certification by granting body

LESSOR

Date...
LESSEE

CERTIFICATION OF
granting body, date...
(Sign, seal)

PEOPLE'S COMMITTEE
OF PROVINCE/CITY
Department...

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

LICENCE TO LEASE PREMISES TO A FOREIGNER

Hereby grant to Mr/Mrs who is the owner of premises to lease or represent to enterprise... which is ownership of house No... street.... district... style of house: Villa (working house, independence house, living quarter).

A house consisting of..... storeys

A constructed area of..... m²

Court yard/garden area..... m²

Permission lease house to foreigner

- For living: main area..... m²; subarea..... m²

court yard/garden area..... m²

other area... m²

- For office: main area... m²; subarea... m² court yard/garden area... m² other area... m²

This contract is valid from..... to.....

Date...

DIRECTOR OF DEPARTMENT...

(sign, seal)

Note: the person who is granted this licence, must comply the provisions on the leasing of houses in the regulation promulgated in connection with Decree No... /CP, dated... of the Government.

**14. NGHỊ ĐỊNH SỐ 9-CP NGÀY 30-1-1997
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Về việc sửa đổi Điều 7 Quy chế cho người
nước ngoài, người Việt Nam định cư ở
nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 7 của Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995 như sau:

Giá thuê nhà do hai bên thỏa thuận. Các khoản trích nộp vào ngân sách Nhà nước của bên cho thuê nhà phải căn cứ vào giá ghi trong hợp đồng thuê nhà nhưng không được thấp hơn mức giá tính thuế áp dụng tại địa phương

do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định. Trong trường hợp giá nhà cho thuê tại địa phương có biến động ($\pm 10\%$) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều chỉnh lại giá tính thuế cho phù hợp với giá thực tế.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 1997. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. CHÍNH PHỦ
K.T. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**14. DECREE No.9-CP DATED 30
JANUARY, 1997 OF THE GOVERNMENT
Amending Article 7 of the Regulation on house
renting in Vietnam by foreigner and overseas
Vietnamese**

THE GOVERNMENT:

*Pursuant to the Law on Organisation of the Government
of September 30, 1992;*

*At the proposals of the Minister of Finance and the
Minister of Construction.*

DECREE:

Article 1. To amend Article 7 of the Regulation on house renting in Vietnam by Foreign Nationals and Overseas Vietnamese which was issued together with Decree No. 56/CP of September 18, 1995, as follows:

The renting price shall be agreed upon by the two parties. The remittance to the State Budget by the renting party shall be based on the price written in the renting contract which shall not be lower than the taxable price applied in

the locality by Decision of the President of the People's Committee of the province or city directly under the Central Government. In case the house-renting price in the locality is fluctuating at around 10%, the President of the People's Committee of the province or city directly under the Central Government shall make adjustment to the taxbale price in accordance with actual price.

Article 2. This Decree takes effect on February 1, 1997. The Minister, the Heads of the ministerial - level agencies and agencies attached to the Government, and the Presidents of the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government are responsible for the implementation of this Decree.

ON BEHALF OF THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

**15. THÔNG TƯ SỐ 28-BXD/QLN NGÀY
16-11-1995 CỦA BỘ XÂY DỰNG
Hướng dẫn quản lý hoạt động của
doanh nghiệp dịch vụ cho người
nước ngoài thuê nhà**

- Căn cứ Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam ban hành theo Nghị định 56-CP ngày 18-9-1995 của Chính phủ; Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà như sau:

I - QUY ĐỊNH CHUNG

1. Doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp dịch vụ) là tổ chức kinh tế Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh) thành lập nhằm thực hiện các hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà tại địa phương.

Doanh nghiệp dịch vụ là đơn vị có tư cách pháp nhân; có tổ chức phù hợp với chức năng môi giới, dịch vụ cho thuê nhà; có các quyền và nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp dịch vụ phải được thành lập và đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp dịch vụ cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Có cơ cấu tổ chức và biên chế theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Có đội ngũ cán bộ và nhân viên nắm vững các nguyên tắc hoạt động kinh tế; am hiểu pháp luật và các chế độ, chính sách về quản lý, sử dụng nhà đất và lĩnh vực xây dựng; thông thạo nghiệp vụ về môi giới cho thuê nhà và thuê nhà;

c) Lực lượng cán bộ, nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ giao dịch phải thông thạo ngoại ngữ, hiểu biết về nguyên tắc giao tiếp cũng như phong tục, tập quán và thị hiếu của người nước ngoài;

d) Có đủ phương tiện làm việc cần thiết theo yêu cầu chuyên môn.

3. Hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà bao gồm toàn bộ các nội dung liên quan tới việc môi giới, dịch vụ, thông tin, tư vấn nhằm đáp ứng yêu cầu của cả bên cho thuê nhà và bên thuê nhà và các hoạt động nghiệp vụ về tiếp thị, quảng cáo, tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của khách hàng cũng như các hoạt động cần thiết khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Thủ tục xin thành lập doanh nghiệp dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Chương III của Luật doanh nghiệp Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan sáng lập doanh nghiệp dịch vụ

là người đề nghị thành lập và tổ chức thực hiện các thủ tục đề nghị thành lập doanh nghiệp dịch vụ.

b) Người đề nghị thành lập doanh nghiệp dịch vụ phải lập và gửi hồ sơ đề nghị thành lập doanh nghiệp dịch vụ đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp dịch vụ;
- Đề án thành lập doanh nghiệp;
- Dự kiến mức vốn điều lệ;
- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp.

c) Cơ quan sáng lập doanh nghiệp dịch vụ nêu tại Tiết a, Điểm 1, Mục II là cơ quan có chức năng quản lý nhà đất.

2. Thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ thực hiện theo quy định tại Chương III Luật doanh nghiệp Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh tại Ủy ban kế hoạch tỉnh, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp;
- Điều lệ doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc doanh nghiệp.

b) Trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập, doanh nghiệp phải đăng ký kinh doanh.

c) Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp dịch vụ mới có tư cách pháp nhân và được chính thức hoạt động.

3. Hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà là việc đảm nhận thay mặt bên cho thuê nhà thực hiện toàn bộ các hoạt động về cho thuê nhà (nhận ủy thác) hoặc thực hiện một hay một số nội dung công việc cụ thể liên quan tới hoạt động về thuê nhà hoặc cho thuê nhà sau đây:

- Tư vấn về pháp luật theo yêu cầu của khách hàng (bên cho thuê nhà hoặc bên thuê nhà);

- Thông tin, giới thiệu theo yêu cầu của khách hàng về nhà cần thuê hoặc cần cho thuê;

- Thực hiện các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của khách hàng đối với hoạt động thuê nhà hoặc cho thuê nhà, bao gồm các công việc như: Làm thủ tục xin cấp giấy phép cho thuê nhà, làm thủ tục xin thuê nhà hoặc các thủ tục cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động dịch vụ thuê nhà và cho thuê nhà phải được thực hiện thông qua hợp đồng được ký kết giữa hai bên : doanh nghiệp dịch vụ và khách hàng.

Hợp đồng cần phải nêu được các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên địa chỉ của hai bên;
- b) Nội dung công việc hợp đồng;
- c) Trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên;
- d) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng;
- e) Kinh phí và thể thức thanh toán giữa hai bên.

5. Doanh nghiệp dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Pháp lệnh kế toán thống kê; thực hiện kê khai, đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình hoạt động dịch vụ theo yêu cầu của

khách hàng, doanh nghiệp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký với khách hàng; không được gây phiền hà đối với bên cho thuê nhà, bên thuê nhà và không được thu thêm bất kỳ khoản thu nào khác ngoài các khoản thu về lệ phí, dịch vụ phí (hoặc phí ủy thác) theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Cơ quan cấp giấy phép cho thuê nhà và các cơ quan khác tại địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện để doanh nghiệp dịch vụ thực hiện đúng chức năng hoạt động theo quy định của pháp luật; đảm bảo thời hạn cấp giấy phép cho thuê nhà đúng quy định (Tối đa không quá 30 ngày); không được gây phiền hà đối với bên cho thuê nhà, bên thuê nhà và doanh nghiệp dịch vụ; không được thu thêm bất kỳ chi phí nào khác ngoài khoản thu hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

7. Các vi phạm của doanh nghiệp dịch vụ trong quá trình thực hiện hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sắp xếp lại các đơn vị dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà trên địa bàn lãnh thổ; định chỉ hoạt động của các tổ chức, cơ quan tại địa phương trái với quy định của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 56-CP và nội dung hướng dẫn của Thông tư này; xem xét, quyết định thành lập doanh nghiệp dịch vụ hoặc giao cho doanh nghiệp Nhà nước chuyên kinh doanh nhà đảm nhận các hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Thông tư này thay thế những hướng dẫn trước đây về

hoạt động dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các ngành và địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để phối hợp nghiên cứu giải quyết.

BỘ XÂY DỰNG
K.T BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng
NGUYỄN MẠNH KIỂM

15. CIRCULAR No. 28-BXD/QLN DATED 16 NOVEMBER, 1995 OF THE MINISTRY OF CONSTRUCTION

Guiding the management over activities of service businesses leasing premises to foreigners

Based on the Regulations on leasing premises in Vietnam to foreigners and overseas Vietnamese, issued along with Decree 56/CP dated 18 November, 1995 of the Government, the Ministry of Construction hereby provides guidance on the management over activities of service businesses leasing premises to foreigners as follows.

I. GENERAL PROVISIONS

1. A service business leasing premises to foreigners, hereinafter called *service business*, means a State-run economic organisation established by the People's Committee of a province or city under the direct central management ("provincial People's Committee") to provide services to foreigners who take a lease of premises in the locality.

A service business shall enjoy juridical person status,

shall have an organisational structure appropriate to its brokering and leasing services, and shall during its operation exercise such rights and fulfil such obligations as are stipulated for it by the law.

Any service business is required to be established, and its business activities registered, in accordance with the law.

2. Any service business shall meet the essential requirements set forth below:

a) It shall have such organisational structure and staff as determined by the provincial People's Committee;

b) Its officials and workers shall have a thorough grasp of the principles of economic activities, a thorough knowledge of the laws, policies and regulations on management and use of land and houses and construction-related matters, and shall be proficient in granting and taking leases of premises;

c) Those of its officials and workers who directly participate in business transactions shall be conversant in foreign languages, have an essential knowledge of the principles of communication and contact as well as the customs, rites and taste of foreigners.

d) It shall be equipped to the extent required by its business operation.

3. Leasing services provided to foreigners shall include brokering, information, consultancy and other services to be provided in meeting the demand of both the party granting and the party taking the lease, and other professional activities such as marketing, advertising, making enquiries to customers' demand and tastes and

other necessary activities which shall be carried out in compliance with the law.

II. DETAILED PROVISIONS

1. A service business shall be established under the procedure stipulated in Chapter III of the Law on State Enterprises, more specifically:

a) Head of the organ having the authority to establish the service business shall make a proposal and then arrange the fulfilment of the procedure for the establishment of the service business;

b) The person who makes such proposal shall set up and submit to the provincial People's Committee an application file comprising:

- A letter of submission, containing the proposal for the establishment of the service business;

- The plan for the establishment of the service business;

- Proposed registered capital; and

- Draft charter

c) The organ having the authority to establish the service business mentioned in paragraph a, Clause 1 of Part II shall be the organ exercising land and house management functions.

2. Business activities of the service business shall be duly registered in accordance with the procedure stipulated in Chapter III of the Law on State Enterprises, more specifically:

a) The service business shall register its business with the planning department of the province where it places its head office.

A business registration file shall comprise:

- Decision of establishment;
- Charter;
- Certificate confirming the head office of the service business;
- Decision appointing the director of the service business.

b) The service business shall register its business no later than 60 days after issuance of the decision establishing it.

c) The service business shall obtain juridical person status and be permitted to start its business activities officially only as from the date it obtains a certificate of business registration.

3. The provision of services to foreigners shall include the assumption, whether by authorisation or not, and fulfilment of the responsibility for the carrying out, on behalf of the lessor, of all or particular leasing activities, including:

- Provision of legal consultancy on request (of either the lessor or the lessee);

- Provision of relevant information on, or introduction to any premises to be leased, whether on the lessor's or lessee's request;

- Completion, at customers' request, of any legal procedures required for granting or taking a lease, such as: application procedures for obtaining a permit to carry out leasing activities, procedures for a lease of premises and other necessary formalities required by the law.

4. Leasing services (whether in the case of granting or

taking a lease) shall be provided only through a contract to be signed between the service business and the customer, essential contents of which shall be:

- a) Name and address of the parties;
- b) Subject matter of the contract;
- c) Rights and obligations of each party;
- d) Valid term of the contract;
- e) Calculation of rental and other expenses, and manner of payment.

5. Service businesses shall be obligated to comply with the accounting and statistic regime determined by the Ordinance on Accounting and Statistics and complete tax declaration and tax payment registration procedures with the taxation office in accordance with the currently applicable laws and regulations.

During the course of their service activities, service businesses shall be responsible for duly performing the provisions of contracts signed with customers, without causing any troubles or hinderances to either lessors or lessees and shall be prohibited from charging any sums of money other than the fees and service charge (or authorisation fee) determined by the Ministry of Finance.

6. The lease licensing authorities and other local authorities shall be responsible for creating favourable conditions for proper exercise by service businesses of their functions and conduct of their activities in accordance with the law, in particular to ensure that lease permits are granted within the time limit determined by the law (i.e. no later than 30 days after application), that no troubles may be caused to any lessors, lessees or service businesses,

and that no extra charges are payable other than those determined by the Ministry of Finance.

7. Any breach by service businesses during their business activities in respect of foreign lessees shall be treated in accordance with the currently applicable laws.

III. ORGANISING THE IMPLEMENTATION

The People's Committees of provinces and cities under the direct central management shall be responsible for re-organising and re-arranging the service businesses currently existing in their respective territory, shall suspend activities of any local organisations and bodies operating not in compliance with the Regulations issued along with Decree 56/CP and this Circular, and shall consider and make decision on establishment of service businesses with a view to, or shall assign relevant State businesses the task for, providing leasing services to foreigners in conformity with the realities of their localities.

This Circular shall replace all previous guidances on provision of leasing services to foreigners and shall take effect as from the date of issuance.

Any query is kindly requested to be referred to the Ministry of Construction for consideration and settlement.

FOR THE MINISTER OF CONSTRUCTION
DEPUTY MINISTER
NGUYEN MANH KIEM

**16. QUYẾT ĐỊNH SỐ 62-BXD/QLN NGÀY
1-3-1996 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**
**Ban hành quy định về việc cho Đoàn ngoại
giao thuê nhà tại Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 4 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ ban hành Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 73-CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi miễn trừ dành cho cơ quan đại diện Ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 655/QHQT ngày 6 tháng 2 năm 1996 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cho Đoàn Ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về việc cho Đoàn ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước kể từ ngày ban hành. Các quy định trước đây về việc cho Đoàn ngoại giao thuê nhà trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
NGÔ XUÂN LỘC

QUY ĐỊNH

Về việc cho đoàn ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62-BXD/QLN ngày
01-3-1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Điều 1.

1. Quy định này quy định những nguyên tắc đối với việc thuê nhà của cơ quan đại diện Ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan Đoàn ngoại giao).

2. Việc thuê nhà của viên chức, nhân viên Đoàn ngoại giao và công dân nước ngoài khác đăng ký trong danh sách Đoàn ngoại giao tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao) cũng áp dụng theo Quy định này.

3. Trong trường hợp điều ước Quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Quy định này thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Điều 2.

1. Tại Thủ đô Hà Nội, Bộ Ngoại giao ủy quyền cho một

đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng đầu mối xem xét, xác nhận đối tượng và nhu cầu thuê nhà của cơ quan, cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao thuê nhà và sử dụng nhà tại Việt Nam theo đúng pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; bảo đảm thực hiện các mục đích chính trị đối ngoại, an ninh quốc gia, an toàn xã hội theo đúng pháp luật.

2. Tại các địa phương khác, Bộ Ngoại giao thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc ủy quyền cho một cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện chức năng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan được ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập kế hoạch đáp ứng nhu cầu thuê nhà của các cơ quan và cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao tại Việt Nam để Liên Bộ: Ngoại giao, Xây dựng, Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chính phủ quyết định.

Điều 3.

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, xã hội và cá nhân đã có giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê nhà) nếu có nhu cầu cho cơ quan hoặc cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao thuê nhà thì phải nộp cho cơ quan được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này các giấy tờ sau đây:

a) Đơn xin cho Đoàn ngoại giao thuê nhà (mẫu số 1/ĐNG kèm theo Quy định này);

b) Bản sao Giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Trong thời gian tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được các giấy tờ nêu tại khoản 1 Điều này, cơ quan được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này có trách nhiệm xem xét, trả lời bằng văn bản về sự chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với việc xin cho Đoàn ngoại giao thuê nhà.

Điều 4.

1. Các cơ quan và cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao tại Việt Nam nếu có nhu cầu thuê nhà để đặt trụ sở cơ quan, văn phòng hoặc để ở (sau đây gọi tắt là Bên thuê nhà) phải gửi văn bản tới cơ quan được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này, nêu rõ yêu cầu về nhà cần thuê: vị trí, địa điểm, diện tích, cấu trúc, trang thiết bị nội thất, mục đích, sử dụng, thời hạn thuê, v.v...

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bên thuê nhà, cơ quan được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chỉ dẫn, giúp Đoàn ngoại giao tìm nhà đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định.

Điều 5. Hợp đồng cho cơ quan, cá nhân thuộc Đoàn Ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam thực hiện theo mẫu số 2 kèm theo. Trường hợp hai bên có thêm thỏa thuận khác thì được phép bổ sung nhưng không được trái với pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Hợp đồng này chỉ có hiệu lực pháp lý khi có xác nhận của cơ quan cấp giấy phép cho thuê nhà và cơ quan được ủy quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên cho thuê nhà,

Bên thuê nhà và doanh nghiệp dịch vụ cho cơ quan, cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao thuê nhà thực hiện theo quy định tại Chương III Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ.

Điều 7. Việc xử lý vi phạm các quy định về việc cho Đoàn ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Chương IV Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ.

Điều 8. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày ban hành Quy định này, các trường hợp cho thuê nhà đối với cơ quan, cá nhân thuộc Đoàn ngoại giao tại Việt Nam chưa thực hiện theo đúng các quy định của văn bản này, thì Bên cho thuê nhà và Bên thuê nhà phải làm lại thủ tục cho phù hợp.

Điều 9. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây về việc cho Đoàn ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 10. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Xây dựng cùng với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
NGÔ XUÂN LỘC

**16. DECISION No.62-BXD/QLN DATED 1
MARCH, 1996 OF THE MINISTER OF
CONSTRUCTION**

**On the leasing of houses to the diplomatic
corps in Vietnam**

THE MINISTER OF CONSTRUCTION

Pursuant to Decree No.15/CP dated 4 March, 1994 of the Government stipulating the function, tasks, powers and organisational structure of the MC;

Pursuant to Decree No. 56/CP dated 18 September, 1995 of the Government issuing the Regulations on the leasing of houses to foreigners and overseas Vietnamese in Vietnam;

Pursuant to Decree No. 73/CP dated 30 July, 1994 of the Government giving detailed stipulations on the implementation of the Ordinance on the Privileges and Immunities of Foreign Diplomatic Representations and Consulates and International Organisations in Vietnam;

Pursuant to Official Dispatch No. 655/QHQT dated 6 February, 1996 of the Office of the Government reporting the Prime Minister's opinion on the issuance of the

Regulations on the leasing of houses to the Diplomatic Corps in Vietnam.

DECIDES:

Article 1. To issue together with this Decision the Regulations on the leasing of houses to the Diplomatic Corps in Vietnam.

Article 2. These regulations take effect in the whole country from the date of their issuance. All stipulations made earlier on the leasing of house to the Diplomatic corps which are contrary to these regulations are now annulled.

Article 3. The Ministers, the ministerial-level agencies, the agencies attached to the Government, and the People's Committees in the provinces and cities directly under the Central Government shall have to implement this Decision.

**THE MINISTER OF CONSTRUCTION
NGO XUAN LOC**

REGULATIONS ON THE LEASING OF HOUSES TO THE DIPLOMATIC CORPS IN VIETNAM

**(Issued together with Decision No. 62/BXD-QLN
dated 1 March, 1996 of the Minister of
Construction)**

Article 1.

1. These regulations provide for the principles on the leasing of houses by foreign diplomatic representations and consulates, representative offices of international organisations, and representative offices of non-governmental organisations in Vietnam (hereunder referred to as representations of the diplomatic corps in Vietnam).

2. These regulations also apply to the leasing of houses by officials and employees of the Diplomatic Corps and citizens of other countries who have been registered in the list of the Diplomatic Corps in Vietnam (hereunder referred to as individuals of the Diplomatic Corps).

3. In case an international treaty which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to contains stipulations which are different from these regulations, that international treaty shall apply.

Article 2.

1. In Hanoi capital city, the Ministry of Foreign Affairs shall authorize a unit under its management to consider and determine the houses for rent and the requirements of agencies and individuals of the Diplomatic Corps to rent and use houses in Vietnam in accordance with Vietnam's laws and the international treaty which Vietnam has signed or acceded to, and to ensure that the aims for external political relations; for national security and social safety are achieved in conformity with law.

2. In other localities, the Ministry of Foreign Affairs shall discuss and agree with the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government to authorize an agency under the management of the local People's Committee to perform the function stipulated in item 1 of this Article.

3. The agency with the authorization stipulated in item 1 of this Article shall have to outline a plan to meet the requirements for leasing houses by agencies and individuals of the Diplomatic Corps in Vietnam, so that the Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Construction, the Ministry of Interior, and the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government may submit it to the Government for Decision.

Article 3.

1. The economic organisations, political and social organisations and individuals that have received a permit to lease houses to foreigners in conformity with the regulations issued together with Decree No. 56/CP dated 18 September 1995 of the Government (hereunder referred

to as the house-owner) must send the following papers to the agency authorized under Article 2 of these regulations if they want to lease houses to agencies or individuals of the Diplomatic Corps.

a) An application for leasing a house to the Diplomatic Corps;

b) A copy of the permit to lease houses to foreigners granted by the authorized State agency.

2. Within 20 days at the latest after receiving the papers mentioned in item 1 of this Article, the agency authorized under Article 2 of these regulations shall have to consider and answer in writing whether it accepts or refuses the application for leasing houses to the Diplomatic Corps.

Article 4.

1. If they want to rent a house for use as office or accommodation, the agency and individual belonging to the Diplomatic Corps in Vietnam (hereunder referred to as the tenant) must send an application to the agency authorized under Article 2 of these regulations explaining the requirements for a house they want to rent: location, floor space, structure, inner equipment, the aim and duration of tenancy, ect.

2. Within 60 days at the latest after receiving the application of the prospective tenant, the agency with the authorization stipulated in Article 2 of these regulations shall have to answer in writing and guide the Diplomatic Corps to find the house as required.

Article 5. A contract on the leasing of houses to agencies and individuals of the Diplomatic Corps in Vietnam must

be made according to the model contract. The two sides may agree on other terms which must not be contrary to the current laws of the Vietnamese State.

This contract shall be valid only when it is verified by the agency that issues the permit for leasing houses and by the agency authorized under Article 2 of these regulations.

Article 6. The rights and obligations of the house-owner, the tenant, and the service that helps the agencies and individuals of the Diplomatic Corps to rent houses shall be exercised according to the provisions of Chapter III of the regulations promulgated together with Decree No. 56/CP of September 18, 1995 of the Government.

Article 7. The handling of violations of the regulations on the leasing of houses to the Diplomatic Corps in Vietnam shall be done according to the provisions of Chapter IV of the regulations promulgated together with Decree No. 56/CP dated 18 September, 1995 of the Government.

Article 8. Within 180 days after these regulations are issued, if the leasing of a house to an agency or individual of the Diplomatic Corps in Vietnam varies with the stipulations of this document, the house-owner and the tenant must re-apply in conformity with these regulations.

Article 9. These regulations take effect from the date of their issuance. All stipulations made earlier on the leasing of houses to the Diplomatic Corps in Vietnam which are contrary to these regulations are now annulled.

Article 10. The Ministry of Foreign Affairs, shall discuss with the Ministry of Construction and the People's

Committees of the provinces and cities directly under the Central Government and the agencies concerned to direct, guide and supervise the implementation of these regulations.

THE MINISTER OF CONSTRUCTION
NGO XUAN LOC

**17. CÔNG VĂN SỐ 1055/QHQT NGÀY
8-3-1996 CỦA CHÍNH PHỦ**

**Về việc thực hiện các hợp đồng cho người
nước ngoài thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước
từ sau ngày 1-4-1996**

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Ngoại giao,
- Bộ Nội vụ,
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội,
- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng (Công văn số 39-BXD/QLN ngày 10 tháng 1 năm 1996 và số 210-BXD/QLN ngày 01 tháng 3 năm 1996) về biện pháp thực hiện Quy chế cho người nước ngoài thuê nhà ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1996 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1 - Đồng ý để các cơ quan, tổ chức và cá nhân đang cho người nước ngoài thuê lại nhà thuộc sở hữu Nhà nước, nếu có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền và có hợp đồng

cho thuê nhà hợp lệ mà đến thời điểm 1-4-1996 chưa hết hạn, thì được tiếp tục cho thuê đến hết hạn hợp đồng, và được hưởng 15% (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc 20% (đối với cá nhân) giá trị hợp đồng thuê nhà hàng tháng, kể từ ngày ban hành Nghị định số 56-CP.

Khi hợp đồng thuê nhà hết thời hạn, thì những nhà thuộc diện quy định trên phải được sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước.

2 - Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP và quy định của văn bản này; tổ chức kiểm tra thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ biết kết quả vào đầu quý III năm 1996.

K.T THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**17. OFFICIAL LETTER No. 1055/QHQT
DATED 8 MARCH, 1996 OF THE
GOVERNMENT**

**On implementation of lease of State - owned
houses to foreigners as from 1 April, 1996**

To:

- Ministry of Construction
- Ministry of Finance
- Ministry of Foreign Affairs
- Ministry of Interior
- People's Committee of Hanoi City
- People's Committee of Ho Chi Minh City

Having considered the request of the Ministry of Construction (contained in its Official letter No. 39-BXD/QLN dated 1 March 1996) regarding measures to implement the Regulations on leasing houses to foreigners issued along with Decree 56/CP dated 18 September, 1995 of the Government, the Prime Minister of the Government has given his opinion as set forth below.

1. Those [state] establishments and organisations and

individuals who have been sub-leasing any State-owned houses to foreigners shall, provided that a permit for the lease has been obtained from a relevant State authority and the lease contract has been duly executed, which duration has still not expired as of 1 April 1996, hereby be permitted to continue the lease until expiry of such lease contract and shall each month, beginning from the date of issuance of Decree 56/CP mentioned above, be entitled to 15% (if [State] establishments or organisations) or 20% (if individuals) of the value of such lease contract.

Upon expiry of the lease contract, any houses as specified above shall be used in strict compliance with the currently applicable laws of the State.

2. The Ministry of Construction and the Ministry of Finance shall as soon as practicable issue guidelines for and organise and inspect the implementation of the Regulations issued along with Decree 56/CP and the stipulations contained herein and shall at the beginning of the third quarter of 1996 submit a report on the results thereof to the Prime Minister of the Government.

FOR THE PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

18. THÔNG TƯ SỐ 51-TC/TCT NGÀY 9-9-1996 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

**Hướng dẫn các khoản thu Ngân sách
Nhà nước đối với hoạt động cho người
nước ngoài, người Việt Nam định cư ở
nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam**

- Căn cứ Nghị định số 56-CP ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ ban hành Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam;

- Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

- Căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28 tháng 7 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản thu Ngân sách nhà nước đối với hoạt động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là người nước ngoài) thuê nhà tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995 của Chính phủ, như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

+ Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các đối tượng dưới đây được phép cho người nước ngoài thuê nhà để ở, đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoặc cơ sở hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995:

- Các doanh nghiệp chuyên kinh doanh nhà được thành lập và hoạt động theo pháp luật, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Các doanh nghiệp khác và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp;

- Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có nhà thuộc sở hữu của mình và có quyền sử dụng đất hợp pháp.

2. Các đối tượng được phép hành nghề hoạt động dịch vụ, môi giới cho người nước ngoài thuê nhà quy định tại Nghị định của Chính phủ số 56-CP ngày 18-9-1995.

+ Các đối tượng dưới đây không được phép cho người nước ngoài thuê nhà:

- Các cơ quan Nhà nước, các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội và công dân Việt Nam, không được phép cho thuê trụ sở và nhà ở thuộc sở hữu của nhà nước mà mình đang được phép quản lý hoặc sử dụng.

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời gian chấp hành án, hoặc chưa được xóa án.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Về lệ phí

a) Mức thu lệ phí:

Bên cho thuê nhà hoặc người được ủy quyền hợp pháp,

muốn cho người nước ngoài thuê nhà phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép về hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà. Mỗi khi xin cấp giấy phép, xin gia hạn giấy phép, phải nộp cho Nhà nước một khoản lệ phí cấp giấy phép cho thuê nhà theo mức thu dưới đây:

- Mức thu lệ phí cấp một giấy phép cho thuê nhà là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng);

- Mức thu lệ phí mỗi lần gia hạn một giấy phép cho thuê nhà là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

b) Chế độ quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép:

- Lệ phí cấp giấy phép cho người nước ngoài thuê nhà là khoản thu của Ngân sách nhà nước, do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đảm nhận thu đồng thời với việc cấp giấy phép. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho các hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà phải đăng ký với Cục thuế địa phương để nhận sổ sách kế toán, chứng từ thu do Bộ Tài chính phát hành và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Khi thu lệ phí cơ quan thu lệ phí phải cấp biên lai cho người nộp.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thu lệ phí tạm thời được giữ lại 30% (ba mươi phần trăm) số lệ phí thu được để chi cho các công việc sau:

- + Thẩm định các hồ sơ xin cấp giấy phép về hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà (bao gồm cả việc lập hồ sơ thẩm định, tổ chức thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan như: an ninh, môi trường...);

- + In giấy phép, mẫu biểu hồ sơ;

- + Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tuân thủ quy chế cho thuê nhà của bên cho thuê nhà, bên thuê nhà và doanh nghiệp dịch vụ trên địa bàn;

+ Chi bồi dưỡng, chi thưởng cho những cán bộ công nhân viên có liên quan trực tiếp tới việc tổ chức thu lệ phí; mức chi một năm một người tối đa không quá 3 tháng lương cơ bản theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Các khoản chi trên phải đúng chế độ tài chính hiện hành và có chứng từ hợp lệ.

- Số lệ phí còn lại sau khi được tạm giữ lại theo tỷ lệ nêu trên, cơ quan thu lệ phí phải nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước. Định kỳ vào ngày 5 hàng tháng, căn cứ vào chứng từ thu tiền, đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm lập bảng kê, chứng từ và nộp số tiền thu được của tháng trước vào Ngân sách tại Kho bạc Nhà nước, Mục 35 theo Chương-Loại-Khoản-Hạng tương ứng. Trường hợp tổng số tiền thu được vượt quá 20 triệu đồng thì mặc dù chưa đến kỳ hạn nộp, cơ quan thu phí vẫn phải lập bảng kê, chứng từ, nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước, không phải đợi đến ngày 5 tháng sau.

- Hàng năm cơ quan thu lệ phí phải mở sổ sách theo dõi riêng các khoản thu lệ phí cấp giấy phép và các khoản chi phí phục vụ cho việc thu theo đúng quy định của Pháp lệnh kế toán thống kê và tại Thông tư này. Cuối năm quyết toán việc thu, nộp; sử dụng số lệ phí được tạm giữ lại cùng với quyết toán kinh phí của đơn vị với cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp. Nếu cuối năm, không chi hết số lệ phí tạm giữ lại thì phải nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước. Trường hợp có nhu cầu giữ lại số lệ phí chưa sử dụng hết để đáp ứng cho năm sau thì phải được cơ quan tài chính cùng cấp đồng ý bằng văn bản. Số tiền để lại được tổng hợp vào kế hoạch thu, chi tài chính năm sau.

2. Về phí dịch vụ, phí ủy thác việc cho người nước ngoài thuê nhà

a) Theo quy định tại Điều 4 của bản Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 56-CP ngày 18-9-1995, doanh nghiệp dịch vụ không được thu phí ủy thác cao hơn 2% giá trị hợp đồng quy định tại Điều 7 của bản Quy chế.

b) Trường hợp bên có nhà cho thuê đi thuê dịch vụ để thực hiện một hoặc một số phần việc trong toàn bộ các hoạt động về cho người nước ngoài thuê nhà như: xin cấp giấy phép, tìm khách thuê nhà, ký hợp đồng thuê nhà...; hoặc trường hợp làm dịch vụ cho đối tượng đi thuê nhà, cơ quan làm dịch vụ được phép thu phí dịch vụ. Phí dịch vụ thu cho mỗi hoạt động dịch vụ trong một lần dịch vụ được phép thu theo mức giá tự thỏa thuận giữa hai bên (bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ), nhưng không được vượt quá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Khi thu phí dịch vụ hoặc phí ủy thác, đơn vị thu phải cấp hóa đơn thanh toán cho người nộp. Đối với bên có nhà cho thuê, hóa đơn này là chứng từ để xác định chi phí hoạt động cho thuê nhà.

3. Về nghĩa vụ thực hiện các loại thuế

Bên cho thuê nhà và các doanh nghiệp dịch vụ có hoạt động kinh doanh về cho người nước ngoài thuê nhà phải xuất trình giấy phép, hợp đồng cho thuê nhà, đăng ký, kê khai với cơ quan thuế địa phương (nơi có nhà cho thuê) nộp các loại thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

a) Thuế môn bài:

Bên có nhà cho thuê và các doanh nghiệp dịch vụ phải

nộp thuế môn bài theo quy định pháp luật về thuế môn bài. Trường hợp trong năm đầu mới ra kinh doanh mà thời điểm ra kinh doanh vào 6 tháng cuối năm thì trong năm đó phải nộp 50% (năm mươi phần trăm) số thuế môn bài cả năm.

b) Thuế nhà, đất; tiền thuê đất

Tổ chức, cá nhân có nhà cho thuê phải nộp thuế nhà, đất theo quy định của pháp luật về thuế nhà, đất. Nếu là trường hợp thuê đất của Nhà nước thì phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất hiện hành. Trường hợp chủ nhà ủy quyền cho người khác cho thuê nhà thì người được ủy quyền (theo đoạn 2 Điều 4 của bản Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 56-CP) phải nộp thuế nhà đất hoặc nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

c) Thuế doanh thu:

- Bên cho thuê nhà phải nộp thuế doanh thu hàng tháng là 10% (mười phần trăm) trên doanh thu chịu thuế. Doanh thu chịu thuế là toàn bộ số tiền thu về cho người nước ngoài thuê nhà ghi trong hợp đồng thuê nhà. Trường hợp giá ghi trong hợp đồng thuê nhà thấp hơn mức giá tính thuế áp dụng tại địa phương do Bộ Tài chính quy định (bản quy định kèm theo thông tư này) thì doanh thu chịu thuế tính theo giá tính thuế áp dụng tại địa phương do Bộ Tài chính quy định.

Trường hợp bên đi thuê nhà trả bằng ngoại tệ chuyển đổi, doanh thu chịu thuế phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp thuế.

Nếu người thuê nhà trả tiền thuê trước cho nhiều tháng,

nhiều năm, doanh thu chịu thuế là toàn bộ số tiền người thuê đã trả trước, bao gồm cả số tiền chi sửa chữa, xây dựng lại nhà... do người thuê trả (nếu có). Trường hợp trong thời gian thuê có điều chỉnh tăng giá cho thuê nhà thì doanh thu chịu thuế được tính lại theo giá mới từ thời điểm điều chỉnh giá trở đi.

- Doanh nghiệp dịch vụ, môi giới phải nộp thuế doanh thu hàng tháng là 15% (mười lăm phần trăm) trên doanh thu chịu thuế. Doanh thu chịu thuế là toàn bộ số tiền thu về hoạt động dịch vụ, môi giới cho người nước ngoài thuê nhà theo hợp đồng.

d) Thuế lợi tức:

a. Đối với các doanh nghiệp được phép cho người nước ngoài thuê nhà, doanh nghiệp dịch vụ phải hạch toán rõ ràng, chính xác kết quả hoạt động cho thuê nhà, kết quả hoạt động dịch vụ, tạm nộp thuế lợi tức hàng tháng, thanh quyết toán thuế lợi tức cả năm theo đúng các quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế lợi tức theo hướng dẫn của cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Trường hợp tiền cho thuê nhà được thanh toán trước cho nhiều năm, nộp thuế doanh thu một lần theo quy định tại điểm 3.c nêu trên, khi quyết toán năm, lợi tức chịu thuế được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi tức} & & \text{Tổng} & & \text{Thuế} & & \text{Chi phí} \\ \text{chịu} & & \text{doanh} & & \text{doanh} & & \text{hợp lý,} \\ \text{thuế} & & \text{thu} & & \text{thu đã} & & \text{hợp lệ} \\ \text{hàng} & & & & \text{nộp} & & \text{của} \\ \text{năm} & = & & \text{---} & & & \text{năm} \\ & & \text{Số năm đã trả tiền} & & & & \text{quyết} \\ & & & & & & \text{toán} \end{array}$$

Ví dụ: Năm 1966 Công ty kinh doanh nhà Quận A có

hoạt động cho thuê nhà, theo hợp đồng ký kết với bên đi thuê là:

- Thời gian thuê 10 năm
- Giá cho thuê quy đổi ra đồng Việt Nam theo hợp đồng là 30 triệu đồng/năm
- Điều khoản thanh toán trọng hợp đồng: Bên đi thuê thanh toán 150 triệu đồng sau khi ký hợp đồng (trả trước 5 năm).
- Chi phí hợp lý, hợp lệ của hoạt động cho thuê nhà phân bổ cho 1 năm; 10 triệu đồng.
- Thuế doanh thu đã nộp năm 1966 (nộp 1 lần cho 5 năm) là:

$$150 \text{ Tr.đ} \times 10\% = 15 \text{ triệu đồng}$$

Lợi tức chịu thuế hàng năm theo công thức là:

$$\frac{150 \text{ Tr.đ} - 15 \text{ Tr.đ} - 10 \text{ Tr.đ}}{5 \text{ năm}} = 17 \text{ Tr.đ}$$

b. Đối với các cá nhân, tổ chức (không phải là doanh nghiệp) tùy theo tình hình đặc điểm của địa phương và quy định của Luật thuế doanh thu, thuế lợi tức, cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý tổ chức thu thuế lợi tức, theo hình thức kê khai hoặc hình thức khoán đối với trường hợp nộp thuế lợi tức khoán trên doanh thu. Cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu điều tra có quyền ấn định lợi tức chịu thuế để tính số thuế lợi tức phải nộp cả năm và tạm thu hàng tháng, kể cả trường hợp tiền thuê nhà được thanh toán trước cho nhiều tháng, quý, năm. Thuế lợi tức nộp cùng với thuế doanh thu theo quy định của cơ quan thuế.

c. Trường hợp Bên cho thuê nhà được Bên thuê nhà trả tiền trước cho nhiều tháng, nhiều năm và đã nộp thuế theo quy định tại Thông tư này, nhưng vì lý do nào đó được

quyền hủy hợp đồng thuê nhà theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của bản Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 56-CP ngày 18-9-1995 thì sẽ được cơ quan thuế xem xét hoàn trả số thuế đã nộp cho thời gian kể từ khi hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng nếu có đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh.

4. Về Quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước có cho người nước ngoài thuê

Đối với Quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước chuyển sang phương thức kinh doanh giao cho các Công ty chuyên kinh doanh nhà quản lý, theo quy định của Nghị định 61-CP ngày 5-7-1994 của Chính phủ, nếu có cho người nước ngoài thuê thì toàn bộ số tiền thuê thu được sẽ được xác định là doanh thu của công ty, hoạt động này phải được hạch toán riêng và phải nộp thuế theo Luật định.

III. XỬ LÝ VI PHẠM

1 - Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam thì bị xử lý theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 và Điều 21 của bản quy chế ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ số 56-CP ngày 18-9-1995.

2 - Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nộp chậm tiền thuế, tiền phạt theo quy định thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế hoặc tiền phạt theo quy định, mỗi ngày nộp chậm bị phạt 0,2% theo Thông tư 45TC/TCT ngày 1-8-1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 22-CP của Chính phủ.

Thủ trưởng cơ quan thuế được phạt nộp chậm đối với các đối tượng do cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế.

3 - Mọi trường hợp thu tiền phạt phải sử dụng chứng

từ thu do Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) thống nhất phát hành.

4 - Việc quản lý, sử dụng số tiền phạt thu được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 - Các cơ quan tổ chức và cá nhân đang cho người nước ngoài thuê lại nhà thuộc sở hữu Nhà nước, nếu có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền và có hợp đồng thuê nhà hợp lệ mà đến thời điểm 1-4-1996 chưa hết hạn, thì được tiếp tục cho thuê đến hết hạn hợp đồng, và được hưởng: 15% (đối với cơ quan, tổ chức), 20% (đối với cá nhân) giá trị hợp đồng thuê nhà hàng tháng kể từ ngày ban hành Nghị định số 56-CP. Số còn lại phải nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Mục 21 "Tiền thuê nhà, mặt đất, mặt nước", chương, loại, khoản, hạng tương ứng.

Bên cho thuê lại nhà phải nộp các loại thuế theo Luật định, doanh thu được xác định trên toàn bộ số tiền được hưởng theo tỷ lệ nêu trên.

Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thu nộp số tiền thuê còn lại: 85% (đối với cơ quan, tổ chức), 80% (đối với cá nhân) vào Ngân sách Nhà nước.

Khi hợp đồng thuê nhà hết thời hạn, thì những nhà thuộc diện quy định trên phải được sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Riêng đối với đối tượng là cá nhân (công dân Việt Nam, công dân nước ngoài định cư tại Việt Nam) hiện đang cho người nước ngoài thuê lại nhà thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam, thông qua công ty hoặc xí nghiệp chuyên kinh doanh nhà đất (dưới đây gọi tắt là Công ty chuyên kinh

doanh nhà) được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập và giao trách nhiệm quản lý việc cho người nước ngoài thuê nhà tại địa phương theo quy định của Nghị định 389/HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Thông tư số 03/TT-LB ngày 8-4-1991 của Liên bộ Xây dựng - Lao động - Thương binh - Xã hội - Nội vụ - Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định nói trên, thì công ty chuyên kinh doanh nhà có trách nhiệm thu và nộp toàn bộ số tiền thuê nhà này trong thời gian hợp đồng ký trước 18-9-1995 có hiệu lực vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 08/LB-TT ngày 10-2-1993 nói trên.

2 - Tiền thu về hoạt động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam được đưa vào Ngân sách Nhà nước theo quy định về quản lý và phân cấp Ngân sách Nhà nước hiện hành.

3 - Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 03/TT-LB ngày 13-5-1992 của Liên Bộ Xây dựng - Ủy ban vật giá Nhà nước quy định giá tối thiểu cho thuê nhà áp dụng đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam. Những quy định về những khoản thu Ngân sách Nhà nước trước đây đối với hoạt động cho người nước ngoài thuê nhà trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng
VŨ MỘNG GIAO

**BẢN QUY ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ ÁP
DỤNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI
VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI
THUÊ NHÀ TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số :

51 TC/CSTC ngày 9 tháng 9 năm 1996

**của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản thu
Ngân sách Nhà nước đối với hoạt động cho
người nước ngoài, người Việt Nam định cư
ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam)**

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Mức giá tính thuế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam tại Bản quy định này áp dụng để xác định các khoản trích nộp vào Ngân sách Nhà nước theo nghĩa vụ của bên cho thuê nhà, trong trường hợp giá ghi trong hợp đồng thuê nhà thấp hơn giá tại Bản quy định này.

2. Bản quy định giá tính thuế này áp dụng cho đô thị loại I là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quy định mức giá tính thuế cho các đô thị không phải là loại I (quy định trong Bản quy định này) phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương

nhưng không được thấp hơn 50% mức giá quy định tại Bản quy định này. Trường hợp khi xây dựng mức giá cho thuê nhà tại địa phương thấp hơn 50% mức giá quy định tại Bản quy định này thì phải trao đổi và có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

3. Cách tính: Tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá nhà cho thuê} \\ \text{theo từng loại} \\ \text{diện tích sử dụng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{quy định của địa} \\ \text{phương} \end{array} \times [1 + K]$$

Trong đó: K là hệ số khu vực trong nội thành và ven nội thuộc từng thành phố, thị xã (quy định tại phần III).

II. MỨC GIÁ ÁP DỤNG CHO TỪNG LOẠI NHÀ THEO DIỆN TÍCH SỬ DỤNG

1. **Phân loại nhà:** Đối với nhà cho thuê được phân làm 3 loại theo như quy định của Bộ Xây dựng, gồm:

- Nhà biệt thự;
- Nhà độc lập;
- Nhà chung cư.

2. Diện tích sử dụng:

Diện tích sử dụng được phân theo mục đích sử dụng trong ngôi nhà, bao gồm các loại:

- **Diện tích chính:** bao gồm diện tích phòng ngủ, phòng khách, phòng làm việc, phòng ăn, nhà bếp, khu vệ sinh.
- **Diện tích phụ:** bao gồm ban công, ga ra xe, kho, nhà thường trực...
- **Diện tích sân, vườn:** bao gồm diện tích sân, đường đi (trong khuôn viên thuộc phạm vi ngôi nhà, biệt thự), vườn hoa, cây cảnh...

- **Diện tích khác:** bao gồm các công trình thể thao như: bể bơi, sân chơi, sân quần vợt...

3. Mức giá áp dụng cho đô thị loại I (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: USD/m² /tháng

STT	Mức giá:	Biệt thự	Nhà độc lập	Nhà chung cư
1	Diện tích chính	22	20	10
2	Diện tích phụ	10	8	6
3	Diện tích sân, vườn	3	-	-
4	Diện tích khác	5	-	-

4. Riêng đối với các ngôi nhà có giá cho thuê đặc biệt không theo tiêu chuẩn phân loại hoặc cách định giá của bản quy định này như: Các tòa nhà nhiều tầng chuyên dùng để cho người nước ngoài thuê làm văn phòng đại diện, hoạt động kinh doanh... thì áp dụng theo mức giá trung bình là 40 USD/m²/tháng, không phân biệt theo tầng hay khu vực;...

III. PHÂN LOẠI KHU VỰC

Tùy tình hình cụ thể của mỗi thành phố, thị xã có thể phân ra từ 2 đến 3 khu vực để xây dựng bảng giá phù hợp với thực tế, hệ số khu vực (K) được quy định như sau:

Khu vực:	Trung tâm	Cận trung tâm	Ven nội
Trị số (K):	0,00	-0,10	-0,20

1. **Khu vực trung tâm thành phố, thị xã:** Là khu

vực có mật độ xây dựng và mật độ dân cư cao nhất thành phố, thị xã. Đồng thời thỏa mãn 2 trong 3 tiêu chuẩn về trung tâm: Chính trị - kinh tế; Văn hóa - thể dục thể thao; Du lịch. Có hệ thống dịch vụ công cộng thuận tiện, đồng bộ.

2. **Khu cận trung tâm:** Là khu sát khu trung tâm thành phố, thị xã, có các trung tâm phụ (trung tâm quận, phường). Mật độ xây dựng, mật độ dân cư vừa phải. Có hệ thống dịch vụ công cộng thuận tiện (giao thông, điện nước...) tương đối đồng bộ.

3. **Khu vực ven nội thành, nội thị:** Bao gồm các vùng sát khu cận trung tâm có các đầu mối giao thông đang trong quá trình đô thị hóa. Hệ thống dịch vụ công cộng chưa thuận lợi, hoàn chỉnh.

Thí dụ: Về việc áp dụng hệ số khu vực: Giá $1m^2$ của ngôi nhà cho thuê tại khu vực trung tâm thành phố hoặc thị xã là 100.000 đồng thì cũng $1m^2$ của ngôi nhà có cùng các điều kiện như vậy nhưng tại khu vực cận trung tâm là 90.000 đồng; và tại khu vực ven nội thành, nội thị là 80.000 đồng.

**18. CIRCULAR No. 51-TC/CSTC
DATED 9 SEPTEMBER, 1996 OF THE
MINISTRY OF FINANCE**

**Providing guidance on collecting fees for the
state budget applicable to leasing houses to
foreigners and overseas Vietnamese**

- Pursuant to Decree No-56/CP dated 18 September 1995 of the Government on the issuance of Regulation on leasing houses in Vietnam to foreigners and overseas Vietnamese:

- Pursuant to the existing Laws and Ordinances on taxes;
- Pursuant to Decision No.276/CT dated 28 July 1992 of the chairman of the Council of Ministers (now called the Government) on the unified management of fees:

The Ministry of Finance (MoF) hereby provides guidance on collecting fees for the State Budget applicable to leasing houses to foreigners and overseas Vietnamese (hereafter to as foreigners) under regulation in Decree No 56/CP dated 18 September 1995 of the Government.

I. SCOPE OF APPLICATION

+ This Circular is applicable to:

1. The following entities can lease houses to foreigners

for living, establishing representative offices, company branches or business agents, according to regulations in Decree No.56/CP dated 18 September 1995:

- Enterprises specializing in housing business, established and operational under laws, including foreign investment enterprises;

- Other enterprises and organisations established and operating under laws, processing houses of their own and having the legal land use right;

- Vietnamese citizens who have full ability of civil behavior, processing houses of their own and having the legal land use right.

2. The entities who can run intermediary services on leasing houses to foreigners are stated in the Government Decree No.56/CP dated 18 September 1995.

+ The following entities cannot lease houses to foreigners:

- State bodies, Party bodies, political and social organisations and the Vietnamese citizens cannot lease the State-own offices or houses being managed and used by them.

- Those who are considered by law as criminals, who are serving the court sentence, and who have not completed their punishment period.

II. SPECIFIC PROVISIONS ON THE STATE BUDGET COLLECTIONS

1. Fees:

a) Fee levels:

The lessor or his legal entrustee wishing to lease houses to foreigners shall apply for a licence from the State authoritative body on the operation. For each time of

application for a licence or a licence extension, the applicant shall pay fee for the licence granting at the following levels:

- A fee for a licence for leasing houses is VND 700,000 (seven hundred thousand Vietnamese dong);

- A fee for a licence for leasing houses to be extended is VND 300,000 (three hundred thousand Vietnamese dong);

b) Regulation on management and use of the licence granting fees:

- The fee for a licence for leasing houses to foreigners, is State income, collected by the authoritative body granting the licence. The authoritative bodies who can grant a license for leasing houses to foreigners, shall make a registration at the local Taxation-office in order to get accounting books, and collection proofs receipts issued by the MoF, and are responsible for the management and use of the fee to be collected under the regulations of the Taxation body. When collecting the fee, the body shall give the payer the receipt.

- The authoritative bodies who can grant a licence for leasing houses to foreigners and collect the fee, can initially spend 30% (thirty per cent) of the collected fees on the following works:

- + To appraise the files for applying for a licence for leasing houses to foreigners (including: to make files for appraisal, to organize and appraisal, to consult with the concerned bodies such as security, environment...)

- + To print licence, formulas of the files:

- + To conduct a regular or extraordinary check about the observation of the regulations on house leasing by the lessor, lessee and the service-running enterprise on the area;

- + To provide allowance or bonus for the staff directly

concerned with organizing the fee collection; The total annual payment for each person shall not exceed his three monthly salaries combination as regulated by the State existing laws.

The above-mentioned expenses must be carried out under the existing financial regulations and made in legal proofs.

- The remainder, after the above rate is deducted, shall be contributed to the State Budget by the fee collecting body. Regularly, on the fifth day of each month, the fee collecting body shall, pursuant to the receipt of collection, make a list of the collection proofs and contribute the collected fee in the previous month to the Budget at the State Treasury, Part 35, according to the corresponding Chapter-Types-Items-Class. If the total collected fee exceeds VND 20 million, despite the limited time of contribution not coming to an end, the fee collecting body shall make a list of the collection proofs and contribute the collected fee to the Sate Budget, but not until the fifth day of the next month.

- Annually the fee collecting body shall set a book to cover the fees for a licence, and the expenses serving the collection under the regulations stated in the Ordinance on Accounting and Statistic and in this Circular. At the end of every year, the body shall make a balance sheet stating its collection and contribution and the use of temporarily attained fee and submit it in combination with the balance sheet of its own to the Taxation body and the financial body at the same level. If at the year's end, the fee collecting body has not spent the attained fee, the remainder shall be contributed to the State Budget. If the body wishes to keep the remainder for the use in the following year, this

must be agreed in writing by the financial body at the same level. This remainder shall be calculated in the plan for collection and expenditure of the following year.

2. Fees for a service on and authorization of leasing houses to foreigners:

a) According to regulation in Article 4 of the Regulation attached to Decree No 56/CP dated 18 September 1995, the service-running enterprise cannot charge an authorization fee of higher than 2 per cent of the contract value stated in Article 7 of the regulation.

b) If the lessor hires a party to carry out one or more services related to leasing their houses to foreigners such as application for license, looking for the lessee, signing a house rent contract... or if a party runs services for the lessee, the service-running party can charge a services fee. The fee charged for each activity of such a service shall be negotiated by the two parties (the service-running party and the service requiring party) but the fee must not exceed VND 2,000,000 (two million Vietnamese dong).

When collecting service fees or authorization fees, the collecting body shall give a receipt to the payer. For the lessor, the receipt is the proof for defining the expenditure of the house leasing.

3. Obligations to execute tax payment:

The house lessor and the service-running enterprises that carry out activities of leasing houses to foreigners, shall show their license and house rent contract, register and declare their activities at the local taxation body (where the rented house is located), and contribute taxes and other

fees (if any) regulated by laws to the State Budget, which are:

a) Licence tax:

The lessor and the service-running party shall pay a licence tax under the by law regulation on the license tax. If the lessor leases houses for the first time and the starting point is in the second half of the year, for that year, the lessor shall pay 50% (fifty per cent) of the whole year's licence tax.

b) Tax on the house, the land, the land rent:

Organisation and individuals having houses to lend, shall pay tax on the house and the land, under by law regulations on tax on houses and land. If the land is rented from the State, they shall have to pay the land rent under the existing by law regulations on land rent. If the lessor authorizes another person to lease their house, the authorized person (according to paragraph 2, Article 4 of the regulation attached to Decree No 56/CP) shall have to pay the tax on the house, the land or the land rent under by law regulations.

c) Turnover tax:

- The lessor shall pay a monthly turnover tax of 10% (ten per cent) of the taxable turnover. Taxable turnover is the total sum of money earned by the lessor from leasing houses to foreigners stated in the house rent contract. If the price stated in the house rent contract is lower than the taxable price applied in the location as regulated by the MoF (the Regulation is attached to this Circular), the taxable turnover shall be calculated according to the taxable price applied in the location as regulated by the MoF.

If the lessee pays in convertible foreign currencies, the taxable turnover shall be converted in to Vietnamese dong according to the rate officially annouced by the State Bank of Vietnam at the moment of the tax being paid.

If the lessee pays the rent for more than one month, year, taxable turnover is the total advanced payment, including the expenses for renovation, rebuiding of the house,... paid by the lessee (if any). If the rent is adjusted to be higher during the time of the house being rented, the taxable turnover shall be recalculated according to the new rent, from the moment of the rent being adjusted.

- Service-running enterprises and the intermediary shall pay a monthly turnover tax of 15% (fifteen per cent) of their taxable turnover. This taxable turnover is the total sum of money earned from running the service and the intermediation.

d) Revenue tax:

a) For the enterprise that can lease houses to foreigners, the service-running enterprise shall keep clear and accurate account of the activities of leasing houses and running services; shall temporarily pay the monthly revenue tax, pay the annual revenue tax under regulations on registration, declaration and payment of revenue tax according to the guidance of their direct management taxation body.

If the rent is advanced for more than one year, turnover tax shall be paid once according to point 3.c above. When the annual balance sheet is made, the taxable revenue shall be calculated as follows

$$\text{Annual taxable revenue} = \frac{\text{Total turnover} - \text{Already paid turnover tax}}{\text{Number of the years already paid}} - \text{Logical and legal expenses of the year balance sheet being made}$$

Example: In 1996, a housing business enterprise of Quarter A is leasing house, according to the contract signed with the lessee as follows:

- . The duration of rent is 10 years.
- . The rent converted to Vietnamese dong under the contract is VND 30 million/year.
- . Mode of payment stated in the contract: The lessee shall pay VND 150 million when the contract has been signed (advancement is made for 5 years).
- . The logical and legal expenses of the enterprise distributed for one year is VND 10 million.
- . The turnover tax paid for 1996 (paid once for the 5 years) is:

$$\text{VND 150 million} \times 10\% = \text{VND 15 million}$$

The annual taxable revenue is calculated as follows:

$$\text{VND 150 mil.} - \text{VND 15 mil.} / 5 \text{ years} - \text{VND 10 mil.} = \text{VND 17 mil.}$$

b) For individuals, organisations (not enterprises) depending on the local circumstances and the regulations in the law on turnover tax and revenue tax, their direct management taxation body shall collect the revenue tax in the forms of declaration or contract applicable to those who pay revenue tax based on their turnover. The taxation body shall, pursuant to the surveyed statistics, have the right to decide the taxable revenue in order to calculate the revenue tax to be paid for the whole year and temporarily collect

monthly. This shall also be applied to the cases where the rent is paid for more than one month, quarter, year. The revenue tax and the turnover tax shall be paid together as regulated by the taxation body.

c) If the lessor is advanced by the lessee for more than one month, year and they have already paid taxes according to this Circular, but for some reasons they can terminate the house rent contract as stipulated in point 4, Article 15 of the regulation attached to Decree No 56/CP dated 18 September 1995, the taxation body shall consider and repay the lessor the tax already advanced for the time calculated from the monment of the contract being terminated if they have acceptable proofs.

4. State owned houses to be leased to foreigners:

For the State owned houses which are handed to housing business enterprises, for management, under regulations of the Government Decree No 61/CP dated 5 July 1994, if the houses are leased to foreigner, the rent to be collected shall be accounted separately and the enterprises shall pay tax according to by law regulations.

III. SETTLEMENT OF VIOLATION(S)

1. Organisations, individuals committing act(s) of violation against regulations on leasing houses to foreigners shall be dealt with under stipulations in Article 17, 18, 19, 20 and 21 of the regulation attached to the Government Decree No. 56/CP dated 18 September, 1995.

2. Enterprises, organisations or individuals who is late to pay taxes and fine under regulations shall, apart from having to pay the regulated taxes and fine, have to pay the fine for their lateness of 0,2% according to Circular

No.45-TC/TCT dated 1 August 1996 of the MoF providing guidance for the implementation of Decree No. 22/CP of the Government.

Heads of Taxation bodies can fine the entities of their direct management for the late tax payment.

3. The collection of any fines shall be made in papers issued by the MoF (the General taxation Department).

4. The management and the use of the collected fines shall be carried out according to the existing laws on the settlement of administrative violation(s) against tax polices.

IV. IMPLEMENTATION ORGANISATION:

1. Organisations and individuals who are releasing the State owned houses to foreigners, if they have got permission of the authoritative body and legal house rent contracts which do not come to an end by 1 April 1996, they shall be able to continue until the contracts coming to an end, and to enjoy 15% (applied to bodies, organisations) and 20% (applied to individuals) of the monthly house rent contract value since the date of Decree No 56/CP being issued. The remainder shall be contributed to the State Budget at the State Treasury point 21 "The rent of houses, land surface, water surface" and the corresponding chapter, type, item, class.

The lessor shall have to pay taxes under by law regulations. Their turnover shall be calculated on basis of the enjoyment made according to the above-mentioned rate.

Provincial taxation department are responsible to organize the collection of the remainder of 85% (applied to bodies, organisations) and 80% (applied to individuals), and contribute to the State Budget.

When the house rent contracts come to an end, the houses of the above-mentioned type shall be used under the State existing laws.

For individual alone (Vietnamese citizens, expatriates residing in Vietnam) who are re-leasing the State owned houses to foreigners, through a company or a housing and land business enterprise (here after called a housing business company) allowed and entrusted by the provincial People's Committees to be established and manage the leasing houses to foreigners in their locations according to Decree No. 389/HDBT dated 10 November 1990 of the Council of Ministers (now Government) and Inter-Ministerial Circular No 03/TT-LB dated 8 April 1991 of the Ministries of Construction-Labour, War Invalids and Social Affairs-Interior-Finance providing the guidance for the implementation of the Decree above, the housing business company shall be responsible to collect the rent of the house for the validity time of the contracts signed before 18 September 1995 and contribute the rent to the State Budget under regulations in the above-mentioned Circular No 08/LB-TT dated 10 February 1993.

2. The money collected from leasing houses to foreigners shall be contributed into the State Budget under the existing regulation on the management and distribution of the State Budget.

3. This Circular comes into effect from the signing date and replaces inter-circular No 03/TT-LB dated 13 May 1992 of the MC and the State Pricing Committee providing minimum price of rent applicable to leasing house to foreigners, overseas Vietnamese residing in Vietnam. The previous regulations on collection for the State Budget

applicable to leasing houses to foreigners which are contrary to this Circular shall be abrogated.

During the implementation by Ministries, Branches, Provincial People's Committees and Bodies concerned, any difficulties shall be reported to the MoF for resolution.

FOR THE MINISTER OF FINANCE
DEPUTY MINISTER
VU MONG GIAO

REGULATION ON TAXATION FEES APPLIED TO FOREIGNERS AND OVERSEAS VIETNAMESE LEASING HOUSES IN VIETNAM

**(Promulgated in connection with Circular
No. 51-TC/CSTC dated 9 September, 1996 of
the MoF providing guidance on collecting
fees for the State Budget applicable to leasing
houses to foreigners and overseas Vietnamese)**

I. GENERAL PRINCIPLES:

1. Taxable price applied to foreigners and overseas Vietnamese renting houses in Vietnam to be stated in this Regulation shall be used for calculating the sum to be contributed to the State Budget by the lessor according to their obligations, in case the price stated in the house rent contract is lower than that stated in their regulation.

2. This regulation on taxable prices shall be applied to urban area type I of Hanoi and Ho Chi Minh City. Provincial people's Committees shall regulate taxable prices to be applied to the urban areas of not type I (as stated in this regulation) in accordance with the local specific

circumstances, but shall not be lower than 50% of the price stated in this regulation. If the local rent price is lower than that stated in this regulation, this must be agreed upon by the MoF in writing.

3. Calculation: According to the following formula:

$$\begin{array}{l} \text{The leasing} \\ \text{price based on} \\ \text{the type of land} \\ \text{area to be used} \end{array} = \begin{array}{l} \text{The price} \\ \text{(regulated by} \\ \text{the location)} \end{array} \times [1 + K]$$

Of which: K is the coefficient of the urban areas and the surroundings belonging to different cities, towns (regulated in Part III).

II. THE RENT APPLICABLE TO EACH TYPE OF HOUSES ACCORDING TO THE AREA TO BE USED.

1. Classification of houses: Houses to let are classified into three types by the MoF as follows:

- Villas;
- Independent houses;
- Apartments;

2. Area to be used:

The area is classified according to the purpose of use in the house, including the following categories:

- Main area: including bedroom, living room, working room, dining room, kitchen, toilet.

- Additional area: including balcony, garage, store, reception room...

- Area of yards, garden: including the yard, path (within the house area), garden, decoration tree area...

- Other areas: including sport areas such as swimming pool, playing ground, tennis court...

3. The rent applicable to the urban area type I (Hanoi and Ho Chi Minh City)

Unit: USD/m²/month

No	Price level	Villa	Independent house	Apartment
1	Main area	22	20	10
2	Additional area	10	8	6
3	Area of yards, gardens	3	-	-
4	Other areas	5	-	-

4. For the houses which are leased at a specific price other than that fixed according to the classification or the pricing stated in this regulation, such as: multi storey buildings to let to foreigner as representative offices, business... the rent to be applied shall be USD 40/m²/month, without classification of the height or the location of the buildings.

III. CLASSIFICATION BY THE LOCATION

Upon the specific circumstances of each city and town, it is possible to classify the location into 2 or 3 types in order to fix a price list suitable to the real circumstances. The coefficient of the location (K) is regulated as follows:

Location	Centre	Central surroundings	Outskirts
Coefficient K	0,00	0,01	0,02

1. Centre of city, town is the location with the highest of the city, town buiding and population density. And the area meets two of the three standards as the political-economic centre; cultural-sport, tourism; and provides a convenient public services.

2. Central surrounding is the area which is located next to the centre of city, town having additional centres (quarter or district centres). The buiding and population density is reasonable and the area provides a respectively convenient public services.

3. The outskirts: include the areas which are located next to the central surroundings and have traffic ends being urbanized. The public services are not very convenient or completed.

Example: The application of coefficient of the location: If the rent of 1m^2 of a house in the centre of a city or town is VND 100,000 1m^2 of the house in the same conditions located in the central surroundings shall be VND 90,000 and that located in the outskirt shall be VND 80,000.

**19. THÔNG TƯ SỐ 11/LĐTBXH-TT NGÀY
3-5-1995 CỦA BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**Hướng dẫn thực hiện nghị định số 197-CP
của Chính phủ về tiền lương đối với lao động
Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có
vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, tổ
chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam**

Thi hành Nghị định số 197-CP ngày 31-12-1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương, sau khi trao đổi ý kiến với Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và một số Bộ, ngành có liên quan; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện về tiền lương đối với lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khu chế xuất, khu công nghiệp và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Đối tượng và phạm vi áp dụng tiền lương theo Thông

tư này là đối tượng, phạm vi áp dụng quy định tại khoản 5, Điều 6, Điều 1 của Nghị định số 197-CP, cụ thể:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ban hành năm 1987 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 30-6-1990 và ngày 23-12-1992;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài hợp doanh được thành lập và hoạt động trong Khu chế xuất theo Nghị định số 322-HĐBT, ngày 18-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và trong Khu công nghiệp theo Nghị định số 192-CP ngày 25-12-1994 của Chính phủ;

- Các văn phòng đại diện kinh tế, thương mại nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy phép do Bộ Thương mại cấp có thuê mướn lao động là người Việt Nam;

- Các cơ quan đại diện Ngoại giao (Đại sứ quán, Tổng lãnh sự, lãnh sự quán, cơ quan đại diện...), các tổ chức quốc tế hoặc tổ chức phi Chính phủ, các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh truyền hình nước ngoài đặt tại Việt Nam có thuê mướn lao động là người Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia ký kết hoặc có quy định khác;

- Người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam có thuê lao động là người Việt Nam theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

2. Đối tượng và phạm vi không áp dụng:

Lao động là người Việt Nam làm việc trong các tổ chức của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài

cư trú lâu dài tại Việt Nam đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước ban hành ngày 22-6-1994.

II. LƯƠNG TỐI THIỂU, HỆ THỐNG THANG, BẢNG LƯƠNG:

1. Lương tối thiểu:

Lương tối thiểu quy định tại khoản 3, Điều 3 của Nghị định số 197-CP được thực hiện như sau:

a) Mức lương tối thiểu là mức lương để trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất (không qua đào tạo) với điều kiện lao động và môi trường lao động bình thường.

b) Mức lương tối thiểu quy định được tính bằng đồng đôla Mỹ (USD/tháng).

Mức lương tối thiểu hiện nay là 35 USD/tháng, áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; 30USD/tháng áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố, thị xã, thị trấn còn lại hoặc các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động giản đơn thuộc các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Đối với một số ngành, nghề đã được thỏa thuận mức lương tối thiểu cao hơn thì tiếp tục thực hiện mức lương tối thiểu đó cho đến khi có quyết định mới.

Mức lương tối thiểu này có thể vận dụng để trả cho lao động trong thời gian thử việc nhưng tối đa không quá 60 ngày theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 198/CP ngày 31-12-1994 của Chính phủ trong trường hợp mức lương thử việc thấp hơn mức lương tối thiểu.

Không được dùng mức lương tối thiểu để trả cho lao động chuyên môn, kỹ thuật đã qua đào tạo.

2. Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương:

Thang lương, bảng lương, mức lương, phụ cấp lương và Quy chế trả lương quy định tại Điều 22 của Nghị định số 197-CP được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp được xây dựng và áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương theo ngành, nghề hoặc nhóm ngành, nghề tương ứng với hệ thống thang lương, bảng lương theo ngành, nghề hoặc nhóm ngành, nghề do Chính phủ quy định đối với các doanh nghiệp trong nước theo nguyên tắc sau:

- Số bậc của thang lương, bảng lương tùy thuộc vào mức độ phức tạp của công việc đòi hỏi nhưng hệ số mỗi bậc lương không thấp hơn hệ số bậc lương tương ứng trong các thang lương, bảng lương áp dụng đối với các doanh nghiệp trong nước; bội số của thang lương không được thấp hơn bội số thang lương theo ngành, nghề hoặc nhóm ngành, nghề áp dụng đối với các doanh nghiệp trong nước.

- Mức lương bậc 1 của các thang lương, bảng lương trong điều kiện lao động bình thường phải cao hơn mức lương tối thiểu (30 hoặc 35 USD/tháng tùy từng vùng, từng nghề theo quy định tại Quyết định số 242-LĐTBXH/QĐ ngày 5-5-1992 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội).

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương cần lấy ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức và ghi vào thỏa ước lao động tập thể.

b) Đối với doanh nghiệp mới thành lập còn có khó khăn

trong hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa thể áp dụng ngay hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì trong thời gian tối đa 6 tháng người sử dụng lao động có thể trả thấp hơn khoảng 10% - 15% mức lương tính theo hệ số bậc lương tương ứng hệ số bậc lương theo ngành, nghề hoặc nhóm ngành, nghề trong các thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định đối với các doanh nghiệp trong nước, nhưng mức lương của bậc thấp nhất không được thấp hơn mức lương tối thiểu. Trước khi thực hiện phải tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức và đăng ký với cơ quan lao động địa phương. Sau thời gian quy định nói trên phải thực hiện trả lương theo đúng quy định của Nhà nước.

c) Phụ cấp lương:

Doanh nghiệp phải thực hiện các khoản phụ cấp lương sau:

- Phụ cấp khu vực: không được tính thấp hơn mức do Chính phủ quy định đối với các doanh nghiệp trong nước trên cùng địa bàn;

- Phụ cấp đất đỏ: không được tính thấp hơn mức do Chính phủ quy định đối với các doanh nghiệp trong nước trên cùng địa bàn;

- Phụ cấp độc hại, nguy hiểm: áp dụng cho những nghề hoặc công việc chưa được quy định trong thang lương, bảng lương của doanh nghiệp;

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể quy định thêm các khoản phụ cấp lương và các chế độ khác để trả cho người lao động.

Mức lương, phụ cấp lương cụ thể do người sử dụng lao

động thỏa thuận với người lao động nhưng phải lấy ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức và ghi vào hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.

d) Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng quy chế trả lương, trước khi áp dụng phải tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức.

e) Việc xác định tiền lương đối với các chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) và các chức vụ chủ chốt khác trong doanh nghiệp như sau:

Nguyên tắc xác định:

- Người giữ chức vụ lãnh đạo có mức lương cao hơn người bị lãnh đạo;

- Hội đồng quản trị doanh nghiệp hoặc Chủ sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài quyết định mức lương của các chức danh nêu trên;

- Người Việt Nam và người nước ngoài nếu giữ chức vụ ngang nhau thì được trả lương như nhau;

Đối với doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, nếu thuê Giám đốc (Tổng giám đốc) là người nước ngoài hoặc một số chức danh kỹ thuật, chuyên môn phải thuê người nước ngoài do lao động Việt Nam chưa đảm nhận được thì mức lương do hai bên thỏa thuận, ngoài ra còn có thể tính thêm một khoản tiền do xa gia đình, xa Tổ quốc, mức cụ thể do hai bên thỏa thuận.

h) Đối với những ngành, nghề đặc thù như dầu khí... thang lương, bảng lương, mức lương, phụ cấp lương và quy chế trả lương được ban hành sau khi cơ quan quản lý có

thẩm quyền đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, thỏa thuận.

g) Người sử dụng lao động ở các Văn phòng đại diện, hoặc người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam có thuê lao động là người Việt Nam, dựa vào các quy định nêu trên xây dựng thang lương, bảng lương, mức lương, phụ cấp lương của chức danh nghề hoặc công việc làm cơ sở thỏa thuận tiền lương với người lao động khi giao kết hợp đồng lao động.

III. CHẾ ĐỘ TRẢ LƯƠNG, TIỀN THUỞNG:

1. Căn cứ vào hình thức trả lương quy định tại Điều 5 của Nghị định số 197-CP người sử dụng lao động lựa chọn hình thức trả lương hay thay đổi hình thức trả lương cho phù hợp với điều kiện, tính chất công việc và tổ chức sản xuất của doanh nghiệp. Nhưng sự lựa chọn hoặc thay đổi này phải thể hiện trong thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Tiền lương trả cho người lao động Việt Nam bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo tỷ giá mua đồng đôla Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương.

2. Trả lương khi làm thêm giờ theo khoản 1, 2, Điều 8 của Nghị định số 197-CP được thực hiện như sau:

a) Đối tượng: áp dụng cho mọi đối tượng, trừ những người làm việc theo lương sản phẩm theo định mức, lương khoán hoặc trả lương theo thời gian làm việc không ổn định như: làm việc trên các phương tiện vận tải đường bộ (kể cả lái xe con), đường sông, đường biển và đường hàng không, thu mua hải sản, nông sản, thực phẩm...

b) Cách tính tiền lương làm thêm giờ:

- Đối với lao động trả lương theo thời gian:

$$\text{Tiền lương làm thêm giờ} = \text{Tiền lương giờ (theo khoản 1 Điều 5, ND 197/CP)} \times \text{Số giờ làm thêm} \times \begin{matrix} 150\% \\ \text{hoặc} \\ 200\% \end{matrix}$$

+ 150% mức lương giờ của ngày làm việc bình thường áp dụng đối với những giờ làm thêm vào ngày bình thường;

+ 200% mức lương giờ của ngày làm việc bình thường áp dụng đối với những giờ làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ;

Trường hợp người lao động được nghỉ bù những giờ làm thêm thì người sử dụng lao động chỉ phải trả phần chênh lệch bằng 50% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường, nếu làm thêm giờ vào ngày bình thường; bằng 100% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường, nếu làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ.

- Đối với người làm được trả lương theo sản phẩm, sau khi hoàn thành định mức số lượng, khối lượng sản phẩm tính theo giờ tiêu chuẩn (giờ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Nghị định 195/CP ngày 31-12-1994 của Chính phủ), nếu người sử dụng lao động có yêu cầu làm thêm thì đơn giá những sản phẩm làm thêm ngoài định mức giờ tiêu chuẩn được tăng thêm 50% nếu sản phẩm được làm thêm vào ngày thường; 100% nếu sản phẩm được làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ.

3. Người lao động khi làm việc vào ban đêm theo khoản 3, Điều 8 của Nghị định số 197-CP được trả lương như sau:

a) Mức trả:

- Mức ít nhất bằng 35% áp dụng cho trường hợp làm việc liên tục vào ban đêm từ 8 ngày trở lên trong một tháng không phân biệt hình thức trả lương.

- Mức ít nhất bằng 30% áp dụng cho các trường hợp làm việc vào ban đêm còn lại không phân biệt hình thức trả lương.

b) Cách tính tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm:

- Đối với lao động được trả lương theo thời gian:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền} & & \text{Tiền lương giờ} & & \text{Số giờ} & & \text{Ít nhất} \\ \text{lương trả} & = & \text{(theo khoản 1} & \times & \text{làm việc} & \times & \text{30\%} \\ \text{thêm} & & \text{Điều 5, ND} & & \text{ban đêm} & & \text{hoặc ít} \\ & & \text{197/CP)} & & & & \text{nhiều} \\ & & & & & & \text{35\%} \end{array}$$

- Đối với lao động được trả lương theo sản phẩm, lương khoán nếu làm việc vào ban đêm thì đơn giá tiền lương được tăng thêm ít nhất 30% hoặc ít nhất 35% so với đơn giá tiền lương làm việc vào ban ngày.

Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, lương khoán, nếu làm thêm vào ban đêm thì đơn giá tiền lương được tăng thêm ít nhất 30% hoặc ít nhất 35% so với đơn giá tiền lương làm việc vào ban ngày.

Trường hợp sản phẩm làm thêm giờ vào ban đêm thì tiền lương giờ làm thêm được tính trả như làm thêm giờ vào ban ngày, cộng với tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm.

4. Chế độ nâng lương:

a) Việc nâng bậc lương đối với người lao động do người sử dụng lao động quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức theo nguyên tắc sau:

- Số người được nâng bậc lương hàng năm trong doanh

ng nghiệp phụ thuộc vào yêu cầu công việc và thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

- Căn cứ để nâng bậc lương là tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật; tiêu chuẩn chức danh chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Điều kiện nâng bậc:

- Những người đã giao kết hợp đồng không xác định thời hạn hoặc hợp đồng xác định thời hạn từ 1 năm trở lên; người giữ chức vụ do Hội đồng Quản trị thuê điều hành doanh nghiệp.

- Trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể có nội dung nâng bậc lương.

- Thời gian xét nâng bậc như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì người lao động phải có ít nhất 2 năm (đủ 24 tháng) đối với các chức danh có hệ số mức lương khởi điểm (bậc 1) thấp hơn 1,78; phải có ít nhất 3 năm (đủ 36 tháng) đối với các chức danh có hệ số mức lương khởi điểm (bậc 1) từ 1,78 trở lên kể từ thời điểm xếp lương hoặc nâng bậc lương trước đó.

+ Trường hợp doanh nghiệp chưa xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương thì đối với người lao động có thời gian đào tạo nghề dưới 24 tháng có thời gian 2 năm (24 tháng) làm việc tại doanh nghiệp được nâng bậc lương, mức ít nhất bằng 10% mức lương ghi trong hợp đồng lao động; đối với lao động có thời gian đào tạo nghề từ 24 tháng trở lên có thời gian 3 năm (36 tháng) làm việc tại doanh nghiệp được nâng bậc lương, mức ít nhất bằng 7% mức lương ghi trong hợp đồng lao động.

+ Đối với người lao động làm việc tích cực, có hiệu quả

thì người sử dụng lao động có thể nâng bậc sớm hơn thời gian quy định trên.

c) **Nâng bậc:**

Người thuộc diện nâng bậc, để được nâng bậc thì doanh nghiệp phải tổ chức thi nâng bậc:

- Thi nâng bậc đối với công nhân là tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật ứng với công việc mà người đó đảm nhận;

- Thi nâng bậc đối với viên chức chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ là tiêu chuẩn chức danh chuyên môn, nghiệp vụ.

Trường hợp doanh nghiệp chưa có tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ thì người sử dụng lao động phải quy định tạm thời một số chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn gắn chặt với nội dung công việc hoặc trách nhiệm được giao trên cơ sở tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc đại diện của tập thể người lao động nơi chưa có tổ chức công đoàn.

d) Mức lương được nâng bậc theo hệ thống thang lương, bảng lương do doanh nghiệp xây dựng. Quyết định nâng bậc lương ký từ ngày nào thì được hưởng mức lương mới từ ngày đó.

e) Từ nay trở đi các doanh nghiệp căn cứ vào Thông tư này lập kế hoạch nâng bậc lương hàng năm trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để tổ chức thi nâng bậc và quyết định nâng bậc lương cho diện được nâng bậc lương thuộc doanh nghiệp quản lý.

5. Việc trích thưởng từ lợi nhuận còn lại theo khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 197-CP được thực hiện như sau:

a) *Đối tượng được xét thưởng:*

- Lao động có thời gian làm việc tại doanh nghiệp từ 1 năm trở lên.

- Có đóng góp vào kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) *Mức thưởng*: mức tiền thưởng của một năm không thấp hơn 1 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động.

c) *Quy chế thưởng*: doanh nghiệp phải xây dựng quy chế thưởng theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ vào hiệu quả đóng góp của người lao động đối với doanh nghiệp thể hiện qua năng suất, chất lượng công việc;

- Căn cứ vào thời gian làm việc tại doanh nghiệp, người có thời gian nhiều thì được thưởng nhiều hơn;

- Chấp hành nội quy kỷ luật lao động của doanh nghiệp.

Quy chế thưởng phải tham khảo ý kiến của công đoàn cơ sở hoặc tổ chức công đoàn lâm thời nơi chưa có tổ chức công đoàn chính thức.

6. Trả lương khi ngừng việc theo khoản 3, Điều 12 của Nghị định số 197/CP được thực hiện như sau:

Trong một ca làm việc, nếu ngừng việc từ 2 giờ trở lên thì ngừng việc giờ nào được trả đủ lương của giờ đó; nếu ngừng việc đến hết ca thì được trả đủ lương của ca đó; nếu ngừng việc hết tuần, hết tháng thì được trả đủ tiền lương theo lương tuần, lương tháng của tuần, tháng đó. Mức tiền lương để tính trả khi ngừng việc là tiền lương tháng trước liền kề và được tính tương ứng với các hình thức trả lương thời gian quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 197-CP.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Căn cứ vào Thông tư hướng dẫn này doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, các cơ quan tổ chức nước ngoài tại Việt Nam sớm ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, mức lương và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và xã hội và báo cáo với Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư.

2. Hàng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm báo cáo với cơ quan lao động và cơ quan tài chính địa phương về thu nhập thực tế, bao gồm: tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác (nếu có) theo Sổ lương của người lao động tại doanh nghiệp.

3. Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; Sở Kinh tế đối ngoại; Ban Quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp và cơ quan được Nhà nước uỷ quyền đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1-1-1995. Bãi bỏ tất cả quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và xã hội nghiên cứu, giải quyết.

BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRẦN ĐÌNH HOAN

**9. CIRCULAR No. 11-LD TBXH DATED 3
MAY, 1995 OF THE MINISTRY OF
LABOUR, WAR INVALIDS AND SOCIAL
AFFAIRS**

**Guiding the implementation of Decree
No. 197-CP of the Government concerning
the wages of Vietnamese labour in foreign
invested enterprises and foreign or
international agencies and
organisations in Vietnam**

In execution of Decree No. 197/CP dated 31 December, 1994 of the Government which provides details and guides the implementation of a number of Articles of the Labor Code concerning wages and salaries, after consulting with the State Committee for Cooperation and Investment, the Vietnam General Confederation of Labor and a number of concerned ministries and branches, the Ministry of Labour, War invalids and Social affairs (MoLISA) gives the following guidance for the implementation of the system of wages for Vietnamese labor in foreign invested enterprises, in the export processing zones, industrial parks and foreign or international agencies and organisations in Vietnam.

I. OBJECTS AND SCOPE OF REGULATION.

1. Objects and scope of regulation:

The subjects and scope of regulation of this Circular are the same as already defined in item 5, item 6 of Article 1 of Decree No. 197/CP. More concretely:

- The foreign invested enterprises defined in the Law on foreign investment in Vietnam issued in 1987 and the Law on amendment and supplement to a number of Articles of the Law on foreign investment in Vietnam issued on the 30th of June 1990 and on 23rd of December 1992.

- The foreign invested enterprises, the foreign partners to joint ventures set up and operating in the export processing zones under Decree No. 322/HDBT dated 28 October, 1991 of the Council of Ministers (now the Government), and in Industrial parks under Decree No.192/CP dated 25 December, 1994 of the Government;

- The foreign economic and trade representative offices set up and operating in Vietnam under permits issued by the Ministry of Trade, and employing or hiring Vietnamese labor.

- Diplomatic representative offices (embassies, general consulates, consulates, representative offices...), international or non - governmental organisations, foreign news, press, radio and television agencies based in Vietnam and employing Vietnamese labor, except otherwise provided for in international treaties which the Socialist Republic of Vietnam has signed or adhered to;

- Foreigners and those of Vietnamese origin living abroad who temporarily reside in Vietnam and who hire Vietnamese labor under Decree No. 389/HDBT dated 10

November, 1990 of the Council of Ministers (now the Government).

2. Objects and scope of non-regulation:

The laborers who are Vietnamese working in the organisations of those of Vietnamese origin residing abroad, and foreigners who reside for long periods in Vietnam to invest in economic and social fields under the Law on promotion of domestic investment issued on the 22nd of June, 1994.

II. MINIMUM WAGE, SYSTEM OF WAGE SCALES AND BRACKETS.

1. Minimum wage:

The minimum wage stipulated in item 3, Article 3 of Decree No. 197/CP shall be applied as follows:

a) The minimum wage is the wage paid to the doer of the simplest jobs (untrained labor) in normal labor conditions and environment.

b) The minimum wage is calculated in US dollar (USD/month).

The present minimum wage is 35 USD/month applied to foreign invested enterprises based in Hanoi and Ho Chi Minh City; 30 USD/month applied to foreign invested enterprises based in provinces and other cities, towns and townships, or businesses employing a large number of simple labor in agriculture, forestry and aquaculture. With regard to a number of branches and professions where the minimum wage has been set at a higher rate by mutual consent, that minimum wage shall be applied until a new decision.

The minimum wage can be applied in the payment for the laborers during the probationary period but for not more than 60 day, as stipulated in Article 5 of Decree No. 198/CP dated 31 December 1994 of the Government, in case the probationary wage is lower than the minimum wage. The minimum wage cannot be paid to professionals or technicians who have been trained.

2. Wage scale, wage brackets and wage subsidies:

The wage scale, wage bracket and wage subsidies, and the statute on wage payment defined in Article 22 of Decree No. 197/CP shall be applied as follows:

a) The enterprises are allowed to work out and apply their own wage scales and wage brackets, according to their branches and professions, or groups of branches and professions, corresponding with the system of wage scales and wage brackets, based on each branch and profession, or each group of branches or professions, stipulated by the Government for the businesses inside the country. But they have to comply with the following principles:

- The number of grades in a wage and bracket shall depend on the complexity required by the jobs, but the coefficient of each grade shall not be lower than the coefficient of the corresponding grade in the wage scale and bracket applied to the businesses in the country; the multiple of the wage scale shall not be lower than that of the wage scale for the same branch or profession, or groups of branches or professions applied to the businesses in the country.

- The wage of Grade I in the wage scale and bracket in normal labor conditions must be higher than the minimum

wage (30 USD or 35 USD/month depending on each region and each profession, as stipulated in Decision No. 242/LDTBXH-QD dated 5 May, 1992 of the Minister of Labor, War Invalid and Socio Affairs).

- The elaboration of the system of wage scales and brackets should be done in consultation with the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where no official trade union organisation has been set up, and must be recorded in the collective labor accord.

b) With regard to the newly founded enterprises which still meet with difficulties in production and business activities and which can not apply immediately the system of wage scales and brackets prescribed by the State, the employer can, within no more than six months, apply a pay rate from 10% to 15 % lower than the wage based on the coefficient of the corresponding grades of the wage scales and brackets in the branch or professions, or group of branches and professions, prescribed by the State for the businesses in the country. However, in any case the wage of the lowest grade shall not be lower than the minimum wage. Before its application, this wage system must be subjected to comments by the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where no official trade union organisation has been set up, and must be registered with the local labor agency. After the time limit defined above, the enterprise must apply the pay system according to the prescriptions of the State.

c) Wage subsidies:

The enterprise shall have to pay the following wage subsidies:

- Area allowance: this must not be lower than the rate prescribed by the State for the businesses in the country located in the same area.

- Dearness allowance: this must not be lower than the rate prescribed by the Government for the businesses in the country located in the same area.

- Noxiousness and risk allowance: this applies to the professions or jobs not yet defined in the wage scales and brackets of the enterprise;

Besides, the enterprise may devise other wage allowances and subsidies for the laborers.

The concrete wage and allowance rate shall be mutually agreed upon between the employer and the laborers, but they must be decided in consultation with the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where no official trade union organisation has been set up, and must be recorded in the collective labor accord.

d) The employer has the responsibility to work out the statute of wage payment. Before applying this statute, he must consult the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where no official trade union organisation has been set up.

e) The salaries of the holders of the posts of Director (or General Director) and Vice Director (or Vice General Director) and other key posts in the enterprise shall be determined on the following principles:

- The persons in the leading posts shall have higher salaries than those who hold non-leading posts;

- The managing Board of the enterprise, or the owner

of the enterprise with 100% of foreign capital, shall decide the salaries of the above-mentioned posts;

- A Vietnamese and a foreigner holding equivalent posts shall receive the same salary.

For a joint venture with a foreign partner, if the enterprise hires a foreign Director (or General Director) or a number of foreigners to assume some professional or technical posts which can not yet be assumed by Vietnamese, the salaries shall be mutually agreed upon. Besides, the enterprise may pay them a number of subsidies such as necessitated by their living far from their families and their countries. The concrete rates shall be mutually agreed upon.

h) With regard to same special branches and professions such as oil and gas... the wage scales, wage brackets, wage rates, wage allowances and payment statute shall be publicized after the authorized managing agency submits them to the MoLISA for consideration and approval.

g) The employer at the representative offices, or the foreigners or those of Vietnamese origin living aboard who temporarily reside in Vietnam and hire Vietnamese laborers, shall base themselves on the above regulations to work out the wage scales, brackets and rate as well as the wage allowances for the different posts for different professions and jobs, and reach agreement with the laborers during the negotiations on the labor contract.

III. REGIME OF PAYMENT OF WAGES AND BONUSES

1. Basing himself on the form of wage payment stipulated in Article 5 of Decree No. 197/CP, the employer shall choose the form of payment, or change the form of wage payment,

in a way suited to the conditions and character of the job, and production organisation of the enterprise. This choice must be written down in the collective labor accord, or the labor contract. The wage of a Vietnamese laborer shall be paid in the currency of the Vietnamese State Bank at the exchange rate of the US dollars announced by the Vietnamese State Bank at the time of the payment.

2. Payment for overtime work under items 1 and 2 of Article 8 of Decree No. 197/CP shall be effected as follows;

a) Objects: This payment applies to all objects, except those who receive their wages by piecework, by package deal, or by time-work with regard to jobs without fixed schedules, such as the drivers of transport means on the road (including cars), or workers operating on rivers, sea and air routes or those assigned with the purchase of sea products, farm products and foods...

b) Method of calculating wages for overtime work:

- For time work labor:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Wage for} & & & & \text{Numb} & & \\ \text{overtime} & & & & \text{er} & & \\ \text{work hour} & = & \text{Hourly wage} & & \text{of} & & 150\% \\ & & \text{(under item 1} & & \text{overt} & & \text{or} \\ & & \text{Article 5 Decree} & \times & \text{ime} & \times & 200\% \\ & & \text{No. 197/CP)} & & \text{work} & & \\ & & & & \text{hours} & & \end{array}$$

+ 150% of hourly wage in a normal work-day applied to the overtime work hours of week-days.

+ 200% of hourly wage in a normal work-day applied to the overtime workhours during the weekly rest day or on holidays.

In case the labourer takes an equivalent time off to make up for his overtime hours, the employer shall have only to pay an extrawage of 50% of the hourly wage of a normal day if the overtime workday, and an extra wage of 100% of the hourly wage of a normal workday if the overtime work takes place on the weekly rest day or on holidays.

- In case of piecework, after the laborer has fulfilled his quota in terms of quantity or volume of products according to the standard time (under Article 3 of Decree No. 195/CP dated 31 December, 1994 of the Government), if the employer requests the laborer to work extra hours, the unit wage of the products made outside the quota of standard time shall increase by 50% if the extra hours take place on normal days, and by 100% if they take place on the weekly rest day or on holidays.

3. Night-time work under item 3, Article 8 of Decree No. 197/CP shall be paid as follows:

a) Payment rate:

- The lowest rate for overtime work at night shall be 35%. If the laborer works continuously for eight days and more during a month, irrespective of the form of wage payment.

- The lowest rate for overtime work at night shall be 30% applicable to all the other cases, irrespective of the form of wage payment.

b) Method of calculating extra pay for overtime work at night:

- For timework labor:

$$\text{Extrapay} = \text{Hourly wage (under item 1, Article 5 Decree No. 197/CP)} \times \text{Number of night-time work hours} \times \text{At least 30\%}$$

- With regard to the piecework of packpage pay system, the unit wage of overtime work at night shall be increased by at least 30% or 35% over the unit wage for day-time work.

If the product is made during the overtime at night, the hourly wage of this overtime shall be the overtime pay in daytime plus the extra pay for night time work.

4. Regime of wage increase:

a) The raising of the wage grade of the laborer shall be decided by the employer after consulting the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where the official trade union organisation has not been set up. This upgrading has to comply with the following principles:

- The number of persons receiving pay rise in the enterprise in a year depends on the requirements of the work and the time of their work at the enterprise.

- Pay rise must be based on the technical qualifications, and specialization and professional entitlement.

b) Conditions for wage increase:

- The persons who have signed labor contracts with indefinite term or contracts for more than one year, and the persons holding posts hired by the Manging board to run the enterprise.

- The wage increase is provided for in the labor contract or the collective labor accord.

- The lengths of service for entitlement for wage rise:

- + In case the enterprise applies the system of wage scales and brackets precribed by the State, the laborer must have at lease two years (24 months) of service with regard to the entitlement having a start-up wage coefficient (Grade I) lower than 1,78, and at least three years (36 months) with regard to the entitlement having the start-up wage coefficient (Grade I) from 1,78 upward after the latest wage clasification or rise.

- + In case the enterprise has not yet alaborated its own system of wage scales and brackets, a laborer who has gone through a job traning period of less than 24 months and who has two years (24 months) of service at the enterprise, shall be entitled to pay rise at least by 10% of the wage level recorded in the labor contract; a laborer who has gone through a period of job training of 24 months and more, and have three years (36 months) of service at the enterprise, is entitled to pay rise at least by 7% of the wage level recorded in the labor contract.

- + With regard to the laborer who works with devotion and high efficiency, the employer may rise his wage earlier than defined above.

c) Upgrading:

The enterprise shall have to organize tests for those who are entitled to upgrading on the wage scale.

- The test for workers shall be based on the technical standard and norms corresponding with the work which they are assuming.

- The test for professionalism, specialisation,

performance, and services is based on the professional and specialization entitlement.

In case the enterprise has not elaborated its technical gradation standards or specialization and professional standard, the employer shall to set forth temporarily a number of economic, technical and professional norms closely associated with the contents of the work or responsibility assigned to the laborers. This is to be done in consultation with the local trade union organisation or the representative of the collective of the laborers where no trade union organisation has been set up.

d) The size of the wage rise through upgrading shall conform with the system of wage scales and brackets set up by the enterprise itself. The new wage level shall be effective from the date of the signing of the decision to raise the wage grade.

e) From now on, the enterprises shall base themselves on this Circular to work out their plans for annual wage increase in their production and business plans, in order to organize the test, and decide the upgrading of the wages for those eligible for pay rise under the management of each enterprise.

5. Deduction of bonuses from remaining profits under item 2, Article 9 of Decree No. 197/CP shall be effected as follows:

a) Eligible for bonuses:

- All laborers who have at least one year's service at the enterprise.

- Having contributed to the results of production and business of the enterprise.

b) Size of bonuses: The annual bonus shall not be lower than one month's wage recorded in the labor contract.

c) Bonus statute: The enterprise shall have to work out its bonus statute on the following principles:

- The bonus must be based on the contributions of the laborer to the enterprise as reflected in his productivity and the quality of his work;

- The bonus shall be based on the duration of the laborer's service at the enterprise those with a longer service are entitled to bigger bonuses.

- Bonused laborer must have strictly observed the regulations and labor discipline of the enterprise. The bonus statute must be worked out in consultation with the local trade union organisation, or the provisional trade union organisation where no official trade union organisation has been set up.

6. The wage payment during work stoppage under item 3 of Article 12 of Decree No. 197/CP shall be effected as follows:

During a work shift, if work is suspended for more than two hours, the laborer shall be paid for every hour of the work stoppage. If the stoppage lasts until the end of the shift, he/she shall be paid the wage of the full shift. If the stoppage lasts for a whole week or a whole month, he/she shall be paid all the wages of that week or month. The wage level to be paid for the period of work stoppage is the level of the immediate previous month, and is calculated correspondingly with the form of timework wage stipulated in item 1, Article 5 of Decree No. 197/CP.

IV. ORGANISATON OF IMPLEMENTATION:

1. The foreign invested enterprise, the enterprises in the export processing zones and industrial parks, the foreign agencies and organisations in Vietnam should base themselves on the guidance in this Circular to publicize at an early date their system of wage scales and brackets and levels, and register them with the Labor, War Invalids and Social Affairs Service, and report them to the State Committee for Cooperation and Investment.

2. Every month, the employer shall have to report to the local labor and finance agencies the real incomes, including wages, bonuses and other incomes (if any) according to the wage records of the laborers at the enterprise.

3. The Labor, War Invalids and Social Affairs Service in the province or city shall coordinate with the Federation of Labor in the province or city, the External Economic Relations Service, the managing boards of the export processing zones or industrial parks, and the authorized State agency to inspect the implementation of this Circular.

This Circular takes effect on the 1st of January, 1995. All the earlier regulations contrary to this Circular are now annulled.

Should any difficulties arise in the process of implementation, the concerned agencies are requested to report them in time to the MoLISA for consideration and settlement.

THE MINISTER OF MOLISA
TRAN DINH HOAN

**20. QUYẾT ĐỊNH SỐ 385-LĐTBXH/QĐ
NGÀY 1-4-1996 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**
Về mức lương tối thiểu đối với người
lao động Việt Nam làm việc trong các
doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
và các cơ quan, tổ chức nước ngoài,
tổ chức quốc tế tại Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 96-CP ngày 07 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 197-CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật lao động về tiền lương;

Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1085/KTTH ngày 11 tháng 03 năm 1996,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Mức lương tối thiểu đối với người lao động Việt

Nam làm công việc giản đơn nhất (không qua đào tạo) với điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Việt Nam có thuê mướn lao động là người Việt Nam được quy định và áp dụng như sau:

1. Mức lương tối thiểu không thấp hơn 45 USD/tháng (bốn mươi lăm đô la Mỹ/tháng) áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

2. Mức lương tối thiểu không thấp hơn 40 USD/tháng (bốn mươi đô la Mỹ/tháng) áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên địa bàn thành phố loại II (gồm: thành phố Hải Phòng, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Biên Hòa, Cần Thơ) và thành phố Hạ Long, Nha Trang, Vũng Tàu;

3. Mức lương tối thiểu không thấp hơn 35 USD/tháng (ba mươi lăm đô la Mỹ/tháng) áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên địa bàn các tỉnh còn lại hoặc các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động giản đơn thuộc các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

4. Mức lương tối thiểu từ 30 USD/ tháng (ba mươi đô la Mỹ/tháng) đến dưới 35 USD/tháng (ba mươi lăm đô la Mỹ/tháng) được áp dụng đối với một số doanh nghiệp đóng trên các địa bàn khó khăn, hạ tầng cơ sở kém, sử dụng nhiều lao động, sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn, sau khi các doanh nghiệp này có công văn đề nghị và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép được áp dụng.

Không được dùng các mức lương tối thiểu quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 nói trên để trả cho lao động chuyên môn, kỹ thuật đã qua đào tạo. Đối với các loại lao động này phải trả lương theo hệ thống thang, bảng lương được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 11-LĐTBXH/TT ngày 03-5-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 197-CP của Chính phủ về tiền lương đối với lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 1996.

Đối với các hợp đồng lao động đã ký kết, nhưng chưa hết thời hạn đều phải điều chỉnh lại mức lương tối thiểu theo quy định tại Quyết định này.

Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Việt Nam có thuê mướn lao động là người Việt Nam thi hành quyết định này.

BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRẦN ĐÌNH HOAN

**20. DECISION No.385-LDTBXH/QD DATED
1 APRIL, 1996 OF THE MINISTER OF
LABOUR, WAR INVALIDS AND SOCIAL
AFFAIRS**

**On minimum wage of Vietnamese labourer
working in enterprises with foreign invested
capital and foreign offices, organisations,
international organisations in Vietnam**

**THE MINISTER OF LABOUR, WAR - INVALIDS
AND SOCIAL AFFAIRS**

- Pursuant to the Decree No.96-CP dated 7 December, 1993 of the Government stipulating the functions, tasks, powers, organisation structures of the Ministry of Labour, War invalids and Social Affairs (MLWSA)

- Pursuant to the Decree No.197/CP dated 31 December, 1995 of the Government stipulating the detail regulations on implementation of some Articles of Labour Code on wage.

After having the Prime Minister's opinion in Document No. 1085/KTTH dated 11 March, 1996

DECIDES:

Article 1. The minimum wage for Vietnamese employees carrying out most simple work (untrained labour) in normal labour conditions, environment in enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organizations, international organizations which employing Vietnamese labourer is stipulated and applied as follows:

1. The minimum wage is not under 45 USD per month (fourty five USD per month) is applied to enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organizations, international organizations
2. The minimum wage is not under 40 USD per month (fourty USD per month) is applied to enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organizations, international organizations located in cities of categories II (included Hai Phong city, Vinh, Hue, Da Nang, Bien Hoa, Can Tho) and Ha Long city, Nha Trang, Vung Tau.
3. The minimum wage is not under 35USD per month (thirty five USD per month) is applied to enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organization, international organizations located in rest of provinces or enterprises employing a large number of simple labourers in branches: agricultural forestry, aquaproducts raising.
4. The minimum wage are from 30USD per month (thirty USD per month) to 35USD per month (thirty five per month) is applied to some enterprises located in arears of special difficulty, or with infrastructure, employing a large number of employees, have been having difficulty products and after sending the approval and receiving the permission by the MLWSA.

The minimum wage can not be paid to professionals or technicians who have been trained. These laborers shall be paid according to wage scale, wage brackets made in Circular No. 11/LĐTBXH-TT dated 3 May, 1995 of the MLWSA guiding the implementation of Decree No. 197.CP of the Government concerning the wages of Vietnamese labourer in enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organizations, international organizations in Vietnam.

Article 2. This Decision shall be implemented from 1 July, 1996.

For the labour contracts were signed which are still valid, shall be adjusted the minimum wage according to this Decision.

All the previous regulations which contrary to this Decisions are now annulled.

Article 3. The Chairmen of People's Committee of provinces and cities under central Government, the enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organizations, international organizations employing Vietnamese labourer shall implement this Decision.

MINISTER OF MLWSA
TRAN DINH HOAN

**21. CÔNG VĂN SỐ 986/LĐTBXH-TL NGÀY
3-4-1996 CỦA BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Về việc đính chính Quyết định số 385/LĐTBXH-QĐ**

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
các cơ quan trực thuộc Chính phủ.
Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương.

Do sai sót trong việc in ấn, nay Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đính chính lại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 385/LĐTBXH-QĐ ngày 1-4-1996 về mức lương tối thiểu đối với người lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam như sau:

"3. Mức lương tối thiểu không thấp hơn 35 USD/tháng (ba mươi lăm đôla Mỹ/tháng) áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế đóng trên địa bàn các tỉnh còn lại hoặc các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động giản đơn thuộc các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản".

TL/BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Chánh văn phòng
LÊ VĂN NHẢ

21. OFFICIAL LETTER
No. 986/LDTBXH-TL DATED 3 APRIL, 1996 OF
THE MINISTRY OF LABOUR, WAR INVALID
AND SOCIO AFFAIRS
On amendment to Decision
No. 385/LDTBXH-QD.

To. Ministries, Ministerial level agencies, Agencies under the Government, People's Committee of the Provinces, Cities under Central Authority.

Because there is mistake made by printing, the Ministry of Labour, War Invalid and Socio Affairs amends clause 3 Article 1 of Decision No. 385/LDTBXH-QD dated 1 April 1996 on minimum wage of Vietnamese labourer working in enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organisations, international organisations in Vietnam as follow:

"3. The minimum wage is not under 35 USD per month (thirty five USD per month) is applied to enterprises with foreign invested capital and foreign offices, organisations, international organisations located in the rest of provinces or enterprises employing a large number of simple labourers in branches: agriculture, forestry, aquaproducts raising".

FOR MINISTER OF MLWSA
DIRECTOR OF THE OFFICE
LE VAN NHA

22. NGHỊ ĐỊNH SỐ 58-CP NGÀY 3-10-1996 CỦA CHÍNH PHỦ

**Về cấp giấy phép lao động cho người
nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp,
tổ chức ở Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh
và Xã hội,*

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải có giấy
phép lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 133 và khoản

2 Điều 184 của Bộ luật lao động là người không có quốc tịch Việt Nam theo Luật Quốc tịch Việt Nam.

2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam cũng phải có giấy phép lao động theo quy định của Nghị định này.

Điều 2. Doanh nghiệp, tổ chức (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động) được sử dụng lao động là người nước ngoài bao gồm những đơn vị được thành lập theo pháp luật và có tư cách pháp nhân sau đây:

1. Doanh nghiệp Nhà nước;
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp;
3. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác;
4. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế;
5. Các tổ chức kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan hành chính nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội khác.

Điều 3. Nghị định này không áp dụng đối với:

1. Người nước ngoài làm việc cho các cơ quan hành chính Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội của Việt Nam, cho cá nhân người Việt Nam;
2. Người nước ngoài là thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), phó giám đốc (phó tổng giám đốc) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
3. Người nước ngoài làm việc cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các Văn phòng đại diện

các tổ chức kinh tế, văn hóa, thông tin, giáo dục và khoa học của nước ngoài tại Việt Nam;

4. Người nước ngoài được người sử dụng lao động quy định tại Điều 2 của Nghị định này thuê để xử lý khó khăn trong những trường hợp khẩn cấp;

5. Người nước ngoài định cư tại Việt Nam, học sinh, sinh viên nước ngoài đang học tại Việt Nam.

Điều 4. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải tuân theo pháp luật lao động Việt Nam và được pháp luật lao động Việt Nam bảo vệ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC TUYỂN, CẤP GIẤY PHÉP CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM

Điều 5.

1. Người sử dụng lao động được tuyển dụng người nước ngoài làm việc khi có công việc đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao hoặc công việc quản lý mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, đồng thời phải có kế hoạch đào tạo người Việt Nam thay thế người nước ngoài.

2. Thời hạn sử dụng lao động là người nước ngoài tối đa không quá 3 năm.

Điều 6. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài cần sử dụng lao động là người nước ngoài phải giải trình rõ nhu cầu này trong dự án đầu tư và phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư chấp thuận khi

xét duyệt dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu cần tuyển thêm lao động là người nước ngoài thì phải giải trình nhu cầu với cơ quan đã xét duyệt dự án và được cơ quan này chấp thuận bằng văn bản.

Điều 7.

1. Doanh nghiệp, tổ chức trong nước cần sử dụng lao động là người nước ngoài phải làm đơn xin tuyển (trong đó giải trình rõ nhu cầu, nguồn trả lương và dự kiến mức lương, kế hoạch, thời hạn đào tạo, bồi dưỡng người Việt Nam thay thế) và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định sau:

Đối với Tổng công ty Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước có Hội đồng quản trị, đơn phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đối với doanh nghiệp Nhà nước khác, đơn phải được sự chấp thuận của Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp;

Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các tổ chức kinh tế tập thể, đơn phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, các tổ chức kinh doanh, dịch vụ trực thuộc cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các đoàn thể nhân dân hoặc tổ chức chính trị xã hội khác, đơn phải được sự chấp thuận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đã ra quyết định thành lập.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin tuyển lao động là người nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho tuyển người nước ngoài.

Điều 8. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đủ 18 tuổi trở lên;

2. Có trình độ chuyên môn, tay nghề và sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

3. Không có tiền án, tiền sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật Việt Nam, không có tiền án tiền sự về tội hình sự khác hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt, chưa được xóa án theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

Điều 9. Người nước ngoài vào làm việc ở Việt Nam phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nội vụ xác nhận đủ điều kiện quy định tại điểm 3 Điều 8 của Nghị định này.

Điều 10. Người sử dụng lao động tuyển dụng người Việt Nam định cư ở nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Nghị định này thì được đăng ký trực tiếp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để được cấp giấy phép, không phải qua các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt như quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này.

Điều 11.

1. Sau khi tuyển và ký kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải gửi ba bộ hồ sơ tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xin cấp giấy phép lao động. Mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Các giấy tờ của người sử dụng lao động:

Đơn xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định;

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép tuyển

người nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động của người sử dụng lao động.

b) Các giấy tờ của người nước ngoài gồm:

Đơn xin cấp giấy phép lao động tại Việt Nam theo mẫu do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định;

Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động;

Bản sao chứng chỉ về trình độ chuyên môn, tay nghề;

Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ quan y tế của Việt Nam hoặc của nước mà người đó là công dân, hoặc nước mà người đó cư trú cuối cùng nếu là người không có quốc tịch;

Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân, hoặc nước mà người đó cư trú cuối cùng nếu là người không có quốc tịch;

Ba ảnh 3x4.

2. Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này được lập và chứng nhận ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt; bản dịch, bản sao phải được cơ quan công chứng Nhà nước của Việt Nam chứng nhận.

Điều 12.

1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phải phối hợp với cơ quan hữu quan xem xét và trả lời cho đương sự. Trong trường hợp không cấp giấy phép phải nói rõ lý do.

2. Lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam với thời hạn từ 3 tháng trở lên thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép lao động. Bộ có thể ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có đủ điều kiện.

3. Lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam với thời hạn dưới 3 tháng thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép.

Điều 13.

1. Giấy phép lao động được cấp theo thời hạn của hợp đồng lao động đã ký kết.

2. Trường hợp cần thiết, người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng lao động đã ký kết nhưng chỉ được gia hạn thêm 1 lần, thời gian gia hạn không dài hơn thời hạn của hợp đồng lao động đã ký kết và tổng số thời hạn, kể cả gia hạn, không quá 3 năm. Trong trường hợp này người sử dụng lao động phải làm đơn xin gia hạn giấy phép lao động, kèm theo bản giải trình, bản sao hợp đồng lao động đã gia hạn và giấy phép lao động đã được cấp gửi cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chậm nhất là 30 ngày, trước ngày hợp đồng lao động cũ hết hạn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phải trả lời cho đương sự về việc gia hạn giấy phép lao động.

3. Người nước ngoài làm việc có thời hạn dưới 3 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này nếu có nhu cầu gia hạn hợp đồng lao động thì cũng tuân theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 14. Giấy phép lao động hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

1. Giấy phép lao động hết thời hạn;
2. Hợp đồng lao động chấm dứt trước thời hạn;
3. Giấy phép lao động bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi do vi phạm pháp luật Việt Nam;
4. Doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động chấm dứt hoạt động do giải thể, phá sản, bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh, giấy phép kinh doanh hết thời hạn, hoặc chủ doanh nghiệp rút giấy phép kinh doanh;
5. Hiệp định hợp tác lao động hợp đồng đầu tư hết hiệu lực.

Điều 15. Người được cấp giấy phép lao động phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định mức lệ phí, việc thu và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức, cá nhân nào có hành vi vi phạm những quy định của Bộ luật lao động và Nghị định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và thống nhất quản lý giấy phép lao động.

Điều 18. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Bãi bỏ quy định về việc cấp thẻ lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định 233-HĐBT ngày 22-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và các quy định khác trái với Nghị định này.

Điều 19. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, người sử dụng lao động và người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này nếu chưa có giấy phép lao động (trừ những người đã được cấp thẻ lao động trước ngày ban hành Nghị định này mà thẻ lao động chưa hết thời hạn) phải làm thủ tục cấp giấy phép lao động theo quy định của Nghị định này.

Điều 20. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 21. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**22. DECREE No. 58-CP DATED
3 OCTOBER, 1996 OF THE GOVERNMENT**

**On issuing a labour permit to foreigner
working in enterprise, organisation in Vietnam**

THE GOVERNMENT

*Pursuant to the Law on organisation of the Government
dated 30 September, 1992.*

Pursuant to the Labour Code dated 30 June, 1994

*At the proposal of the Minister of Labour, War - Invalid
and Social Affairs,*

DECREE:

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1.

1. Foreign working in Vietnam must have a labour permit as established in clause 1 Article 133 and clause 2 Article 184 of the Labour Code. Foreigners are those people without

Vietnamese nationality as defined by Law on Vietnamese nationality.

2. Overseas Vietnamese working for organisations and enterprises in Vietnam must also have a labour permit as established in this Decree.

Article 2. Organisations and enterprises (hereafter referred to as employers) allowed to hire foreign labourers shall include lawfully - established entities having the following types of legal standing:

1. State enterprises;
2. Enterprises with foreign capital and enterprises in export processing zones and industrial zones;
3. Enterprises in non-State sector;
4. Self-supported State entities;
5. Business and service organisations of State administrative offices, the armed forces, people's associations, and other political and social organisations.

Article 3. This Decree shall not apply to:

1. Foreigners working for State administrative offices, Vietnamese political and social organisations and Vietnamese individuals;
2. Foreigners who are members of the Board of Directors, who are directors (or general directors) and who are assistant directors (or assistant general directors) of enterprises with foreign capital in Vietnam.
3. Foreigners working for diplomatic offices, consular offices, representative offices of international organisations, non-governmental organisations and representative offices

of foreign economic, cultural, media, educational and scientific organisations in Vietnam.

4. Foreigners who have been hired by employers as established in Article 2 of this Decree in order to resolve difficulties arising in emergency situations;

5. Foreigners permanently residing in Vietnam and foreign students studying in Vietnam.

Article 4. Foreigners working in Vietnam must comply with the Vietnamese labour law and are protected by Vietnamese labour law, excepting cases where international agreements signed by Vietnam or to which Vietnam is otherwise party have other provisions.

CHAPTER II

REQUIREMENTS AND PROCEDURES FOR THE RECRUITMENT OF AND GRANTING OF LABOUR PERMITS TO FOREIGNERS WORKING IN VIETNAM

Article 5.

1. Employers may hire foreigners when they have a demand for expertise in high technology or management which Vietnamese labourers can not yet meet. However, employers using foreign labourers under such conditions must have a plan to train Vietnamese labourers who will replace the foreigners.

2. The maximum period for which an employer may use a foreigner shall not exceed three years.

Article 6. Enterprises with direct foreign investment which need to hire foreign labourers must explain clearly

their need in the preliminary investment plan and must obtain the consent of the authorised offices granting the investment licence when the plan is evaluated. If, in the process of implementing the plan, the need arises to hire further foreign labourers, the need must be explained clearly to the office evaluating the project and the hiring must be authorised in an document.

Article 7.

1. Domestic enterprises and organisations which need to hire foreign labourers must submit a formal request (consisting of a clear explanation of their need, proof of resources to pay the salary of foreign labourers and as estimate of the salary, and a plan by which a Vietnamese labourer will be trained to replace the foreigner, including a timetable for the training) and receive an official document consenting to the hire from the authorised office according to the following regulations:

For State companies and enterprises with a Board of Directors, the chairman of the Board must approve the request;

For other State enterprises, the request must be approved by the chief of the office which established the enterprise;

For non-State enterprises and co-operative economic organisations, the request must be approved by the relevant provincial or city People's Committee;

For self-supported State entities and business and service organisations belonging directly to State offices, the armed forces, people's associations, and other political and social organisations, the request must be approved by the chief

of the office or organisation which decided to establish said office or organisation;

2. Within ten days of receipt of the request to hire a foreign labourer, the authorised office must reply with their consent or refusal to consent to the hire.

Article 8. Foreigners working in Vietnam must meet the following requirements:

1. At least 18 years of age;

2. Have specialised knowledge or skills and an appropriate level of health to satisfy the demands of the work as established in Article 5 of this Decree;

3. Not have had a previous sentence, conviction, or police punishment for violation of national security or other criminal offence as established by Vietnamese law and not in the process of being accused or sentenced for a criminal offence, yet not pardoned according to the provisions of Vietnamese and foreign law.

Article 9. Foreigners entering Vietnam for purposes of labour must be certified by the authorised office of the Ministry of the Interior as meeting the requirements established in clause 3 Article 8 of this Decree.

Article 10. Employers recruiting overseas Vietnamese who meet the requirements listed in Article 8 of this Decree shall register directly with the Ministry of labour, War Invalids and Social Affairs to be issued a labour permit. They shall not be required to receive the labour permit through the authorised evaluating offices as established in Article 6 and 7 of this Decree.

Article 11.

1. After recruiting and signing a labour contract with

the labourer, the employer must submit three files to the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs to be issued a labour permit. Each file shall consist of:

a) Documents belonging to the employer:

A request for a labour permit for a foreign labourer written according to the form prescribed by the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs;

Documents of the offices authorised to recruit foreigners, with the exceptions established in Article 10 of this Decree.

A copy of the employer's license to establish and operate an organisation.

b) Documents of the foreigner, including:

A request for a labour permit for a foreign labourer written according to the form prescribed by the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs; A copy of the labour contract signed between the labourer and the employer;

A copy of the labourer's certification of specialised knowledge and skill;

A form certifying the health of the foreigner issued by a Vietnamese health office or a health office of the country in which the foreigner is a citizen, or if the labourer is person without nationality, a health office of the country in which the labourer last resided.

A curriculum vitae of the labourer certified by an authorised state office of the country in which the foreigner is a citizen, or, if the labourer is a person without nationality, of the country in which the labourer last resided.

Three photographs of size 3x4 cm.

2. The documents specified in clause 1 of this Article which were collected and certified abroad must be legalised by a consular office and translated into Vietnamese; translations and copies must be certified by a Vietnamese notary public.

Article 12.

1. Within 45 days of the receipt of adequate legal documentation, the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs shall co-operate with relevant offices to evaluate and respond to the applicant. In the event that the request is denied, the reason shall be given clearly.

2. Foreign labourers working in Vietnam for three months or more shall have their labour permits issued by the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs. The Ministry may delegate power to grant the permit to a qualified Department of Labour, War Invalids and Social Affairs.

3. For foreign labourers working in Vietnam for less than three months, the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs shall delegate power to grant the permit to a provincial or central city Department of Labour, War Invalids and Social Affairs.

Article 13.

1. The labour permit shall be issued according to the time period established by the labourer's labour contract.

2. When necessary, the employer and the labourer may agree to extend the time period of the labour contract. However, the contract may only be extended once, and the period of the extension shall not allow the total period of labour, including the extension period, to exceed three years.

In such cases the employer must submit a request seeking to extend the labour permit along with an explanation, a copy of the extended labour contract, and the original labour permit to the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs at least 30 days before the old labour contract expires.

Within 15 days of receipt of this documentation, the Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs shall reply to the applicant regarding the extension of the labour permit.

3. Foreign labourers working for less than three months as established in clause 3 Article 12 of the Decree who need to extend their labour contract shall follow the provisions established in clause 2 of this Article.

Article 14. The labour shall cease to be valid in the following circumstances:

1. The labour permit expires;
2. The labour contract is terminated before the mandated date of expiration;
3. The labour permit is withdrawn by an authorised State office because of violation of Vietnamese law;
4. The employing enterprise or organisation terminates operation because of closure or bankruptcy, has its business permit withdrawn by an authorised State office, has its business permit expiry, or has its business permit withdrawn by the director of the enterprise.
5. Expiry of labour treaty or investment contract.

Article 15. The person to whom a labour permit is granted shall submit a monetary fee as established by law.

The Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs

and the Ministry of Finance shall stipulate the amount, method of receipt, and use of the fee.

CHAPTER III

IMPLEMENTATION

Article 16. Organisations and individuals in violation of the provisions of the Labour Code and this Decree shall, in proportion to the seriousness of their violation, be prosecuted and disciplined, fined, or accused of criminal charges in accordance with the law.

Article 17. The Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs shall issue and have sole administration of labour permit.

Article 18. This Decree shall come into force from the date of signing.

This Decree shall replace regulations regarding the issuance of labour cards to foreigners working for enterprises with foreign capital established in the labour regulations for enterprises with foreign capital issued with Decree 233/HDBT on June 22, 1990 by the Council of Ministers (here the Government) and all other regulations in conflict with this Decree.

Article 19. If, within 6 months of this Decree's coming into force, employers and foreign labourers working in Vietnam for entities to which this Decree applies still do not have labour permits (except for those people who have been issued yet unexpired labour cards before the date of this Decree's issuance) must apply for labour permits in accordance with the provisions of this Decree.

Article 20. The Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs shall cooperate with relevant Ministries and branches of the Government to lead the implementation of this Decree.

Article 21. The Ministers, the Chiefs of offices acting in place of the Ministry, Governmental offices, the presidents of provincial and central city People's Committees shall be responsible for implementing this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
VICE PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

**23. THÔNG TƯ SỐ 09-LĐTBXH/TT
NGÀY 18-3-1997 CỦA BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**Hướng dẫn thực hiện việc cấp giấy phép lao
động cho người nước ngoài làm việc tại các
doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 58-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam, căn cứ Điều 51 của Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 của Chính phủ quy định chi tiết Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. *Đối tượng áp dụng việc cấp giấy phép lao động theo Nghị định 58-CP* là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là lao động nước ngoài) làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam sau đây:

- a) Doanh nghiệp Nhà nước;
- b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm:

doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài; doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài; doanh nghiệp Việt Nam hợp tác kinh doanh với nước ngoài trên cơ sở hợp đồng; doanh nghiệp đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao; công ty thực hiện dự án xây dựng - chuyển giao - kinh doanh hoặc dự án xây dựng - chuyển giao theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu chế xuất, khu công nghiệp; nhà thầu (thầu chính, thầu phụ), công ty nước ngoài được thuê để quản lý, thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo được thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

c) Ngân hàng liên doanh với nước ngoài, chi nhánh ngân hàng liên doanh với nước ngoài; công ty liên doanh bảo hiểm hoặc công ty liên doanh môi giới bảo hiểm; chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

d) Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã có tư cách pháp nhân;

đ) Các đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế;

e) Các tổ chức kinh doanh phục vụ thuộc cơ quan hành chính Nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội khác.

2. Đối tượng không áp dụng việc cấp giấy phép lao động theo Nghị định 58-CP:

a) Lao động nước ngoài làm việc cho các cơ quan Nhà

nước, các tổ chức chính trị - xã hội của Việt Nam, cho cá nhân người Việt Nam;

b) Lao động nước ngoài là thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm cả các Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng liên doanh với nước ngoài, Công ty Bảo hiểm, liên doanh Bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Lao động nước ngoài làm việc cho các cơ quan ngoại giao; cơ quan lãnh sự; cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ của nước ngoài; các văn phòng đại diện cho các tổ chức quốc tế, văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học của nước ngoài; chi nhánh công ty của nước ngoài; công ty dịch vụ của nước ngoài; luật sư quản lý, điều hành chi nhánh và các luật sư của các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, và người được thuê để giúp việc gia đình cho nhân viên của các cơ quan đó;

d) Lao động nước ngoài được người sử dụng lao động thuê để xử lý khó khăn trong trường hợp khẩn cấp (trường hợp khẩn cấp là những sự cố, tình huống kỹ thuật công nghệ phức tạp xảy ra do các nguyên nhân khách quan, chủ quan làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh mà các chuyên gia của Việt Nam hoặc chuyên gia nước ngoài tại Việt Nam không thể xử lý được); lao động nước ngoài làm việc theo hình thức chuyển giao công nghệ cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam;

đ) Lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài nhận thầu các công trình tại Việt Nam, lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế của Việt Nam ở ngoài lãnh thổ Việt Nam;

e) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam đầu tư vào Việt Nam theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước; lao động nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam, học sinh, sinh viên nước ngoài đang học tại Việt Nam.

II. THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép lao động

Người sử dụng lao động phải làm 3 bộ hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, mỗi bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ quy định tại điểm a, b dưới đây:

a) Các giấy tờ của người sử dụng lao động:

- Đơn xin cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài (theo mẫu số 1);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận cho tuyển lao động nước ngoài (theo mẫu số 2) quy định tại Điều 7 của Nghị định 58-CP (trừ trường hợp tuyển người Việt Nam định cư ở nước ngoài quy định tại Điều 10 của Nghị định 58-CP và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tuyển lao động nước ngoài theo Điều 51 của Nghị định 12-CP ngày 12-2-1997 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam);

- Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép cho đặt chi nhánh tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp có chứng nhận của cơ quan công chứng Nhà nước Việt Nam;

b) Các giấy tờ của lao động nước ngoài:

- Đơn xin cấp giấy phép lao động tại Việt Nam (theo mẫu số 3);

- Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động có chứng nhận của cơ quan công chứng Nhà nước Việt Nam, hợp đồng lao động được ký kết theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ấn hành;

- Bản sao chứng chỉ về trình độ chuyên môn tay nghề của lao động nước ngoài. Chứng chỉ về trình độ chuyên môn tay nghề là bằng tốt nghiệp trường đại học, cao đẳng, trường chuyên nghiệp, giấy chứng nhận về tay nghề của lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp theo quy định của pháp luật nước đó; đối với lao động nước ngoài là các nghệ nhân, làm các công việc có tính chất truyền thống nếu không có chứng chỉ thì phải có chứng nhận của công ty cử sang Việt Nam làm việc;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện từ cấp tỉnh trở lên của Việt Nam hoặc bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài Việt Nam cấp. Nếu chứng nhận sức khỏe được cấp ở nước ngoài thì theo quy định của nước sở tại;

- Sơ yếu lý lịch của lao động nước ngoài có dán ảnh (theo mẫu số 4). Việc xác nhận sơ yếu lý lịch được quy định như sau: đối với người do các Công ty mẹ cử sang làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì sơ yếu lý lịch của người lao động nước ngoài do công ty mẹ xác nhận; đối với người do doanh nghiệp tự tuyển thì sơ yếu lý lịch do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước mà người đó là công dân hoặc cư trú cuối cùng xác nhận; trường hợp pháp luật của nước đó không quy định về việc xác nhận sơ yếu lý lịch thì người lao động phải ghi rõ;

Các giấy tờ của lao động nước ngoài gồm: bản sao chứng chỉ về trình độ chuyên môn tay nghề, giấy chứng nhận sức khỏe (nếu được cấp ở nước ngoài), sơ yếu lý lịch của người nước ngoài nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt Nam và có chứng nhận của cơ quan công chứng Nhà nước Việt Nam; nếu đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo Thông tư 1413-NG/TT ngày 31-7-1994 của Bộ Ngoại giao về thể lệ hợp pháp hóa lãnh sự thì không phải sao dịch và chứng nhận của cơ quan công chứng Nhà nước Việt Nam.

2. *Người sử dụng lao động* lưu một bộ hồ sơ tại đơn vị, nộp hai bộ hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi có trụ sở chính của người sử dụng lao động để xin cấp giấy phép lao động.

3. *Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ*, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phân loại hồ sơ và thực hiện quy định sau:

a) Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép có thời hạn dưới 3 tháng và những trường hợp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền bằng văn bản thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với công an cùng cấp theo quy định của Bộ Nội vụ, xem xét việc cấp hay không cấp giấy phép lao động trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp không cấp giấy phép lao động thì trả lời bằng văn bản cho người sử dụng lao động, trong đó nói rõ lý do;

b) Đối với những hồ sơ xin cấp giấy phép có thời hạn từ 3 tháng trở lên (trừ những trường hợp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền), thì trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Công văn chuyển một bộ hồ sơ tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Bộ Lao động-

Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét việc cấp giấy hay không cấp giấy phép lao động trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản cho người sử dụng lao động, trong đó nói rõ lý do.

4. *Việc cấp giấy phép lao động* thực hiện theo mẫu thống nhất do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phát hành theo Quyết định số 178-LĐTBXH/QĐ ngày 18 tháng 3 năm 1997 về việc in, phát hành và quản lý giấy phép lao động cấp cho người nước ngoài. Giấy phép lao động được cấp theo thời hạn của hợp đồng lao động đã được ký kết, trong đó nói rõ thời điểm bắt đầu có hiệu lực và thời điểm hết hiệu lực.

Người sử dụng lao động và lao động nước ngoài thỏa thuận gia hạn hợp đồng theo khoản 2 Điều 13 Nghị định 58-CP thì người sử dụng lao động phải làm ba bộ hồ sơ, mỗi bộ gồm:

- Đơn xin gia hạn giấy phép lao động (theo mẫu số 5), trong đó giải trình rõ việc thực hiện kế hoạch đào tạo người Việt Nam thay thế;
- Bản sao hợp đồng lao động đã gia hạn;
- Giấy phép lao động đã được cấp.

Người sử dụng lao động lưu một bộ và gửi hai bộ tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đã cấp giấy phép lao động cũ chậm nhất là 30 ngày, trước ngày giấy phép lao động hết hạn. Việc xem xét gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép lao động được thực hiện theo quy định tại Điểm 3 Mục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Lao động nước ngoài phải nộp lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các doanh nghiệp quy định tại điểm 1.b, c Mục I của Thông tư này có nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài), các doanh nghiệp, tổ chức khác có nhu cầu sử dụng lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ phải làm hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, không phải xin phép và có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư cho phép tuyển.

2. Người sử dụng lao động đang sử dụng lao động nước ngoài tại Việt Nam chưa có giấy phép lao động, thẻ lao động trong thời hạn 5 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động theo quy định của Nghị định 58-CP và Thông tư này.

Lao động nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam đã được cấp thẻ lao động hoặc giấy phép lao động có thời hạn dưới 3 năm thì tiếp tục được sử dụng cho đến hết thời hạn.

Trường hợp thẻ, giấy phép lao động được cấp có thời hạn trên 3 năm mà thời hạn hiệu lực còn 2 năm nữa kể từ ngày 3-10-1996 hoặc không xác định thời hạn hiệu lực thì người sử dụng lao động và người lao động phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại nghị định 58-CP, Thông tư này và sự ủy quyền bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

theo dõi quản lý lao động nước ngoài làm việc tại địa phương; hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. *Thông tư này có hiệu lực* sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết.

BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRẦN ĐÌNH HOAN

TÊN CÔNG TY

Mẫu số 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng... năm 199

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội
tỉnh, thành phố:....

Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép kinh doanh số:

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Được sự chấp thuận của:

Tại Công văn số:..... V/v xin tuyển người nước ngoài.

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố... cấp giấy phép lao động cho người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh công việc	Thời hạn làm việc
1				
2				
3				
4				
5				
6				

Lý do phải tuyển lao động nước ngoài (phân giải trình này áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tuyển lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài).....

.....

.....

Tổng Giám đốc, Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm 199

Kính gửi: Công ty.....

- Căn cứ Nghị định số 58/CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ về việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam, theo Thông tư số.../LĐTBXH-TT ngày tháng... năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam;

- Xét đơn xin tuyển người nước ngoài của Công ty.....

Bộ: UBND tỉnh, thành phố, Hội đồng quản trị Tổng Công ty ⁽¹⁾.....

1. Chấp thuận cho Công ty.....

Được tuyển ⁽²⁾..... người nước ngoài để làm những công việc sau đây:

a) thời hạn:..... năm

b) thời hạn:..... năm

c) thời hạn:..... năm

2. Công ty phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Bộ, UBND, Hội đồng quản trị ⁽³⁾.....

Ghi chú:

1,2: Gạch những chỗ không cần thiết.

3: Ghi rõ số lượng cho phép tuyển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.... ngày... tháng... năm 199

ĐƠN XIN PHÉP CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
tỉnh, thành phố....

1. Họ và tên:..... 2. Nam, nữ.....
full name *sex*

3. Ngày, tháng, năm sinh..... 4. Nơi sinh.....
Date of birth *place of birth*

5. Quốc tịch:.....
Nationnality

6. Hộ chiếu số:..... 7. Ngày cấp:.....
Number passport *Date*

8. Cơ quan cấp:
issued by

9. Trình độ văn hóa:.....
Education level

10. Trình độ chuyên môn tay nghề:
Froffesional qualification

11. Sau khi tìm hiểu pháp luật lao động của Việt Nam
và hoạt động của doanh nghiệp, Tổ chức

Having studied the labour legislation of Vietnam and operation of the enterprise (organisation)

.....
Tôi đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp.....

I have catered in to an emplyment contract with

.....
với thời hạn từ..... đến ngày.....

For the duration from..... to.....

12. Nay làm đơn này để nghị Bộ LĐTBXH (Sở LĐTBXH) cấp giấy phép lao động cho tôi để được làm việc cho

Now I submit this application to the MOLISA, (DELISA) for a work permit at

.....
.....
13. Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam. Nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xin gửi tới quý cơ quan lời chào trân trọng.

I promise to obey fully the law of Vietnam and will bear all responsibility for any vioiation.

Người làm đơn

(Ký tên)

Signature of Applicant

Ảnh 3x4

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Curriculum vitae (for foreigner)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
Full name
2. Giới tính:
Sex
3. Ngày, tháng, năm sinh:
Date of birth
4. Tình trạng hôn nhân:
Marital status:
5. Quốc tịch gốc:
Nationality of origin
6. Quốc tịch hiện tại:
Present nationality
7. Nghề nghiệp hiện tại:
Present profession
8. Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:
Last or present work place

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO
Training Background

.....
.....
.....

III. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA BẢN THÂN (KỂ CẢ Ở VIỆT NAM)

Employment Records.

9. Đã làm việc ở nước ngoài:

Employment in

.....

.....

.....

.....

10. Đã làm việc ở Việt Nam:

Employment in Vietnam

.....

.....

.....

IV. LÝ LỊCH VỀ TU PHÁP

Legal Status

11. Có vi phạm pháp luật Việt Nam lần nào chưa?

Have you ever violated the Vietnamese law?

.....

12. Có vi phạm pháp luật nước ngoài lần nào chưa? Mức độ vi phạm?

Have you ever violated law of any other country? Level of violation

.....

13. Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm.

I certify that these statements are true to the best of my knowledge and will be responsible for their correctness.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Cơ quan địa phương hoặc của doanh nghiệp cử sang làm việc)¹
(Certified by authorized agency)

Ngày... tháng... năm 1997
Người khai ký tên
(Signature)

Ghi chú:

1. Trường hợp pháp luật nước sở tại không quy định về việc xác nhận lý lịch thi điểm này không phải ghi.

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ngày...tháng... năm 199

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
 - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
 Tỉnh, Thành phố.

Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Xin gia hạn giấy phép cho những người có tên sau đây.

Số TT	Họ tên	Quốc tịch	Chức danh công việc đang làm	Giấy phép số	Thời hạn của giấy phép	Thời gian gia hạn
1						
2						
3						
4						
5						
6						

Lý do xin gia hạn giấy phép

.....

Tổng giám đốc, giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

**23. CIRCULAR No.09-LDTBXH/TT DATED
18 MARCH, 1997 OF THE MINISTRY
OF LABOUR, WAR INVALIDS AND
SOCIAL AFFAIRS**

**Providing guidance for the granting of work
permits to foreigners working at enterprises
and organizations in Vietnam**

Pursuant to Decree No.58-CP of October 3, 1996 of the Government on the granting of work permits to foreigners working at enterprises and organizations in Vietnam; Pursuant to Article 51 of Decree No.12-CP of February 18, 1997 of the Government detailing the Law on Foreign Investment in Vietnam, the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs provides the following guidances:

I. SCOPE OF REGULATION

1. Persons eligible for work permits as defined in Decree No. 58-CP are foreigners and overseas Vietnamese (hereafter referred to as foreign workers) working for the following enterprises and organizations in Vietnam:

- a) State enterprises;
- b) Foreign invested enterprises, including: enterprises

with 100% of foreign capital; joint venture enterprises; Vietnamese enterprises operating under business cooperation contracts with foreign partners; enterprises with investment in building-operation-transfer (BOT) projects; companies implementing BOT projects or BT (building-transfer) projects in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam; foreign invested enterprises in export processing zones and industrial parks; contractors and sub-contractors, foreign companies hired to manage and/or implement foreign investment projects in Vietnam; medical, educational and training establishments set up and operating in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam;

c) Foreign joint venture banks, branches of foreign joint venture banks; joint venture insurance companies or joint venture insurance brokerage companies; branches of foreign lawyers' organizations allowed to operate in Vietnam;

d) Enterprises of other economic sectors, including: private enterprises, limited liability companies, stock companies and cooperatives with legal person status;

e) Economic cost-profit accounting non-business units;

f) Business and service organizations of State administrative agencies, armed forces units, mass organizations and other socio-political organizations.

2. The following persons are not eligible for work permits under Decree No.58-CP.

a) Foreign laborers working for State agencies, or socio-political organizations of Vietnam or Vietnamese individuals;

b) Foreign laborers who are members of the Managing

Boards, General Directors and Deputy General Directors of foreign invested enterprises, including foreign joint venture banks and their branches, insurance companies and joint venture insurance companies with foreign invested capital.

c) Foreign laborers working for diplomatic missions; consulates; representative offices of International organizations and foreign non-governmental organizations; representative offices of foreign economic, cultural, information, educational and scientific organizations; branches of foreign companies; foreign service companies; managing or executive lawyers of branches and lawyers of branches of foreign lawyers' organizations in Vietnam, and people hired to do housework for staff members of those agencies;

d) Foreign laborers hired by the employer to solve difficulties in emergency cases (complicated technical and technological incidents and/or situations occurring for objective or subjective reasons, affecting or threatening to affect production and business which cannot be handled by Vietnamese or foreign specialists in Vietnam); foreign laborers working in the form of technology transfer for agencies and organizations in Vietnam;

e) Foreign laborers working at foreign enterprises and/or economic organizations that are contractors performing projects in Vietnam; foreign laborers working for Vietnamese enterprises and economic organizations outside Vietnamese territory;

f) Overseas Vietnamese and foreigners permanently residing in Vietnam who invest in Vietnam under the Law on the Promotion of Domestic Investment; foreign laborers

permanently residing in Vietnam, foreign pupils and students studying in Vietnam.

II. PROCEDURES FOR GRANTING WORK PERMITS TO FOREIGN LABORERS

1. Dossier of application for work permits.

The employer shall have to make three dossiers of application for work permits, each shall include documents prescribed in the following points a and b:

a) Documents of the employer:

- An application for work permits to foreign laborers;
- A document issued by the competent Vietnamese agency approving the recruitment of foreign laborers as stipulated in Article 7 of Decree No. 58-CP (except in case of the recruitment of overseas Vietnamese stipulated in Article 10 of Decree No.58-CP and the recruitment of foreign laborers by foreign invested enterprises in accordance with Article 51 of Decree No.12-CP of February 12, 1997 of the Government detailing the implementation of the Law on Foreign Investment in Vietnam);
- A copy of the establishment and operating licenses or the permit for the opening of a branch in Vietnam, granted by the competent Vietnamese agency and notarized by a Vietnamese State Notary Public;

b) Documents of the foreign laborer:

- An application for a permit to work in Vietnam;
- A copy of the labor contract signed with the employer and notarized by a Vietnamese State Notary Public; the labor contract must be signed according to the form

prescribed by the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs;

- A copy of the certificate of professional qualification and skill of the foreign laborer. Such certificate may be a diploma granted by a university, college or vocational school or a certificate of professional skill of the foreign laborer granted by the competent agency of his/her country in accordance with the provisions of law of that country; with regard to foreign laborers who are artisans in traditional crafts, they must be certified by the company that has sent them to work in Vietnam if they have no certificates;

- A health certificate issued by a provincial or higher-level hospital of Vietnam or a Vietnamese medical establishment with foreign invested capital. If the certificate is issued by a foreign country, it must comply with the regulations of that country;

- A curriculum vitae of the foreign laborer stuck with his/her photos. The certification of the curriculum vitae is prescribed as follows; regarding a laborer sent by his/her "parent" company to work in a foreign invested enterprise in Vietnam, his/her curriculum vitae shall be certified by that "parent" company; regarding a laborer recruited by the enterprise itself, his/her curriculum vitae shall be certified by a competent agency of the country where he/she is a citizen or the country where he/she last resided; in cases where that country's law does not prescribe the certification of curriculum vitae, the laborer must make a clear declaration;

The documents of a foreign laborer include: a copy of the certificate of his/her professional qualification and skill, a health certificate (if it is issued in a foreign country),

his/her curriculum vitae which, if made in a foreign language, must be translated into Vietnamese and notarized by a Vietnamese State Notary Public; if it has already been legalized by a consulate in accordance with Circular No.1413/NG-TT of July 31, 1994 of the Ministry for Foreign Affairs stipulating the procedure for consular legalization, it shall not have to be duplicated, translated and certified by the Vietnamese State Notary Public.

2. The employer shall keep a dossier at his/her establishment and submit the two others to the provincial/municipal Labor, War Invalids and Social Affairs Service of the locality where the establishment's head office is located to apply for work permits.

3. After receiving full and valid dossiers, the provincial/municipal Labor, War Invalids and Social Affairs Service shall classify the dossiers and comply with the following provisions:

a) With regard to dossiers of application for work permits with a term of less than 3 months and to cases mandated in writing by the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs, the provincial/municipal Labor, War Invalids and Social Affairs Service together with the Police of the same level shall, basing themselves on the regulations of the Ministry of the Interior, consider the granting of work permits within 45 days after receiving the dossiers; in cases where work permits are not granted, they must reply in writing to the employer, stating the reasons therefore;

b) With regard to dossiers of application for work permits with a term of 3 months or more (except for cases mandated by the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs), within 5 days after receiving the dossiers, the

provincial/municipal Labor, War Invalids and Social Affairs Service shall send a dossier together with an official dispatch to the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs which shall coordinate with the Ministry of the Interior to consider the granting of work permits within 40 days from the date of receiving the dossier; in cases where labor permits are not granted, the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs shall reply in writing to the employer, stating the reasons therefore.

4. The granting of work permits shall comply with the unifies form issued by the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in Decision No.178/LDTBXH-QD of March 18, 1997 on the printing, issue and management of work permits granted to foreigners. Work permits shall be granted according to the terms of the signed labor contracts, which must clearly state the effective date and expiry date.

In cases where the employer and the foreign laborer agree to extend the contract term in accordance with Item 2, Article 13 of Decree No.58-CP, the employer shall have to make three dossiers, each of which includes;

- An application for the extension of the work permit which must also report on the implementation of the plan for the training of Vietnamese substitutes;
- A copy of the extended labor contract;
- The work permit already granted.

The employer shall keep a dossier and send the two others to the provincial/municipal Labor, War Invalids and Social Affairs Service which has granted the old work permit at least 30 days before the expiry of the old work permit. The consideration of the extension of the work permit shall

comply with provisions of Point 3 of this Section within 15 days after receiving the full valid dossier.

5. Foreign laborers shall have to pay permit fee in accordance with the regulations of the Ministry of Finance.

III. ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION

1. Enterprises defined in points 1.b, c, Section I of this Circular which want to employ foreign laborers (including overseas Vietnamese) and other enterprises and organizations which want to employ overseas Vietnamese laborers shall only have to make a dossier of application for work permits and shall not have to obtain permission for labor recruitment from the agency competent to grant investment licenses.

2. An employer using foreign laborers in Vietnam who has not yet got work permits or labor cards shall, within 5 months from the effective date of this Circular, fill procedures to apply for work permits in accordance with Decree No.58-CP and this Circular.

Foreign laborers working in Vietnam who have been granted labor cards or work permits with a term of less than 3 years are entitled to use those cards or permits till their expiry.

In cases where labor cards or work permits have a term of more than 3 years, which are still valid for two more years from October 3, 1996 or their effective duration has not been determined, the employer and the laborers shall have to fill procedures to apply for work permits.

3. The Head of the Labor, War Invalids and Social Affairs Service of the province or city directly under the Central Government shall grant work permits to foreign laborers

according to his/her competence stipulated in Decree No.58-CP, in this Circular and in the written mandate from the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs; supervise and manage foreign laborers in the locality; annually sum up and report the situation to the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs.

4. This Circular takes effect 15 days after its signing.

In the course of implementation, if any problem arises, it must be promptly reported to the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs for settlement.

*The Minister of Labor, War Invalids
and Social Affairs*

TRAN DINH HOAN

Name of Company
.....

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Date....

**APPLICATION FOR WORK PERMITS
TO FOREIGN LABORERS***To: The Ministry of Labor, War Invalids
and Social Affairs (MOLISA)**The Department of Labor, War Invalids
and Social Affairs (DOLISA)*

Company.....

Address:

Tel:.....

Business License:

Issued by:..... date:.....

Scope of activity:.....

Approved by:

By Document No:..... on recruitment of foreign
laborers.Requesting the MOLISA, DOLISA.... to issue working
permit to following persons:

No	Name	Nationality	Position	Working duration
1				
2				
3				
4				
5				

The reasons for recruiting foreign laborers (in case of enterprise with foreign invested capital and the laborer is overseas Vietnamese)....

General Director, Director
(sign and seal)

Name of Office, Organisation THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 Independence - Freedom - Happiness

No:

Date....

To: Name of Company.....

- Pursuant to Decree No. 58/CP dated 3 October, 1996 of the Government on the granting of work permits to foreigners working at enterprises and organizations in Vietnam; Pursuant to Circular No.../LDTBXH-TT dated... of the MOLISA providing guidance for the granting of work permits to foreigners working at enterprises and organizations in Vietnam.

Consideration of application for recruiting foreigner of Company...

Ministry, People Committee of province/city,
 Management Board of Corporation (1)...

1. Approval to Company...

Having the rights to recruit (2)... foreigner in order to do following works:

a/.... duration:.... years

b/.... duration:... years

c/.... duration:..... years

2. Company has to complete the procedure for work permit to foreigner under the law

Ministry, Management Board (3)

.....

Note:

1.2 Ignore if space is not necessary

3. List the number for recruiting

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Date...

APPLICATION FOR WORK PERMIT

To: The Ministry of Labour-War Invalids-Social Affairs
 The Department of Labour-War Invalids-Social Affairs

1. Full name..... 2. Sex.....
 3. Date of birth..... 4. Place of birth
 5. Nationality
 6. Number of passport..... 7. Date
 8. Issued by
 9. Educational level.....
 10. Professional qualification.....
 11. Having studied the labour legislation of Vietnam and
operation of the enterprise (organization)....
- I have entered into an employment contract with...
 for the duration from... to...
12. Now I submit this application to the MOLISA
 (DELISA) for a work permit at...
13. I promiss to obey fully the law of Vietnam and will
 bear all responsibility for any violation.

Signature of applicant

Photo 3x4

CURRICULUM VITAE (FOR FOREIGNER)

I. CURRICULUM VITAE

1. Full name
2. Sex
3. Dated of birth
4. Marital status
5. Nationality of origin
6. Present nationality
7. Present profession
8. Last or present work place

II. TRAINING BACKGROUND

.....

.....

.....

III. EMPLOYMENT RECORDS

9. Employment is foreign country
10. Employment in Vietnam

IV. LEGAL STATUS

11. Have you ever violated the Vietnamese law?
12. Have you ever violated law of any other country?
Level of violation
13. I certify that these statements are true to the best

of my knowledge and will be responsibility for their
correctness

Certified by authorized agency

Signature

Name of Company

Form 5
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Date...

APPLICATION FOR EXTENSION OF WORK PERMIT

To: MOLISA

DOLISA

Company

Address

Tel.....

Scope of activity:.....

Requesting extension for work permit to following persons:

No	Name	Nationality	Position	Permit No	Permit duration	Extension
1						
2						
3						
4						
5						
6						

The reasons for extension

General Director, Director
(sign, seal)

24. NGHỊ ĐỊNH SỐ 40-CP
NGÀY 19-5-1994 CỦA CHÍNH PHỦ
Ban hành quy chế đặt Văn phòng đại diện
doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài

CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

- Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động kinh tế thương mại với các bạn hàng ở nước ngoài;

- Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính

phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ

K.T THỦ TƯỚNG

Phó thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ

Đặt văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài

(Ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP
ngày 19 tháng 5 năm 1994)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt ngành nghề kinh doanh và cấp quản lý nếu có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này đều được xét cho phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 2. Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) là bộ phận của doanh nghiệp, thay mặt doanh nghiệp thực hiện các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng ở nước ngoài.

Điều 3. Văn phòng đại diện không thuộc bộ máy tổ chức của cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, nhưng phải chịu sự quản lý hành chính

Nhà nước của Cơ quan Đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đặt Văn phòng đại diện (dưới đây gọi tắt là nước tiếp nhận).

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, thu hồi hoặc huỷ bỏ giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài và tổ chức quản lý, kiểm tra, hoạt động của các Văn phòng đại diện theo Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 5. Điều kiện để doanh nghiệp được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

1. Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo đúng pháp luật.

2. Doanh nghiệp có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện để thực hiện quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng ở nước tiếp nhận.

3. Doanh nghiệp có nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Văn phòng đại diện.

Điều 6. Những doanh nghiệp có đủ điều kiện tại Điều 5 của Quy chế này nhưng xét thấy việc đặt riêng Văn phòng đại diện không có hiệu quả thì có thể thỏa thuận với nhau để đề nghị Bộ Thương mại cho đặt một Văn phòng đại diện chung cho nhiều doanh nghiệp ở nước ngoài. Cơ quan và viên chức, nhân viên Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài không được

thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng đại diện dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 7. Giám đốc doanh nghiệp có Văn phòng đại diện ở nước ngoài quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi người phụ trách và nhân viên Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài phù hợp với những quy định của Nhà nước về việc cử cán bộ đi công tác có thời hạn ở nước ngoài. Trường hợp cần thiết, Văn phòng đại diện có thể tuyển dụng hoặc thuê nhân viên giúp việc là người nước ngoài theo điều kiện do hai bên thỏa thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

Điều 8. Hồ sơ xin đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài gửi Bộ Thương mại gồm có:

1. Văn bản đề nghị của Giám đốc doanh nghiệp ghi rõ mục đích, yêu cầu, nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thời gian và địa điểm... đặt Văn phòng đại diện.

2. Bản sao có công chứng giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các văn bản chứng minh doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 2 và 3, Điều 5 của Quy chế này. Đối với doanh nghiệp Nhà nước, ngoài các văn bản nêu trên còn phải nộp thêm văn bản của cơ quan thành lập doanh nghiệp (Bộ hoặc uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố) chấp thuận cho doanh nghiệp đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 9. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại phải có văn bản trả lời doanh nghiệp về việc cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp được đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 10. Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Bộ Thương mại cấp giấy phép, doanh nghiệp phải hoàn thành việc đặt Văn phòng đại diện và có văn bản báo cáo Bộ Thương mại biết. Quá thời hạn này, nếu doanh nghiệp không đặt được Văn phòng đại diện và không được Bộ Thương mại gia hạn thêm (tối đa là 6 tháng) thì Bộ Thương mại phải thu hồi giấy phép.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện:

1. Đại diện quyền lợi của doanh nghiệp và làm đầu mối giao dịch về các quan hệ kinh tế, thương mại với các bạn hàng hữu quan ở nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận.

2. Thực hiện công tác tiếp thị (marketing), đề xuất và thực hiện các biện pháp thúc đẩy và mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại giữa doanh nghiệp với các bạn hàng hữu quan ở nước ngoài.

3. Tham gia đàm phán, ký kết các hợp đồng thương mại, dịch vụ với các bạn hàng hữu quan nếu được Giám đốc doanh nghiệp uỷ quyền và phù hợp pháp luật của nước tiếp nhận.

4. Theo dõi, đôn đốc thực hiện các hợp đồng thương mại và dịch vụ đã ký kết.

5. Thực hiện những công tác khác có liên quan đến

nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do Giám đốc doanh nghiệp giao.

6. Báo cáo tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) và kiến nghị biện pháp giải quyết những vấn đề tồn tại hoặc mới phát sinh với Giám đốc doanh nghiệp và cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước tiếp nhận.

Điều 12. Văn phòng đại diện, người phụ trách và các nhân viên của Văn phòng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán của nước tiếp nhận và pháp luật, tập quán quốc tế.

Điều 13. Người phụ trách và các nhân viên Văn phòng đại diện chịu sự quản lý hành chính Nhà nước và sự chỉ đạo về mặt chính trị, đối ngoại của Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước tiếp nhận; đồng thời chịu sự quản lý nhân sự và chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Giám đốc doanh nghiệp ở trong nước.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc doanh nghiệp có Văn phòng đại diện:

1. Quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi người phụ trách và nhân viên Văn phòng đại diện.

3. Trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Văn phòng đại diện.

4. Thường xuyên liên hệ, trao đổi, phối hợp với người đứng đầu Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nhằm đảm bảo quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Văn phòng đại diện, của người phụ trách và các nhân viên trong Văn phòng theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 15. Trụ sở, phương tiện làm việc và kinh phí hoạt động của Văn phòng đại diện do doanh nghiệp tự lo liệu trên nguyên tắc tiết kiệm và có hiệu quả. Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, việc cấp kinh phí và quản lý chi tiêu cho Văn phòng đại diện phải phù hợp với tiêu chuẩn, chế độ hiện hành do Bộ Tài chính quy định.

Điều 16. Định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu đột xuất, Giám đốc doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo Bộ Thương mại về tình hình hoạt động và những vấn đề có liên quan đến hoạt động của các Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài.

CHƯƠNG IV

HỦY BỎ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Văn phòng đại diện bị huỷ bỏ trong các trường hợp sau:

1. Theo đề nghị của Giám đốc doanh nghiệp và được Bộ trưởng Bộ Thương mại chấp thuận.

2. Doanh nghiệp bị phá sản, giải thể.

3. Văn phòng đại diện vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật của nước tiếp nhận bị cơ quan có thẩm quyền cấm hoạt động. Trong các trường hợp nói trên, Bộ Thương mại phải có quyết định bằng văn bản thông báo cho doanh nghiệp 15 ngày trước khi huỷ bỏ Văn phòng đại diện.

Điều 18. Người phụ trách và nhân viên Văn phòng đại diện vi phạm pháp luật và các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý triệu hồi về nước, kỷ luật hành chính, bồi thường thiệt hại vật chất và truy cứu trách nhiệm hình sự.

Giám đốc doanh nghiệp quyết định xử lý đối với người phụ trách và nhân viên Văn phòng đại diện của doanh nghiệp; Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định xử lý đối với Văn phòng đại diện vi phạm Quy chế, đồng thời kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với doanh nghiệp có Văn phòng đại diện và nhân viên trong Văn phòng vi phạm pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Các doanh nghiệp đã đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài trước ngày ban hành Quy chế này đều phải làm hồ sơ mới theo hướng dẫn của Bộ Thương mại để được cấp lại giấy phép. Thời hạn để chuyển đổi giấy phép mới là 60 ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

Sau thời hạn quy định trên, nếu doanh nghiệp có đại diện ở nước ngoài mà không làm thủ tục chuyển đổi giấy phép thì coi là hoạt động không hợp pháp và sẽ bị xử lý theo quy định tại chương IV quy chế này.

Điều 20. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chế này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

**24. DECREE No.40-CP DATED 19 MAY,
1994 OF THE GOVERNMENT**

**On promulgating the Regulation to establish
representative offices of Vietnamese
enterprise in foreign countries**

THE GOVERNMENT

- Pursuant to the Law on the Organization of the Government dated 30th September, 1992.

- To facilitate the Vietnamese enterprises to expand the economic and trading activities with the customers abroad.

- On the proposal of the Minister of Trade.

DECREES:

Article 1. To promulgate accompanying this Decree, the Regulation to establish representative office of Vietnamese enterprise in foreign country.

Article 2. This Decree comes into force from the date of signing. All the previous regulations country.

Article 3. Minister of Trade and other Minister, Heads of organs at ministerial level, Heads of Departments under

the Government and Chairmen of the People's Committees of provinces, cities under the Central Government shall be responsible for the implementation of this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

**REGULATION
ON ESTABLISHING REPRESENTATIVE
OFFICE OF VIETNAMESE ENTERPRISE
IN FOREIGN COUNTRY**

(Promulgate in conjunction with the Decree
No.40/CP dated 19 May,1994)

CHAPTER I

GENERAL REGULATION

Article 1. Vietnamese enterprises belonging to all economic sectors, regardless of professions, trades and control levels, if having sufficient conditions defined in this regulation, can be considered and approved to establish representative office in foreign country.

Article 2. Representative office of Vietnam enterprise in foreign country (hereinafter shortly called Rep. Office) is a part of enterprise which on behalf of the enterprise, implements the economic and commercial relation with the customers abroad.

Article 3. Rep. Office does not belong to the organization structures of the representative organ of the Socialist

Republic of Vietnam in foreign country, but it shall be controlled in respect of State administration by the representative organ in the country where the Rep. Office is accepted (hereinafter call accepting country).

Article 4. Minister of Trade shall be responsible for the consideration and approval, extension or cancel of the Licence to establish Rep. Office and organising the management, control of the activities of Rep Offices according to this Regulation.

CHAPTER II

CONDITIONS AND PROCEDURE ON GRANTING THE LICENCE TO ESTABLISH REP OFFICE

Article 5. Conditions for an enterprise to have the Rep. Office establishment licence granted:

1. The enterprise shall be established and registered to operate pursuant the Law;
2. The enterprise shall have demand to establish Rep. Office in order to realize the economic and commercial relations with the customers in the accepting country;
3. The enterprise shall have the expenditure source sufficient to ensure the operation of Rep. Office.

Article 6. The enterprises, which have the conditions as specified in Article 5 of this regulation but finding that the establishment of Separate Rep. Office is not efficient, can mutually agree to propose the Ministry of Trade to permit to establish a Rep. Office for many enterprises in foreign country. The organs and officials of representative organ of

the Socialist Republic of Vietnam in foreign country shall not implement any duty in any form of the Rep. Office

Article 7. Director of the enterprise having Rep. Office abroad shall decide the appointment, suspension, recall of the manager and employees of the Rep Office in accordance with the State regulations on appointing officers abroad on time limit business.

In necessary case, Rep. Office can recrui assistant who are foreigners in the condition agreed by the two sides in accordance with the Law of Vietnam and of the Local Law.

Article 8. Application file for the Licence to establish Rep. Office to be sent to the Ministry of Trade includes:

1. Written proposal of the Director of enterprise where the aims, requirements and Contents of the Rep. Office activities, time and location ... to establish the Rep. Office shall be clearly written.

2. Copy with notary attestation of the establishment Licence, enterprise operation registered certificate according to the axisting regulation of the Law.

3. Documents proving that the enterprise meets the conditions specified in item 2 and 3, Article 5 of this regulation. For the State - owned enterprises, besides the above - mentioned document, they shall present, in addition, a document of the organ, that established the enterprise (Ministry or People's Committee of province, city) approving the enterprise to establish the Rep. Office abroad.

Article 9. During the time Limit of 20 days counting from the date when the legal and sufficien file is presented. Ministry of Trade shall have the document of answer

concerning whether or not to permit the enterprise to establish the Rep. Office.

Article 10. During the time limit of 6 months, counting from the date when the Ministry of Trade grants the Licence, the enterprise shall complete the establishment of Rep. Office and have the report presented to the Ministry of Trade. After this time limit, if the enterprise can not establish the Rep. Office and the Ministry of Trade does not extend the Licence validity (maximum extension is 6 months) for the enterprise, the Minister of Trade shall take back the Licence.

CHAPTER III

TASK AND POWER OF REP. OFFICE AND THE ENTERPRISE HAVING REP. OFFICE

Article 11. Task and power of Rep. Office:

1. Represents the interests of the enterprise and is the business clue for economic and commercial relations with the concerned customers abroad in the scope of Vietnamese Laws and local laws.

2. Realizes the marketing activities, proposes and implements the measures to expand the economic and commercial relations between the enterprise and the concerned customers abroad.

3. Participates in the negotiations, signs the commercial and service agreements with the concerned customers if it is entrusted by the Director of enterprise and if agrees with the Law of the accepting country.

4. Supervises and speeds up the implementation of the signed commercial and service agreements.

5. Implements other official businesses relating to the production - business tasks of the enterprise, which is delegated by the Director of enterprise.

6. Reports the activities situation of Rep. Office periodically (every month, quarter, year) or suddenly (when required) and proposes the solving solution for the existing or newly arisen problems to the Director or enterprise and the representative organ of Vietnam in the accepting country.

Article 12. Rep. Office, manager and employees of Rep. Office shall observe the Law of Vietnam, respect the Law, customs and habits of the accepting country and the international Laws and habits.

Article 13. The manager and employees of Rep. Office shall accept the administration and leadership in term of politics and foreign affairs of the representative organ of the Socialist Republic of Vietnam (SRV) in the accepting country: Concurrently, they shall accept the personnel management and professional guidance of Director of the domestic enterprise.

Article 14. Task and power of the Director of enterprise having the Rep. Office.

The Director shall:

1. Manage, guide and be responsible for all activities of Rep. Office.

2. Decide the appointment, suspension and recall of the manager and employees of Rep. Office.

3. Directly supply concrete guidance in respect of profession and specialty of Rep. Office.

4. Regularly contact, advise and combine with the head of representative organ of SRV in foreign country in order to ensure the management, guidance, supervision of the Rep. Office activities and of the manager, employees in it according to the regulation in Article 13 of this Regulation.

Article 15. Head office, working facilities and operating expenditure of Rep. Office shall be arranged by the enterprise - self in the principle of economization and efficiency. For the State owned enterprise, the expenditure granting and managing for Rep. Office shall meet the existing standards and regulations specified by the Ministry of Finance.

Article 16. Periodically every year and when any requirement coming out, the Director of enterprise shall have a document to report the activities situation and other related activities of Rep. Offices of the enterprise in the foreign countries.

CHAPTER IV

REP. OFFICE CANCELING AND BREAK TREATMENT

Article 17. Rep. Office shall be canceled in the following cases:

1. According to the proposal of the Director of enterprise and it is accepted by the Ministry of Trade.

2. The enterprise goes bankrupt and is disbanded.

3. The Rep. Office violates the Vietnamese Law or the

law of the accepting country and is forbidden to operate by the authorities. In the above mentioned cases, the Ministry of Trade shall issue a written decision informing the enterprise 15 days before the date of canceling the Rep. Office.

Article 18. The manager and employees of Rep. Office breaking the law and the regulations hereto shall be treated depending on the breaking extent by: recalling home, administrative punishment, material damages compensation and investigation of criminal responsibility.

The Director of enterprise shall decide the treatment measure for the manager and employees of Rep. Office of the enterprise; the Minister of Trade shall decide the treatment for the Rep. Office that breaks the regulation and concurrently propose the treatment for the enterprise having Rep. Office and the employees in it which break the law, to the State authorities.

CHAPTER V

IMPLEMENTING PROVISIONS

Article 19. All the enterprises, which had already established the Rep. Office before the date of promulgating this Regulation, shall make new licence application file according to the guidance of the Ministry of Trade in order to be regranted the licence. The time limit for applying new licence is 60 days from the date when this Regulation comes into force.

After the above specified time, it shall be considered to

be illegal operation and shall be treated according to the Chapter IV of the Regulation hereto.

Article 20. This Regulation comes into force from the date of promulgating. All the previous regulations contrary to this Regulation shall be abrogated.

Ministry of Trade shall be responsible for the interpretation, guidance and inspection in the implementing of this Regulation.

FOR THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

25. NGHỊ ĐỊNH SỐ 09 - CP
NGÀY 21 - 1 1995 CỦA CHÍNH PHỦ
Bổ sung quy chế đặt Văn phòng đại diện
doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban
hành kèm theo Nghị định số 40 - CP
Ngày 19 - 5 - 1994

CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước ngày 23 tháng 5 năm 1990;
- Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Điều 4 Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo nghị định số 40 - CP ngày 19 tháng 5 năm 1994 của Chính phủ thêm 1 khoản (khoản 2) như sau:

1. (Giữ nguyên như cũ)...
2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm xét

cấp, gia hạn, thu hồi hoặc huỷ bỏ giấy phép đặt Văn phòng Đại diện các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức quản lý, kiểm tra hoạt động của các văn phòng này.

Điều 2. Căn cứ Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo nghị định số 40-CP ngày 19 tháng 5 năm 1994 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế kèm theo Nghị định số 40 -CP và điểm bổ sung tại Nghị định này để áp dụng đối với các Văn phòng Đại diện của tổ chức tín dụng và Ngân hàng Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

**25.DECREE No.09-CP DATED 21
JANUARY, 1995 OF THE GOVERNMENT**
**Providing addition to the Regulations on the
establishment of representative offices of
Vietnamese businesses in foreign countries
promulgated in attachment to Decree
No. 40-CP dated 19 May, 1994**

THE GOVERNMENT

- *Pursuant to the Law on the Government organization dated 30 September, 1992.*
- *Pursuant to the Ordinance on the State Bank dated 23 May, 1990.*
- *At the request of the Governor of the State Bank.*

DECIDES

Article 1. To add to Article 4 of the Regulation on the establishment of representative offices of Vietnamese businesses in foreign countries promulgated in attachment to the Decree No. 40/CP dated 19 May, 1994 of the Government, an item (item 2) as follows:

1. (not changed)...

2. The Governor of the State Bank shall be responsible to consider, grant, extend, withdraw or revoke the licence to establish representative office of Vietnam's banks and credit organizations in foreign countries and organize the management, inspection of those offices operations.

Article 2. Pursuant to the regulations on the establishment of representative offices of Vietnamese businesses in foreign countries Government, the State Bank shall coordinate with the Ministry of Trade on providing guidance for the implementation of the regulations attached to the Decree No. 40-CP and additional item in this Decree so as to apply to representative offices of Vietnam's banks and credit organizations in foreign countries.

Article 3. This Decree shall come into effect from the signing date. Previous stipulations contrary to this Decree shall be revoked.

Article 4. The Governor of the State Bank, the Minister of Trade, Ministries, heads of Ministry ranking agencies, heads of agencies under the Government, Chairmen of the People's Committees of provinces, cities under central authority shall be responsible to implement this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

26. THÔNG TU SỐ 10-TM/PC NGÀY 4-8-1994 CỦA BỘ THƯƠNG MẠI

**Hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt Văn phòng
đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài**

Thực hiện Điều 20 Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ và sau khi đã trao đổi ý kiến với các cơ quan có liên quan và được Chính phủ thông qua (văn bản số 3921/QHQT ngày 16-7-1994), Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế để thi hành thống nhất như sau:

1. Về đối tượng được xét cho phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài

Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt ngành nghề kinh doanh và cấp quản lý, nếu có đủ điều kiện quy định tại Quy chế đều có thể đề nghị xét cho phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài. Cụ thể, các doanh nghiệp Việt Nam nói trên bao gồm:

1.1. Doanh nghiệp Nhà nước;

1.2. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật công ty (Công ty Cổ phần và Công ty Trách nhiệm hữu hạn);

1.3. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp tư nhân;

1.4. Doanh nghiệp được thành lập theo loại hình hợp tác xã;

1.5. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Về các điều kiện để doanh nghiệp được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài

Các doanh nghiệp nói tại điểm 1 của Thông tư này muốn được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế, cụ thể là:

2.1. Doanh nghiệp đã có giấy phép thành lập của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đã đăng ký hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

2.2. Doanh nghiệp có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện để thực hiện công tác tiếp thị, thực hiện các hợp đồng thương mại, dịch vụ và/ hoặc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với các bạn hàng ở nước tiếp nhận;

2.3. Doanh nghiệp có nguồn kinh phí hợp pháp để thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc và bảo đảm cho hoạt động bình thường của Văn phòng đại diện ở nước tiếp nhận.

3. Về việc đặt Văn phòng đại diện chung cho nhiều doanh nghiệp và việc thuê người ở nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện

3.1. Trong trường hợp hai hay nhiều doanh nghiệp đủ điều kiện quy định, nhưng các doanh nghiệp này xét thấy việc đặt Văn phòng đại diện riêng cho một doanh nghiệp của mình sẽ ít hiệu quả, bởi chi phí lớn, thì các doanh

ng nghiệp đó có thể cùng thoả thuận (bằng văn bản) về việc đặt một Văn phòng đại diện chung ở nước ngoài và giao trách nhiệm cho một trong các doanh nghiệp nói trên làm thủ tục đề nghị Bộ Thương mại xem xét cấp giấy phép theo quy định;

3.2. Nghiêm cấm các doanh nghiệp trong nước yêu cầu cơ quan và / hoặc thuê viên chức, nhân viên Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 11 Quy chế dưới bất cứ hình thức nào;

3.3. Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài gồm có người phụ trách (Trưởng Văn phòng đại diện) và các nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện.

3.3.1. Người phụ trách (Trưởng Văn phòng đại diện) phải là người có quốc tịch Việt Nam và thuộc biên chế tổ chức của doanh nghiệp ở trong nước.

3.3.2. Các nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện, doanh nghiệp có thể thuê người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo những điều kiện do hai bên thoả thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

3.3.3. Trường hợp cá biệt do khối lượng công việc của Văn phòng đại diện chưa phát triển, doanh nghiệp có thể chưa cử người phụ trách (Trưởng Văn phòng đại diện) mà chỉ thuê nhân viên theo quy định tại điểm 3.3.2 của Thông tư này để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 11 Quy chế. Trong trường hợp đó, giám đốc doanh

ngành thực hiện chức năng của Trường Văn phòng đại diện.

4. Về trình tự xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài:

4.1. Doanh nghiệp Việt Nam muốn đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài phải gửi hồ sơ theo quý định tại Điều 8 Quy chế đến Bộ Thương mại. Hồ sơ gồm:

4.1.1. Văn bản đề nghị của Giám đốc doanh nghiệp về việc đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài, (nội dung theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này).

4.1.2. Bản sao có công chứng giấy phép thành lập doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4.1.3. Các văn bản chứng minh về sự cần thiết phải có Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài như: các văn bản thoả thuận hoặc yêu cầu về việc thực hiện công tác tiếp thị (nếu có); các hợp đồng thương mại, dịch vụ và / hoặc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật mà doanh nghiệp có yêu cầu triển khai thực hiện với các bạn hàng ở nước tiếp nhận.

4.1.4. Văn bản giải trình của doanh nghiệp về nguồn kinh phí hợp pháp để bảo đảm cho hoạt động bình thường của Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Riêng đối với các doanh nghiệp Nhà nước, trong hồ sơ gửi đến Bộ Thương mại, ngoài các văn bản nêu trên còn phải nộp thêm văn bản của cơ quan thành lập doanh nghiệp (Bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) chấp thuận cho doanh nghiệp đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

4.2. Khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của doanh nghiệp, trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, Bộ Thương mại

quyết định cấp giấy phép (mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc không cấp giấy phép cho doanh nghiệp đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Thương mại có văn bản trả lời doanh nghiệp và nói rõ lý do.

4.3. Sau khi có giấy phép của Bộ Thương mại về việc đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài, doanh nghiệp được quyền giao dịch với cơ quan có thẩm quyền ở nước tiếp nhận để giải quyết các thủ tục đặt Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận, và trong thời hạn 6 (sáu) tháng, kể từ ngày Bộ Thương mại cấp giấy phép, doanh nghiệp phải hoàn thành việc đặt Văn phòng đại diện và có văn bản báo cáo Bộ Thương mại biết.

4.4. Sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày Bộ Thương mại cấp giấy phép, nếu doanh nghiệp chưa đặt được Văn phòng đại diện, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo Bộ Thương mại nói rõ lý do chưa đặt được Văn phòng đại diện và đề nghị Bộ Thương mại gia hạn thêm (nếu doanh nghiệp vẫn có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện), hoặc đề nghị Bộ Thương mại thu hồi giấy phép theo quy định.

5. Về thủ tục huỷ bỏ Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài

5.1. Trong các trường hợp Văn phòng đại diện bị huỷ bỏ theo quy định tại Điều 17 Quy chế, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo với Bộ Thương mại nói rõ thực trạng hoạt động của Văn phòng đại diện và kiến nghị biện pháp giải quyết.

5.2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp và / hoặc Bộ Thương mại xem xét theo thẩm quyền, Bộ Thương mại

quyết định việc huỷ bỏ Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài.

5.3. Văn phòng đại diện doanh nghiệp bị huỷ bỏ sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bộ Thương mại ký Quyết định.

6. Quy định về việc thực hiện

6.1. Các doanh nghiệp Việt Nam đã đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài trước ngày ban hành Quy chế và Thông tư hướng dẫn này, nếu có yêu cầu tiếp tục đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện ở nước ngoài, đều phải làm hồ sơ mới theo hướng dẫn tại điểm 4.1 của Thông tư này để được chuyển đổi giấy phép theo quy định tại Điều 19 Quy chế.

6.2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các quy định trước đây của Bộ Thương mại về Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

K.T BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thứ trưởng
MAI VĂN DẦU

Tên doanh nghiệp

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v Đề nghị được

đặt Văn phòng

Đại diện doanh

nghiệp ở nước ngoài.

Ngày tháng năm 199

Kính gửi: BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài và Thông tư số 10 TM/PC ngày 04 tháng 8 năm 1994 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế nói trên.

..... (tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thương mại xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên giao dịch đối ngoại:

- Tên viết tắt:

2. Trụ sở chính đặt tại: (ghi rõ số nhà, đường (phố), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

- Điện thoại:

- Telex:

Fax:

3. Tài khoản số:

Tại Ngân hàng:

4. Họ và tên Giám đốc doanh nghiệp:

5. Loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp được thành lập theo Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân v.v...).

6. Vốn điều lệ:

Trong đó: - Vốn cố định:

- Vốn lưu động:

7. Đề nghị được đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp tại nước (ghi rõ tên nước và tỉnh, thành phố (nếu có).

8. Mục đích đặt Văn phòng đại diện:

9. Nội dung hoạt động chủ yếu của Văn phòng đại diện:

10. Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện là: người, trong đó:

- Số người từ trong nước cử đi: người

- Số người thuê ở nước ngoài: người

- Họ và tên người phụ trách (Trưởng) VPDD.

11. Thời gian dự kiến hoạt động của VPDD ở nước ngoài:

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(ký tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 199

GIẤY PHÉP

Đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

- Căn cứ Nghị định số 95-CP ngày 4-12-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

- Căn cứ Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài và Thông tư số 10 TM/PC ngày 4 tháng 8 năm 1994 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế nói trên;

- Xét hồ sơ xin đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép.....

Tên giao dịch đối ngoại:..... Tên viết tắt:.....

Địa chỉ nơi đóng trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Telex:..... Fax:.....

Số tài khoản:Tại Ngân hàng:.....

được đặt Văn phòng đại diện tại:.....

với tên gọi đầy đủ là:..... "Văn phòng đại diện
(tên doanh nghiệp) tại (dưới đây gọi
tất là Văn phòng đại diện).

Điều 2. Văn phòng Đại diện là một bộ phận của doanh nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như quy định tại Điều 11, chương III Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ.

Điều 3. Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện là: người, trong đó:

- Số người từ trong nước cử đi: người
- Số người thuê ở nước ngoài: người
- Họ và tên người Trưởng Văn phòng đại diện: (nếu có)

Điều 4. Văn phòng đại diện và doanh nghiệp có Văn phòng đại diện phải tuân thủ Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ thương mại và các quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam có liên quan đến việc đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

**26. CIRCULAR No. 10-TM/PC DATED
4 AUGUST, 1994 OF THE MINISTRY
OF TRADE**

**Guiding the implementation of the regulation
on establishing overseas representative offices
of Vietnamese businesses**

In implementing Article 20 of the Regulation of Establishing Overseas Representative Offices of Vietnamese Businesses which is issued in conjunction with Decree No. 40/CP of the 19th of May, 1994 of the Government and upon consulting the concerned agencies and getting the approval of the Government (Note No. 3921 - QHQT of the 16th of July, 1994), the Ministry of Trade now issues detailed provisions on a number of points in the Regulation with a view to unifying the implementation:

1. On the subjects to be considered for licensing:

Vietnamese businesses of all economic sectors irrespective of their business lines and level of management can be considered for permit to establish their representative offices abroad provided that they have the qualifications stipulated in the Regulation. Concretely these businesses include.

1.1. State - owned businesses:

1.2. Businesses which are established in accordance with the Corporate Law (Joint-Stock and Limited Liability Companies).

1.3. Businesses which are established in accordance with the Law on Private Businesses.

1.4. Businesses which are established in the form of cooperatives.

1.5. Businesses which are established in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam.

2. On the qualifications for a business to be permitted to open its overseas representative office:

The businesses stipulated in point I of this Circular which wish to be permitted to open their representative offices abroad must have the qualifications provided for in Article 5 of the Regulation, namely.

2.1. The businesses have got the license for establishment issued by the authorized State agency and have registered their operation in accordance with the current provisions of the Vietnamese law.

2.2. The businesses have the need to open their overseas representative offices to facilitate their marketing, the execution of their contracts in trade, service and/or economic and scientific-technological cooperation with customers in the host countries.

2.3. The businesses have legal financial resources to rent office space, purchase working facilities and equipment and ensure the normal activities of their representative office in the host countries.

3. On the shared representative office for many

businesses and the hiring of locals to work at the representative office.

3.1. In case two or more businesses satisfy the required qualifications but decide that it will be of low efficiency and high costs will incur if they open their own offices separately, they can arrange an agreement (in writing) on sharing a representative office abroad and assign one of them to apply for a permit from the Ministry of Trade.

3.2. Vietnamese businesses are prohibited from requesting overseas representations of the Socialist Republic of Vietnam and or their officials and personnel to perform in any forms the tasks and powers of a business representative office provided for in Article 11 of this Regulation.

3.3. A business representative office of Vietnam shall comprise a person-in-charge (Head of the Representative Office) and its staff.

3.3.1. The person-in-charge (Head of the Representative Office) must be a Vietnamese national and belong to the staff of the business in the home country.

3.3.2. The business may hire foreigners of Vietnamese having settled in a foreign country under terms mutually agreed upon and conforming to the laws of Vietnam and the host country.

3.3.3. In special cases when the workload or the Representative Office is not large yet the business can delay the sending of the person-in-charge (Head of the Representative Office) and only hire a staff with qualifications as stipulated in Point 3.3.2. of this Circular to discharge one or a number of tasks and powers of the

Business Representative Office as provided for in Article 11 of the Regulation. In these cases the Director of the Business shall assume the function of the Head of the Representative Office.

4. On the procedure to acquire permit for setting up an Overseas Representation Office:

4.1 A Vietnamese Office which wishes to open a representative office abroad shall submit a file as required by Article 8 of the Regulation to the Ministry of Trade. The file shall comprise:

4.1.1. An application for establishing an overseas representative office filed by the Director of the Business.

4.1.2. Officially recognized copies of the founding license of the business and its business registration in accordance with current provisions of the Vietnam.

4.1.3. Documents testifying to the need of the business to open a representative Office abroad. They include agreements or requests on marketing (if any); contracts on trade service and or cooperation in economic activities and science and technology which determine the need to carry them out with customers in the host country.

4.1.4. Document of the business detailing the lawful financial resources to ensure the normal activity of its Representative Office abroad.

As for the state-owned businesses. Their application file submitted to the Ministry of Trade shall also include a written approval from their founding agency (either the Ministry or the provincial or municipal People's Committee) allowing them to establish Representative Offices abroad.

4.2. Within 20 (twenty) days from receiving the complete

and lawful file, the Ministry of Trade shall decide whether or not to permit the business to establish its Representative Office abroad. In case the permit is denied, the Ministry of Trade shall make a written reply clearly explaining the reasons for its denial.

4.3. After receiving from the Ministry of Trade the permit to open its Representative Office abroad the business has the right to contact with the authorized agencies at the host country to make arrangements for the opening of its Representative Office in accordance with the law of the host country and within 6 (six) months from the issuance of the permit by the Ministry of Trade, the business has to complete the opening of its Representative Office and report in writing it to the Ministry of Trade.

4.4. After 6 (six) months from the issuance of the permit by the Ministry of Trade, if the business has not opened its Representative Office, its has to report in writing to the Ministry of Trade, clearly explaining the reasons why it cannot and asking the Ministry of Trade to renew the permit (if it still has the wish to open its Representative Office), or the Ministry of Trade shall withdraw the permit in accordance with law.

5. On the procedure to close an Overseas Business Representative Office

5.1. In case a Representative Office is to be closed in accordance with the provision of Article 17 of the Regulation, the business has to report in writing to the Ministry of Trade, clearly explaining the actual state of operation of the Office and proposing measures for solution.

5.2. On the basis of report of the business and or the

assessment of Ministry of Trade within its jurisdiction the Ministry of Trade shall decide to close the Overseas Business Representative Office.

5.3. The Business Representative Office shall be closed after 15 (fifteen) days from the date of the decision of the Ministry of Trade.

6. Implementation provision:

6.1. A Vietnamese business, which had opened its Representative office abroad prior to the issuance of the Regulation and this guiding Circular and which wishes to continue the Representative office, has to file a new application under the guidance of Point 4.1 of this Circular for a change of permit in accordance with the provision of Article 19 of the Regulation.

6.2. This Circular shall take effect as from the date of issuance and shall replace the previous regulations of the Ministry of Trade on the Overseas Representative offices of the Vietnamese Businesses.

FOR THE MINISTER OF TRADE
VICE MINISTER
MAI VAN DAU

Name of enterprise

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

No:

For permission to set up
representative office in
foreign country

Date month year

To: MINISTRY OF TRADE

- Pursuant to the Decree No. 40/CP dated 19 May, 1994 of the Government on promulgating the regulation to set up representative office (R.O) of Vietnamese enterprise in foreign country, and Circular No. 10 TM/PC dated 4 August, 1994 of the Ministry of Trade on guiding for implementation of above regulation.

.....(Name of enterprise) are honoured to apply to your excellency the Ministry of Trade for permission to set up R.O in foreign country under the following descriptions:

1. Name of enterprise:

- International name:

- Short name:

2. Address of the enterprise's headquarters (Number of address, street, district, city)

Telephone:

Telex:

Fax:

3. Account number:

At bank

4. Full name of enterprise's Director.

5. Form of enterprise (state enterprise, enterprise

established under the company law, law on private enterprise...)

6. Charter capital:

- Fixed capital:

- Working capital:

7. To apply to set up R.O in ... (name of country, and province, city, "if any")

8. Aim of setting up R.O

9. Scope of operation of the R.O

10. Number of staff... of which:

- Staff members are from Vietnam:

- Staff members recruited in foreign country:

- Full name of the chief representative:

11. Proposed duration of operation of R.O in foreign country.

DIRECTOR OF ENTERPRISE

(Sign and seal)

MINISTRY OF TRADE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

No: TM/PC

Hanoi, date month year

PERMIT

**Forsetting up of Representative office (R.O) of Vietnamese enterprise
in foreign country**

THE MINISTRY OF TRADE

- Pursuant to the Decree No. 95/CP dated 4 December, 1993 of the Government on functions, tasks, powers and structure Ministry of Trade.

- Pursuant to the Decree No 40/CP dated 19 May, 1994 of the Government on promulgating the regulation to set up R.O of Vietnamese enterprise in foreign country and Circular No 10 TM/PC dated 4 August, 1994 of Ministry of Trade on guiding the above regulation.

- Having considered the application for permission to set up its representative office of...

DECIDE

Article 1. To permit

International name..... Short name.....

Address of the enterprise s' headquarters.....

Telephone..... Telex..... Fax.....

Account number..... at bank

To set up its representative office in.....
With full name is "R.O (name of enterprise) in
..... "hereafter called: R.O"

Article 2. R.O is part of enterprise having tasks, power stipulated at Article 11, chapter III of regulation promulgated in conjunction with Decree No 40/CP dated 19 May, 1994 of the Government.

Article 3. Number of staff working for the R.O... of which:

- Staff members are from Vietnam.
- Staff members recruited in foreign country.
- Full name of the chief R.O (If any)

Article 4. R.O and enterprise having R.O shall abide by the regulation promulgated in conjunction with Decree No. 40/CP dated 19 May, 1994 of the Government, circular of Ministry of Trade and other Laws of Vietnam relating to setting up and operating of R.O of Vietnamese enterprise in foreign country.

Article 5. This Permit shall be valid from the date of signing.

THE MINISTER OF TRADE

**27. THÔNG TƯ SỐ 05/TT - NH5
NGÀY 22-9-1995 CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**Hướng dẫn thực hiện việc đặt Văn phòng
đại diện của tổ chức tín dụng Việt Nam
ở nước ngoài**

Thi hành Điều 2 Nghị định số 09-CP ngày 21-1-1995 của Chính phủ bổ sung Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994: sau khi đã trao đổi ý kiến với Bộ Thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong quy chế áp dụng đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam như sau:

1. Về đối tượng mở Văn phòng đại diện:

Các tổ chức tín dụng được xem xét cho phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài, bao gồm:

- 1.1 Ngân hàng thương mại quốc doanh;
- 1.2. Ngân hàng thương mại cổ phần;
- 1.3. Ngân hàng liên doanh;
- 1.4. Công ty tài chính.

2. Về điều kiện để được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài:

Các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là tổ chức tín dụng) nói tại điểm 1 Thông tư này muốn được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện sau:

2.1. Đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động ít nhất 02 năm, kể từ ngày khai trương hoạt động;

2.2. Có nhu cầu đặt Văn phòng đại diện để tiếp thị tìm kiếm thị trường, thông tin, giới thiệu, quảng cáo với khách hàng về hoạt động kinh doanh của mình;

2.3. Đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoạt động kinh doanh đối ngoại;

2.4. Có tình hình tài chính lành mạnh, kết quả kinh doanh năm trước và tại thời điểm xin đặt Văn phòng đại diện có lãi.

3. Về việc xin đặt Văn phòng đại diện chung cho nhiều tổ chức tín dụng:

3.1. Các tổ chức tín dụng có đủ điều kiện nêu tại điểm 2 trên có thể thoả thuận để cùng đặt chung một Văn phòng đại diện ở nước ngoài.

3.2. Việc xin đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài sẽ do một tổ chức tín dụng làm thủ tục và đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp giấy phép theo quy định.

3.3. Các tổ chức tín dụng tự thoả thuận về kinh phí, tổ chức và hoạt động của Văn phòng đại diện chung.

4. Về nhân sự của Văn phòng đại diện:

4.1. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng Việt Nam

ở nước ngoài là đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, gồm có người phụ trách (Trưởng Văn phòng đại diện) và các nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện.

4.1.1. Trưởng Văn phòng đại diện phải thuộc biên chế của tổ chức tín dụng trong nước.

4.1.2. Văn phòng đại diện có thể thuê nhân viên là người nước ngoài, hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo những điều kiện do hai bên thoả thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận.

4.2. Các tổ chức tín dụng Việt Nam không được thuê viên chức, nhân viên cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

4.3. Văn phòng đại diện, người phụ trách và các nhân viên của Văn phòng đại diện phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán của nước tiếp nhận, pháp luật và tập quán quốc tế.

4.4. Người phụ trách và các nhân viên của Văn phòng đại diện chịu sự quản lý hành chính Nhà nước và sự chỉ đạo chính trị, đối ngoại của cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước tiếp nhận; đồng thời chịu sự quản lý nhân sự và chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng trong nước.

5. Về trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có Văn phòng đại diện ở nước ngoài:

5.1. Quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Văn phòng đại diện ở nước ngoài;

5.2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi người phụ trách Văn phòng đại diện; chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng, cho thôi việc đối với nhân viên Văn phòng đại diện ở nước ngoài;

5.3. Trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

6. Về hồ sơ và thủ tục xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài:

6.1. Hồ sơ xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài (gọi tắt là giấy phép) gồm:

6.1.1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về đặt Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng ở nước ngoài, tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng xin đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài. Tờ trình phải ghi rõ lý do, tên gọi, nhiệm vụ, địa điểm Văn phòng đại diện, khả năng quan hệ với nước ngoài để có thể mở Văn phòng đại diện.

6.1.2. Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) bổ nhiệm Trưởng Văn phòng đại diện. Trường hợp Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm 4.1.3 trên đây thì phải có Nghị quyết Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng chấp thuận.

6.1.3. Lý lịch tóm tắt, văn bằng học lực của Trưởng Văn phòng đại diện.

6.1.4. Bản sao giấy phép thành lập, giấy phép hoạt động, giấy phép đăng ký kinh doanh.

6.2. Thủ tục:

6.2.1. Tổ chức tín dụng Việt Nam muốn đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài phải gửi đầy đủ 03 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm 6.1. của Thông tư này lên Thống đốc

Ngân hàng Nhà nước (thông qua Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính). Đối với Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng liên doanh thì hồ sơ gửi thẳng Ngân hàng Nhà nước Trung ương.

Trường hợp đặt Văn phòng đại diện chung cho nhiều tổ chức tín dụng, thì phải kèm theo hồ sơ của các tổ chức tín dụng thành viên.

6.2.2. Trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thẩm định và trình ý kiến của mình lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, kèm 03 bộ hồ sơ của tổ chức tín dụng.

6.2.3. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Trung ương sẽ thông báo quyết định chấp thuận hay không chấp thuận cho tổ chức tín dụng đặt Văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Trường hợp không chấp thuận sẽ thông báo rõ lý do cho tổ chức tín dụng biết.

7. Về khai trương hoạt động của Văn phòng đại diện:

7.1. Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận, tổ chức tín dụng phải hoàn thành việc đặt Văn phòng đại diện và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7.2. Trường hợp quá hạn nói trên, tổ chức tín dụng chưa hoàn thành việc đặt Văn phòng đại diện, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng phải báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước trình bày rõ lý do, nộp lại giấy phép đặt Văn phòng đại diện hoặc trình xin được gia hạn.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét gia hạn giấy

phép đối với từng trường hợp cụ thể. Thời hạn gia hạn giấy phép không quá 06 tháng.

7.3. Tổ chức tín dụng phải tổ chức khai trương hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định của nước tiếp nhận.

8. Về chế độ báo cáo:

8.1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi thay đổi tên hoặc địa chỉ, hoặc thay đổi Trưởng đại diện của Văn phòng đại diện ở nước ngoài, tổ chức tín dụng phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biết.

8.2. Định kỳ 6 tháng/lần, tổ chức tín dụng phải có báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện lên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8.3. Khi phát sinh vấn đề bất thường, tổ chức tín dụng phải báo cáo bằng Văn bản lên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đề xuất kiến nghị, biện pháp giải quyết.

8.4. Báo cáo của các tổ chức tín dụng nêu tại khoản 1, 2, 1, 4 điểm 1 phải gửi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi đặt trụ sở chính (kèm báo cáo của Trưởng Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng).

8.5. Ngoài ra, tổ chức tín dụng phải thực hiện các loại báo cáo khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

9. Về việc huỷ bỏ hoạt động Văn phòng đại diện của Tổ chức tín dụng Việt Nam ở nước ngoài:

9.1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định huỷ bỏ Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng ở nước ngoài trong những trường hợp sau:

9.1.1. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng.

9.1.2. Tổ chức tín dụng chấm dứt hoạt động.

9.1.3. Vi phạm nghiêm trọng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

9.1.4. Văn phòng đại diện đã hết thời gian hoạt động mà không được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận gia hạn.

9.1.5. Vi phạm pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền của nước đặt Văn phòng đại diện cấm hoạt động.

9.2. Trước 15 ngày khi ra quyết định huỷ bỏ Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng biết.

9.3. Khi nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 9.2, tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận biết, tiến hành xử lý các vướng mắc (nếu có). Tổ chức tín dụng chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh, xử lý tồn đọng của Văn phòng đại diện nước ngoài.

10. Về điều khoản thi hành:

10.1. Các tổ chức tín dụng đã đặt Văn phòng đại diện ở nước ngoài trước đây, trong thời gian tối đa 6 tháng phải làm lại hồ sơ theo hướng dẫn tại điểm 6 nói trên, kèm bản sao giấy phép đặt Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng do phía nước ngoài cấp gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10.2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Thông tư do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CAO SĨ KIỂM**

**27. CIRCULAR No. 05/ TT - NH5
DATED 22 SEPTEMBER, 1995 OF STATE
BANK OF VIETNAM**

**On establishment of representative offices
of Vietnamese credit organizations in
foreign countries.**

In implementation of Article 2 of Decree No. 09/ CP dated 21 January, 1995 of the Government amending regulations on establishment of Vietnamese business representative offices in foreign countries annexed to Decree No. 40/ CP dated 19 May, 1994; after consultation with Ministry of Trade, State Bank of Vietnam gives the following guidance to the application of regulation concerning Vietnamese credit organizations:

1. Eligibilities for establishing representative offices

Credit organizations can be considered eligible for establishing representative offices in foreign countries are:

- 1.1 State commercial banks
- 1.2 Commercial joint- stock banks
- 1.3 Joint- venture companies

1.4. Financial companies.

2. Conditions for permit to establish representative offices in foreign countries:

Vietnamese credit organizations (hereafter called credit organizations) mentioned in Article 1 of this Circular asks for permit to establish representative offices in foreign countries must have the following conditions:

2.1. Permit issued by State Bank of Vietnam for activities at least for two years as from the date of operation.

2.2. Representative office is needed for marketing, looking for market, information, broking advertising for its business.

2.3. Permission granted by the Governor of State Bank of Vietnam for external business activities.

2.4. Sound financial status, profitable business in previous year and at the time of application for permit.

3. Joint representative offices for credit organizations

3.1. Credit organizations accomodating conditions of Article 2 can set up joint representative offices in foreign countries.

3.2. One of the credit organizations shall apply for permit of State Bank of Vietnam to establish such a representative office in foreign countries.

3.3. Credit organizations shall arrange among themselves on expenses, organization and activities of the joint representative office.

4. Personnel of representative office.

4.1. Representative offices of Vietnamese credit organizations in foreign countries are direct subordinates to

credit organizations, consisting of a person in charge (Chief of representative office) and staff of the representative office.

4.1.1. Chief of representative office must be personnel of a credit organization in Vietnam.

4.1.2. Representative office may hire foreign staff of Vietnamese settlers in foreign countries with the terms agreed upon by the two sides and in conformity with Vietnamese law and that of the host country.

4.2. Vietnamese credit organizations shall not hire officials or staff members of the representative office of the Socialist Republic of Vietnam or the office itself in foreign countries to work for or implement the tasks and authority of representative offices of credit organizations in foreign countries.

4.3. Representative offices, their chiefs and staff members shall observe Vietnamese law, respect law and customs of the host country, international law and practice.

4.4. The chief and staff members of representative office are subjected to administrative management of the State and under political and foreign policy guidances of the representative office of the Socialist Republic of Vietnam in the recipient country while under personnel management and professional guidances of the Director General (Director) of the credit organization in Vietnam.

5. Responsibilities and rights of Director General (Director) of credit organization having representative office in foreign country.

5.1. Managing, guiding and being responsible for all activities of representative office in foreign country.

5.2. Appointing, dismissing and recalling the chief of

representative office, recruiting and dismissing staff members of representative office in foreign country.

5.3. Giving direct instruction on professional expertise to representative office of credit organization in foreign country.

6. Application documents and formalities for permit to establish representative office in foreign country

6.1. Application documents for permit to establish representative office in foreign country (here after called permit) consists of:

6.1.1. Decision by Board of Management on establishing representative office in foreign country, application by President of Board of Management of credit organization for establishing representative office. The application notifies the needs title responsibilities, venue and feasibilities of representative office in foreign country.

6.1.2. Decision by Director General (Director) appointing chief of representative office. In case the Director General is at the same time chief of representative office as referred in point 4.1.3 above, there must be approval by Board of Management.

6.1.3. Biography, education certificates of chief of representative office.

6.1.4. Copies of permit for establishment, permit for activities, and permit for business registration.

6.2. Formalities.

6.2.1 Vietnamese credit organizations applying for establishing representative office abroad must submit three complete sets of documents referred in points 6.1. of this

Circular to the Governor of State Bank (through State Bank Branches in province/ city where the credit organization has its head office). For State Commercial Banks and joint-venture banks documents will be sent directly to central State Banks.

In case of joint representative office of several credit organization, documents of those credit organizations must be added.

6.2.2. Within 15 days, from the completion of documents, State Bank Branch must examine and submit its judgement to the Governor of State Bank, together with three sets of documents of the credit organization.

6.2.3. Within 30 days from the reception of documents the Central State Bank shall make known its or non-acceptance of the establishment of such representative office.

In case of non- acceptance, the reasons must be clarified to the concerned credit organization.

7. Opening of Representative office.

7.1. Within 6 months from the acceptance by State Bank of Vietnam, the credit organization must complete the establishment of representative office and send report to State Bank of Vietnam.

7.2. In case of failure to establish representative office within that time- limit, the president of Board of Management must send written report to the State Bank explaining the reasons, send back the permit or requests for the extension of its validity.

The Governor of the State Bank shall consider the

extension of validity of permit case by case, and the extension is no more than 6 months.

7.3. The credit organization shall operate the function of its representative office in conformity with the regulation of the host country.

8. Reporting.

8.1. Credit organizations must report in writing to State Bank of Vietnam any change in title, address, or chief of representative office 15 days at the latest.

8.2. Credit organizations shall submit to State Bank of Vietnam periodical six months report on activities of representative offices.

8.3. In case of complex issue arise credit organizations must report in writing to State Bank of Vietnam and recommend solutions.

8.4. Report of credit organizations in points 1.2 and 1.4 must be sent through State Bank Branches where located the head office (including report of chief of representative office to the credit organization).

8.5 In addition, credit organization must submit other reports as required by State Bank.

9. Cancellation of activities of representative offices in foreign country.

9.1. The Governor of State Bank decide to cancel representative offices of credit organizations in the following cases:

9.1.1. Upon recommendation by the president of Board of Management of the credit organization.

9.1.2. As the credit organization ceases its activities.

9.1.3. Serious violation of regulations of State Bank of Vietnam.

9.1.4. Expiration without extension of activities of representative office by the host country.

9.1.5. Violation of law and cancellation of activities by decision of the host country.

9.2. State Bank of Vietnam shall notify in writing the credit organization 15 days prior to its decision to cancel representative office in foreign country.

9.3. Upon receiving notification of State Bank of Vietnam as mentioned in point 9.2. The credit organization must notify authorities of the host country and handle issue (if any). The credit organization will be responsible for solving remaining issued of the representative office in foreign country.

10. Enforcement clauses.

10.1. Credit organizations having representative offices already established abroad must complete documents referred in point 6 within six months to State Bank of Vietnam including copy of the permit of representative offices granted by foreign country.

10.2. This Circular shall become in force from the date of signing.

10.3. Any modification or amendment shall be made by the Governor of State Bank.

GOVERNOR OF STATE BANK
CAO SI KIEM

28. CÔNG VĂN SỐ 423/CV - VP
NGÀY 8 - 11 - 1995 CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Về việc đính chính, bổ sung nội dung của
Thông tư số 05/TT - NH5

Kính gửi: - BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

- VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
- CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ
- CƠ QUAN TRỰC THUỘC CHÍNH PHỦ
- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
- CÁC VỤ, CỤC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
- CHI NHÁNH NHNN TỈNH, THÀNH PHỐ
- CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Ngày 22 tháng 9 năm 1995, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký ban hành Thông tư số 05/TT-NH5 về việc hướng dẫn thực hiện việc đặt Văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng Việt Nam ở nước ngoài. Do bị sai sót trong khâu in ấn nên văn bản này đã bị thiếu điểm 4.1.3 trong Điều 4, nội dung cụ thể như sau:

"4.1.3. Trường hợp cá biệt, do công việc Văn phòng đại

diện chưa phát triển, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có thể thực hiện chức năng của Trưởng Văn phòng đại diện”.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành thật xin lỗi và xin đính chính bổ sung thêm nội dung trên vào Điều 4 của bản Thông tư hướng dẫn nói trên để các đơn vị liên quan được biết.

TL. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Chánh văn phòng

NGUYỄN ĐOAN HÙNG

28. OFFICIAL LETTER

No. 423/CV - VP DATED 8 NOVEMBER, 1995

OF THE STATE BANK OF VIETNAM

**On amendment and addition to content of
Circular No. 05/TT-NH5**

- To:**
- Economic committee of Central Party
 - Government's Office
 - Ministries and Ministerial-level agencies
 - Agencies under the Government
 - People's Committee of provinces, cities
 - Department under State Bank
 - State Bank's branches at provinces, cities
 - Credit organisations

On 22 September, 1995 the Governor of State Bank has issued the Circular No. 05/TT-NH5 on guiding the implementation of establishment of representatives of Vietnamese credit organisations in foreign countries. There is no point 4.1.3. of Article 4 caused by printing so it fact it is as follows:

"4.1.3. in the specific case, the representative offices's

business is not developed, the General Director (Director) of credit organisation may carry out the function is as Head of representative office".

State Bank of Vietnam apologise for this error and give an addition of above content to Article 4 of Circular.

FOR THE GOVERNOR OF STATE BANK
DIRECTOR OF OFFICE
NGUYEN DOAN HUNG

**29. NGHỊ ĐỊNH SỐ 67-CP NGÀY 31-10-1996
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Ban hành Quy chế hoạt động thông tin, báo
chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan,
tổ chức nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989;

Căn cứ Luật xuất bản ngày 07 tháng 7 năm 1993;

Để bảo đảm quyền tự do báo chí, đồng thời thống nhất quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, của các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá- Thông tin và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này:

"Quy chế hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam".

Điều 2.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành Quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 1996. Những quy định của Chính phủ trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm ra Thông tư trước ngày 31 tháng 12 năm 1996 hướng dẫn thi hành Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 60-CP ngày 31
tháng 10 năm 1996 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các hoạt động thông tin, báo chí nước ngoài tại Việt Nam nêu trong Quy chế này gồm:

1. Hoạt động nghiệp vụ báo chí của phóng viên nước ngoài; lập văn phòng báo chí thường trú, cử phóng viên thường trú; sử dụng phương tiện nghiệp vụ báo chí.

Hoạt động nghiệp vụ báo chí của phóng viên nước ngoài là: quay phim thời sự, chụp ảnh báo chí, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, đi thăm các địa phương, cơ sở.

2. Hoạt động thông tin, báo chí của các cơ quan đại diện nước ngoài, các cơ quan nước ngoài: xuất bản và lưu hành bản tin, hợp báo; trưng bày tủ ảnh; chiếu phim, triển lãm,

hội thảo và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động báo chí.

Điều 2. Các đối tượng nêu tại Quy chế này gồm:

1. Phóng viên nước ngoài thường trú hoặc vào hoạt động ngắn hạn ở Việt Nam; Văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Cơ quan đại diện Ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam (sau đây gọi là "Cơ quan đại diện nước ngoài").

3. Cơ quan đại diện tổ chức phi chính phủ, tổ chức kinh tế, văn hoá, khoa học, tổ chức tư vấn nước ngoài; công ty, xí nghiệp của nước ngoài (sau đây gọi là "Cơ quan nước ngoài").

4. Các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội hoặc Bộ Ngoại giao.

5. Các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các cơ quan không nêu ở khoản 4 của Điều này.

Điều 3. Bộ Ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Bộ Ngoại giao) là cơ quan được Chính phủ uỷ nhiệm thực hiện chức năng quản lý và cấp phép cho các hoạt động báo chí nêu tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế này.

Điều 4. Bộ Văn hoá - Thông tin nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Bộ Văn hoá - Thông tin) là cơ quan thực hiện chức năng quản lý và cấp phép cho các hoạt động thông tin, báo chí nêu tại khoản 2, Điều 1 của Quy chế này.

Điều 5. Mọi hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam của đối tượng nêu tại Điều 2 của Quy chế này phải được tiến hành phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; với các quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời các hoạt động nói trên phải theo đúng khoản 5 Điều 6 và Điều 10 của Luật báo chí Việt Nam.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA PHÓNG VIÊN NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Phóng viên nước ngoài muốn vào Việt Nam hoạt động báo chí ngắn hạn phải gửi đơn xin phép đến Bộ Ngoại giao (Vụ Thông tin - Báo chí) hoặc qua các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài ít nhất 15 ngày trước ngày dự định vào.

Trong đơn, ngoài phần sơ lược lý lịch cá nhân theo quy định của Bộ Ngoại giao, phải nêu rõ mục đích, chương trình cụ thể và thời gian hoạt động cần thiết tại Việt Nam.

Phóng viên chỉ được vào Việt Nam hoạt động báo chí sau khi được cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam.

Điều 7. Trong thời gian ở Việt Nam, phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí ngắn hạn phải mang theo "Giấy phép hoạt động báo chí", do Bộ Ngoại giao cấp; phải hoạt động theo đúng mục đích và chương trình đã được duyệt trong giấy phép, đồng thời dưới sự hướng dẫn của một cơ quan chuyên trách của Việt Nam.

Mọi hình thức hướng dẫn khác đều không được chấp nhận.

Chương trình đã đăng ký nêu trên có thể được bổ sung hoặc sửa đổi về thời gian hoặc nội dung sau khi được phép của Bộ Ngoại giao.

Điều 8. Cơ quan thông tấn, báo chí nước ngoài muốn lập Văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam phải có đơn do người đứng đầu cơ quan ký gửi Bộ Ngoại giao. Trong đơn cần cung cấp đầy đủ những thông tin cơ bản về cơ quan; tên của Văn phòng báo chí thường trú sẽ được thiết lập tại Việt Nam; chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

Điều 9. Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ghi trong thông báo cho phép lập Văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam, cơ quan thông tấn, báo chí nước ngoài liên quan phải có đơn do người đứng đầu cơ quan ký gửi Bộ Ngoại giao xin phép cử phóng viên thường trú. Trong đơn cần ghi rõ số lượng phóng viên thường trú cần thiết và sơ lược lý lịch cá nhân, tóm tắt tiểu sử của từng phóng viên.

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận, phóng viên thường trú của Văn phòng phải đến Bộ Ngoại giao trao thư bổ nhiệm của cơ quan thông tấn, báo chí chủ quản, và nhận giấy phép lập Văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam do Bộ Ngoại giao cấp.

Trường hợp cơ quan thông tấn, báo chí nước ngoài và phóng viên thường trú không thực hiện những thủ tục quy định trong thời hạn nêu tại đoạn 1 và 2 của Điều này, giấy phép lập Văn phòng báo chí thường trú và chấp nhận phóng viên thường trú sẽ mặc nhiên mất hiệu lực.

Điều 10. Khi có nhu cầu thay thế phóng viên hoặc thay đổi số lượng phóng viên, Văn phòng báo chí thường trú phải thông báo cho Bộ Ngoại giao chậm nhất trước 15 ngày và làm đầy đủ các thủ tục cần thiết nêu tại Quy chế

này đối với việc xin cho phóng viên thường trú vào hoạt động báo chí tại Việt Nam.

Điều 11. Văn phòng báo chí thường trú được phép sử dụng các nhân viên kỹ thuật để phục vụ nghiệp vụ.

Trong thời gian phóng viên thường trú làm việc tại Việt Nam, thân nhân của phóng viên gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con được phép cư trú ở Việt Nam theo các quy định hiện hành của Việt Nam.

Các nhân viên kỹ thuật, thân nhân của phóng viên không được hưởng quy chế phóng viên, phải tuân thủ pháp luật và mọi quy định hiện hành của Việt Nam.

Điều 12. Phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao cấp "Thẻ phóng viên nước ngoài" có giá trị 6 tháng. Chậm nhất 15 ngày trước khi "Thẻ phóng viên nước ngoài" hết hạn, phóng viên phải làm thủ tục gia hạn "Thẻ phóng viên nước ngoài" nếu có nhu cầu tiếp tục làm phóng viên thường trú tại Việt Nam.

Điều 13. Để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ báo chí nêu tại Quy chế này, phóng viên thường trú phải gửi yêu cầu về từng trường hợp một tới Bộ Ngoại giao ít nhất trước 5 ngày và chỉ được thực hiện sau khi được Bộ Ngoại giao cấp "Giấy phép hoạt động báo chí".

Điều 14. Văn phòng báo chí thường trú và phóng viên thường trú tại Việt Nam được phép thuê trụ sở làm việc và công dân Việt Nam làm việc tại Văn phòng thông qua cơ quan chuyên trách của Việt Nam, phù hợp với các quy định hiện hành của Việt Nam.

Điều 15.- Văn phòng báo chí thường trú và phóng viên thường trú tại Việt Nam có nhu cầu thuê cộng tác viên phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật

Việt Nam. Văn bản hợp đồng thuê cộng tác viên phải được đăng ký với Bộ Ngoại giao.

Điều 16. Văn phòng báo chí thường trú phải thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc đóng cửa Văn phòng của mình chậm nhất trước 30 ngày, và nộp lại giấy phép lập Văn phòng báo chí thường trú cho Bộ Ngoại giao. Phóng viên thường trú nước ngoài phải thông báo bằng văn bản về việc xuất cảnh với Bộ Ngoại giao chậm nhất 15 ngày trước khi kết thúc nhiệm kỳ và rời Việt Nam; phải nộp lại "Thẻ phóng viên nước ngoài" cho Bộ Ngoại giao trước khi rời Việt Nam.

Điều 17. Đối với phóng viên nước ngoài đi cùng với các đoàn đại biểu nêu tại các khoản 4, 5 Điều 2 của Quy chế này, cơ quan chủ quản đón đoàn cần làm thủ tục với Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Điều 18. Để phục vụ cho nghiệp vụ báo chí của mình, phóng viên nước ngoài thường trú và phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí ngắn hạn tại Việt Nam được phép mang theo các phương tiện cần thiết phục vụ nghiệp vụ báo chí như máy ảnh, máy quay hình, máy ghi âm... Việc đưa các phương tiện nói trên vào và ra khỏi lãnh thổ Việt Nam được tiến hành phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành của Việt Nam.

Trường hợp các đối tượng nêu tại Điều này có nhu cầu mang theo hoặc lắp đặt, sử dụng các phương tiện thu, phát tin, hình qua vệ tinh, phải xin phép và được sự chấp thuận của Bộ Ngoại giao và Tổng cục Bưu điện Việt Nam.

Điều 19. Các sản phẩm báo chí như phim, ảnh, băng ghi hình, băng ghi âm... do phóng viên nước ngoài thường trú hoặc vào hoạt động ngắn hạn tại Việt Nam thực hiện

theo chương trình đã đăng ký với Bộ Ngoại giao chỉ được đưa ra khỏi Việt Nam với giấy phép của Bộ Ngoại giao.

Điều 20. Phóng viên nước ngoài vào Việt Nam với mục đích du lịch, thăm thân nhân không được hoạt động báo chí. Trường hợp đặc biệt cần được sự đồng ý của Bộ Ngoại giao.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, BÁO CHÍ CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI, CÁC CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Xuất bản và lưu hành bản tin, tài liệu, ấn phẩm:

Việc xuất bản, lưu hành bản tin, tài liệu, ấn phẩm của các đối tượng nêu tại Chương này phải được tiến hành phù hợp với Luật báo chí, Luật xuất bản và các quy định hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu xuất bản, lưu hành tài liệu, sách báo, tranh ảnh, bản tin hay phụ trương bản tin, băng ghi hình, ghi âm, các chương trình phần mềm... bằng tiếng Việt Nam hoặc tiếng nước ngoài phải gửi công hàm thông báo cho Bộ Ngoại giao về mục đích, nội dung, tên gọi, định kỳ phát hành, khuôn khổ, nơi in, số lượng, đối tượng nhận các loại tuyên truyền phẩm nói trên để xem xét và giới thiệu làm thủ tục xin phép về các yêu cầu trên tại Bộ Văn hoá - Thông tin.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu xuất bản, lưu hành tài liệu, sách báo, tranh ảnh, bản tin hay phụ trương bản tin, băng ghi hình, băng ghi âm, các chương trình phần mềm... bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài phải làm thủ

tục xin phép về các yêu cầu trên tại Bộ Văn hoá - Thông tin.

Việc xuất bản, lưu hành các loại bản tin, tài liệu, ấn phẩm nói trên chỉ được tiến hành sau khi có giấy phép của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Điều 22. Hợp báo có mời công dân Việt Nam tham dự:

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu tổ chức hợp báo phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao chậm nhất trước 48 giờ về nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần dự, người chủ trì và các chi tiết khác có liên quan như trưng bày tài liệu, hiện vật... để Bộ Ngoại giao xem xét và đăng ký với Bộ Văn hoá - Thông tin.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu tổ chức hợp báo phải đăng ký hợp báo với Bộ Văn hoá - Thông tin.

Sau 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản xin phép, Bộ Văn hoá - Thông tin phải trả lời nếu Bộ Văn hoá - Thông tin không có ý kiến thì việc hợp báo coi như được chấp nhận.

Việc hợp báo của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam nêu tại các khoản 4, 5 Điều 2 của Quy chế này được thực hiện theo thoả thuận giữa Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn với Bộ Văn hoá - Thông tin trong khuôn khổ chương trình hoạt động với đoàn.

Điều 23. Trưng bày tủ ảnh trước trụ sở cơ quan:

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu đặt tủ ảnh trước trụ sở của mình phải có công hàm đề nghị gửi Bộ Ngoại giao. Trong công hàm cần nói rõ mục đích, nội dung ảnh, kích thước, nơi đặt tủ ảnh bảo đảm phù hợp với cảnh quan và môi trường đô thị.

Việc đặt tủ ảnh và mọi sự thay đổi khác với đề nghị

ban đầu về đặt tủ ảnh chỉ được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao làm việc với Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét quyết định trước khi thông báo cho đương sự.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu đặt tủ ảnh trước trụ sở của mình phải đề nghị và làm thủ tục xin phép với Bộ Văn hoá - Thông tin về việc trưng bày tủ ảnh.

Điều 24. Chiếu phim, triển lãm, hội thảo và các hoạt động khác có liên quan đến báo chí có mời công dân Việt Nam tham dự:

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu tổ chức chiếu phim, triển lãm, hội thảo và tổ chức các hoạt động khác có liên quan đến báo chí có mời công dân Việt Nam tham dự phải có công hàm thông báo cho Bộ Ngoại giao về nội dung, địa điểm, danh sách khách mời. Bộ Ngoại giao xem xét và đăng ký với Bộ Văn hoá - Thông tin.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu tổ chức chiếu phim, triển lãm, hội thảo phải đăng ký với Bộ Văn hoá - Thông tin.

Các hoạt động chỉ được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của Bộ Văn hoá - Thông tin.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

29. DECREE No. 67- CP
DATED 31 OCTOBER, 1996 OF THE
GOVERNMENT

**Issuing the Regulation on the information and
press activities of foreign correspondents and
foreign agencies and organizations in Vietnam**

THE GOVERNMENT

*Pursuant to the Law on Organization of the Government
of September 30, 1992;*

Pursuant to the Law on the Press of December 28, 1989;

Pursuant to the Law on Publication of July 7, 1993;

*In order to ensure the freedom of the press and the
unified management of the information and press activities
of foreign correspondents and foreign agencies and
organizations in Vietnam.*

*At the proposals of the Minister of Culture and
Information and the Minister of Foreign Affairs,*

DECREES:

Article 1. To issue together with this Decree:

The Regulation on the information and press activities of foreign correspondents and foreign agencies and organization in Vietnam.

Article 2.

1. All foreign agencies, organizations or individuals legally operating or residing on the Vietnamese territory shall be obliged to abide by this Regulation.

2. Any agency, organization or individual that commits an act of violating the provisions of this Regulation shall, depending on the seriousness of the violation, be dealt with in accordance with current provisions of Vietnamese law.

Article 3. This Decree takes effect from December 1st, 1996. The previous provisions of the Government which are contrary to the Regulation issued together with this Decree are now annulled.

The Minister of Culture and Information and the Minister of Foreign Affairs shall have to issue before December 31, 1996 a Circular guiding the implementation of the Regulation issued together with this Decree.

Article 4. The Ministers, the Heads of the ministerial-level agencies and the agencies attached to the Government, the Presidents of the People's Committees of the provinces and the cities directly under the Central Government shall have to implement this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
NGUYEN KHANH

**REGULATION ON THE MANAGEMENT
OF THE INFORMATION AND PRESS
ACTIVITIES OF FOREIGN
CORRESPONDENTS AND FOREIGN
AGENCIES AND ORGANIZATIONS IN
VIETNAM**

*(issued together with Decree No.67- CP of October
31st, 1996 of the Government)*

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. The foreign information and press activities in Vietnam mentioned in this Regulation include:

1. The professional activities of foreign correspondents; the establishment of resident press bureaus, the appointment of correspondents; the use of journalistic facilities.

The foreign correspondents' journalistic activities include: shooting of films on current events, taking press photographs, conducting interviews, audio and visual recording and making visits to localities and establishments.

2. The information and press activities of foreign representative agencies and foreign organizations include: publishing and circulating bulletins, convening press conferences; installing photo case; organizing film shows; exhibitions, seminars and other press-related activities.

Article 2. The objects mentioned in this Regulation include:

1. Foreign correspondents based in Vietnam or entering the country for short-term missions, bureaus of foreign news or press agencies that are allowed to operate in Vietnam.

2. Diplomatic representative missions, consular offices and international inter-governmental representative offices in Vietnam (hereafter referred to as foreign representative agencies).

3. Foreign non-governmental representative offices, foreign economic, cultural, scientific and consulting organizations, foreign companies and enterprises (hereafter referred to as foreign agencies).

4. Foreign delegations visiting Vietnam at the invitation of Party, State, Government and/or National Assembly leaders or the Ministry of Foreign Affairs.

5. Foreign delegations visiting Vietnam at the invitation of the agencies not defined in Item 4 of this Article.

Article 3. The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam (hereafter referred to as the Ministry of Foreign Affairs) is the agency which, by assignment of the State, performs the managerial function over and issues permits for the press activities defined in Item 1 Article 1, of this Regulation.

Article 4. The Ministry of Culture and Information of the Socialist Republic of Vietnam (hereafter referred to as the Ministry of Culture and Information) is the agency which performs the managerial function over and issues permits for the information and press activities defined in Item 2, Article 1 of this Regulation.

Article 5. All information and press activities in Vietnam by the persons and agencies specified in Article 2 of this Regulation must be carried out in accordance with the current laws and regulations of the Socialist Republic of Vietnam; in conformity with the provisions on the entry and exit, residence and traveling of foreigners in Vietnam. The aforesaid activities must also conform to Item 5, Article 6 and Article 10 of Vietnam's law on the Press.

CHAPTER II

THE JOURNALISTIC ACTIVITIES OF FOREIGN CORRESPONDENTS

Article 6. A foreign correspondent wishing to enter Vietnam for short-term journalistic activities must send his/ her application directly to the Ministry of Foreign Affairs (the Information and Press Department) or through an overseas diplomatic representative mission of Vietnam at least 15 days prior to his/ her scheduled entry.

The application, attached to a curriculum vitae stipulated by the Ministry of Foreign Affairs must clearly state the purpose, detailed program and projected length of stay in Vietnam.

Only after being granted an entry visa shall the

correspondents be allowed to enter Vietnam for journalistic activities.

Article 7.- During his/ her stay in Vietnam, a foreign correspondents entering the country for short- term journalistic activities must constantly carry with him/ her the "Press" permit granted by the Ministry of Foreign Affairs; must work in accordance with the purpose and program already approved in the permit; and at the same time must place himself/ herself under the guidance of a specialized Vietnamese agency.

No other form of guidance shall be accepted.

The registered program may be supplemented or changed in terms of time or contents if the Ministry of Foreign Affairs so permits.

Article 8. A foreign news or press agency wishing to establish its bureau(s) in Vietnam must send an application signed by the agency's head to the Ministry of Foreign Affairs. The application must supply the essential information about the agency; the name of the bureau(s) to be established in Vietnam; its functions and tasks.

Article 9. Within 90 days from the date written on the notice permitting the establishment of the resident press office in Vietnam, the requesting foreign news or press agency must send another application signed by the agency's head to the Ministry of Foreign Affairs for permission to send the correspondent(s). The application must clearly state the necessary number of correspondents and the curriculum vitae and a summary history of each correspondent.

Within 30 days after receiving the notice of approval,

the correspondent(s) of the bureau(s) must go to the Ministry of Foreign Affairs to present the letter of appointment by the managing news or press agency and receive the permit to establish the bureau(s) in Vietnam from the Ministry of Foreign Affairs.

If the foreign news or press agencies and foreign correspondents fail to complete all the procedures within the time limit defined in Paragraphs 1 and 2 of this Article, the permit to establish the bureau(s) and accept correspondent(s) shall be automatically invalidated.

Article 10. When the need arises to replace a correspondent(s) or change the number of correspondents, the press bureau(s) must notify the Ministry of Foreign Affairs thereof at least 15 days in advance and must complete all necessary procedures defined in this Regulation concerning the application to send correspondents for journalistic activities in Vietnam.

Article 11. The resident press bureau is allowed to employ a technical staff in service of its professional activities.

When the foreign correspondents works in Vietnam , his/her next of kin including parents, spouse and children are allowed to reside in Vietnam in accordance with the current law of Vietnam.

The technical staff and the correspondents' next of kin shall not be entitled to enjoy the correspondent's status and must observe the current laws and regulations of Vietnam.

Article 12. A foreign correspondent in Vietnam shall be issued a "Foreign correspondent Card" by the Ministry of Foreign Affairs valid for six months. If the card holder wishes to continue to work as a correspondent in Vietnam,

he/ she must fill out the procedures for an extension not later than 15 days before the card expires.

Article 13. In order to perform the journalistic activities defined in this Regulation, the correspondent must send a request for each activity to the Ministry of Foreign Affairs at least 5 days in advance and shall perform the activity only after being granted the "press activity permit" by the Ministry of Foreign Affairs.

Article 14. The resident press bureaus and the foreign resident correspondents in Vietnam are allowed to rent offices and hire Vietnamese nationals to work in the offices through a specialized Vietnamese agency in accordance with the current law of Vietnam.

Article 15. The resident press bureaus and the foreign resident correspondents in Vietnam who want to hire collaborators must abide by the current provisions of Vietnamese law. The collaborator- hiring contract must be registered with the Ministry of Foreign Affairs.

Article 16. The resident press bureaus must notify the Ministry of Foreign Affairs of their closure at least 30 days in advance and return the establishment permit to the Ministry of Foreign Affairs. The foreign correspondent must notify in writing the Ministry of Foreign Affairs of his/ her exit not later than 15 days before the end of his/her working term and departure from Vietnam; and must return the "foreign correspondent card" to the Ministry of Foreign Affairs before leaving Vietnam.

Article 17. With regard to foreign correspondents accompanying the delegations defined in Item 4 and 5, Article 2 of this Regulation, the hosting agency should fill the necessary procedures with the Ministry of Foreign Affairs.

Article 18. For their professional activities, foreign correspondents based in Vietnam or entering the country for short- term journalistic activities are allowed to carry the necessary equipment such as cameras, video recorders and audio recorders... The carrying of such equipment in and out of Vietnamese territory must conform with the current law and other regulations of Vietnam.

Where the persons or agencies defined in this Article have the need to carry, install or use devices to receive and transmit news and pictures via satellites, they must ask for permission and consent of the Ministry of Foreign Affairs and the Vietnam Post General Department.

Article 19. Only with the permit of the Ministry of Foreign Affairs can press products like films, pictures, video tapes and audio tapes... produced by foreign correspondents based in or entering Vietnam for short- term mission under the program already registered with the Ministry of Foreign Affairs be carried out of Vietnam.

Article 20. Foreign correspondents entering Vietnam as tourists or to visit their next of kin must not carry out journalistic activities. In special cases, the consent of the Ministry of Foreign Affairs is required.

CHAPTER III

INFORMATION AND PRESS ACTIVITIES OF FOREIGN REPRESENTATIVE AGENCIES AND FOREIGN AGENCIES.

Article 21. Publishing and circulation of bulletins, materials and publications:

The publishing and circulation of bulletins, materials and publications by the persons and agencies defined in

this Chapter must be done in accordance with the Law on the Press, the Law on Publication and other current regulations of the Socialist Republic of Vietnam.

1. A "foreign representative agency" which wants to publish and circulate materials, books and newspaper, drawings and photos, bulletins or bulletin supplements, video tapes, audio tapes, software programs... in the Vietnamese language or in a foreign language must send a note about the purposes, contents, title, publishing period, size, printing place, quantity and target audience of the said materials to the Ministry of Foreign Affairs which shall consider and recommend the filling of procedures to request permission from the Ministry of Culture and Information.

2. A "foreign agency" which wants to publish and circulate materials, books and newspapers, drawings and photos, bulletins or bulletin supplements, video tapes, audio tapes, software programs... in the Vietnamese language or in a foreign language must complete the procedures to apply for permission from the Ministry of Culture and Information.

Only after receiving the permit from the Ministry of Culture and Information can the publication and circulation of the said bulletins, materials and publications be carried out.

Article 22. Press conference with the participation of Vietnamese citizens:

1. A "foreign representative agency" which wants to hold a press conference must notify the Ministry of Foreign Affairs in writing at least 48 hours in advance of the

contents, time, venue, participants, the person who presides over and other relevant details such as display of materials, objects... so that the Ministry of Foreign Affairs can examine and register with the Ministry of Culture and Information.

2. A "foreign agency" which wants to hold a press conference must register with the Ministry of Culture and Information.

Within 24 hours after receiving the written request for permission, the Ministry of Culture and Information must reply. If there is no reply, the press conference shall be deemed accepted.

The organization of a press conference by a foreign delegation visiting Vietnam defined in Item 4 and 5, Article 2 of this Regulation shall conform with the agreement between the Ministry of Foreign Affairs or the hosting agency and the Ministry of Culture and Information within the framework of the delegation's working schedule.

Article 23. Installing the photo case in front of the agency's office.

1. A "foreign representative agency" which wants to install a photo case in front of its office must send to the Ministry of Foreign Affairs a note clearly stating the objective and the contents and size of the photos; the photo case must be installed at a place compatible with the surrounding landscape and the urban environment.

Only after being approved by the Ministry of Foreign Affairs can the installation of a photo case and any change to the original request for installing the photo case be carried out. The Ministry of Foreign Affairs shall consult

the Ministry of Culture and Information before making a decision and notifying the requesting agency of the decision.

2. A "foreign agency" which wants to install a photo case in front of its office must send a request to the Ministry of Culture and Information and complete the procedures as required.

Article 24. Film shows, exhibitions, seminars and other press-related activities with the participation of Vietnamese citizens:

1. A "foreign representative agency" which wants to organize film shows, exhibitions, seminars and other press-related activities with the participation of Vietnamese citizens must send to the Ministry of Foreign Affairs a note about the contents, venue and a list of the guests. The Ministry of Foreign Affairs shall consider and register with the Ministry of Culture and Information.

2. A "foreign agency" which wants to organize a film show, exhibition or seminar must register with the Ministry of Culture and Information.

Only after being approved by the Ministry of Culture and Information can these activities be carried out.

FOR THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
NGUYEN KHANH

30. THÔNG TƯ

LIÊN BỘ SỐ 84-TT/LB NGÀY 31-12-1996 CỦA

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN - NGOẠI GIAO

Hướng dẫn thi hành Quy chế Quản lý

**hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên
nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài
tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 67-CP ngày 31-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

Liên Bộ Văn hoá - Thông tin và Ngoại giao ra Thông tư hướng dẫn thêm một số điểm cụ thể như sau.

I. CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ CẤP PHÉP CỦA BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN VÀ BỘ NGOẠI GIAO

Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Chính phủ uỷ nhiệm thực hiện chức năng quản lý và cấp phép cho các hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam theo sự phân công sau:

1. Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng quản lý và cấp

phép đối với các hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài và Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú tại Việt Nam nêu tại khoản 1, Điều 1 và khoản 1, Điều 2 của Quy chế, phóng viên nước ngoài đi cùng với các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam nêu tại khoản 4 và Khoản 5, Điều 2 của Quy chế bao gồm các việc:

- Xem xét và cấp phép cho phóng viên nước ngoài vào Việt Nam hoạt động báo chí;

- Xem xét và cấp phép cho các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài mở Văn phòng thường trú tại Việt Nam;

- Quản lý và hướng dẫn hoạt động báo chí và giải quyết các yêu cầu kỹ thuật phục vụ cho hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài và Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú tại Việt Nam như: thuê người Việt Nam làm nhân viên Văn phòng, xuất nhập các phương tiện kỹ thuật và các sản phẩm báo chí...

Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin trong việc giải quyết các yêu cầu hoạt động thông tin, báo chí của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, các tổ chức quốc tế liên Chính phủ nêu trong khoản 2, Điều 1 và khoản 2, Điều 2 của Quy chế và các hoạt động thông tin, báo chí của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ hoặc Bộ Ngoại giao nêu trong khoản 4, Điều 2 của Quy chế.

2. Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện chức năng quản lý và cấp phép đối với các hoạt động xuất bản, lưu hành bản tin, tài liệu bằng tiếng Việt Nam hay các thứ tiếng khác, họp báo, hội thảo, trưng bày tủ thông tin, chiếu phim, triển lãm, phát biểu hoặc đăng bài viết trên các phương tiện

thông tin đại chúng của Việt Nam và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động thông tin, báo chí của các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, các tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam, các tổ chức phi Chính phủ, kinh tế, văn hoá, khoa học, tư vấn nước ngoài; công ty, xí nghiệp của nước ngoài tại Việt Nam và các hoạt động thông tin báo chí của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam nêu trong Khoản 4 và 5, Điều 2 của Quy chế.

II. PHÒNG VIÊN NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM

A. PHÒNG VIÊN NƯỚC NGOÀI

1. Phòng viên nước ngoài nêu trong Quy chế này là những người làm báo chuyên nghiệp đang là phóng viên cho một hãng tin hoặc các loại hình báo nói, báo viết, báo hình, báo ảnh, báo điện tử... hoặc là nhà báo tự do có yêu cầu vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động báo chí như quay phim, chụp ảnh, thu thập tư liệu, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, đi các địa phương, cơ sở để làm tin, viết bài, làm phóng sự... về tình hình và các sự kiện diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Phóng viên nước ngoài vào Việt Nam với các mục đích khác như du lịch, thăm hoặc sống cùng với thân nhân, kinh doanh, trao đổi nghiệp vụ, hợp tác kỹ thuật, làm việc cho các cơ quan báo chí Việt Nam tại Việt Nam ... và những người nước ngoài không phải là phóng viên thì không được phép tiến hành các hoạt động báo chí với tư cách phóng viên nước ngoài. Trường hợp đặc biệt phải xin phép và được sự đồng ý của Bộ Ngoại giao.

B. PHÒNG VIÊN NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ NGẮN HẠN TẠI VIỆT NAM

1. Sơ lược lý lịch của phóng viên nước ngoài muốn (hoặc

được các cơ quan, tổ chức Việt Nam mời) vào Việt Nam hoạt động báo chí ngắn hạn nêu trong Điều 6 của Quy chế cần nêu rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, cơ quan truyền thông đại chúng mà họ là nhân viên.

Trường hợp phóng viên mang hộ chiếu miễn thị thực của nước có ký kết Hiệp định miễn thị thực với Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì không phải làm thủ tục xin cấp thị thực, nhưng vẫn phải làm đơn xin phép hoạt động báo chí như trên.

Nếu yêu cầu hoạt động báo chí được chấp thuận, phóng viên sẽ được Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực nhập - xuất cảnh (trường hợp cần có thị thực) hoặc được Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thông báo chấp thuận (trường hợp miễn thị thực). Phóng viên có thể được cấp thị thực nhập - xuất cảnh có giá trị một lần hoặc nhiều lần và có thể được gia hạn theo các quy định của Việt Nam về nhập - xuất cảnh.

2. Cơ quan chuyên trách của Việt Nam hướng dẫn phóng viên nước ngoài vào Việt Nam hoạt động báo chí ngắn hạn nêu trong Điều 7 của Quy chế là một cơ quan được Bộ Ngoại giao chấp nhận. Phóng viên tự chịu mọi chi phí có liên quan đến việc thực hiện chương trình.

C. VĂN PHÒNG BÁO CHÍ, PHÓNG VIÊN NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ

1. Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú là Văn phòng đại diện của các cơ quan thông tấn, báo viết, báo nói, báo hình nước ngoài được phép đặt trụ sở tại Hà Nội để tiến hành các hoạt động báo chí tại Việt Nam.

2. Phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam là

phóng viên làm việc chính thức và thường xuyên tại một Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

3. Đơn xin lập Văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam nêu trong Điều 8 của Quy chế gửi đến Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao hoặc qua các Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài. Người đứng đầu cơ quan thông tấn, báo chí liên quan có thể uỷ quyền cho một người có trách nhiệm ký đơn. Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao sẽ có trả lời trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn.

4. Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú cần bảo đảm sự hoạt động thường xuyên, liên tục. Nếu Văn phòng không có phóng viên thường trú trong thời gian 180 ngày liên tục thì Giấy phép mở Văn phòng cũng sẽ mặc nhiên mất hiệu lực.

5. Về việc thay thế hoặc thay đổi số lượng phóng viên nêu trong Điều 10 của Quy chế, trường hợp cần có phóng viên thay thế hoặc tăng cường tạm thời cho Văn phòng, Văn phòng cần có đơn xin phép gửi Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao. Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao sẽ xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể.

6. Thẻ phóng viên nước ngoài nêu trong Điều 12 của Quy chế được cấp phù hợp với thời hạn thị thực nhập - xuất cảnh của phóng viên. Phóng viên thường trú được cấp thị thực nhập - xuất cảnh Việt Nam có thời hạn 6 tháng, có giá trị nhiều lần và sẽ được gia hạn nếu phóng viên tiếp tục làm phóng viên thường trú tại Việt Nam. Chậm nhất 15 ngày trước khi thị thực nhập - xuất cảnh hết hạn, phóng viên phải làm thủ tục gia hạn nếu tiếp tục làm phóng viên thường trú tại Việt Nam. Trường hợp bị mất

Thẻ phóng viên nước ngoài, phóng viên phải thông báo ngay cho Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao và xin cấp lại Thẻ.

7. Khi thực hiện các hoạt động báo chí như nêu trong Điều 13 của Quy chế, phóng viên phải mang theo Thẻ phóng viên nước ngoài và Giấy phép hoạt động báo chí và xuất trình cho các nhà chức trách khi cần thiết. Khi đến các địa phương ngoài Hà Nội, phóng viên phải tiếp xúc với các cơ quan ngoại vụ địa phương trước khi tiến hành các hoạt động báo chí.

Những yêu cầu hoạt động báo chí đột xuất của phóng viên sẽ được Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao xem xét từng trường hợp một.

Đối với các hoạt động báo chí phát sinh tại chỗ ngoài nội dung đã được cấp phép, phóng viên phải tuân theo các quy định và sự chỉ dẫn của các nhà chức trách tại chỗ.

8. Trung tâm Hướng dẫn Báo chí nước ngoài Bộ Ngoại giao là cơ quan duy nhất được phép giới thiệu, ký hợp đồng cung cấp phiên dịch, trợ lý văn phòng làm việc cho các Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú tại Việt Nam nêu trong Điều 14 của Quy chế. Phiên dịch, trợ lý của các Văn phòng không được hưởng quy chế phóng viên, không được phép tiến hành các hoạt động báo chí với tư cách phóng viên của Văn phòng.

9. Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú có yêu cầu làm con dấu riêng phục vụ cho các hoạt động của mình cần gửi đơn đến Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao để giới thiệu với các cơ quan chức năng Việt Nam làm các thủ tục cần thiết theo đúng các quy định của Việt Nam.

D. PHÓNG VIÊN NƯỚC NGOÀI ĐI THEO CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU THĂM CHÍNH THỨC VIỆT NAM THEO LỜI MỜI CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC HOẶC BỘ NGOẠI GIAO; PHÓNG VIÊN NƯỚC NGOÀI ĐI CÙNG CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU NƯỚC NGOÀI THĂM, LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM THEO LỜI MỜI CỦA CÁC CƠ QUAN VIỆT NAM KHÁC

1. Phóng viên nước ngoài đi theo các đoàn đại biểu thăm chính thức Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao để đưa tin về chuyến thăm được coi là thành viên không chính thức của đoàn. Cơ quan chủ quản phía Việt Nam tiến hành các thủ tục nhập - xuất cảnh cần thiết và thông báo cho Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao biết để phối hợp quản lý phóng viên trong thời gian ở Việt Nam.

2. Đối với phóng viên nước ngoài đi theo các đoàn đại biểu nước ngoài thăm chính thức hoặc làm việc với các cơ quan Việt Nam khác để đưa tin về chuyến thăm, cơ quan chủ quản Việt Nam cần làm thủ tục với Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao như đối với phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí ngắn hạn tại Việt Nam.

3. Phóng viên phải tuân thủ sự hướng dẫn của Trung tâm Hướng dẫn Báo chí nước ngoài Bộ Ngoại giao hoặc của cơ quan chủ quản đón đoàn nếu được Bộ Ngoại giao chấp nhận.

E. XUẤT NHẬP CÁC PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ, CÁC SẢN PHẨM BÁO CHÍ CỦA CÁC VĂN PHÒNG BÁO CHÍ THƯỜNG TRÚ VÀ PHÓNG VIÊN NƯỚC NGOÀI

1. Ngoài những quy định nêu trong Điều 18 của Quy chế, các Văn phòng báo chí nước ngoài thường trú cần

nhập, lắp đặt, sử dụng các phương tiện thu tin, hình trực tiếp qua vệ tinh, cần gửi yêu cầu đến Vụ Thông tin - Báo chí Bộ Ngoại giao giới thiệu để Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét cấp giấy phép.

2. Đối với các loại sản phẩm khác ngoài quy định trong Điều 19, phóng viên phải làm thủ tục xin xuất nhập với các cơ quan chức năng của Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

A. XUẤT BẢN VÀ LƯU HÀNH BẢN TIN, TÀI LIỆU, ẢN PHẨM

Việc xuất bản, lưu hành bản tin, ấn phẩm của các đối tượng nêu trong Điều này, phải được tiến hành phù hợp với Luật báo chí, Luật xuất bản và các quy định hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu xuất bản, lưu hành tài liệu, sách báo, tranh ảnh, bản tin hay phụ trương bản tin, băng ghi âm, ghi hình, các chương trình phần mềm... có nội dung thông tin, báo chí bằng tiếng Việt Nam hoặc các thứ tiếng khác phải làm đơn xin phép Bộ Văn hoá - Thông tin (Vụ Báo chí), đồng thông báo cho Bộ Ngoại giao (Vụ Thông tin- Báo chí). Đơn xin phép cần ghi rõ: mục đích, nội dung, tên gọi, định kỳ hay không định kỳ, ngôn ngữ, khuôn khổ, nơi in, số lượng, đối tượng nhận.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu xuất bản, lưu hành tài liệu, sách báo, tranh ảnh, bản tin, hay phụ trương bản tin, băng ghi âm hay ghi hình, các chương trình phần mềm... có nội dung thông tin, báo chí bằng tiếng Việt Nam hoặc các thứ tiếng khác phải làm đơn xin phép Bộ Văn hoá - Thông tin (Vụ Báo chí). Đơn cần ghi rõ: mục đích,

nội dung, tên gọi, định kỳ hay không định kỳ, khuôn khổ, nơi in, số lượng, đối tượng nhận.

Việc xuất bản, lưu hành các loại tài liệu ấn phẩm nói trên của các đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều này chỉ được tiến hành sau khi có giấy phép của Bộ Văn hoá - Thông tin.

B. HỢP BÁO CÓ MỜI CÔNG DÂN VIỆT NAM THAM DỰ

Hợp báo được hiểu là:

Các cơ quan, tổ chức, đoàn đại biểu, cá nhân người nước ngoài mời đại diện cơ quan báo chí, phóng viên Việt Nam, công dân Việt Nam họp hoặc gặp mặt để công bố, giải thích, tuyên bố một vấn đề thuộc thẩm quyền, có liên quan đến nhiệm vụ và lợi ích của mình.

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu tổ chức họp báo phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin, đồng thông báo cho Bộ Ngoại giao về nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần dự, người chủ trì và các chi tiết khác có liên quan như trưng bày tài liệu, hiện vật, chiếu phim, văn nghệ...

Trường hợp "Cơ quan đại diện nước ngoài" có trụ sở ở các địa phương ngoài Hà Nội thì thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin) đồng thông báo cho Sở Ngoại vụ.

2. "Cơ quan nước ngoài" và cá nhân người nước ngoài có nhu cầu tổ chức họp báo ở khu vực địa phận nào phải đăng ký bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin) chậm nhất trước 48 giờ).

Sau 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản thông báo, Bộ

Văn hoá - Thông tin hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin) không có ý kiến thì cuộc họp báo coi như được chấp nhận.

Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền không chấp thuận hoặc đình chỉ cuộc họp báo nếu thấy có dấu hiệu vi phạm Luật báo chí, các quy định của Nghị định số 133-HĐBT ngày 20-4-1992, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 67-CP ngày 31-10-1996 và Thông tư này.

3. Hội họp báo của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm chính thức Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội hoặc Bộ Ngoại giao được thực hiện theo chương trình của đoàn. Cơ quan chủ quản Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Bộ Văn hoá - Thông tin để phối hợp quản lý.

Việc tổ chức họp báo của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các cơ quan Việt Nam khác: cơ quan chủ quản Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Sở Văn hoá - Thông tin được uỷ quyền.

C. PHÁT BIỂU, ĐĂNG BÀI TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu đăng, phát sóng bài phát biểu trên các báo chí, đài phát thanh, truyền hình Trung ương phải thông báo bằng văn bản kèm nội dung bài viết hoặc phát biểu cho Bộ Văn hoá - Thông tin (Vụ Báo chí), đồng thông báo cho Bộ Ngoại giao (Vụ Thông tin - Báo chí) chậm nhất trước 48 giờ. Thông báo cần ghi rõ: mục đích, nội dung, người phát biểu, người viết, cơ quan báo chí sẽ đăng, phát sóng, thời gian đăng, phát sóng. "Cơ

quan đại diện nước ngoài" đăng, phát sóng bài phát biểu trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình địa phương phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin), đồng thông báo cho Sở Ngoại vụ.

2. "Cơ quan nước ngoài" có nhu cầu đăng, phát sóng bài phát biểu trên các báo chí, đài phát thanh, truyền hình Trung ương phải thông báo bằng văn bản kèm nội dung bài viết hoặc phát biểu cho Bộ Văn hoá - Thông tin (Vụ Báo chí) chậm nhất trước 48 giờ. Thông báo cần ghi rõ: mục đích, nội dung, người phát biểu, người viết, cơ quan báo chí sẽ đăng, phát sóng, thời gian đăng phát sóng. "Cơ quan nước ngoài" đăng, phát sóng, bài phát biểu trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình địa phương phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin).

D. TRUNG BÀY TỬ THÔNG TIN TRƯỚC TRỤ SỞ

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu đặt tử thông tin trước trụ sở của mình phải có đơn xin phép Bộ Văn hoá - Thông tin, đồng thông báo cho Bộ Ngoại giao. Đơn xin phép ghi rõ: mục đích, nội dung, kích thước, nơi đặt tử thông tin.

Trường hợp "Cơ quan đại diện nước ngoài" có trụ sở ở các địa phương ngoài Hà Nội thì thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin), đồng thông báo cho Sở Ngoại vụ.

2. "Cơ quan nước ngoài" quy định tại khoản 2, Điều 23 của Quy chế có nhu cầu đặt tử thông tin, biển hiệu trước trụ sở của mình phải làm đơn xin phép Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin).

Đơn xin phép cần ghi rõ: mục đích, nội dung, kích thước, nơi đặt.

Chỉ được thực hiện việc lắp đặt tủ thông tin, biển hiệu sau khi có giấy phép của Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

Mọi sự thay đổi khác với giấy phép phải được sự chấp thuận của cơ quan đã cấp giấy phép.

E. CHIẾU PHIM, TRIỂN LÃM, HỘI THẢO VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN THÔNG TIN BÁO CHÍ

1. "Cơ quan đại diện nước ngoài" có nhu cầu chiếu phim, triển lãm, hội thảo và tổ chức các hoạt động khác liên quan đến thông tin báo chí có mời công dân Việt Nam tham dự phải có đơn xin phép Bộ Văn hoá - Thông tin, đồng thông báo cho Bộ Ngoại giao. Văn bản thông báo cần ghi rõ: nội dung, địa điểm, thời gian tổ chức, khách mời.

Trường hợp "Cơ quan đại diện nước ngoài" có trụ sở ở các địa phương ngoài Hà Nội thì thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin), đồng thời thông báo cho Sở Ngoại vụ.

2. "Các cơ quan nước ngoài" quy định tại khoản 2, Điều 24 của Quy chế có nhu cầu tổ chức chiếu phim, triển lãm, hội thảo và tổ chức các hoạt động khác liên quan đến thông tin, báo chí có mời công dân Việt Nam tham dự phải xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin) nơi định tổ chức.

Đơn xin phép ghi rõ: mục đích, nội dung địa điểm, thời gian tổ chức, khách mời.

Các hoạt động chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hoá - Thông tin).

Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền không chấp thuận, đình chỉ toàn bộ hoặc một phần nội dung nếu thấy có dấu hiệu vi phạm Luật báo chí, Nghị định số 133-HDBT ngày 20-4-1992, Nghị định số 67-CP ngày 31-10-1996 và Thông tư này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phổ biến Thông tư này đến các đối tượng có liên quan, đồng thời phối hợp với các cơ quan hữu quan Trung ương và địa phương để quản lý việc thực hiện, xử lý các trường hợp vi phạm.

2. Các đối tượng liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hướng dẫn trong Thông tư này. Nếu sai phạm, tùy theo mức độ, sẽ bị xử phạt theo các quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký. Những văn bản trước đây của Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Ngoại giao trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO KT. BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ-THÔNG TIN

Thứ trưởng
VŨ KHOAN

Thứ trưởng
LƯU TRẦN TIÊU

**30. INTER- MINISTERIAL CIRCULAR
No. 84- TTLB DATED 31 DECEMBER, 1996
OF THE MINISTRY OF CULTURE AND
INFORMATION- THE MINISTRY OF
FOREIGN AFFAIRS**

**Guiding the implementation of the Regulation
on the management of Information and press
activities of foreign correspondents, foreign
agencies and organizations in Vietnam.**

*Pursuan to Decree No. 67-CP October 31, 1996 of the
Government issuing the Regulation on the management of
information and press activities of foreign correspondents,
foreign agencies and organizations in Vietnam.*

*The Ministry of Culture and Information and the
Ministry of Foreign Affairs issue the following Circular
giving further guidance on a number of concrete points.*

**1. FUNCTION OF THE MINISTRY OF CULTURE AND
INFORMATION AND THE MINISTRY OF FOREIGN
AFFAIRS IN THE MANAGEMENT AND ISSUE OF PERMITS**

**The Ministry of Culture and Information and the
Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of**

Vietnam are empowered by the Government to perform the function of managing and issuing permits for foreign press activities in Vietnam according to the following assignment of responsibility:

1. The Ministry of Foreign Affairs shall manage and issue permits for the press activities of permanent foreign correspondents and foreign press offices in Vietnam as stipulated in Clause 1 Article 1, and Clause 1 Article 2, of the Regulation, and those foreign reporters who accompany foreign delegations on visits to Vietnam as stipulated in Clause 4 and Clause 5, Article 2, of the Regulation. These include:

- Considering and issuing permits for foreign correspondents to enter Vietnam to conduct press activities;

- Considering and issuing permits for foreign news agencies and newspapers to open permanent offices in Vietnam;

- Managing and guiding press activities and settling technical requirements for the press activities of permanent foreign correspondents and foreign press offices in Vietnam such as employing Vietnamese to work for their offices, exporting and importing technical equipment and press publications...

The Ministry of Foreign Affairs shall cooperate with the Ministry of Culture and Information in settling the requirements of information and press activities of the diplomatic representations, consulates and inter-governmental international organizations as stipulated in Clause 2, Article 1, and Clause 2, Article 2, of the

Regulation, and the information and press activities of foreign delegations on visits to Vietnam at the invitation of the leadership of the State, the Government or the Ministry of Foreign Affairs as stipulated in Clause 4, Article 2, of the Regulation.

2. The Ministry of Culture and Information shall manage and issue permits for the publication and distribution of news bulletins and documents in Vietnamese or other languages, the holding of press conferences and seminars, the display of information billboards, holding of film shows, or exhibitions, the making of speeches or publication articles in Vietnamese's mass media, and other activities related to the information and press activities of the diplomatic representations, consulates and inter- governmental international organizations in Vietnam, non - governmental organizations, foreign economic, cultural, scientific and consultancy organizations; foreign companies and enterprises in Vietnam, and the information and press activities of foreign delegations on their visits to Vietnam as stipulated in Clauses 4 and 5, Article 2, of the Regulation.

II- PERMANENT FOREIGN CORRESPONDENTS AND FOREIGN PRESS OFFICES IN VIETNAM.

A- FOREIGN CORRESPONDENTS.

1. Foreign correspondents defined in the Regulation are professional journalists working as correspondents for a news agency or for a spoken, written, video, pictorial or electronic journal, or free-lance journalists wishing to enter Vietnam to conduct press activities such as filming, photographing, collecting data, interviewing, recording,

video- recording, or to go to different localities and places to write news, press articles or reportages... on the situation and events taking place on Vietnamese territory.

2. Foreign correspondents who enter Vietnam for other purposes such as touring, visiting or joining their relatives, doing business, conducting professional exchange or technical cooperation, or working for Vietnamese press agencies in Vietnam... and foreigners who are not correspondents shall not be allowed to conduct press activities in the capacity of foreign correspondents. In special cases, they must apply for and get permission from the Ministry of Foreign Affairs.

B- FOREIGN CORRESPONDENTS CONDUCTING SHORT-TERM PRESS ACTIVITIES IN VIETNAM.

1. Foreign correspondents who want to enter Vietnam (or are invited by Vietnamese State agencies or organizations) to conduct short- term press activities as defined in Article 6 of the Regulation must write clearly in their CV their full name, the date, month and year of their birth, their nationality and passport number and the mass medium they work for.

If a correspondent carries a visa- exempt passport of a country which has signed an Agreement on Visa Exemption with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, he/she needs not apply for a visa, but he/ she still has to apply for permission to conduct press activities as stipulated above.

If his/her request for conducting press activities is granted, he/she will be issued an entry- exit visa by

Vietnam's diplomatic representation in the foreign country concerned (with regard to those who need a visa), or will get approval from the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs or Vietnam's diplomatic representation in the foreign country concerned (with regard to those who are exempt from visa). A correspondent may be granted a single or multiple entry - exit visa and his/her visa may be extended under Vietnam's entry and exit legislation.

2. The specialized agency of Vietnam which guides foreign correspondents in entering Vietnam to conduct short-term press activities as mentioned in Article 7 of the Regulation must be an agency approved by the Ministry of Foreign Affairs. The correspondent concerned must pay all expenses incurred in carrying out his/her program.

C. PERMANENT FOREIGN PRESS OFFICES AND CORRESPONDENTS.

1. A permanent foreign press office is the representative office of a foreign news agency or a written, spoken and video journal which is permitted to be based in Hanoi to conduct press activities in Vietnam.

2. A permanent foreign correspondents in Vietnam is one who officially and regularly works at a permanent foreign press office in Vietnam.

3. Applications for the establishment of permanent press offices in Vietnam stipulated in Article 8 of the Regulation shall be sent to the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs or to Vietnam's diplomatic representations in foreign countries. The Head of the news

or press agency concerned may empower a responsible person to sign the application. The Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs shall answer within 60 days after receiving the application.

4. The permanent foreign press offices should ensure their regular and continuous operation. If an office has no permanent correspondents for a continuous period of 180 days, the permit for opening the office shall automatically be invalidated.

5. Concerning the replacement or change of the number of correspondents stipulated in Article 10 of the Regulation: if an office wants to replace a correspondent or needs more correspondents for short-term assignment, it has to send an application to the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs. The Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs shall consider and settle case by case.

6. The foreign correspondent card mentioned in Article 12 of the Regulation shall be issued in compliance with the duration of time written in his/ her entry and exit permit. The permanent correspondent shall be issued multiple entry- exit visa valid for 6 months, which shall be extended if he/ she continues to work as permanent correspondents in Vietnam. Within 15 days at the latest before his/ her entry- exit visa expires, he/ she must apply for extension if he/ she continues to work as permanent correspondents in Vietnam. If he/ she loses his/ her foreign correspondent card, he/ she must notify the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs and apply for a new card.

7. While conducting press activities as stipulated in Article 13 of the Regulation, the correspondent must take along his/ her foreign correspondent card and the permit for conducting press activities and produce it to the authorities when necessary. When going to places outside Hanoi, he/she must contact the local external relations service before conducting his/her press activities.

The Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs shall consider case by case the requirements of these correspondents for conducting an urgent press activity.

With regard to press activities prompted by on-spot requirement outside what is granted in the permit, the correspondent must comply with the stipulations and guidance of the local authorities.

8. The Foreign Press Center of the Ministry of Foreign Affairs is the sole agency allowed to introduce and sign contracts for the supply of interpreters and assistants working for the permanent foreign press office in Vietnam as stipulated in Article 14 of the Regulation. These interpreters and assistants do not have the correspondents status, and therefore, shall not be allowed to conduct press activities as correspondents of the office.

9. A permanent foreign press office which wants to have its own seal for its activities should send its application to the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs so that the latter may introduce them to the specialized Vietnamese agencies for the completion of the necessary procedures in accordance with Vietnam's law.

D- FOREIGN CORRESPONDENTS ACCOMPANYING DELEGATIONS ON OFFICIAL VISIT TO VIETNAM AT THE INVITATION OF THE LEADERSHIP OF THE PARTY, THE STATE OR THE MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS; FOREIGN CORRESPONDENTS ACCOMPANYING FOREIGN DELEGATIONS ON THEIR WORKING VISITS TO VIETNAM AT THE INVITATION OF OTHER STAFF AGENCIES OF VIETNAM.

1. Foreign correspondents accompanying delegations on official visits to Vietnam at the invitation of the leadership of the Party, the State, or the Ministry of Foreign Affairs to report on the visits shall be regarded as unofficial members of these delegations. The host organization of Vietnam shall conduct the necessary entry- exit visa procedures and notify the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs to cooperate in managing them during their stay in Vietnam.

2. With regard to those foreign correspondents accompanying foreign delegations on official visits or working visits with other State agencies of Vietnam to report on the visits, the host organization of Vietnam shall have to fill the procedures with the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs in the same way as they do for those foreign correspondents entering Vietnam to conduct short- term press activities.

3. They must comply with the guidance of the Foreign Press Center of the Ministry of Foreign Affairs or the host organization which receives it if they are approved by the Ministry of Foreign Affairs.

E- IMPORT AND EXPORT OF EQUIPMENT FOR THE CONDUCT OF PRESS ACTIVITIES AND OF PUBLICATIONS BY THE PERMANENT FOREIGN PRESS OFFICES AND FOREIGN CORRESPONDENTS.

1. In addition to the stipulations in Article 18 of the

Regulation, a permanent foreign press office which wants to import, install and use audio- video equipment for direct satellite reception must send its request to the Information and Press Department of the Ministry of Foreign Affairs so that the latter may introduce it to the Ministry of Culture and Information to consider and grant permit.

2. With regard to other products not mentioned in Article 19, the correspondents must go through the import- export procedures at the specialized agencies of Vietnam.

III- PRESS ACTIVITIES OF FOREIGN AGENCIES AND ORGANIZATION IN VIETNAM

A- PUBLICATION AND DISTRIBUTION OF NEWS BULLETINS, DOCUMENTS AND OTHER PUBLICATION.

The publication and distribution of news bulletins and other publications by those agencies mentioned in this Article must comply with the Press Law, the publication Law and the other current stipulations of the Socialist Republic of Vietnam.

1. A " foreign representation" which wants to publish and distribute documents, books, newspapers, pictures, news bulletins or bulletin supplements, audio or video tapes, software programs... which carry information and press reports in Vietnamese or other languages must apply for a permit from the Ministry of Culture and Information (the Press Department) and notify the Ministry of Foreign Affairs (the Information and Press Department) thereof. The application must state clearly the aim, contents, name, periodical or not, language, format, printing house, circulation and target readers.

2. A "foreign agency" which wants to publish and

distribute documents, books, newspaper, pictures, news bulletins or bulletin supplements, audio or video tapes, software programs... which carry information and press reports in Vietnamese or other languages must apply for a permit from the Ministry of Culture and Information (the Press Department). The application must state clearly the aim, contents, name, periodical or not, format, printing house, circulation and target readers.

The publication and distribution of the above-mentioned documents and publications by the objects mentioned in Clauses 1 and 2 of this Article can be conducted only after receiving a permit from the Ministry of Culture and Information.

B- HOLDING A PRESS CONFERENCE AND INVITING VIETNAMESE CITIZENS

Holding a press conference means the following:

Foreign agencies, organizations, delegations or individuals invite representatives of Vietnamese press agencies, correspondents or citizens to attend a conference or a get-together to announce, explain or make a statement on a matter within their competence relating to their task and interests.

1. A "foreign representative office" which wants to hold a press conference must notify in writing the Ministry of Culture and Information thereof and informing the Ministry of Foreign Affairs of the contents, the time, the venue, the attendance, the sponsor and other relevant details such as displaying documents and exhibits, giving a film show or an artistic performance...

A "foreign representation" which has its offices in other

localities outside Hanoi must notify in writing the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government (the Culture and Information Services) and informing the External Relations Services thereof.

2. A "foreign representation" or a foreigner who wants to hold a press conference in a locality must register in writing with the People's Committee of that province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Service) at least 48 hours before the conference.

Within 24 hours after receiving the written notice, if the Ministry of Culture and Information or the People's Committee of that province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Service) has no objection, the press conference can be regarded as approved.

The Ministry of Culture and Information or the People's Committee of the province and city directly under the Central Government can refuse or cancel the press conference if they detect any sign of violation of the Press Law, the stipulations of Decree No. 133- HDBT of April 20, 1992, the Regulation issued together with Decree No. 67- CP of October 31, 1996 and this Circular.

3. The Press conferences of the foreign delegations officially visiting Vietnam at the invitation of the leadership of the Party, the State, the Government, the National Assembly or the Ministry of Foreign Affairs shall be held according to their plan. The host agency of Vietnam shall have to notify the Ministry of Culture and Information for cooperation in running it.

With regard to the holding of press conferences by those foreign delegations which visit Vietnam at the invitation of other Vietnamese agencies, the host agency of Vietnam shall have to notify in writing the Ministry of Culture and Information or the mandated Culture and Information Service.

C- MAKING SPEECHES OF PUBLISHING ARTICLES IN THE MASS MEDIA.

1. A "foreign representation" which wants to have its speech published or broadcast by the newspapers, the Radio and TV of Vietnam must notify in writing the Ministry of Culture and Information (the Press Department) and the Ministry of Foreign Affairs (the Information and Press Department) and send them the text of the article or the speech at least 48 hours in advance. The notice must state clearly the aim, the contents, the speaker, the writer and the press agency that will publish or broadcast it, and the time for publication or broadcasting. The "foreign representation" which has its speech published by the press or broadcast by the Radio or TV must notify the concerned People's Committee of the province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Service) and inform the External Relations Service thereof.

2. A "foreign agency" which wants to have its speech published or broadcast by the press, the Radio or TV of Vietnam must notify in writing the Ministry of Culture and Information (the Press Department) and sending it the text of the article or the speech at least 48 hours in advance. The notice must state clearly the aim, the contents, the speaker, the writer, the press agency that will publish or broadcast it, and the time for publication or broadcasting.

A "foreign agency" which wants to have its speech published or broadcast by the local press, Radio or TV must notify the concerned People's Committee of the province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Service).

D. DISPLAYING INFORMATION BILLBOARDS IN FRONT OF THE OFFICE.

1. A "foreign representation" which wants to put up information billboards before its office must apply for a permit from the Ministry of Culture and Information and notifying the Ministry of Foreign Affairs thereof. The application must state clearly the aim, contents, format and the place where the board will be installed.

In case a "foreign representation" has offices in other localities outside Hanoi, it must notify in writing the concerned People's Committees of the province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Services) and inform the External Relations Services thereof.

2. The "foreign agencies" mentioned in Clause 2, Article 23, of the Regulation which want to place their information billboards or put up their office signs in front of their offices must apply for a permit from the concerned People's Committee of the province or city directly under the Central Government (the Culture and Information Service).

The applicant must state clearly the aim, content, dimension of the board or office sign and the place where it will be installed or put up.

The application can install its information billboard or put up its office sign only after receiving a permit from the Ministry of Culture and Information or the People's Committee of the province or city, directly under the Central Government as prescribed.

Any change in the permit must be approved by the agency that has issued the permit.

E- FILM SHOW, EXHIBITIONS, SEMINARS AND OTHER ACTIVITIES RELATED TO INFORMATION AND PRESS ACTIVITIES.

1. A "foreign representation" which wants to organize a film show, exhibition, seminar or other activities related to information and press activities and to invite Vietnamese citizens to such events must apply for a permit from the Ministry of Culture and Information and notify the Ministry of Foreign Affairs thereof. The notice must state clearly the contents, the venue, the time set for the event, and the guests invited.

In case a "foreign representation" has offices in other localities outside Hanoi, it must notify in writing the People's Committees of the provinces or cities directly under the Central Government (the Culture and Information Services) and inform the External Relations Services.

2. Those "foreign agencies" mentioned in Clause 2, Article 24, of the Regulation which want to organize film shows, exhibitions, seminars and other activities relating to information and press activities and to invite Vietnamese citizens to the event must apply for a permit from the People's Committee of the province or city concerned directly under the Central Government (the Culture and Information Service) where the event is planned to be organized.

The application must state clearly the aim, contents, venue, the time, and the guests invited.

Such activities can be organized only after receiving the approval of the Ministry of Culture and Information or the People's Committee of the province or city directly under

the Central Government (the Culture and Information Service).

The Ministry of Culture and Information and the People's Committees of the provinces and cities directly under the Central Government can refuse or cancel all or part of the contents if they detect any sign of violation of the Press Law, Decree No. 133-HDBT of April 20, 1992, Decree No. 67-CP of October 31, 1996 and this Circular.

IV- ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION.

1. The Ministry of Culture and Information and the Ministry of Foreign Affairs shall have to popularize this Circular to all those it may concern while cooperating with the concerned agencies at both central and local levels to manage the conduct of such activities and handle any violations.

2. All those who are concerned shall have to fully implement the guidance provided in this Circular. Any violation shall be subject to sanctions according to the current stipulations of Vietnamese law depending on its seriousness.

3. This Circular takes effect from the date of its signing. All documents issued earlier by the Ministry of Culture and Information and the Ministry of Foreign Affairs which are contrary to this Circular are now annulled

FOR THE MINISTER OF CULTURE AND INFORMATION,

VICE MINISTER

LUU TRAN TIEU

FOR THE MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS,

VICE MINISTER,

VU KHOAN

31. NGHỊ ĐỊNH SỐ 60-CP NGÀY 6-6-1997 CỦA CHÍNH PHỦ

**Hướng dẫn thi hành các quy định của
Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có
yếu tố nước ngoài**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết ngày 28 tháng 10 năm 1995 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

Nghị định này hướng dẫn việc áp dụng pháp luật đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định trong Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Bộ luật dân sự Việt Nam).

"Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài" quy định trong Bộ luật dân sự Việt Nam là quan hệ dân sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài tham gia;
- Căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt ở nước ngoài;
- Tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài.

"Người nước ngoài" nói tại Điều này là người không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm công dân nước ngoài và người không có quốc tịch.

"Pháp nhân nước ngoài" nói tại Điều này là tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật nước ngoài.

Điều 2. Áp dụng pháp luật dân sự Việt Nam

Các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam được áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp áp dụng điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 3, áp dụng tập quán quốc tế theo quy định tại Điều 4 hoặc áp dụng pháp luật nước ngoài theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định việc áp dụng pháp luật khác với quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Áp dụng tập quán quốc tế

Trong trường hợp Bộ luật dân sự Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia không quy định, hoặc hợp đồng dân sự không có thoả thuận về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, thì áp dụng tập quán quốc tế về chọn pháp luật áp dụng. Nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế trái với các quy định của các điều từ Điều 2 đến Điều 11 của Bộ luật dân sự Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật Việt Nam, thì áp dụng pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Áp dụng pháp luật nước ngoài

1. Pháp luật nước ngoài được áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài trong các trường hợp:

a) Được Bộ luật dân sự Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam quy định;

b) Được điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định;

c) Được các bên thoả thuận trong hợp đồng, nếu thoả thuận đó không trái với các quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam và các văn bản pháp luật khác của Việt Nam.

2. Trong trường hợp việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài trái với các quy định tại các điều từ Điều 2 đến Điều 11 của Bộ luật dân sự Việt Nam và các nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật Việt Nam, thì áp dụng pháp luật Việt Nam.

3. Trong trường hợp áp dụng pháp luật nước ngoài theo quy định tại khoản 1 của Điều này mà pháp luật của nước đó dẫn chiếu trở lại pháp luật Việt Nam, thì áp dụng pháp luật Việt Nam; nếu pháp luật của nước đó dẫn chiếu đến

pháp luật của nước thứ ba thì áp dụng pháp luật của nước thứ ba.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Năng lực pháp luật dân sự của người nước ngoài

Người nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự tại Việt Nam như công dân Việt Nam, trừ trường hợp Bộ luật dân sự Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam quy định người nước ngoài không có khả năng có hoặc có không đầy đủ các quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự như công dân Việt Nam.

Điều 7. Năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài

1. Năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà người đó là công dân.

Năng lực hành vi dân sự của người không quốc tịch được xác định theo pháp luật của nước nơi người đó thường trú; nếu không có nơi thường trú, thì xác định theo pháp luật Việt Nam. Năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài có từ hai quốc tịch nước ngoài trở lên được xác định theo pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và thường trú tại thời điểm phát sinh quan hệ dân sự; nếu người đó không thường trú tại một trong các nước mà người đó có quốc tịch, thì xác định theo pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch và có mối liên hệ gắn bó nhất về mặt thân nhân hoặc tài sản;

2. Trong trường hợp người nước ngoài xác lập, thực hiện giao dịch dân sự tại Việt Nam, thì năng lực hành vi dân

sự của người nước ngoài được xác định theo quy định tại các điều từ Điều 19 đến Điều 25 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

Điều 8. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân nước ngoài.

1. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà pháp nhân đó có quốc tịch.

2. Trong trường hợp pháp nhân nước ngoài xác lập, thực hiện giao dịch dân sự tại Việt Nam, thì năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân nước ngoài được xác định theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

Điều 9. Quyền sở hữu tài sản

1. Việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu đối với tài sản được xác định theo pháp luật của nước nơi có tài sản đó trừ các trường hợp sau đây:

a) Việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu đối với tàu biển được xác định theo pháp luật của nước mà tàu biển đó mang cờ;

b) Quyền sở hữu đối với tàu bay được xác định theo pháp luật của nước nơi đăng ký tàu bay đó;

c) Quyền sở hữu đối với động sản trên đường vận chuyển được xác định theo pháp luật của nước nơi động sản được chuyển đến, nếu các bên không có thoả thuận khác.

2. Việc phân biệt tài sản là động sản hoặc bất động sản được xác định theo pháp luật của nước nơi có tài sản đó.

3. Tài sản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hưởng quyền miễn trừ tư pháp; nếu sử dụng vào mục đích kinh doanh thì không được hưởng quyền

miễn trừ tư pháp, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Điều 10. Hợp đồng dân sự

1. Hình thức của hợp đồng dân sự tuân theo pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng.

Trong trường hợp hợp đồng dân sự được giao kết ở nước ngoài mà vi phạm pháp luật của nước đó về hình thức hợp đồng nhưng phù hợp với quy định tại Điều 400 của Bộ luật dân sự Việt Nam, thì vẫn có hiệu lực tại Việt Nam về hình thức hợp đồng.

2. Quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng dân sự được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, nếu các bên không có thoả thuận khác. Trong trường hợp hợp đồng không ghi nơi thực hiện thì việc xác định nơi thực hiện hợp đồng phải tuân theo pháp luật Việt Nam.

3. Hợp đồng dân sự được giao kết tại Việt Nam và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam thì tuân theo các quy định tại các điều từ Điều 394 đến Điều 420 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

4. Hợp đồng dân sự liên quan đến bất động sản ở Việt Nam hoặc liên quan đến tàu bay tàu biển Việt Nam, thì tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự, Bộ Luật hàng hải, Luật hàng không dân dụng Việt Nam và các văn bản pháp luật khác của Việt Nam.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

1. Việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi xảy ra hành vi gây thiệt hại hoặc nơi phát sinh hậu quả thực tế của hành vi gây thiệt hại.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân Việt Nam, hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại vùng trời, vùng biển thuộc quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì việc bồi thường thiệt hại được xác định theo các quy định tại các điều từ Điều 609 đến Điều 633 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

2. Pháp luật áp dụng đối với việc bồi thường thiệt hại do tàu bay, tàu biển gây ra ở không phận quốc tế hoặc biển cả được xác định theo pháp luật Việt Nam về hàng không dân dụng và hàng hải.

3. Trong trường hợp hành vi gây thiệt hại xảy ra ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà người gây thiệt hại và người bị thiệt hại đều là công dân hoặc pháp nhân Việt Nam, thì việc bồi thường thiệt hại được xác định theo các quy định tại các điều từ Điều 609 đến 633 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

Điều 12. Quyền tác giả

1. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền tác giả của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học lần đầu tiên được công bố, phổ biến tại Việt Nam hoặc được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức nhất định tại Việt Nam, trừ trường hợp tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ theo quy định tại Điều 749 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

2. Tác giả là người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được bảo hộ quyền tác giả theo quy định tại khoản 1 của

Điều này có các quyền tác giả quy định tại các điều từ Điều 750 đến 766 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

3. Trong trường hợp điều ước quốc tế về bảo hộ quyền tác giả mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với các quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 13. Quyền sở hữu công nghiệp

1. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài đối với đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp văn bằng bảo hộ.

2. Việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài tại Việt Nam tuân theo quy định tại các điều từ Điều 788 đến 805 của Bộ luật dân sự Việt Nam.

3. Trong trường hợp điều ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với các quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 14. Chuyển giao công nghệ

1. Việc chuyển giao công nghệ tại Việt Nam giữa cá nhân, pháp nhân Việt Nam và người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài, việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài tuân theo các quy định tại các điều từ Điều 806 đến Điều 825 của Bộ luật dân sự Việt Nam và các văn bản pháp luật khác của Việt Nam về chuyển giao công nghệ.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế về chuyển giao công nghệ mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định tại khoản 1 của Điều này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M CHÍNH PHỦ
K.T THỦ TƯỚNG
Phó thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

**31. DECREE No. 60-CP DATED 6 JUNE,
1997 OF THE GOVERNMENT**
**Guiding the implementation of the
Regulations of the civil code concerning civil
relations involving foreign factors**

THE GOVERNMENT.

*Pursuant to the Law on Organization of the Government
of September 30, 1992;*

Pursuant to the Civil Code of October 28, 1995;

*Pursuant to the Resolution of October 28, 1995 of the
National Assembly on the implementation of the Civil Code;*

At the proposal of the Minister of Justice,

DECREES:

CHAPTER I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of regulation of the Decree.

This Decree guides the enforcement of law for the civil

relations involving foreign factors stipulated in the Civil Code of the Socialist Republic of Vietnam (Vietnam Civil Code for short).

" Civil relations involving foreign factors" stipulated in the Vietnam Civil Code are civil relations happening in one of the following conditions:

- With the participation of a foreigner or foreigners or a foreign legal person or foreign legal persons;
- The basis for their establishment and changes or termination is located in foreign countries.
- The properties related to these relations are located in a foreign country;

" Foreigners" stipulated in this Article are persons without Vietnamese nationality. They are foreign citizens or persons without nationality.

" Foreign legal person" stipulated in this Article is an organization having legal person status as defined by foreign law.

Article 2. Application of the Vietnam civil legislation.

Provisions of the Vietnam civil legislation shall apply to the civil relations involving foreign factors, unless they are regulated by international treaties as stipulated in Article 3, or international practice as stipulated in Article 4, or come under the jurisdiction of foreign laws as stipulated in Article 5 of this Decree.

Article 3. Application of international treaties.

In case an international treaty which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to provide for the application of laws other than defined by the Vietnam

Civil Code and the other legal documents of Vietnam, the provisions of the international treaty shall apply.

Article 4. Application of international practice.

In case the Vietnam Civil Code, other legal documents of Vietnam or the international treaty which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to have no relevant provisions, or there are no provisions in the civil contract for a juridical agreement on the application of the law concerning the civil relation involving foreign factors, the international practice on the choice of the law to be applied shall prevail. In case the application of international practice or the consequence of such application is contrary to the provisions of from Article 2 to Article 11 of the Vietnam Civil Code and other fundamental principles of Vietnam law, Vietnam law shall apply.

Article 5.- Application of foreign laws.

1. Foreign laws shall apply to the civil relations involving foreign factors in the following case:

a) It is stipulated in the Vietnam Civil Code and other legal documents of Vietnam;

b) It is stipulated by the international treaty which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to;

c) It is agreed upon by the parties to the contract unless such agreement is contrary to the provisions of the Vietnam Civil Code and other legal documents of Vietnam.

2. Where the application of foreign law or the consequence of such application is contrary to the stipulations from Article 2 to Article 11 of the Vietnam Civil Code and the other fundamental principles of Vietnam law, Vietnam law shall apply.

3. Where the law of a foreign country as provided for in Clause 1 of this Article is applied and such a law refers to the law of Vietnam, Vietnam law shall apply. Should the law of that country refers to the law of a third country, the law of the third country would apply.

CHAPTER II

CONCRETE STIPULATIONS

Article 6. Civil legal capacity of the foreigner or foreigners.

A foreigner shall have the same civil legal capacity in Vietnam as a Vietnamese citizen unless the Vietnam Civil Code and other legal documents of Vietnam stipulate that foreigners do not have the civil legal capacity or do not have the full civil rights and obligations as Vietnamese citizens.

Article 7. Civil act capacity of a foreigner.

1. The civil act capacity of a foreigner shall be determined according to the law of the country of which he/ she is a citizen.

The civil act capacity of a person without nationality shall be determined according to the law of the country where he/ she resides; in the absence of a permanent residence, it shall be determined according to Vietnam law. The civil act capacity of a foreigner having two or more foreign nationalities shall be determined according to the law of the country where he/ she has his/ her nationality and residence at the time when the civil relation arises; if he/ she does not reside in one of the countries where he/she

has his/ her nationality, it shall be determined according to the law of the country of which he/ she has his/ her nationality and with which he/ she has the closest relations in terms of personality or property.

2. In case the foreigner establishes and carries out his/ her civil transactions in Vietnam, his/ her civil act capacity shall be determined according to the provisions from Article 19 to Article 25 of the Vietnam Civil Code.

Article 8. Civil legal capacity of foreign legal persons.

1. The civil legal capacity of a foreign legal person shall be determined according to the law of the country where he/ she has his/ her nationality.

2. In case the foreign legal person establishes and carries out his/ her civil transactions in Vietnam, his/ her civil legal capacity shall be determined according to the stipulations in Article 96 of the Vietnam Civil Code.

Article 9. Property ownership right.

1. The establishment and termination of the property ownership right, the contents of the property ownership rights shall be determined according to the law of the country where this property is located except for the following cases:

a) The establishment and termination of the property ownership rights, the contents of the property ownership right over a sea- going ship shall be determined according to the law of the country of which this ship carries the flag;

b) The property ownership right over an airplane shall be determined according to the laws of the country where the plane is registered;

c) The ownership right over a movable property on the way of its transportation shall be determined according to the law of the country where this property is being moved to unless otherwise agreed upon by the parties;

2. The differentiation between a movable property and an immovable property shall be determined according to the law of the country which has this property.

3. The property of the State of Socialist Republic of Vietnam shall enjoy the right to legal immunity unless it is used for business purposes, except otherwise provided for by Vietnam law.

Article 10. Civil contract.

1. The form of a civil contract shall comply with the law of the country where the contract is signed.

In case the civil contract is signed in a foreign country and violates the law of that country on the form of contract but complies with the stipulations in Article 400 of the Vietnam Civil Code, it will remain effective in Vietnam as to the form of contract.

2. The right and obligations of the parties to a civil contract shall be determined according to the law of the country where the contract is carried out unless otherwise agreed upon by the parties. In case the contract does not specify the place of implementation the determination of this place shall have to comply with Vietnam law.

3. A civil contract committed in Vietnam and entirely carried out in Vietnam shall comply with the provisions of articles from Article 394 to Article 420 of the Vietnam Civil Code.

4. A civil contract related to an immovable property in

Vietnam or to a Vietnamese airplane or sea- going ship shall comply with provisions of the Civil Code, the Maritime Code and the Civil Aviation law of Vietnam and other legal documents of Vietnam.

Article 11. Out of contract compensation for damage.

1. Out - of - contract compensation for damage shall be determined according to the law of the country where the damaging act takes place or the place where practice consequences of this act happen.

In case a foreign organization or individual causes damage to the Vietnamese State or a Vietnamese organization or individual causes damage to a foreign organization or individual in an air space and sea area under the jurisdiction of the Socialist Republic of Vietnam, compensation for damage shall be determined according to the provisions from Article 609 to Article 633 of the Vietnam Civil Code.

2. The law to be applied to the compensation for the damage caused by airplanes and sea- going ships in the airspace and in the open sea shall be determined according to Vietnamese law on civil aviation and maritime navigation.

3. In case the damaging act takes place outside the territory of the Socialist Republic of Vietnam and the person causing the damage and the victim of the damage are both citizens or legal persons of Vietnam the compensation for the damage shall be determined according to the stipulations from Article 609 to Article 633 of the Vietnam Civil Code.

Article 12. Copyright

1. The State of the Socialist Republic of Vietnam protects

the copyright of foreigners and foreign legal persons over their works in literature, arts, and science which are published and distributed for the first time in Vietnam or created and performed in a given form in Vietnam unless such works are not protected by the State as stipulated in Article 749 of the Vietnam Civil Code.

2. An author who is a foreigner or foreign legal person who has his/ her copyright protected under Clause 1 of this Article shall also have his/ her copyright stipulated from Article 750 to Article 766 of the Vietnam Civil Code.

3. Where an international treaty on copyright which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to provide otherwise than the stipulations in Clause 1 and Clause 2 of this Article the stipulation of such international treaty shall prevail.

Article 13. Industrial property right.

1. The State of the Socialist Republic of Vietnam protects the industrial property right of foreigners and foreign legal persons over the objects of industrial property right which have already been issued the protection certificate by the competent agency or agencies of Vietnam.

2. The protection of the industrial property right of foreigners and foreign legal persons in Vietnam shall comply with the stipulations from Article 788 to Article 805 of the Vietnam Civil Code.

3. In case the international treaty on the protection of industrial property right which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to stipulates otherwise than the provisions in Clause 1 and Clause 2 of this Article, the provisions of the international treaty shall prevail.

Article 14. Transfer of technology.

1. The transfer of technology in Vietnam between a Vietnamese individual or legal person and a foreigner or a foreign legal person and the transfer of technology from a foreign country to Vietnam or from Vietnam to a foreign country shall comply with the provisions from Article 806 to Article 825 of the Vietnam Civil Code and the other legal documents of Vietnam on technological transfer.

2. In case the international treaty on technological transfer which the Socialist Republic of Vietnam has signed or acceded to provides otherwise than the provisions in Clause 1 of this Article, the international treaty shall prevail.

CHAPTER III

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 15. Implementation effect.

1. This Decree takes effect 15 days after its signing.

2. The Ministers, the Heads of the ministerial-level agencies, the Heads of the Agencies attached to the Government and the President of the People's Committees of the Provinces and cities directly under the Central Government shall have to implement this Decree.

FOR THE GOVERNMENT
FOR THE PRIME MINISTER
DEPUTY PRIME MINISTER
PHAN VAN KHAI

MỤC LỤC CONTENT

	<i>Trang/Page</i>
Chú dẫn của Nhà xuất bản	5
<i>Preface</i>	7
1/ Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam	9
<i>1/ Decree No. 82-CP dated 2 August, 1994 of the Government promulgating Regulations on the establishment and operation of the foreign economic organization representative offices in Vietnam</i>	21
2/ Nghị định số 197-CP ngày 2-11-1994 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 82-34/CP ngày 2-8-1994.	34
<i>2/ Decree No. 179-CP dated 2 November, 1994 of the Government on amendments and supplements to the Regulation on the establishment and operation of representative offices of foreign economic organizations in Vietnam issued in conjunction with Decree No. 82-CP dated 2 August, 1994</i>	36
3/ Thông tư số 03- TM/PC ngày 10-2-1995 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam	39

- 3/ Circular No. 03- TM/ PC dated 10 February, 1995 of the Ministry of Trade guiding the implementation of the Regulation on the setting up and operation of representative offices of foreign economic organizations in Vietnam. 56
- 4/ Thông tư số 01- NH5/TT ngày 28-4-1995 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện "Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam "đối với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng nước ngoài 75
- 4/ Circular No. 01-NH5/ TT dated 28 April, 1995 of the State Bank of Vietnam guiding the implementation of "Regulation on the establishment and operation of the regulation offices of foreign economic organizations in Vietnam " with regard to representative offices of foreign credit institutions and foreign bank 96
- 5/ Quy định tạm thời số 913/CAAV ngày 10-5-1994 của Cục trưởng Cục hàng không dân dụng Việt Nam về quản lý hoạt động bán chứng từ vận chuyển hàng không tại Việt Nam 117
- 5/ Provisional Regulations No.914/ CAAV dated 10 may, 1994 of the Head of the Civil Aviation administration of Vietnam on management of sale activities of air transport documents in Vietnam 151
- 6/ Thông tư số 100 TC/ TCT ngày 3-12-1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng lệ phí đặt và hoạt động của Văn phòng thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam 187

- 6/ Circular No. 100 TC/ TCT dated 3 December, 1993 191
of the Ministry of Finance guiding the collection,
management, utilization of fee of establishment and
operation of the foreign economic organization
representative offices in Vietnam
- 7/ Nghị định số 115- CP ngày 5-9-1994 của Chính 195
phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của trường
dạy nghề của nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ
nghĩa Việt Nam.
- 7/Decree No. 115- CP dated 5 September, 1994 of the 200
Government on the promulgation of the Regulation on
activities of foreign vocational training schools in the
Socialist Republic of Vietnam.
- 8/ Nghị định số 42-CP ngày 8-7-1995 của Chính phủ 206
ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của
tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.
- 8/ Decree No. 42-CP dated 8 July, 1995 of the 220
Government on enactment of the Regulation on legal
consulting practice of foreign law organization in
Vietnam.
- 9/ Thông tư số 791b- TT/LS/TVPL ngày 8-9-1995 của 235
Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quy chế hành nghề
tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại
Việt Nam.
- 9/ Circular No. 791b-TT/LS/TVPL dated 8 September, 249
1995 of the Ministry of Justice interpreting the
implementation of the Regulation on consulting
practice of foreign law firms in Vietnam.

10/ Thông tư liên bộ số 842-LB/TT ngày 21/9/1995 của Bộ Tư pháp- Tài chính quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, gia hạn hoạt động của chi nhánh, thay đổi nội dung giấy phép. 264

10/ Interministerial Circular No. 842- LB/ TT dated 21 September, 1995 of the Ministry of Justice and Ministry of Finance providing the regulations on the fee collection, administration and utilization concerning the granting licence to set up branch of foreign law firm in Vietnam, the extending the operation time of branch, the changing the licence's content. 269

11/ Thông tư số 4- TC/TCT ngày 23-1-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. 274

11/ Circular No. 4-TC/TCT dated 23 January, 1997 of the Ministry of Finance guiding a number of points in the taxation policy towards the branches of foreign lawyer's organizations operating in Vietnam 284

12/ Quyết định số 340-TTg ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. 295

12/ Decesion No. 340-TTg dated 24 May, 1996 of the Prime Minister promulgating Regulation on the operation of foreign non-government organization in Vietnam 305

13/ Nghị định số 56- CP ngày 18-9-1995 của Chính phủ ban hành Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam. 316

- 13/ *Decree No. 56-CP dated 18 September, 1995 of the Government promulgating Regulations on lease of houses in Vietnam by foreigners and overseas Vietnamese* 338
- 14/ Nghị định số 9- CP ngày 30-1-1997 của Chính phủ về việc sửa đổi điều 7 Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam. 361
- 14/ *Decree No. 9-CP dated 30 January, 1997 of the Government amending Article 7 of the Regulation on house renting in Vietnam by foreigners and overseas Vietnamese* 363
- 15/ Thông tư số 28/BXD-QLN ngày 16-11-1995 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà 365
- 15/ *Circular No. 28-BXD/QLN dated 16 November, 1995 of the Ministry of Construction guiding the management over activities of service businesses leasing premises to foreigner.* 371
- 16/ Quyết định số 62/ BXD- QLN ngày 1-3-1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế về việc cho đoàn ngoại giao thuê nhà tại Việt Nam 377
- 16/ *Decision No. 62/BXD-QLN dated 1 March, 1996 of the Ministry of Construction on the leasing of houses to the diplomatic corps in Vietnam* 383
- 17/ Công văn số 1055/ QHQT ngày 8-3-1996 của Chính phủ về việc thực hiện các hợp đồng cho người nước ngoài thuê nhà thuộc sở hữu của Nhà nước từ sau ngày 1-4-1996. 390

17/ Official Letter No. 1055/QHQT dated 8 March, 1996 of the Government on implementation of lease of State-owned houses to foreigners as from April, 1996 392

18/ Thông tư số 51-TC/CSTC ngày 9-9-1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản thu Ngân sách Nhà nước đối với hoạt động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam 394

18/ Circular No. 51-TC/CSTS dated 9 September, 1996 of the Ministry of Finance providing guidance on collecting fees for the State budget applicable to leasing houses to foreigners and overseas Vietnamese 409

19/ Thông tư số 11/LĐTBXH - TT ngày 3-5-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197-CP của Chính phủ về tiền lương đối với lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam. 425

19/Circular No 11/LĐTBXH--TT dated 3 May, 1995 of the Ministry of Labor - War invalids and Social affairs guiding the implementation of Decree No. 197/CP of the Government concerning the wages of Vietnamese labour in foreign invested enterprises and foreign or international agencies and organisations in Vietnam 438

20/ Quyết định số 385/LĐTBXH- QĐ ngày 1-4-1996 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về mức lương tối thiểu đối với người lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam 452

- 20/ Decision No. 385/LDTBXH-QĐ dated 1 April, 1996 455
of the Ministry of Labor, War invalids and Social
affairs on minimum wage of Vietnamese labourer
working in enterprises with foreign invested capital
and foreign offices, organizations, international
organization in Vietnam
- 21/ Công văn số 986/ LDTBXH- TL ngày 3-4-1996 của 458
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đính
chính Quyết định số 385/ LDTBXH - QĐ
- 21/ Official Letter No. 986/LDTBXH-TL dated 3 April, 459
1996 of the Ministry of Labour, War invalids and
Social affairs on amendment to Decision
No.385/LDTBXH-QĐ
- 22/ Nghị định số 58- CP ngày 3-10-1996 của Chính 460
phủ về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài
làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam
- 22/ Decree No. 58-CP dated 3 October, 1996 of the 469
Government on issuing a labour permit to foreigner
working in enterprise, organisation in Vietnam
- 23/ Thông tư số 09- LDTBXH/ TT ngày 18-3-1997 của 479
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực
hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài
làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam
- 23/ Circular No. 09-LDTBXH/TT dated 18 March, 1997 497
of the Ministry of Labour-War invalids and Social
affairs providing guidance for the granting of work
permit to foreigners working at enterprises and
organization in Vietnam
- 24/ Nghị định số 40- CP ngày 19-5-1994 của Chính 513
phủ ban hành Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh
nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

- 24/ Decree No. 40/CP dated 19 May, 1994 of the 522
Government on promulgating the Regulations to
establish representative offices of Vietnamese
enterprise in foreign contries.
- 25/ Nghị định số 09- CP ngày 21-1-1995 của Chính 532
phủ bổ sung Quy chế đặt Văn phòng đại diện doanh
nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo
Nghị định số 40/ CP ngày 19-5-1994.
- 25/ Decree No.09/CP dated 21 January, 1995 of the 534
Government providing addition to the Regulations on
the establishment of representative offices of
Vietnamese businesses in foreign countries
promulgated in attachment to Decreee No. 40/CP dated
19 May, 1994.
- 26/ Thông tư số 10-TM/ PC ngày 4-8-1994 của Bộ 536
Thương mại hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt Văn
phòng đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.
- 26/ Circular No.10-TM/PC dated 4 August, 1994 of 546
the Minisry of Trade guiding the implementation of
the Regulation on establishing overseas representatibe
offices of Vietnamese busineses.
- 27/ Thông tư số 05/TT- NH5 ngày 22-9-1995 của Ngân 556
hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện việc
đặt Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng Việt
Nam ở nước ngoài.
- 27/ Circular No. 05/TT-NH5 dated 22 Semtember, 1995 563
of State Bank of Vietnam on establishment of
representative offices of Vietnamese credit
organizations in foreign countries.
- 28/ Công văn số 423/ CV- VP ngày 8-11-1995 của 570
Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc đính chính,
bổ sung nội dung của Thông tư số 05/TT- NH5.

**29. NGHỊ ĐỊNH SỐ 67-CP NGÀY 31-10-1996
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Ban hành Quy chế hoạt động thông tin, báo
chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan,
tổ chức nước ngoài tại Việt Nam**

QUY CHẾ

**Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của
phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức
nước ngoài tại Việt Nam**

**(Ban hành kèm theo Nghị định số 60-CP ngày 31
tháng 10 năm 1996 của Chính phủ)**

29. DECREE No. 67- CP

**DATED 31 OCTOBER, 1996 OF THE
GOVERNMENT**

**Issuing the Regulation on the information and
press activities of foreign correspondents and
foreign agencies and organizations in Vietnam**

**REGULATION ON THE MANAGEMENT
OF THE INFORMATION AND PRESS
ACTIVITIES OF FOREIGN
CORRESPONDENTS AND FOREIGN
AGENCIES AND ORGANIZATIONS IN
VIETNAM**

*(issued together with Decree No.67- CP of October
31st, 1996 of the Government)*

30. THÔNG TƯ

**LIÊN BỘ SỐ 84-TT/LB NGÀY 31-12-1996 CỦA
BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN - NGOẠI GIAO**

**Hướng dẫn thi hành Quy chế Quản lý
hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên
nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài
tại Việt Nam**

**30. INTER- MINISTERIAL CIRCULAR
No. 84- TTLB DATED 31 DECEMBER, 1996
OF THE MINISTRY OF CULTURE AND
INFORMATION- THE MINISTRY OF
FOREIGN AFFAIRS**

**Guiding the implementation of the Regulation
on the management of Information and press
activities of foreign correspondents, foreign
agencies and organizations in Vietnam.**

**31. NGHỊ ĐỊNH SỐ 60-CP NGÀY 6-6-1997
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Hướng dẫn thi hành các quy định của
Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có
yếu tố nước ngoài**

**31. DECREE No. 60-CP DATED 6 JUNE,
1997 OF THE GOVERNMENT**

**Guiding the implementation of the
Regulations of the civil code concerning civil
relations involving foreign factors**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giáo sư TRẦN NHÂM

Biên tập:

PHẠM VIỆT

THU HOÀ

Trình bày sách, bìa: **DƯƠNG THÁI SƠN**

Sửa bản in:

PHÒNG SỬA BÀI

In 500 cuốn khổ 15x22cm tại xưởng in NXB Chính trị quốc gia.

Số xuất bản 18-866/CXB-QLXB ngày 7-10-1997

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 1998

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội.

ĐT 8252008

FAX : 84-4-251881

TÌM ĐỌC

PTS. CHU HỒNG THANH

- Quyền con người và Luật quốc tế về quyền con người.

NGUYỄN MINH ĐOAN

- Hiệu quả pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.

Thạc sĩ luật học PHẠM THANH BÌNH

- Những điều cần biết về quản lý và đăng ký hộ khẩu.

(Những quy định mới nhất)